Bộ Kinh Tăng Chi [Tăng Chi Kinh Bộ] - Quyển 4 [Catukka-Nipāta] (Bhikkhu Bodhi; Lê Kim Kha dịch)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

QUYỂN "BỐN" (Catukka-Nipāta)

ii • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

Về Bản Dịch AN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ- Đề (Bhikkhu Bodhi, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với bản dịch của nhà sư Ajahn Sujato.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh AN này gồm có 11 QUYỂN (nipāta) được đặt tên lần lượt là QUYỂN "MỘT" cho đến QUYỂN "MƯỜI MỘT", trong đó "Một"... vừa là tên của QUYỂN kinh (nói về một điều, một pháp, một người ...) vừa là số thứ tự của QUYỂN kinh. Mỗi QUYỂN lại có nhiều NHÓM kinh (vagga, phẩm), toàn bộ kinh AN này có 180 NHÓM kinh. Các QUYỂN 1, 2 và 11 đơn giản đánh số các NHÓM kinh từ 1 đến cuối. Các Quyển 3-10 thì gom các NHÓM kinh vào những PHẦN "Năm Mươi Kinh" (Đầu Tiên ... Thứ Tư) và có QUYỂN có thêm PHẦN "Năm Mươi Kinh Thêm" ở cuối. - Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó. - Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích cuối sách là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú-giải của các luận giảng kinh điển (như Mp, Mp-ṭ, Paṭis ...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu. - Trong phần chú-thích có chỉ dẫn các kinh chỉ ghi số như 3:101, 7:215 thì có nghĩa nó thuộc bộ kinh AN này; vì nếu thuộc bộ kinh khác thì đã ghi rõ là SN, MN, hay DN ... trước số kinh rồi. Và các số đầu như 3 và 7 chính là số QUYỂN 3 và 7 (tức là: Quyển AN 3 kinh 101, AN 7 kinh 215). - Một số chữ Hán-Việt đã được quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!, vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Ví dụ trong bộ kinh AN này, mỗi ngày dành ít thời gian đọc một số NHÓM bài kinh, thì

iv • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

trong một số ít ngày quý vị sẽ đọc hết một PHẦN, rồi một QUYỂN, rồi sẽ hết Bộ Kinh. Số kinh tóm-lược theo một mẫu-kinh là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần đọc lướt qua. Bản dịch bằng tiếng Việt phổ thông nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách-nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật.

- Do bộ kinh có 11 QUYỂN khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ QUYỂN nào để đọc. Nhưng nếu không ưu tiên hay cần đọc những chủ-đề nào trước, quý vị nên đọc theo thứ tự từ đầu tới cuối, như cách đã từng đọc một tiểu thuyết hay sách giáo khoa vậy.

+ Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa nên không cần đọc những chú-thích). ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú-thích thì người đọc có thể bị lạc khỏi ý chính của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc mới nên tra các chú-thích để hiểu. Còn nếu đã hiểu dễ dàng thì đơn giản đừng đọc những chú-giải, vì đa phần những chú-giải chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và trọn vẹn nhất từ xưa đến nay của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy. Nhà Bè, mùa mưa 2019 (PL 2564) (hoàn chỉnh và in cuối năm thảm dịch Covids 2021)

MỤC LỤC

Về Bản Dịch AN.....iii [Năm Mươi Kinh Đầu] ..... 1 NHÓM 1. LÀNG BHAṆḌA ..... 1 1 (1) Đã Hiểu..... 1

2 (2) Bị Rớt Khỏi 2

3 (3) Bị Hư Tổn (1) 3

4 (4) Bị Hư Tổn (2) 4

5 (5) Theo Dòng Chảy 5

6 (6) Người Ít Học..... 7

7 (7) Họ Làm Đẹp 9

8 (8) Sự Tự Tin 9

9 (9) Dục Vọng 11

10 (10) Sự Trói Buộc 11

NHÓM 2. ĐANG BƯỚC ĐI ..... 15 11 (1) Khi Đang Bước Đi 15

12 (2) Giới Hạnh 16

13 (3) Sự Chuyên Cần Tu..... 17

14 (3) Sự Kiềm Chế … 18

15 (5) Được Cho Là Bậc Nhất 20

16 (6) Sự Tinh Tế 20

17 (7) Đường Sai (1) 21

18 (8) Đường Sai (2) 22

19 (9) Đường Sai (3) 22

20 (10) Người Phân Phần Cơm Trưa 22

NHÓM 3. URUVELĀ ..... 23 21 (1) Ở Uruvelā (1) 23

22 (2) Ở Uruvelā (2) 25

23 (3) Thế Giới 28

24 (4) Kāḷaka 30

25 (5) Đời Sống Tâm Linh 32

26 (6) Những Người Lừa Dối 32

27 (7) Sự Biết Hài Lòng..... 33

28 (8) Truyền Thống Thánh Thiện 34

29 (9) Những Yếu Tố Của Giáo Pháp 36

30 (10) Những Du Sĩ..... 37

NHÓM 4. BÁNH XE ..... 40 31 (1) Bánh Xe 40

32 (2) Duy Trì 40

33 (3) Sư Tử 41

34 (4) Niềm Tin 43

35 (5) Bà-la-môn Vassakāra..... 44

36 (6) Bà-la-môn Doṇa 47

37 (7) Không Sa Sút 48

38 (8) Lui Về 51

39 (9) Bà-la-môn Ujjaya 52

40 (10) Bà-la-môn Udāyī 53

NHÓM 5. ROHITASSA ..... 54 41 (1) Sự Định Tâm 54

42 (2) Những Câu Hỏi 56

43 (3) Sự Tức Giận (1)..... 57

44 (4) Sự Tức Giận (2)..... 58

45 (5) Rohitassa (1) 59

46 (6) Rohitassa (2) 60

47 (7) Rất Xa Nhau 61

48 (8) Visākha 61

49 (9) Những Sự Đảo Điên 62

50 (10) Những Ô Nhiễm 64

[Năm Mươi Kinh Thứ Hai] ..... 67 NHÓM 1. NHỮNG DÒNG CHẢY PHƯỚC ĐỨC ..... 67 51 (1) Những Dòng Phước Đức (1) 67

52 (2) Những Dòng Phước Đức (2) 68

53 (3) Sống Chung (1) 70

54 (4) Sống Chung (2) 72

55 (5) Sống Giống Nhau (1) 72

56 (6) Sống Giống Nhau (2) 74

57 (7) Suppavāsā 74

58 (8) Sudatta 75

59 (9) Thức-ăn 76

60 (10) Sự Thực Hành Đúng Đắn Của Người Tại Gia 76

NHÓM 2. NHỮNG VIỆC LÀM XỨNG ĐÁNG 77

viii • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

61 (1) Những Việc Làm Xứng Đáng 77

62 (2) Không Bị Nợ Nần..... 81

63 (3) Sống Với Vị Trời … 83

64 (4) Địa Ngục 84

65 (5) Dựa Theo Thân Sắc … 84

66 (6) Có Tham Dục … 85

67 (7) Rắn 86

68 (8) Đề-Bà-Đạt-Đa 87

69 (9) Sự Phấn Đấu 88

70 (10) Bất Chính 89

NHÓM 3. KHÔNG THỂ LẦM LỖI ..... 90 71 (1) Sự Phấn Đấu 91

72 (2) Cách Nhìn 91

73 (3) Người Xấu: Cô Dâu 91

74 (4) Bậc Nhất (1) 94

75 (5) Bậc Nhất (2) 94

76 (6) Kusinārā 94

77 (7) Những Vấn Đề Không Thể Nghĩ Tới..... 95

78 (8) Những Sự Cúng Dường 96

79 (9) Việc Làm Ăn 97

80 (10) Kamboja 98

NHÓM 4. KHÔNG LAY CHUYỂN ..... 98 81 (1) Sát Sinh 98

82 (2) Nói Dối 98

83 (3) Chê Bai 99

84 (4) Sự Tức Giận 99

85 (5) Bóng Tối 100

86 (6) Cúi Xuống 101

87 (7) Con Trai Cả (bốn loại sa-môn) 102

88 (8) Những Gông Cùm (bốn loại sa-môn) 104

89 (9) Chánh Kiến ... (bốn loại sa-môn) 105

90 (10) Các Uẩn (bốn loại sa-môn)..... 106

NHÓM 5. A-TU-LA..... 107 91 (1) Những A-tu-la 108

92 (2) Định ... (1) 108

93 (3) Định ... (2) 109

94 (4) Định … (3) 110

95 (5) Như Gỗ Hỏa Táng 111

96 (6) Tham … 112

97 (7) Nhanh Trí 113

98 (8) Vì Phúc Lợi Của Mình 115

99 (9) Những Giới Luật Tu Hành..... 115

100 (10) Potaliya 116

[Năm Mươi Kinh Thứ Ba] ..... 119 NHÓM 1. MÂY..... 119 101 (1) Mây (1) 119

102 (2) Mây (2) 120

103 (3) Những Cái Bình 121

x • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

104 (4) Những Hồ Nước 122

105 (5) Xoài 123

106 (6) Xoài 124

107 (7) Chuột 125

108 (8) Bò 126

109 (9) Cây Cối 127

110 (10) Rắn 128

NHÓM 2. KESI ..... 130 111 (1) Kesi 130

112 (2) Tốc Độ 132

113 (3) Gậy Thúc Ngựa 133

114 (4) Voi Đực 136

115 (5) Việc Mình Làm 138

116 (6) Sự Chuyên Chú 139

117 (7) Sự Phòng Hộ 140

118 (8) Truyền Cảm Hứng 140

119 (9) Những Hiểm Họa (1) 141

120 (10) Những Hiểm Họa (2) 141

NHÓM 3. NHỮNG HIỂM HỌA ..... 141 121 (1) Phải Tự Trách Mình 141

122 (2) Hiểm Họa Bị Sóng Cuốn 143

123 (2) Sự Khác Biệt (1) 146

124 (4) Sự Khác Biệt (2) 148

125 (5) Tâm Từ (1) 149

126 (6) Tâm Từ (2) 152

127 (7) Kỳ Lạ (1) 153

128 (8) Kỳ Lạ (2) 154

129 (9) Kỳ Lạ (3) 155

130 (10) Kỳ Lạ (4) 156

NHÓM 4. NGƯỜI ..... 157 131 (1) Những Gông Cùm 157

132 (2) Sự Nhận Định 158

133 (3) Thuộc Loại Hiểu Nhanh 159

134 (4) Sự Cố Gắng 159

135 (5) Tội Lỗi 159

136 (6) Giới Hạnh ... (1) 160

137 (7) Giới Hạnh ... (2) 160

138 (8) Tách Ly Để Tu 161

139 (9) Người Thuyết Pháp 162

140 (10) Những Người Nói..... 162

NHÓM 5. NHỮNG HÀO QUANG ..... 163 141 (1) Những Hào Quang..... 163

142 (2) Những Sự Chiếu Sáng 163

143 (3) Những Ánh Sáng 163

144 (4) Những Sự Tỏa Sáng..... 163

145 (5) Những Thứ Chiếu Sáng 164

146 (6) Những Thời Lúc (1) 164

147 (7) Những Thời Lúc (2) 164

148 (8) Hành Vi (1) 165

149 (9) Hành Vi (2) 165

150 (10) Những Cốt Lõi 165

[Năm Mươi Kinh Thứ Tư] ..... 167 NHÓM 1. CÁC CĂN ..... 167 151 (1) Các Căn 167

152 (2) Năng Lực Niềm Tin ... (các lực) 167

153 (3) Năng Lực Trí Tuệ 167

154 (4) Năng Lực Chánh Niệm 167

155 (5) Năng Lực Quán Xét 167

156 (6) Những Đại Kiếp..... 168

157 (7) Bệnh 168

158 (8) Sa Sút 169

159 (9) Tỳ Kheo Ni 170

160 (10) Một Bậc Phúc Lành 173

NHÓM 2. NHỮNG CÁCH THỨC TU TẬP ..... 176 161 (1) Ngắn Gọn 176

162 (2) Chi Tiết..... 176

163 (3) Sự Không Hấp Dẫn 177

164 (4) Nhẫn (1) 179

165 (5) Nhẫn (2) 181

166 (6) Cả Hai 181

167 (7) Mục-Kiền-Liên 182

168 (8) Xá-Lợi-Phất 183

xiii

169 (9) Thông Qua Sự Cố Gắng 183

170 (10) Kết Hợp Với Nhau 185

NHÓM 3. CỐ-Ý ..... 186 171 (1) Sự Cố Ý 186

172 (2) Sự Phân Tích 189

173 (3) Câu-Hi-La 191

174 (4) Ānanda 192

175 (5) Upavāṇa 192

176 (6) Mong Cầu 194

177 (7) Rāhula 194

178 (8) Hồ Giữ Nước 195

179 (9) Niết-Bàn 197

180 (10) Những Sự Tham Chiếu Lớn 198

NHÓM 4. NHỮNG BÀ-LA-MÔN ..... 201 181 (1) Chiến Binh 201

182 (2) Người Bảo Đảm..... 203

183 (3) Đã Nghe 203

184 (4) Không Sợ Hãi 205

185 (5) Những Sự Thật Của Bà-La-Môn 207

186 (6) Sự Tinh Nhạy 209

187 (7) Vassakāra 211

188 (8) Upaka 214

189 (9) Sự Chứng Ngộ 215

190 (10) Ngày Bố-Tát 215

xiv • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

NHÓM 5. NHÓM LỚN ..... 218 191 (1) Nghe Theo Bằng Tai 218

192 (2) Những Điều Thật 221

193 (3) Ông Bhaddiya 225

194 (4) Thị Trấn Sāpūga 230

195 (5) Ông Vappa 232

196 (6) Ông Sāḷha 236

197 (7) Hoàng Hậu Mallikā 239

198 (8) Hành Hạ Bản Thân 242

199 (9) Dục Vọng 250

200 (10) Tình Cảm 252

[Năm Mươi Kinh Thứ Năm] ..... 257 NHÓM 1. NGƯỜI TỐT ..... 257 201 (1) Những Giới Luật Tu Hành 257

202 (2) Không Có Niềm Tin 258

203 (3) Bảy Hành Động 259

204 (4) Mười Hành Động 259

205 (5) Tám Phần Tu (của Bát Thánh Đạo) 260

206 (6) Mười Phần Tu 261

207 (7) Tính Cách Xấu (1)..... 261

208 (8) Tính Cách Xấu (2)..... 262

209 (9) Tính Cách Xấu (3)..... 262

210 (10) Tính Cách Xấu (4)..... 263

NHÓM 2. LÀM ĐẸP CHO HỘI CHÚNG 264

xv

211 (1) Hội Chúng 264

212 (2) Cách Nhìn 264

213 (3) Không Biết Ơn 265

214 (4) Sát Sinh 265

215 (5) Đạo (1) 265

216 (6) Đạo (2) 265

217 (7) Cách Nói Ra (1) 266

218 (8) Cách Nói Ra (2) 266

219 (9) Không Biết Xấu Hổ Về Mặt Đạo Đức 266

220 (10) Không Có Trí 267

NHÓM 3. HÀNH VI THIỆN ..... 267 221 (1) Hành Vi Sai 267

222 (2) Cách Nhìn 267

223 (3) Không Biết Ơn 268

224 (4) Sát Sinh 268

225 (5) Đạo (1) 269

226 (6) Con Đường (2) 269

227 (7) Cách Nói Ra (1) 269

228 (8) Cách Nói Ra (2) 270

229 (9) Không Biết Xấu Hổ Về Mặt Đạo Đức 270

230 (10) Không Có Trí 270

231 (11) Thi Sĩ 271

NHÓM 4. NGHIỆP ..... 271 232 (1) Một Cách Ngắn Gọn 271

233 (2) Một Cách Chi Tiết 271

234 (3) Bà-la-môn Soṇakāyana..... 273

235 (4) Những Giới Luật Tu Hành (1) 274

236 (5) Những Giới Luật Tu Hành (2) 275

237 (6) Tám Chi Thánh Đạo 275

238 (7) Bảy Chi Giác Ngộ 276

239 (8) Đáng Chê Trách 276

240 (9) Không Gây khổ đau..... 277

241 (10) Những Sa-môn 277

242 (11) Những Ích Lợi Của Một Người Tốt 278

NHÓM 5. NHỮNG HIỂM HỌA CỦA SỰ PHẠM TỘI ..... 279 243 (1) Sự Chia Rẽ 279

244 (2) Những Sự Phạm Tội 280

245 (3) Sự Tu Tập 283

246 (4) Tư Thế Nằm..... 285

247 (5) Đáng Được Xây Bảo Tháp..... 285

248 (6) Tăng Trưởng Trí Tuệ 286

249 (7) Hữu Ích 286

250 (8) Những Tuyên Bố (1) 286

251 (9) Những Tuyên Bố (2) 286

252 (10) Những Tuyên Bố (3) 287

253 (11) Những Tuyên Bố (4) 287

NHÓM 6. SỰ HIỂU BIẾT TRỰC TIẾP ..... 287 254 (1) Sự-Biết Trực Tiếp 287

xvii

255 (2) Những Sự Tìm Kiếm 288

256 (3) Duy Trì 289

257 (4) Māluṅkyāputta..... 289

258 (5) Những Gia Đình..... 290

259 (6) Thuần Chủng (1) 291

260 (7) Thuần Chủng (2) 292

261 (8) Những Năng Lực 292

262 (9) Sống Tu Trong Rừng 292

263 (10) Hành Động 293

NHÓM 7. NHỮNG ĐƯỜNG NGHIỆP ..... 293 264 (1) Sát Sinh 293

265 (2)273 (10) Gian Cắp … 294

NHÓM 8. NHÓM "THAM" LẶP LẠI & TÓM LƯỢC ..... 295 274 (1) Bốn Nền Tảng Chánh Niệm (tứ niệm xứ) 295

275 (2) Bốn Sự Chuyên-cần tu Đúng Đắn (tứ chánh cần) 295

276 (3) Bốn Cơ Sở Thần Thông (tứ thần túc) 296

277 (4)303 (30) 296

304 (31)783 (510) 296

BẢNG VIẾT TẮT ..... 299 CHÚ THÍCH 305

Kính Lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!

[Năm Mươi Kinh Đầu]

NHÓM 1. LÀNG BHAṆḌA

1 (1) Đã Hiểu Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Vajji (Bạt-kỳ), ở làng Bhaṇḍa. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo!" "Dạ, thưa Thế Tôn!", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:618 "Này các Tỳ kheo, chính do không hiểu được và không thâm nhập bốn điều cho nên ta và các thầy đã lang thang và trôi giạt trong quãng thời gian dài thăm thẳm như vậy.619 "Này các Tỳ kheo, chính do không hiểu được và không thâm nhập giới-hạnh thánh thiện,

thiền-định [sự định-tâm] thánh thiện, trí-tuệ thánh thiện, và sự giải-thoát thánh thiện cho nên ta và các thầy đã lang thang và trôi giạt trong quãng thời gian dài thăm thẳm như vậy. “Thánh giới-hạnh đã được hiểu và được thâm nhập. Thánh thiền-định đã được hiểu và được thâm nhập. Thánh trí-tuệ đã được hiểu và được thâm nhập. Thánh giải-thoát đã được hiểu và được thâm nhập. Dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái) đã bị cắt đứt; đường dẫn tới hiện-hữu đã bị phá hủy;620 từ nay không còn sự tái hiện-hữu nữa.” Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vầy:

2 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

“Giới-hạnh, thiền-định, trí-tuệ; (giới, định, tuệ)
Và sự giải-thoát vô thượng:
Cồ-đàm, bậc lừng lẫy,
Đã tự mình hiểu hết những điều đó.
“Sau khi đã trực-tiếp biết những điều đó,
Phật đã chỉ dạy Giáo Pháp cho các Tỳ kheo.
Vị Thầy, người đã làm nên sự diệt-khổ,
Là bậc có Tầm-Nhìn, đã chứng ngộ Niết-bàn.”621

2 (2) Bị Rớt Khỏi Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, người không có bốn điều thì coi như đã bị rớt khỏi Giáo Pháp và giới luật này. Bốn đó là gì? (1) Một người không có giới- hạnh thánh thiện thì coi như đã bị rớt khỏi Giáo Pháp và giới luật này. (2) Người không có thiền-định [sự định-tâm] thánh thiện … (3) Người không có trí-tuệ thánh thiện … (4) Người không có sự giải-thoát thánh thiện thì coi như đã bị rớt khỏi Giáo Pháp và giới luật này. “Nhưng, này các Tỳ kheo, người có được bốn điều thì được coi là an toàn trong Giáo Pháp và giới luật này. Bốn đó là gì? (1) Người có được 622

giới-hạnh thánh thiện thì được coi là an toàn trong Giáo Pháp và giới luật này. (2) Người có được thiền-định thánh thiện … (3) Người có được trítuệ thánh thiện … (4) Người có được sự giải-thoát thánh thiện thì được coi là an toàn trong Giáo Pháp và giới luật này.” Bị sụp đổ và sa ngã, Kẻ tham bị rớt khỏi (Giáo Pháp), Thì quay trở lại (thế tục). (Còn người) đã làm xong trách phận, Vui thích điều đáng vui thích, Thì được đạt tới hạnh phúc bởi sự hạnh phúc.623

•3

3 (3) Bị Hư Tổn (1) (I) “Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất thì người ngu, dở, xấu cứ duy trì làm bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại (về đức hạnh, về tâm); người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều thất-đức. Bốn đó là gì? (1) “Không điều tra và suy xét kỹ, người đó nói lời khen người đáng bị chê trách. (2) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó nói lời chê người đáng được khen ngợi. (3) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó tin một vấn đề đáng bị nghi ngờ. (4) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó nghi ngờ một vấn đề đáng được tin chắc. Có bốn phẩm chất này thì người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại; người đó là đáng chê trách và bị quở trách bởi

những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều thất đức. (II) “Này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất, người trí, giỏi, tốt thiện duy trì bản thân mình không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không bị chê trách (không tội lỗi) và không bị quở trách bởi những bậc hiền trí; và người đó tạo nhiều phước-đức. Bốn đó là gì? (1) “Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó nói lời chê trách người đáng bị chê trách. (2) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó nói lời khen ngợi người đáng được khen ngợi. (3) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó nghi ngờ một vấn đề còn đáng nghi ngờ. (4) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó tin một vấn đề đáng được tin chắc. Có được bốn phẩm chất này, người trí, giỏi, tốt thiện duy trì bản thân mình không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không bị chê trách và không bị quở trách bởi những bậc hiền trí; và người đó tạo nhiều phước-đức.” Người đó khen người đáng bị chê,624 Hoặc chê người đáng được khen Với (tà) khẩu ném một cú ném xui rủi Do đó không tìm thấy an lạc.

Chỉ là một cú ném con súc sắc không may
Nhưng kết quả thua sạch tài sản,
[Mất sạch] tất cả, kể cả bản thân mình;
Nhưng cú ném này còn xui rủi hơn nhiều:
Là sự chấp chứa sự thù ghét đối với những bậc thánh.625
Suốt thời gian dài 436 ngàn nirabbuda,
Cộng 05 abbuda, 626
Người vu khống những thánh nhân sẽ bị đọa trong địa ngục
Sau khi đã phỉ báng họ bằng những lời lẽ và ý nghĩ tà ác.”
4 (4) Bị Hư Tổn (2) (I) “Này các Tỳ kheo, do đối xử sai trái với bốn người, người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại (về đức hạnh, về tâm); người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều thất-đức. Bốn đó là gì? (1) Đối xử sai trái với mẹ, thì người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại; người đó là đáng chê trách và bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều thất đức. (2) Đối xử sai trái với cha … (3) Đối xử sai trái với Như Lai … (4) Đối xử sai trái với đệ tử của Như Lai … Do đối xử sai trái với bốn người này, người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại; người đó là đáng chê trách và bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều thất-đức. (II) “Này các Tỳ kheo, do đối xử đúng đắn với bốn người, người trí, giỏi, tốt thiện giữ bản thân mình không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không bị chê trách (không tội lỗi) và không bị quở trách bởi những bậc hiền trí; và người đó tạo nhiều phước đức. Bốn đó là gì? (1) Đối xử đúng đắn với mẹ, thì người trí, giỏi, tốt thiện giữ bản thân mình không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không bị chê trách và không bị quở trách bởi những bậc hiền trí; và người đó tạo nhiều phước-đức. (2) Đối xử đúng đắn

•5

với cha … (3) Đối xử đúng đắn với Như Lai … (4) Đối xử đúng đắn với đệ tử của Như Lai … Do đối xử đúng đắn với bốn người này, người trí, giỏi, tốt thiện giữ bản thân mình không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không bị chê trách và không bị quở trách bởi những bậc hiền trí; và người đó tạo nhiều phước-đức.” Người cư xử sai trái với cha mẹ, Với Như Lai, hay đệ tử của Như Lai, Thì tạo nhiều thất-đức. Do hành vi bất chính với cha mẹ, Bậc trí hiền phê phán loại người đó trong thế gian, Sau khi chết người đó bị đày trong cảnh giới cùng khổ. Người cư xử đúng đắn với cha mẹ, Với Như Lai, hay đệ tử của Như Lai, Thì tạo nhiều phước-đức. Nhờ sự hành xử chân chính với cha mẹ, Bậc trí hiền khen ngợi loại người đó trong thế gian này, Sau khi chết người đó hưởng phúc trong cõi trời.627

5 (5) Theo Dòng Chảy “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người đi theo dòng chảy; người đi ngược dòng chảy; người vững chắc ở bên trong; và bà-la-môn đứng trên nền đất cao, sau khi đã vượt qua và vượt trên.628 (1) “Và cái gì là người đi theo dòng chảy? Ở đây, có người mê đắm những khoái-lạc giác quan (dục lạc) và làm những việc xấu ác. Đây được gọi là người đi theo dòng chảy. (2) “Và cái gì là người đi ngược dòng chảy? Ở đây, có người không mê đắm những khoái-lạc giác quan và không làm những việc xấu ác. Dù bị đau khổ hay ưu buồn đến giàn giụa nước mắt, người đó vẫn sống đời

sống tâm linh trong sạch và toàn thiện. Đây được gọi là người đi ngược dòng chảy. (4) “Và cái gì là người vững chắc ở bên trong? Ở đây, có người, với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (đầu tiên; hạ phần kiết sử), đã thành bậc tái sinh tự động (trong một cõi Tịnh cư thiên) và rồi sẽ chứng luôn Niết-bàn ở đó, chứ không quay lại thế gian này nữa (bậc Bất-lai). Đây được gọi là người vững chắc ở bên trong. (5) “Và cái gì là bà-la-môn đứng trên nền đất cao (chỗ an toàn), sau khi đã vượt qua (bờ bên kia) và vượt trên (luân hồi). Ở đây, có người, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí- tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây được gọi là người đã vượt qua và đã vượt khỏi, là bà-la-môn đứng trên nền đất cao. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.” Người thiếu kiểm soát về dục-lạc, Không từ bỏ nhục-dục, khoái hưởng dục-lạc, Thì tái tục quay lại629 cảnh sinh-già, Chìm đắm trong dục-vọng, Đó là “người buông xuôi theo dòng”. Do vậy, người có trí biết thiết lập sự chánh-niệm, Không nương thân nơi dục-lạc hay những việc làm xấu ác, Mà nên từ bỏ dục-lạc, cho dù phải chịu nhiều đau khổ: Đó được gọi là “người lội ngược dòng”. Người đã dẹp bỏ năm ô-nhiễm, Là học nhân đã hoàn thành,630 đã bất khả thối lui, Đã chứng đắc sự làm-chủ cái tâm, Với các căn đều điềm tĩnh: Đó được gọi là “người vững chắc ở bên trong”. Người đã thấu ngộ mọi thứ cao, thứ thấp,

•7

Đã đốt sạch chúng, nên chúng đã tiêu mất,
Không còn tồn tại nữa:

Bậc sa-môn đó đã sống được đời sống tâm linh,
Đã đạt tới sự chấm-dứt khỏi thế gian:
Đó được gọi là “người đã vượt qua, vượt khỏi”.

6 (6) Người Ít Học “Này các Tỳ kheo, bốn loại này người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Một người học ít không có ý định (dụng ý, mục đích) về những điều mình đã học; người học ít có ý định về những điều mình đã học; người học nhiều không có ý định về những điều mình đã học; và người học nhiều có ý định về những điều mình đã học. (1) “Và theo cách nào là một người học ít không có ý định về những điều mình đã học? Ở đây, có người đã học ít—từ nhiều thể loại—kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bổn sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp631—và người đó không hiểu ý nghĩa của những điều mình đã học; người đó không hiểu được Giáo Pháp; và người đó không thực hành đúng theo Giáo Pháp. Theo cách như vậy là một người học ít không có ý định về những điều mình đã học. (2) “Và theo cách nào là một người học ít có ý định về những điều mình đã học? Ở đây, có người đã học ít—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi … và kinh vấn đáp—nhưng người đó hiểu ý nghĩa của những điều mình đã học; người đó hiểu được Giáo Pháp; và người đó thực hành đúng theo Giáo Pháp. Theo cách như vậy là một người ít học có ý định về những điều mình đã học. (3) “Và theo cách nào là một người học nhiều không có ý định về những điều mình đã học? Ở đây, có người đã học nhiều—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi … và kinh vấn đáp—nhưng người đó không hiểu ý nghĩa của những điều mình đã học; người đó không hiểu được Giáo

Pháp; và người đó không thực hành đúng theo Giáo Pháp. Theo cách như vậy là một người học nhiều không có ý định về những điều mình đã học. (4) “Và theo cách nào là một người học nhiều có ý định về những điều mình đã học? Ở đây, có người đã học nhiều—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi … và kinh vấn đáp—và người đó hiểu ý nghĩa của những điều mình đã học; người đó hiểu được Giáo Pháp; và người đó thực hành đúng theo Giáo Pháp. Theo cách như vậy là một người học nhiều có ý định về những điều mình đã học. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.” Người ít học, và không ổn định về những giới-hạnh, Người khác chỉ trích người đó về cả hai mặt đó. Giới-hạnh và sự học-hiểu. Người học ít, nhưng thiện khéo ổn định về những giới-hạnh, Người khác khen ngợi người đó về giới-hạnh, Và sự học ít mà thành công.632 Người học nhiều, nhưng không ổn định về những giới-hạnh, Người khác chê bai người đó vì phần thiếu giới-hạnh, Và sự học nhiều mà không thành công. Người học nhiều, và ổn định về những giới-hạnh, Người khác khen ngợi người đó về cả hai mặt đó. Giới-hạnh và sự học-hiểu.

Khi một đệ tử của Phật là người học nhiều học cao,
Là một người thông thạo về Giáo Pháp,
Được phú cho trí-tuệ,
Thì giống như đồng tiền được đúc từ vàng núi được tinh luyện,

Thì ai còn có thể chê trách vị đó?
Ngay cả những thiên thần cũng khen ngợi vị ấy,
Ngay cả Trời Brahmā cũng khen ngợi vị ấy.
•9

7 (7) Họ Làm Đẹp “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này là giỏi, có kỷ luật, tự tin, có học hiểu, thông thạo về Giáo Pháp, thực hành đúng theo Giáo Pháp, là họ làm đẹp cho Tăng Đoàn. Bốn đó là gì? (1) “Một Tỳ kheo là giỏi, có kỷ luật, tự tin, có học hiểu, thông thạo về Giáo Pháp, thực hành đúng theo Giáo Pháp, là người đó làm đẹp cho Tăng Đoàn. (2) Một Tỳ kheo ni là giỏi … (3) Một đệ tử tại gia nam là giỏi … (4) Một đệ tử tại gia nữ là giỏi, có kỷ luật, tự tin, có học hiểu, là thông thạo về Giáo Pháp, thực hành đúng theo Giáo Pháp, là người đó làm đẹp cho Tăng Đoàn. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người là giỏi, có kỷ luật, tự tin, có học hiểu, thông thạo về Giáo Pháp, thực hành đúng theo Giáo Pháp, là họ làm đẹp cho Tăng Đoàn.” Một người tu là giỏi và tự tin, Học nhiều, thông thạo về Giáo Pháp, Thực hành đúng theo Giáo Pháp, Thì người đó là sự làm đẹp cho Tăng Đoàn. Một Tỳ kheo thành tựu về giới-hạnh, Một Tỳ kheo ni có sự học-hiểu, Một đệ tử tại gia nam được phú cho niềm-tin, Một đệ tử tại gia nữ được phú cho niềm-tin: Đó là những người làm đẹp cho Tăng Đoàn; Họ là những sự tô điểm cho Tăng Đoàn.

8 (8) Sự Tự Tin “Này các Tỳ kheo, có bốn loại sự tự-tin mà Như Lai có được, do có được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời Brahma (= bánh xe Giáo Pháp).633 Bốn đó là gì?

10 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

(1) “Ta không thấy có căn cứ nào dựa vào đó một tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay trời Brahmā hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý nếu phê phán ta như vầy: ‘Ông tuyên bố mình đã giác- ngộ toàn thiện, nhưng ông chưa giác-ngộ toàn thiện về những điều đó.’ Do ta không thấy có căn cứ nào như vậy nên ta sống an toàn, không sợ hãi, và tự tin. (2) “Ta không thấy có căn cứ nào dựa vào đó một tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay trời Brahmā hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý nếu phê phán ta như vầy: ‘Ông tuyên bố mình đã tiêu diệt ô-nhiễm, nhưng ông chưa tiêu diệt mọi ô-nhiễm.’ Do ta không thấy có căn cứ nào như vậy nên ta sống an toàn, không sợ hãi, và tự tin. (3) “Ta không thấy có căn cứ nào dựa vào đó một tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay trời Brahmā hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý nếu phê phán ta như vầy: ‘Những điều ông cho là những chướng-ngại thì không phải là chướng ngại cho những người thực hành (dính tới) chúng.’ Do ta không thấy có căn cứ nào như vậy nên ta sống an toàn, không sợ hãi, và tự tin. (4) “Ta không thấy có căn cứ nào dựa vào đó một tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay trời Brahmā hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý nếu phê phán ta như vầy: ‘Giáo Pháp không đưa người thực hành nó đi tới sự diệt-khổ, là mục tiêu mà vì nó ông đã chỉ dạy Giáo Pháp đó.’634 Do ta không thấy có căn cứ nào như vậy nên ta sống an toàn, không sợ hãi, và tự tin. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn sự tự-tin mà Như Lai có

được, do có được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời Brahma.” Những căn cứ khác nhau, Những tu sĩ và bà-la-môn đã dựa vào, Để phê phán này nọ,

• 11

Cũng không đụng được đến Như Lai:
Là bậc tự-tin, bậc đã vượt trên những lối mòn của giáo điều.635
Là bậc toàn-thiện, đã vượt trên [mọi sự thế gian],
Người đã thiết lập sự chuyển dịch bánh xe Giáo Pháp,
Vì sự bi-mẫn đối với chúng sinh.
Chúng sinh kính lễ một bậc như vậy:
Là bậc nhất trong những thiên thần và loài người,
Là bậc đã vượt thoát khỏi sự hiện-hữu.
9 (9) Dục Vọng “Này các Tỳ kheo, có bốn cách dục-vọng khởi sinh bên trong một Tỳ kheo. Bốn đó là gì? Dục-vọng khởi sinh bên trong một Tỳ kheo vì chuyện y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, hay vì muốn được sự-sống ở đây hay ở nơi khác.636 Đây là bốn cách dục-vọng khởi sinh bên trong một Tỳ kheo.” Với dục-vọng như hình bóng đồng hành, Một người lang thang trôi giạt thăm thẳm. Từ trạng thái (kiếp) này tới trạng thái khác, Không thoát khỏi luân-hồi sinh tử. Sau khi nhìn thấy sự nguy-hại— Rằng dục-vọng chính là nguồn-gốc của khổ đau— Một Tỳ kheo nên lang thang một cách có chánh-niệm, Không còn dục-vọng, không còn nắm-chấp.

10 (10) Sự Trói Buộc (I) “Này các Tỳ kheo, có bốn sự trói-buộc này. Bốn đó là gì? Sự trói buộc của nhục-dục, sự trói buộc của sự hiện-hữu, sự trói buộc của quan- điểm này nọ, và sự trói buộc của vô-minh. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự trói buộc của nhục-dục? Ở đây, có người không hiểu được nguồn-gốc (sinh, có) và sự phai-biến (diệt, hết),

sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đúng như chúng thực là. Khi một người không hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì tham-muốn nhục dục (thuộc giác quan), sự khoái-thích nhục dục, sự luyến-ái nhục dục, sự mê-đắm nhục dục, sự thèm-khát nhục dục, sự đam-mê nhục dục, sự dính-chấp nhục dục, và dục-vọng nhục dục (dục ái) cứ nằm sâu bên trong người đó đối với/vì những khoái-lạc giác quan. Đây được gọi là sự trói buộc của nhục-dục. (2) “Đó là sự trói buộc của nhục-dục. Và cái gì là sự trói buộc của sự hiện-hữu? Ở đây, có người không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với những trạng thái hiện- hữu.637 Khi một người không hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì tham-muốn được hiện-hữu, sự khoái-thích hiện-hữu, sự mê- đắm được hiện-hữu, sự thèm-khát được hiện-hữu, sự đam-mê được hiện- hữu, sự dính-chấp theo sự hiện-hữu, và dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái) cứ nằm sâu bên trong người đó đối với những trạng thái hiện-hữu. Đây được gọi là sự

trói buộc của sự hiện-hữu. (3) “Đó là sự trói buộc của nhục-dục và sự trói buộc của sự hiện-hữu. Và cái gì là sự trói buộc của những quan-điểm này nọ (tà kiến)? Ở đây, có người không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với những quan-điểm này nọ. Khi một người không hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì tham- muốn vì những quan-điểm, sự khoái-thích những quan-điểm, sự mê-đắm vì những quan-điểm, sự thèm-khát vì những quan-điểm, sự đam-mê vì những quan-điểm, sự dính-chấp theo những quan-điểm, và dục-vọng vì những quan-điểm (kiến ái) cứ nằm sâu bên trong người đó đối với những quan-điểm này nọ. Đây được gọi là sự trói buộc của những quan-điểm này nọ. (4) “Đó là sự trói buộc của nhục-dục, sự trói buộc của sự hiện-hữu, và sự trói buộc của những quan-điểm này nọ. Và cái gì là sự trói buộc của vô-minh? Ở đây, có người không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự

thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với sáu cơ-sở (để) tiếp-xúc (sáu giác-quan). Khi một người không hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì sự vô-minh và sự không-biết cứ nằm sâu bên trong người đó đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc. Đây được gọi là sự trói buộc của vô- minh. “Đó là sự trói buộc của nhục-dục, sự trói buộc của sự hiện-hữu, và sự trói buộc của những quan-điểm này nọ, và sự trói buộc của vô-minh. “Một người bị gông cùm bởi những trạng thái bất thiện xấu ác—là những thứ làm ô nhiễm người đó, đưa đến sự tái hiện-hữu mới (tái sinh), gây khó khổ, chín muồi thành sự khổ đau, dẫn tới sự sinh-già-chết trong tương lai—thì người đó được cho là ‘không được an toàn thoát khỏi sự trói-buộc’. Đó là bốn sự trói-buộc.

(II) “Này các Tỳ kheo, có bốn sự cắt-đứt sự trói buộc này. Bốn đó là gì? Sự cắt đứt sự trói buộc của nhục-dục, sự cắt đứt sự trói buộc của sự hiện-hữu, sự cắt đứt sự trói buộc của quan-điểm này nọ, và sự cắt đứt sự trói buộc của vô-minh. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt đứt sự trói buộc của nhục- dục? Ở đây, có người hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với những khoái-lạc giác quan (dục lạc) đúng như chúng thực là. Khi một người hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì tham-muốn nhục dục (thuộc giác quan), sự khoái- thích nhục dục, sự luyến-ái nhục dục, sự mê-đắm nhục dục, sự thèm-khát nhục dục, sự đam-mê nhục dục, sự dính-chấp nhục dục, và dục-vọng nhục dục (dục ái) không nằm bên trong người đó đối với những khoái-lạc giác quan. Đây được gọi là sự cắt đứt sự trói buộc của nhục-dục. (2) “Đó là sự cắt đứt sự trói buộc của nhục-dục. Và cái gì là sự cắt đứt sự trói buộc của sự hiện-hữu? Ở đây, có người hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với những trạng thái hiện-hữu. Khi một người hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì tham-muốn được hiện-hữu, sự khoái-thích hiện-hữu, sự mê-

đắm được hiện-hữu, sự thèm-khát được hiện-hữu, sự đam-mê được hiện- hữu, sự dính-chấp theo sự hiện-hữu, và dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái) không nằm

bên trong người đó đối với những trạng thái hiện-hữu. Đây được gọi là sự cắt đứt trói buộc của sự hiện-hữu. (3) “Đó là sự cắt đứt sự trói buộc của nhục-dục và sự cắt-đứt sự trói buộc của sự hiện-hữu. Và cái gì là sự cắt đứt sự trói buộc của những quan- điểm này nọ (tà kiến)? Ở đây, có người hiểu được nguồn-gốc và sự phai- biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với những quan- điểm này nọ. Khi một người hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì tham-muốn vì những quan-điểm, sự khoái-thích những quan- điểm, sự mê-đắm vì những quan-điểm, sự thèm-khát vì những quan-điểm, sự đam-mê vì những quan-điểm, sự dính-chấp theo những quan-điểm, và dục-vọng vì những quan-điểm (kiến ái) không nằm bên trong người đó đối với những quan-điểm này nọ. Đây được gọi là sự cắt đứt sự trói buộc của những quan-điểm này nọ. (4) “Đó là sự cắt đứt sự trói buộc của nhục-dục, sự cắt đứt sự trói buộc của sự hiện-hữu, và sự cắt đứt sự trói buộc của những quan-điểm này nọ. Và cái gì là sự cắt đứt sự trói buộc của vô-minh? Ở đây, có người hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát- khỏi đối với sáu cơ-sở (để) tiếp-xúc (sáu giác-quan). Khi một người hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là, thì sự vô-minh và sự không- biết không nằm sâu bên trong người đó đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc. Đây được gọi là sự cắt đứt sự trói buộc của vô-minh. “Đó là sự cắt đứt sự trói buộc của nhục-dục, sự cắt đứt sự trói buộc của sự hiện-hữu, sự cắt đứt sự trói buộc của những quan-điểm này nọ, và sự cắt đứt sự trói buộc của vô-minh. “Một người tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện xấu ác—là những thứ làm ô nhiễm người đó, đưa đến sự tái hiện-hữu mới (tái sinh), gây khó khổ, chín muồi thành sự khổ đau, dẫn tới sự sinh-già-chết trong tương lai—thì người đó được cho là ‘được an toàn thoát khỏi sự trói-buộc’. Đó là bốn sự cắt-đứt trói buộc.”

• 15

Bị gông cùm bởi sự trói buộc của nhục-dục, và
Sự trói buộc của sự hiện-hữu,
Bị gông cùm bởi những tà-kiến,
Do vô-minh dẫn đầu,
Nên chúng sinh cứ đi mãi trong luân-hồi,
Sinh tử, tử sinh.
Nhưng sau khi đã thấu hiểu,
Những khoái-lạc giác quan,
Sự trói buộc của sự hiện-hữu;
Sau khi đa bứng bỏ sự trói-buộc của những tà-kiến,
Và đã hóa giải sự vô-minh,
Những bậc mâu-ni đã cắt đứt mọi sự trói-buộc;
Họ đã vượt khỏi sự trói-buộc.638

NHÓM 2. ĐANG BƯỚC ĐI

11 (1) Khi Đang Bước Đi … 639 (I) (1) Này các Tỳ kheo, nếu một ý nghĩ tham-dục, một ý nghĩ ác-ý, hay một ý nghĩ gây-hại khởi sinh bên trong một Tỳ kheo trong khi người đó

đang bước đi (như: đang đi bộ, đang đi thiền), và người đó dung dưỡng nó, chứ không dẹp bỏ nó, xua tan nó, chấm dứt nó và xóa sổ nó, thì Tỳ kheo đó được cho là không có sự nhiệt-thành (của một người tu) và sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức; người đó là thường xuyên và liên tục lười-biếng và thiếu nỗ-lực (tinh tấn) trong khi đang bước đi. (2) "Nếu một ý nghĩ tham-dục ... khởi sinh bên trong một Tỳ kheo khi người đó đang đứng ... (3) Nếu một ý nghĩ tham-dục ... khởi sinh bên trong một Tỳ kheo khi người đó đang ngồi ... (4) Nếu một ý nghĩ tham- dục ... khởi sinh bên trong một Tỳ kheo khi đang nằm [chưa ngủ], và người đó dung dưỡng nó, chứ không dẹp bỏ nó, xua tan nó, chấm dứt nó

và xóa sổ nó, thì Tỳ kheo đó được cho là không có sự nhiệt-thành (của một người tu) và sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức; người đó là thường xuyên và liên tục lười-biếng và thiếu nỗ-lực (tinh tấn) trong khi đang đứng ...

đang ngồi ... đang nằm."

Dù đang đi hay đang đứng,

Đang ngồi hay đang nằm,

Tỳ kheo nào nghĩ những ý-nghĩ xấu ác,

Của đời sống tại gia,

Coi như đã dính vào con đường tai hại,

Còn mê theo những thứ giả lừa:

Người đó không thể nào đạt đến sự giác-ngộ cao nhất.

Nhưng khi đang đi hay đang đứng,

Đang ngồi hay đang nằm,

Tỳ kheo nào làm lắng lặn những ý-nghĩ (bất thiện),

Và vui thích việc làm lắng lặn những ý-nghĩ đó:

Người như vậy thì có thể đạt đến sự giác-ngộ cao nhất.

12 (2) Giới Hạnh "Này các Tỳ kheo, hãy sống giữ giới theo giới-hạnh, giữ giới theo Pātimokkha [Giới Luật Tỳ Kheo]. Hãy sống được kiềm chế bởi Pātimokkha, có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt lành, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, hãy tu tập theo những điều giới luật đó. Nếu đã làm được như vậy, các thầy còn làm thêm gì nữa? (1) "Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo đã trừ bỏ tham-dục và sự ác-ý trong khi đi; nếu người đó dẹp bỏ luôn sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ;640 nếu sự nỗ-lực (tinh tấn) của người đó được phát khởi chứ yếu xìu; nếu sự chánh-niệm của người đó được thiết lập và không bị lăng xăng; nếu thân người đó được tĩnh-lặng và không bị quấy động; nếu tâm người đó đạt-định và đạt nhất-điểm, thì Tỳ kheo đó được

cho là nhiệt-thành và biết sợ-hãi việc làm sai trái; người đó là thường trực và liên tục nỗ-lực và kiên-định trong khi đang đi. (2) "Nếu một Tỳ kheo đã trừ bỏ tham-dục và sự ác-ý trong khi đang đứng ... (3) Nếu một Tỳ kheo đã trừ bỏ tham-dục và sự ác-ý trong khi đang ngồi ... (4) Nếu một Tỳ kheo đã trừ bỏ tham-dục và sự ác-ý trong khi đang nằm

[chưa ngủ]; nếu người đó dẹp bỏ luôn sự đờ-đẫn và buồn- ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ; nếu sự nỗ-lực (tinh tấn) của người đó được phát khởi chứ không yếu xìu; nếu sự chánh-niệm của người đó được thiết lập và không bị lăng xăng; nếu thân người đó được tĩnh-lặng và không bị quấy động; nếu tâm người đó đạt-định và đạt nhất-điểm, thì Tỳ kheo đó được cho là nhiệt-thành và biết sợ-hãi việc làm sai trái; người đó là thường trực và liên tục nỗ-lực và kiên-định trong khi đang đứng … đang ngồi … đang nằm." Khi đi biết kiềm chế, Khi đứng biết kiềm chế, Khi ngồi và khi nằm biết kiềm chế, Biết kiềm chế khi co chân, Biết kiềm chế khi duỗi chân. Trên, dưới, dọc, ngang, Đến tận cùng thế giới, Người đó xem xét kỹ càng sự sinh-diệt Của những hiện-tượng như vậy là những đống (uẩn). Tu tập theo những điều (giáo pháp), Đưa đến sự vắng-lặng (định) của tâm, luôn có chánh-niệm, Người ta gọi một Tỳ kheo như vậy: Là một người thường trực kiên-định.

13 (3) Sự Chuyên Cần Tu "Này các Tỳ kheo, có bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn (tứ chánh cần)? Bốn đó là gì? (1) Ở đây, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn

không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh, người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), ứng dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện đã khởi sinh … (iii) Người đó khởi tạo mong- muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh … (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, ứng dụng tâm, và chuyên-cần tu. Đây là bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn." Những ai chuyên-cần tu một cách đúng đắn, Sẽ vượt qua cõi Ma Vương [Māra]; Họ không còn bị dính buộc, Đã vượt qua nỗi sợ-hãi về sinh-tử. Họ mãn nguyện, không còn bị khích-động, Đã chinh phục Ma Vương và yên cương của hắn; Những bậc hạnh-phúc đó đã chinh phục Tất cả những đạo quân của Namuci [tức Ma Vương].641

14 (3) Sự Kiềm Chế … "Này các Tỳ kheo, có bốn sự chuyên-cần tu (tinh cần) này. Bốn đó là gì? Sự chuyên-cần tu bằng sự kiềm-chế, sự chuyên-cần tu bằng sự dẹp-bỏ, sự chuyên-cần tu bằng sự tu-tập, và sự chuyên-cần tu bằng sự phòng-hộ. (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chuyên-cần tu bằng sự kiềm- chế? Ở đây, khi nhìn thấy một hình sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu (tướng) và những đặc-điểm (nét) của nó. Bởi vì, nếu người đó để mắt không được kiềm chế thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập sự kiềm-chế nó, người đó phòng-hộ căn mắt, người đó đảm trách sự kiềm-chế căn mắt.

"Khi nghe thấy một âm-thanh … ngửi thấy một mùi-hương … nếm thấy một mùi-vị … cảm thấy một đối tượng chạm xúc với thân … nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu (tướng) và những đặc-điểm

(nét) của nó. Bởi vì, nếu người đó để tâm không được kiềm chế thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập sự kiềm-chế nó, người đó phòng-hộ căn tâm, người đó đảm trách sự kiềm-chế căn tâm. (2) “Và cái gì là sự chuyên-cần tu bằng sự dẹp-bỏ? Ở đây, một Tỳ kheo không dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh; người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, chấm dứt nó, và xóa sổ nó. “Người đó không dung dưỡng một ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh … một ý nghĩ gây-hại đã khởi sinh … những trạng thái bất thiện xấu ác mỗi khi chúng khởi sinh; người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, chấm dứt nó, và xóa sổ nó. Đây được gọi là sự chuyên-cần tu bằng sự dẹp-bỏ. (3) “Và cái gì là sự chuyên-cần tu bằng sự tu-tập? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm), [sự tu tập đó] dựa trên sự (sống) tách-ly (ẩn dật), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. “Người đó tu tập chi giác-ngộ là sự phân-giải những hiện-tượng (trạch pháp) … sự nỗ-lực (tinh tấn) … sự hoan-hỷ (hỷ) … sự tĩnh-lặng (khinh an) … sự định-tâm (định) … sự buông-xả (xả), [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Đây được gọi là sự chuyên-cần tu bằng sự tu-tập. (4) “Và cái gì là sự chuyên-cần tu bằng sự phòng-hộ? Ở đây, một Tỳ kheo phòng hộ một đối-tượng thiền rất tốt (là cơ sở) cho sự định-tâm: (đó là) sự nhận-thức về một bộ xương người, sự nhận-thức về một tử thi bị giòi đục, sự nhận-thức về một tử thi đã tái xanh, sự nhận-thức về một tử thi đang thúi mũ, sự nhận-thức về một tử thi đang nứt chảy, sự nhận-thức về một tử thi đang phồng trướng.642 Đây được gọi là sự chuyên-cần tu

bằng sự phòng-hộ.
“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại sự chuyên-cần tu.”
Sự kiềm-chế và sự dẹp-bỏ,
Sự tu-tập và sự phòng-hộ:
Đây bốn sự chuyên-cần tu (tứ cần) đã được chỉ dạy
Bởi bậc Hậu Duệ Mặt Trời (tức chỉ Phật).
Bằng những cách này một Tỳ kheo nhiệt thành ở đây,
Có thể chứng ngộ sự diệt-khổ.
15 (5) Được Cho Là Bậc Nhất “Này các Tỳ kheo, có bốn sự tuyên bố về những người là bậc nhất. Bốn đó là gì? “Bậc nhất về thân-sống là Rāhu, vua của những quỷ thần a-tu-la [asura].643 (2) Bậc nhất về thụ hưởng dục-lạc là Vua Mandhātā.644 (3) Bậc nhất về quyền hành là Ma Vương Ác Ma. (4) Trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và Trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác được tuyên bố là bậc nhất. Đây là bốn sự tuyên bố về những ai là bậc nhất.” Rāhu là bậc nhất về thân-sống, Vua Mandhātā là bậc nhất về thụ hưởng dục-lạc, Ma Vương là bậc nhất trong những kẻ cai-trị, Sáng chói với quyền lực và vinh quang. Trong thế giới này có những thiên thần, Trên, dưới, dọc, ngang, Đến tận cùng thế giới, Đức Phật được cho là bậc nhất.

16 (6) Sự Tinh Tế

• 21

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại sự tinh tế này.645 Bốn đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo có được sự tinh tế tuyệt vời (cao nhất) về thể-sắc. Người đó không còn nhận thức bất kỳ sự tinh tế nào khác về thể-sắc tốt hơn hay siêu vi hơn sự tinh tế đó; người đó không khát nguyện có được bất kỳ sự tinh tế nào khác về thể-sắc tốt hơn hay siêu vi hơn sự tinh tế đó. (2) Người đó có được sự tinh tế tuyệt vời về cảm-giác (thọ) … (3) … sự tinh tế tuyệt vời về nhận-thức (tưởng) … (4) … sự tinh tế tuyệt vời về những sự tạo-tác cố ý (hành) … Người đó không còn nhận thức bất kỳ sự tinh tế nào khác về thể-sắc tốt hơn hay siêu vi hơn sự tinh tế đó; người đó không khát nguyện có được bất kỳ sự tinh tế nào khác về thể-sắc tốt hơn hay siêu vi hơn sự tinh tế đó. “Đây là bốn loại sự vi tế.” Sau khi đã biết sự tinh tế về thể-sắc, Sự khởi sinh của những cảm-giác, Cách mà nhận-thức khởi sinh, Và nơi nó biết mất; Sau khi đã biết những sự tạo-tác cố ý: Chỉ là ‘kẻ lạ’, là ‘khổ’, và không phải cái ‘ta’, Là đích thực Tỳ kheo đó đã nhìn thấy một cách đúng đắn,646 Được bình an và vui thích trạng thái bình an. Vị ấy mang thân cuối cunhf của mình, Sau khi đã chinh phục Ma Vương và yên cương của hắn.

17 (7) Đường Sai (1) “Này các Tỳ kheo, có bốn cách khiến người ta chọn đường sai. Bốn đó là gì? Người chọn đường sai vì tham, vì sân, vì si, hay vì sợ-hãi. Đó là bốn cách khiến người ta chọn đường sai.” Nếu bởi vì tham, sân, si hay sợ-hãi, Khiến người ta ngược ngạo với Giáo Pháp, Danh tiếng người đó càng lúc càng tiêu giảm,

Như trăng trong hai tuần tối khuyết.

18 (8) Đường Sai (2) “Này các Tỳ kheo, có bốn cách giúp người ta không chọn đường sai. Bốn đó là gì? Người không chọn đường sai vì tham, vì sân, vì si, hay vì sợ-hãi. Đó là bốn cách giúp người ta không chọn đường sai.” Nếu không vì tham, sân, si hay sợ-hãi, Thì người ta không ngược ngạo với Giáo Pháp, Danh tiếng người đó càng lúc càng đầy lên, Như trăng trong hai tuần sáng đầy.

19 (9) Đường Sai (3) [Lời kinh này là lời của hai kinh kế trên gộp lại, và phần thi kệ là thi kệ của hai kinh đó gộp lại.]

20 (10) Người Phân Phần Cơm Trưa “Này các Tỳ kheo, nếu một người phân phần cơm trưa647 có bốn phẩm chất này thì người đó bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người đó chọn đường sai vì tham, vì sân, vì si, hay vì sợ-hãi. Nếu một người phân phần cơm trưa có bốn phẩm chất như vậy thì người đó bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, nếu một người phân phần cơm trưa có được bốn phẩm chất này thì người đó được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Người đó không chọn đường sai vì tham, vì sân, vì si, hay vì sợ-hãi. Nếu một người phân phần cơm trưa có-được bốn phẩm chất như vậy thì người đó được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Những người không được kiểm soát về những dục-lạc,

• 23

Những người không chân chính, không kính trọng Giáo Pháp,
Cứ lạc lối bởi tham, sân, và sợ-hãi,648
Thì được gọi là hội chúng nhơ nhiễm.
Bậc Sa-Môn là người-biết (tức Phật) đã nói như vậy.
Bởi vậy, nhóm người tốt thiện thì đáng khen ngợi,
Họ vững chắc về Giáo Pháp, không làm điều xấu,
Không bị lạc lối bởi tham, sân, và sợ-hãi,
Thì được gọi là hội chúng ưu tú.
Bậc Sa-Môn là người-biết đã nói như vậy.
NHÓM 3. URUVELĀ

21 (1) Ở Uruvelā (1) Tôi nghe như vầy.649 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvat- thī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, trong một lần khi ta đang sống ở Uruvelā, chỗ gốc cây đa đề [banyan, nigrodha] của những người chăn dê bên bờ sông Ni- liên-thiền [Neranjarā], ngay sau khi ta chứng ngộ sự toàn-giác. Lúc đó, trong khi ta đang ở một mình trong sự tách-ly như vậy, một tiến trình ý nghĩ đã khởi sinh trong tâm ta như vầy: ‘Thật là khổ nếu sống không có sự tôn vinh và kính trọng (người khác). Giờ có tu sĩ hay bà-la-môn nào để ta có thể tôn vinh, kính trọng, và sống dựa (tùy thuộc) vào người đó?’ “Rồi điều này đã xảy đến với ta: (1) ‘Nếu đống (uẩn) giới-hạnh của ta là chưa toàn thiện, để hoàn thiện nó ta sẽ tôn vinh, kính trọng, và sống dựa

vào một tu sĩ hay bà-la-môn khác. Tuy nhiên, trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương và Trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, ta không thấy có một tu sĩ hay bà-la-môn nào khác đã hoàn thiện hơn ta về giới-hạnh để ta có thể tôn vinh, kính trọng, và sống dựa vào người đó. (2) “‘Nếu đống thiền-định của ta là chưa toàn thiện, để hoàn thiện nó tôi sẽ tôn vinh, kính trọng, và sống dựa vào một tu sĩ hay bà-la-môn khác. Tuy nhiên … ta không thấy có một tu sĩ hay bà-la-môn nào khác đã hoàn thiện hơn ta về thiền-định để ta có thể tôn vinh, kính trọng, và sống dựa vào người đó. (3) “‘Nếu đống trí-tuệ của ta là chưa toàn thiện, để hoàn thiện nó ta sẽ tôn vinh, kính trọng, và sống nương dựa vào một tu sĩ hay bà-la-môn khác. Tuy nhiên … ta không thấy có một tu sĩ hay bà-la-môn nào khác đã hoàn thiện hơn ta về trí-tuệ để ta có thể tôn vinh, kính trọng, và sống dựa vào người đó. (4) “Nếu đống giải-thoát của ta là chưa toàn thiện, để hoàn thiện nó ta sẽ tôn vinh, kính trọng, và sống nương dựa vào một tu sĩ hay bà-la-môn khác. Tuy nhiên … ta không thấy có một tu sĩ hay bà-la-môn nào khác đã hoàn thiện hơn ta về sự giải-thoát để ta có thể tôn vinh, kính trọng, và sống dựa vào người đó. “Ý này đã xảy đến với ta: ‘Vậy thì ta chỉ tôn vinh, kính trọng, và sống dựa theo Giáo Pháp này, mà đối với nó ta đã được hoàn toàn giác-ngộ.’ “Lúc đó vị trời Brahmā Sahampati,

sau khi bằng tâm mình biết được sự phản chiếu trong tâm ta, đã vụt biến mất khỏi cõi trời và hiện ra ngay trước ta, nhanh như một người khỏe mạnh duỗi hay co cánh tay. Vị trời xếp lại phần y áo trên một vai, đầu gối phải quỳ xuống mặt đất, kính lễ ta, và nói: 'Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Thưa Thế Tôn, những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác trong quá khứ—những bậc Thế Tôn đó đã tôn vinh, kính trọng, và sống dựa theo Giáo Pháp mà thôi. Những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác trong

tương lai—những bậc Thế Tôn đó cũng sẽ chỉ tôn vinh, kính trọng, và sống dựa theo Giáo Pháp mà thôi. Vậy thì giờ đức Thế Tôn là bậc A-la- hán, bậc Toàn Giác trong hiện tại, cũng chỉ tôn vinh, kính trọng, và sống dựa theo Giáo Pháp mà thôi.' "Đây là điều vị trời Brahmā Sahampati đã nói. Sau khi nói xong điều này, vị ấy đã nói thêm như vầy: "Những vị Phật toàn giác trong quá khứ, Những vị Phật trong tương lai, Và vị Phật hiện tại, Là người đã trừ bỏ mọi sự ưu sầu: Tất cả đều đã sống, đang sống, và sẽ sống Kính trọng Giáo Pháp thiện lành. Đây là phẩm chất của tất cả chư Phật. "Do vậy ai mong muốn sự tốt đẹp,650 Khát nguyện đạt tới điều lớn-lao, Thì nên sâu sắc tôn kính Giáo Pháp thiện lành, Tưởng niệm giáo lý của những vị Phật." Đây là lời vị trời Brahmā Sahampati đã nói. Sau đó vị trời kính lễ, giữ ta ở hướng bên phải của mình và biến mất ngay tại đó. Sau đó, sau khi đã nhận biết lời thỉnh cầu của vị trời đó và điều đó cũng phù hợp đối với bản thân ta, ta chỉ tôn vinh, kính trọng, và sống nương dựa theo Giáo Pháp mà đối với nó mới đây ta đã được hoàn toàn giác-ngộ. Và nay Tăng Đoàn đã đạt được sự lớn-lao, ta cũng có luôn sự kính trọng đối với Tăng Đoàn."

22 (2) Ở Uruvelā (2) "Này các Tỳ kheo, trong một lần khi ta đang sống ở Uruvelā, gần chỗ gốc cây đa đề [banyan, nigrodha] của những người chăn dê bên bờ sông Ni-liên-thiền [Neranjarā], ngay sau khi ta chứng ngộ sự toàn-giác. Lúc đó có một số bà-la-môn già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã ở tuổi xế chiều của cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối, họ đã đến gặp ta

và chào hỏi qua lại với ta. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và nói với ta: "'Thầy Cồ-đàm, chúng tôi đã nghe nói: 'Sa-môn Cồ-đàm không kính lễ những bà-la-môn già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã ở tuổi xế chiều của cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối; ông ta cũng không đứng dậy hay nhường chỗ ngồi cho họ.' Đây đúng là sự thật, bởi vì Thầy Cồ- đàm không kính lễ những bà-la-môn già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã ở tuổi xế chiều của cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối; thầy cũng không đứng dậy hay nhường chỗ ngồi cho họ. Thầy Cồ-đàm, điều này là không phù hợp (không phải phép)."651 "Ý này đã xảy đến với ta: Những vị này không biết cái gì là một bậc trưởng lão hay những phẩm chất nào làm nên một bậc trưởng lão. Mặc dù có người là già tuổi—tám mươi, chín mươi, hay một trăm năm—nhưng nếu người đó nói lúc không phù hợp, nói sai sự thật, nói điều không ích lợi, nói trái với Giáo Pháp và giới luật; nếu vào lúc không phù hợp người đó nói

những lời không chính đáng, vô lý, dong dài và không ích lợi, thì người đó được coi là một người già ngu ngốc [như con nít]. “Nhưng có người dù trẻ tuổi, một thanh niên tóc còn xanh, được phú cho hạnh phúc của tuổi trẻ, đang trong thời thanh xuân của cuộc đời, nếu người đó nói lúc phù hợp, nói điều sự thật, nói điều có ích lợi, nói về Giáo Pháp và giới luật, và nếu vào lúc phù hợp người đó nói những lời chính đáng, hữu lý, gọn gàng và có ích lợi, thì người đó được coi là một trưởng lão khôn trí. “Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất này làm nên một bậc trưởng lão. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ lãnh những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo chúng. (2) “Người đó học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và

tích lũy những gì mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành từ lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, chúng cho thấy [tuyên bố] đời sống tâm linh tinh khiết và toàn thiện—những giáo lý như vậy người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm trí, đã tụng đọc, đã điều tra tìm hiểu bằng tâm, và đã thâm nhập tốt bằng cách-nhìn (chánh kiến). (3) “Người đó là người nếu muốn, không rắc rối hay khó khăn gì, cóthể chứng đắc những tầng thiền định (những tầng thiền định đó) tạo nên cái tâm bậc cao và là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (4) “Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng tríbiết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. “Đây là bốn phẩm chất làm nên một bậc trưởng lão.” Người đần độn với tâm bất an,652 Người nói chuyện tầm phào, Ý nghĩ thì này nọ búa xua Thích nghe những lời dạy xấu ác, Nắm giữ những quan điểm xấu ác, thiếu tôn trọng, Là kẻ đứng rất xa tầm vóc của một bậc trưởng lão. Nhưng người đã thành tựu về giới-hạnh, Đã học nhiều, và thấy-biết, Tự chủ về những yếu tố của sự vững chắc, Là người thấy rõ ý nghĩa bằng trí-tuệ; Đã vượt trên tất cả mọi hiện-tượng, Không bị cằn cỗi; thấy-biết;653 Người đã dẹp bỏ sự sinh tử, Đã đạt đỉnh cao trong đời sống tâm linh, Bên trong mình không còn những ô-nhiễm— Đó là người ta gọi là bậc trưởng lão.

Một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm, Thì được gọi là một bậc trưởng lão.

23 (3) Thế Giới 654 “Này các Tỳ kheo, Như Lai đã hoàn toàn tỉnh thức [= giác ngộ, hoàn-toàn hiểu, liễu tri] đối với thế giới;655 Như Lai đã tách ly khỏi thế giới. Như lai đã hoàn toàn tỉnh thức đối với nguồn-gốc của thế giới; Như Lai đã dẹp bỏ nguồn-gốc của thế giới. Như Lai đã hoàn toàn tỉnh thức đối với sự chấm-dứt của thế giới; Như Lai đã chứng ngộ sự chấm-dứt của thế giới. Như Lai đã hoàn toàn tỉnh thức đối với con-đường dẫn tới sự chấm- dứt thế giới; Như Lai đã tu tập con-đường dẫn tới sự chấm-dứt thế giới. (1) “Này các Tỳ kheo, trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần

và loài người, thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—Như Lai đã hoàn toàn tỉnh thức đối với tất cả những thứ đó; do vậy bậc ấy mới được gọi là Như Lai.656 (2) “Này các Tỳ kheo, những gì Như Lai nói, thốt ra, hay tuyên thu- yết vào canh giữa cái đêm Như Lai đã tỉnh thức đến sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng (tức vào lúc giác-ngộ) và vào cái đêm Như Lai đã chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn; lúc qua đời),657 tất cả đều chỉ là vậy và không sai khác; do vậy bậc ấy mới được gọi là Như Lai.658 (3) “Này các Tỳ kheo, Như Lai nói sao làm vậy; làm sao nói vậy. Bởi Như Lai nói sao làm vậy và làm sao nói vậy, nên bậc ấy mới được gọi là Như Lai.659 (4) “Này các Tỳ kheo, trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, Như Lai là người chiến thắng, là người không ai thắng, là người nhìn thấy toàn-thể, là người nắm lấy sự làm-chủ; do vậy bậc ấy mới được gọi là Như Lai.”

• 29

Sau khi đã trực-tiếp biết tất cả thế giới—
Tất cả trong thế giới đúng như nó thực là—
Bậc ấy tách-ly khỏi thế giới,
Không dính-líu gì với tất cả thế giới.
Đó là người chiến thắng trong tất cả,
Là bậc trí đã tháo bỏ mọi gút mắc.
Đã đạt tới sự bình an tốt thượng,
Là Niết-bàn, không còn sự sợ-hãi nào nữa.
Người đó là Đức Phật,
Đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, không còn phiền-phức,
Mọi sự nghi-ngờ đều đã dứt sạch;
Sau khi đã đạt tới sự diệt-nghiệp,
Bậc ấy được giải thoát trong sự tuyệt-dứt mọi sự thu-nạp.
Bậc ấy là đức Thế Tôn, là Đức Phật,
Bậc ấy là sư tử tối thắng,
Trong thế giới này có những thiên thần,
Bậc ấy thiết lập sự chuyển dịch bánh xe của trời Brahmā.
Như vậy là những thiên thần và loài người,
Ai đã quy y theo Phật,
Tề tựu lại, và cùng kính lễ Đức Phật,
Bậc vĩ đại không còn xao động hay nghi ngại:
“Được thuần phục,
Bậc ấy là bậc nhất trong những người thuần phục;
Được bình an,
Bậc ấy là bậc nhìn-thấy trong những người mang lại bình-an;

Được giải thoát,
Bậc ấy là đứng-đầu trong những người (giúp) giải-thoát;
Vượt qua bờ,
Bậc ấy là bậc nhất về sự dẫn-dắt qua bờ.”
Thực đúng như vậy, họ kính lễ Đức Phật,
30 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

Bậc vĩ đại không còn xao động hay nghi ngại. Trong thế giới này có những thiên thần, Không ai có thể đối nghịch với Phật.

24 (4) Kāḷaka [Tôi nghe như vầy.]660 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāketa, ở khu Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Kāḷaka.661 Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (i) “Này các Tỳ kheo, trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—ta đều biết. (ii) “Này các Tỳ kheo, trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—ta đã trực-tiếp biết. Chúng đã được biết bởi Như Lai,662 nhưng Như Lai đã không lệ thuộc theo nó.663 (iii) “Này các Tỳ kheo, nếu ta nói: ‘Trong thế giới này có những thiên thần … thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—ta đều không biết’, nói vậy là sai về phần ta. (so với sự biết rõ của ta) (iv) “Này các Tỳ kheo, nếu ta nói: ‘Trong thế giới này có những thiên thần … thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—ta biết và không biết’, nói vậy là cũng sai về phần ta.664 (so với sự biết rõ của ta) (v) “Này các Tỳ kheo, nếu ta nói: ‘Trong thế giới này có những thiên

• 31

thần … thứ gì được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, được nhận thấy, được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm—ta không biết cũng không phải không biết’, nói vậy là một lỗi về phần ta.665 (so với sự biết rõ của ta)

“Vậy đó, (1) sau khi đã nhìn thấy thứ có thể được nhìn thấy, Như Lai không nhận lầm thứ được nhìn thấy, không nhận lầm thứ không được nhìn thấy, không nhận lầm thứ có thể được nhìn thấy, không nhận lầm ai là người nhìn thấy.666 (2) Sau khi đã nghe thấy thứ có thể được nghe, Như Lai không nhận lầm thứ được nghe, không nhận lầm thứ không được nghe, không nhận lầm thứ có thể được nghe, không nhận lầm ai là người nghe. (3) Sau khi đã cảm thấy (cảm nhận) thứ có thể được cảm thấy, Như Lai không nhận lầm thứ được cảm thấy, không nhận lầm thứ không được cảm thấy, không nhận lầm thứ có thể được cảm thấy, không nhận lầm ai là người cảm thấy. (4) Sau khi đã nhận biết thứ có thể được nhận biết, Như Lai không nhận lầm thứ được nhận biết,

không nhận lầm thứ không được nhận biết, không nhận lầm thứ có thể được nhận biết, không nhận lầm ai là người nhận biết. “Như vậy đó, này các Tỳ kheo, luôn tự tại (ổn định, vẫn vậy, bình tâm) đối với những thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm thấy, và được nhận biết, Như Lai là một bậc tự tại.667 Và, ta nói rằng, không có người tự tại nào xuất sắc và siêu phàm hơn bậc tự tại đó (tức Như Lai).” Giữa những người tự biết kiềm chế, Bậc Tự Tại không coi nào là đúng, nào là sai, Đối với mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, hay cảm nhận, Mà người đời dính chấp và coi chúng là sự thật.668 Do họ đã nhìn thấy mũi tên này,669 Mà người ta dính chấp và cố chấp theo nó, [Nên họ cứ nói:] “Tôi biết, tôi thấy, điều này là vậy”, Còn Như Lai không dính chấp theo điều gì.

25 (5) Đời Sống Tâm Linh “Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh này được sống không phải vì mục đích để lừa dối người ta và phỉnh dụ người ta; cũng không phải vì lợi, vinh, danh; cũng không phải vì cái lợi được thắng cãi trong những cuộc tranh luận; cũng không phải với ý nghĩ: ‘Để người ta biết mình (đi tu) như vầy.’ Thay vì vậy, đời sống tâm linh này được sống vì mục đích để có được sự kiềm-chế, sự dẹp-bỏ, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt.”670 Đức Thế Tôn chỉ dạy đời sống tâm linh, Không dựa theo truyền thống (những tôn giáo khác), Mà dẫn tới đỉnh cao là Niết-bàn, Nó được sống để có được sự kiềm-chế và sự dẹp-bỏ.671 Đây là đạo của những chúng sinh vĩ đại,672 Là con-đường được đi bởi những bậc nhìn-thấy vĩ đại. Những người thực hành nó, Như được chỉ dạy bởi Phật, Làm đúng theo sự chỉ dẫn của Phật, Sẽ làm nên sự chấm-dứt khổ.

26 (6) Những Người Lừa Dối 673 (1) “Này các Tỳ kheo, những ai là những kẻ lừa dối, bướng bỉnh, nói nhiều, giả danh, kiêu căng, và không định-tâm thì không phải là những Tỳ kheo của ta.674 (2) Họ đã lạc đường khỏi Giáo Pháp và giới luật này, và họ không đạt được sự trưởng thành, sự tiến bộ, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới luật này. (3) Nhưng những Tỳ kheo trung thực, chân thành, kiên định, biết tuân thủ, và khéo định-tâm là những Tỳ kheo của ta. (4) Họ đã không lạc đường khỏi Giáo Pháp và giới luật này, và họ đạt được sự trưởng thành, sự tiến bộ, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới luật này.” Những ai là những kẻ lừa dối, bướng bỉnh, nói nhiều,

• 33

Giả danh, kiêu căng, và không định-tâm,
Thì không tiến bộ trong Giáo Pháp,
Mà bậc Toàn Giác đã chỉ dạy.
Nhưng những người trung thực và chân thành,
Kiên định, biết tuân thủ, và khéo đạt-định,
Thì làm nên sự tiến bộ trong Giáo Pháp,
Mà bậc Toàn Giác đã chỉ dạy.

27 (7) Sự Biết Hài Lòng “Này các Tỳ kheo, có bốn thứ nhỏ nhặt, chúng dễ dàng có được và không bị chê trách (phi tội lỗi). Bốn đó là gì? (1) “Y-phục (cà sa) được làm từ giẻ rách là thứ nhỏ nhặt so với đủ loại y-phục, nó dễ dàng có được và không bị chê trách. (2) Chút thức-ăn khất thực là thứ nhỏ nhặt so với đủ loại bữa-ăn, nó dễ dàng có được và

không bị chê trách. (3) Chỗ gốc cây là thứ nhỏ nhặt so với đủ loại chỗ-ở, nó dễ dàng có được và không bị chê trách. (4) Chút nước-tiểu hôi thối là thứ nhỏ nhặt so với đủ loại thuốc-men, nó dễ dàng có được và không bị chê trách.675 “Có bốn thứ nhỏ nhặt, chúng dễ dàng có được và không bị chê trách. Khi một Tỳ kheo biết hài lòng với thứ nhỏ nhặt và dễ dàng có được như vậy, ta nói, người đó có một trong những yếu-tố (chi phần) của đời sống sa-môn (sa-môn hạnh).” Khi một người biết hài lòng với những thứ: Không bị chê trách, nhỏ nhặt, và dễ dàng có được; Khi tâm một người không bị phiền muộn: Vì một chỗ-ở, Vì y-phục, thức-ăn và thức-uống, Thì người đó ở đâu cũng không bị trở ngại.676 Nói một cách đúng đắn, những phẩm-chất này

Là đúng phù hợp với đời sống tu sĩ (sa-môn), Và chúng là đạt-được bởi một Tỳ kheo,677 Là người biết hài-lòng và chuyên-chú (tu hành).

28 (8) Truyền Thống Thánh Thiện 678 “Này các Tỳ kheo, có bốn truyền thống thánh thiện, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo biết hài lòng với mọi thứ y-phục, và người đó nói lời đề cao sự biết hài lòng với mọi thứ y-phục, và người đó không vì chuyện y-phục mà dính vào sự tìm kiếm sai trái hay làm những việc không phù hợp (với giới luật).679 Nếu không có được y-phục, người đó cũng không bị khích động; và nếu có được y-phục, người đó dùng nó nhưng không bị trói buộc theo nó, không mê thích nó và không bị thu hút trong nó một cách mù quáng; người đó nhìn thấy sự nguy-hại trong nó và hiểu được sự thoát-khỏi nó. Hơn nữa, người đó không tự khen mình hay chê bai người khác về vấn đề (y-phục) này. Tỳ kheo nào là người thiện khéo về điều này, chuyên-chú, thường rõ-biết (tỉnh giác) và thường có chánh-niệm, thì được cho là đang đứng trong một truyền thống thánh thiện cổ xưa, nguyên thủy. (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo hài lòng với mọi thứ thức-ăn khất thực, và người đó nói lời đề cao sự biết hài lòng với mọi thứ thức-ăn khất thực, và người đó không vì chuyện thức-ăn mà dính vào sự tìm kiếm sai trái hay làm những việc không phù hợp. Nếu không có được thức-ăn, người đó cũng không bị khích động; và nếu có được thức-ăn, người đó dùng nó những không bị trói buộc theo nó, không mê thích nó, và không bị thu hút trong nó một cách mù quáng; người đó nhìn thấy sự nguy-hại trong nó và hiểu được sự thoát-khỏi nó. Hơn nữa, người đó không tự khen mình hay

chê bai người khác về vấn đề (thức-ăn) này. Tỳ kheo nào là người thiện khéo về điều này, chuyên-chú, thường rõ-biết và thường có chánh-niệm, thì được cho là đang đứng trong một truyền thống thánh thiện cổ xưa, nguyên thủy. (3) “Lại nữa, một Tỳ kheo hài lòng với mọi thứ chỗ-ở, và người đó nói lời đề cao sự biết hài lòng với mọi thứ chỗ-ở, và người đó không vì chuyện chỗ-ở mà dính vào sự tìm kiếm sai trái hay làm những việc không phù hợp. Nếu không có được chỗ-ở, người đó cũng không bị khích động; và nếu

có được chỗ-ở, người đó dùng nó những không bị trói buộc theo nó, không mê thích nó, và không bị thu hút trong nó một cách mù quáng; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó và hiểu được sự thoát-khỏi nó. Hơn nữa, người đó không tự khen mình hay chê bai người khác về vấn đề (chỗ-ở) này. Tỳ kheo nào là người thiện khéo về điều này, chuyên-chú, thường rõ- biết và chánh-niệm, thì được cho là đang đứng trong một truyền thống thánh thiện cổ xưa, nguyên thủy. (4) "Lại nữa, một Tỳ kheo tìm thấy niềm vui thích trong sự thiền-tập (tu thiền), vui thích với sự thiền-tập; tìm thấy niềm vui thích trong sự dẹp- bỏ, vui thích với sự dẹp-bỏ.680 Hơn nữa, người đó không tự khen mình hay chê bai người khác về vấn đề (thiền tập hay dẹp bỏ) này. Tỳ kheo nào là người thiện khéo về điều này, chuyên-chú, thường rõ-biết và thường có chánh-niệm, thì được cho là đang đứng trong một truyền thống thánh thiện cổ xưa, nguyên thủy. "Này các Tỳ kheo, đây là bốn truyền thống thánh thiện, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có được bốn truyền thống thánh thiện này, nếu sống ở xứ đông, người đó chiến thắng sự bất mãn, sự bất mãn không thắng người đó; nếu sống ở xứ tây … nam … bắc người đó chiến thắng sự bất mãn, sự bất mãn không thắng người đó. Vì lý do gì? Vì người đó là một bậc kiên định, người chiến thắng sự bất mãn và khoái

lạc."
Sự bất mãn không thắng bậc kiên trung,681
[Bởi vì] bậc kiên trung không bị thắng bởi sự bất mãn.682
Bậc kiên trung chiến thắng sự bất mãn,
[Bởi vì] bậc kiên trung là một người chiến thắng sự bất mãn.
Ai có thể cản trở người xua tan,
Người đã dẹp bỏ tất cả (những) nghiệp?
Ai xứng đáng để chê trách người đó,
Là Người giống như đồng tiền làm từ vàng núi tinh luyện?
Ngay cả những thiên thần cũng khen ngợi một người như vậy,
Ngay cả vị trời Brahmā cũng khen ngợi người đó.
29 (9) Những Yếu Tố Của Giáo Pháp "Này các Tỳ kheo, có bốn yếu tố Giáo Pháp này,683 từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Bốn đó là gì? (1) "Sự không thèm-muốn (vô tham, biết hài lòng) là một yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. (2) Sự thiện-ý (vô ác) là một yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu … (3) Sự chánh-niệm là một yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu … (4) Sự chánh-định là một yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có

từ lâu … không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. “Đây là bốn yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị

chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.”
Người tu nên sống không còn thèm-muốn,
Với trái tim đầy thiện-ý.
Người tu nên có chánh-niệm và có sự nhất-điểm trong tâm,
Bên trong khéo đạt-định.

30 (10) Những Du Sĩ Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu). Bấy giờ, vào lúc đó có một số du sĩ rất nổi tiếng cũng đang trú ngụ trong tịnh xá (khu ở) của những du sĩ bên bờ sông Sappinī; đó là những du sĩ Annabhāra, Vara- dhara, Sakuludāyī, và những du sĩ rất nổi tiếng khác. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn cư và đi đến tịnh xá của những du sĩ bên bờ sông Sappinī. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với các du sĩ đó: “Này các du sĩ, có bốn yếu tố Giáo Pháp này, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Bốn đó là gì? (1) “Sự không thèm-muốn (vô tham, biết hài lòng) là một yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. (2) Sự thiện-ý là một yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu … (3) Sự chánh-niệm là một yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu … (4) Sự chánh-định là một yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu … không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la- môn có trí. “Đây là bốn yếu tố Giáo Pháp, từ nguyên thủy, đã có từ lâu, thuộc sự

truyền thừa, tự cổ xưa, không bị mai một và chưa từng bị mai một trước giờ, hiện đang không bị mai một và sẽ không bị mai một, chúng không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.” (1) “Này các du sĩ, nếu có ai nói rằng: ‘Tôi không đồng ý sự không thèm-muốn (vô tham) là một yếu tố Giáo Pháp, và tôi có thể chỉ ra một tu sĩ hay bà-la-môn [thực thụ, chân chính] mà đầy sự thèm-muốn, đắm sâu trong dục lạc’ thì ta sẽ trả lời người đó như vầy: ‘(Nếu có ai nói mình là tu sĩ/ bà-la-môn thực thụ mà như vậy thì): Hãy mời họ đến, nói chuyện, và thảo luận. Hãy cho ta thấy họ mạnh mẽ ra sao!’. Thực vậy, không ai có thể không đồng ý sự không thèm-muốn (vô tham) là một yếu tố Giáo Pháp và có thể chỉ ra ‘một tu sĩ hay bà-la-môn [thực thụ, chân chính] mà lại đầy sự thèm-muốn, đắm sâu trong dục-lạc’ như vậy. (2) “Nếu có ai nói rằng: ‘Tôi không đồng ý sự thiện-ý (vô ác) là một yếu tố Giáo Pháp, và tôi có thể chỉ ra một tu sĩ hay

bà-la-môn [thực thụ, chân chính] mà có tâm đầy sự ác-ý và có những ý định thù-ghét' thì ta sẽ trả lời người đó như vầy: 'Hãy mời họ đến, nói chuyện, và thảo luận. Hãy cho ta thấy họ mạnh mẽ ra sao!'. Thực vậy, không ai có thể không đồng ý sự thiện-ý (vô ác) là một yếu tố Giáo Pháp và có thể chỉ ra 'một tu sĩ hay bà-la-môn [thực thụ, chân chính] mà lại có tâm đầy sự ác-ý và có những ý định thù-ghét' như vậy. (3) "Nếu có ai nói rằng: 'Tôi không đồng ý [từ chối] sự chánh-niệm là một yếu tố Giáo Pháp, và tôi có thể chỉ ra một tu sĩ hay bà-la-môn [thực thụ, chân chính] mà có tâm mờ-rối (thất niệm) và thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác)' thì ta sẽ trả lời người đó như vầy: 'Hãy mời họ đến, nói chuyện, và thảo luận. Hãy cho ta thấy họ mạnh mẽ ra sao!'. Thực vậy, không ai có thể không đồng ý sự chánh-niệm là một yếu tố Giáo Pháp và có thể chỉ ra 'một tu sĩ hay bà-la-môn [thực thụ, chân chính] mà lại có tâm mờ-rối và thiếu rõ-biết' như vậy. (4) "Nếu có ai nói rằng: 'Tôi không đồng ý sự chánh-định là một yếu tố Giáo Pháp, và tôi có thể chỉ ra một tu sĩ hay bà-la-môn [thực thụ, chân chính] là người không đạt-định (thất định), có một cái tâm lang thang' thì

• 39

ta sẽ trả lời người đó như vầy: 'Hãy mời họ đến, nói chuyện, và thảo luận. Hãy cho ta thấy họ mạnh mẽ ra sao!'. Thực vậy, không ai có thể không đồng ý sự chánh-định là một yếu tố Giáo Pháp và có thể chỉ ra 'một tu sĩ hay bà-la-môn [thực thụ, chân chính] lại là người không đạt-định, với một cái tâm lang thang' như vậy. "Này các du sĩ, nếu có ai nghĩ bốn yếu tố Giáo Pháp này nên được phản bác và chối bỏ, thì chính họ, ngay trong kiếp này, phải chịu sự phê phán và phản bác dựa trên bốn cơ-sở hữu lý này.684 Bốn đó là gì? "(1) Nếu các người phản bác và chối bỏ sự không thèm-muốn (vô tham) là một yếu tố Giáo Pháp, thì các người phải kính trọng và khen ngợi 'những tu sĩ và bà-la-môn đầy sự thèm-muốn và đắm sâu trong dục-lạc' hay sao? (2) Nếu các người phản bác và chối bỏ sự thiện-ý (vô ác) là một yếu tố Giáo Pháp, thì các người phải kính trọng và khen ngợi 'những tu sĩ và bà-la-môn có tâm đầy ác-ý và có những ý định thù-ghét', hay sao? (3) Nếu các người phản bác và chối bỏ sự chánh-niệm là yếu tố Giáo Pháp, thì các người phải kính trọng và khen ngợi 'những tu sĩ và bà-la-môn có tâm mờ-rối và thiếu sự rõ-biết', hay sao? (4) Nếu các người phản bác và chối bỏ sự chánh-định là một yếu tố Giáo Pháp, thì các người phải kính trọng và khen ngợi 'những tu sĩ và bà-la-môn là người không đạt-định, với một cái tâm lang thang', hay sao?. "Này các du sĩ, nếu có ai nghĩ bốn yếu tố Giáo Pháp này nên bị phản bác và chối bỏ, thì chính họ, ngay trong kiếp này, phải chịu sự phê phán và phản bác dựa trên bốn cơ-sở hữu lý như vậy. Ngay cả những du sĩ như Vassa và Bhañña ở xứ Ukkalā, là những người nắm giữ thuyết phi nhân- duyên, thuyết phi hành-động (phi tác nghiệp), và thuyết tự-diệt (diệt vong), cũng đã không nghĩ những yếu tố Giáo Pháp này nên bị phản bác và chối bỏ. Vì lý do gì? Vì họ sợ sẽ bị chê bai, bị công kích, và bị phản bác."685 Người đầy thiện-ý, luôn có chánh-niệm Ở bên trong được khéo đạt-định, Đang tu tập để loại bỏ sự thèm-muốn,

40 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

Thì được gọi là một người chuyên-chú (tu hành).

NHÓM 4. BÁNH XE

31 (1) Bánh Xe “Này các Tỳ kheo, có bốn bánh xe này. Khi bốn bánh xe này quay chuyển, những thiên thần và con người nào có được chúng thì họ sẽ đạt được sự lớn-lao và nhiều của-cải. Bốn đó là gì? Đó là: (i) sự sống ở nơi thích hợp, (ii) sự nhờ vào những người tốt, (iii) sự quyết tâm đúng đắn, và (iv) những công đức đã làm trong quá khứ.686 Đây là bốn bánh xe. Khi bốn bánh xe này quay chuyển, những thiên thần và những người nào có được chúng thì sẽ sớm chứng đắc sự lớn-lao và nhiều của-cải.” Khi một người sống ở nơi thích hợp, Và giao hữu với người bậc thánh hiền, Khi người đó đã tạo lập sự quyết tâm đúng đắn, Và đã làm những công đức trong quá khứ, Thì lúa gạo, của cải, danh tiếng và danh phận, Cùng với sự hạnh phúc sẽ tích lũy cho người đó.

32 (2) Duy Trì “Có bốn phương tiện để duy trì một mối quan hệ tốt đẹp (hảo hữu). Bốn đó là gì? Quà tặng, lời nói thân ái, hành vi thiện ích (từ thiện), và sự vô tư (không thiên vị).687 Đây là bốn phương tiện để duy trì một mối quan hệ.” Sự bố thí tặng quà, lời nói thân ái, Hành vi thiện ích, và sự không thiên vị Trong thế sự đa đoan, Là thích hợp để điều chỉnh mọi trường hợp:

• 41

Là những phương tiện để duy trì mối quan hệ tốt lành,
Giống như chốt trục bánh xe của chiếc xe đang chạy.
Nếu không có những phương tiện như vậy,
Để duy trì mối quan hệ tốt lành,
Thì không cha mẹ nào,
Có thể có được sự tôn trọng,
Và sự kính trọng từ những con cháu.
Nhưng do đã có những phương tiện này,
Để duy trì mối quan hệ tốt lành,
Nên những bậc hiền trí tôn trọng những cha mẹ;
Nhờ vậy họ đạt được sự lớn-lao,
Và họ được ngợi khen.

33 (3) Sư Tử “Này các Tỳ kheo, vào buổi chiều tối, sư tử, vua của những loài thú, ra khỏi hang ổ của nó, rướn duỗi mình, quan sát bốn hướng xung quanh, và gầm lên tiếng gầm sư tử ba lần. Rồi nó bắt đầu đi săn mồi. “Khi nghe tiếng gầm của sư tử, hầu hết những con thú đều cảm thấy sợ-hãi, cảm nhận sự cấp-bách và sự khủng-khiếp. Những con sống trong hang lỗ liền chui vô hang lỗ; những con sống dưới nước liền lặn xuống nước; những con sống trong rừng liền chạy vô rừng; và chim chóc thì bay thoát lên trên trời. Ngay cả những con voi đực hoàng gia, đang được cột chặt bằng dây thừng chắc chắn trong những làng mạc, thành thị, và trong kinh thành, cũng vùng vẫy bứt phá dây thừng; chúng sợ hãi đến mức tiểu tiện đại tiện và tháo chạy tứ tung. Trong những loài thú, sư tử, vua của những loài thú, thật là mạnh mẽ, thật uy dũng và uy lực. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi Như Lai khởi sinh trong thế gian này, là một bậc A-la-hán, bậc toàn giác, đã hoàn thiện về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh

(hành vi), là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, là người huấn luyện tối thượng của những người cần được huấn

luyện, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn, bậc ấy đã chỉ dạy Giáo Pháp như vầy: ‘(1) Này là sự hiện-hữu cá thể (danh tính), (2) này là nguồn-gốc của sự hiện-hữu cá thể, (3) này là sự chấm-dứt của sự hiện-hữu cá thể, (4) này là con-đường dẫn tới sự chấm- dứt sự hiện-hữu cá thể.’688 “Khi những thiên thần, là những chúng sinh sống đại thọ, đẹp đẽ, đang hưởng lạc, đang sống rất lâu trong những thiên cung cõi trời, nghe thấy lời dạy của Như Lai về Giáo Pháp như vậy, hầu hết họ đều cảm thấy sợ-hãi, cảm nhận sự cấp-bách và sự khủng-khiếp, (họ nghĩ như vầy):689 ‘Coi chừng chúng ta đích thực là vô thường, cho dù chúng ta nghĩ mình là thường hằng; coi chừng chúng ta đích thực là biến hoại, cho dù chúng ta nghĩ mình là trường tồn; coi chừng chúng ta đích thực là không bất tử, cho dù chúng ta nghĩ mình là bất tử. Coi chừng chúng ta là vô thường, biến hoại, không bất tử, đang bị nằm trong sự hiện-hữu cá thể (danh tính).’690 Trong thế giới này có những thiên thần, Như Lai thật là mạnh mẽ, thật uy dũng và uy lực.” Khi, thông qua trí-biết trực tiếp, Đức Phật, vị sư thầy, bậc vô song, Trong thế giới này có những thiên thần, Thiết lập sự quay chuyển bánh xe Giáo Pháp, [Phật dạy] về ‘danh-tính’, sự chấm-dứt của nó, Nguồn-gốc của ‘danh tính’, Và con-đường Bát thánh đạo Dẫn tới sự lắng lặn sự khổ. Rồi ngay cả những thiên thần có những kiếp đại thọ— Đẹp đẽ, sáng chói hào quang— Trở nên sợ-hãi và đầy khủng-khiếp Giống như muôn thú khi nghe tiếng gầm sư tử “Hình như chúng ta cũng bị vô thường Không vượt khỏi ‘danh-tính’ này” [họ nói vậy] Sau khi họ nghe lời nói của bậc A-la-hán (Phật),

Là bậc Tự Tại đã hoàn toàn giải-thoát.”

34 (4) Niềm Tin “Này các Tỳ kheo, có bốn loại bậc nhất của niềm-tin (sự tự tin; tín). Bốn đó là gì? (1) “Dù chúng sinh có cao siêu tới mức nào, từ loài không chân hoặc hai chân, bốn nhân, hoặc nhiều chân, có sắc-thân hoặc không có sắc-thân (sắc hay phi sắc), có nhận-thức (tưởng) hoặc không có nhận-thức (phi tưởng), cho tới loại không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận- thức (phi tưởng phi phi tưởng), thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi loài. Những ai có niềm-tin vào Phật là có niềm-tin vào bậc bậc nhất, và những ai có niềm-tin vào bậc bậc nhất thì kết quả là bậc nhất. (2) “Dù những hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi) có cao siêu tới mức nào, thì Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi sự. Những ai có niềm-tin vào Bát Thánh Đạo là có niềm-tin vào (đạo) bậc nhất, và những ai có niềm-tin vào (đạo) bậc nhất thì kết quả là bậc nhất. (3) “Dù những hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi) hay không còn điều-kiện (vô vi)691 có cao siêu tới mức nào, sự chán-bỏ được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả sự đó, đó là, sự nghiền nát sự tự-cao, sự loại bỏ sự thèm-khát, sự bứng gốc sự ràng-buộc, sự kết-thúc vòng luân-hồi, sự tiêu diệt dục-vọng (ái tận), sự chán-bỏ, sự

chấm-dứt, Niết-bàn. Những ai có niềm-tin vào Giáo Pháp là có niềm-tin vào sự bậc nhất, và những ai có niềm-tin vào sự bậc nhất thì kết quả là bậc nhất. (4) “Dù các cộng đồng hay đoàn thể (tôn giáo) có cao siêu tới mức nào, thì Tăng Đoàn những đệ tử của Như Lai được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả đó; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp hạng, tám hạng người—Tăng Đoàn của Như Lai là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao

nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Những ai có niềmtin vào Tăng Đoàn là có niềm-tin vào chỗ bậc nhất, và những ai có niềmtin vào chỗ bậc nhất thì kết quả là bậc nhất.” Đối với những ai có niềm-tin đối với chỗ bậc nhất, Biết Giáo Pháp bậc nhất, Tin tưởng vào Đức Phật—bậc bậc nhất— Là bậc vô-thượng, bậc đáng cúng-dường; Đối với những ai có niềm-tin vào Giáo Pháp, Ở trong sự bình-an của sự chán-bỏ, Đối với ai có niềm-tin vào Tăng đoàn bậc nhất Là phước-điền tốt nhất ở trên đời; Đối với ai tặng quà cho chỗ bậc nhất, Thì loại bậc nhất của phước-đức sẽ gia tăng: Loại bậc nhất của tuổi thọ, sắc đẹp và huy hoàng, Danh tiếng, hạnh phúc và sức mạnh. Người có trí cúng dường cho chỗ bậc nhất,692 Đạt định dựa trên Giáo Pháp bậc nhất, Sau khi này tái sinh thành tiên hay thành người, Sẽ vui-mừng, sau khi đã đạt được sự (phước quả) bậc nhất.

35 (5) Bà-la-môn Vassakāra Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ tìm thức-ăn của bầy sóc. Lúc đó có một bà-la-môn tên Vassakāra, là tể tướng của nước Ma-kiệt-đà (Magadha), đã đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói: “Thầy Cồ-đàm, chúng tôi mô tả một người có được bốn phẩm chất là một bậc đại nhân với đại trí. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người học cao trong nhiều lĩnh vực học thuật. (2) Người đó hiểu nghĩa của những điều

khác nhau, nên người đó có thể nói ‘Đây là nghĩa của điều này; đây là nghĩa của điều kia.’ (3) Người đó có trí nhớ tốt; người đó nhớ và nhớ lại những gì đã được làm và nói từ lâu. (4) Người đó giỏi khéo và chuyên cần trong sự chú tâm vào những công việc khác nhau của một gia chủ; người đó có sự phán đoán giỏi về chúng để thực hiện và sắp xếp chúng một cách phù hợp. Chúng tôi mô tả người có được bốn phẩm chất đó là một bậc đại nhân với đại trí. Nếu Thầy Cồ-đàm nghĩ điều tôi mới nói ra nên được tán đồng, thì thầy tán đồng nó. Nếu thầy nghĩ điều tôi mới nói ra nên được bác bỏ, thì thầy bác bỏ nó.” “Này bà-la-môn, ta không tán đồng hay bác bỏ điều đó. Thay vì vậy, ta mô tả một người có được bốn phẩm chất [khác] là một bậc đại nhân với đại trí. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, người đó thực hành vì ích lợi và hạnh phúc của nhiều người; người đó là người thiết lập nhiều người trong phương pháp thánh thiện, đó là, trong sự tốt đẹp của Giáo Pháp, trong sự thiện lành của Giáo Pháp.693 (2) Người đó nghĩ điều mình muốn nghĩ và không nghĩ điều mình không muốn nghĩ; người đó ý định những điều mình ý định và không ý định những điều mình không muốn ý định; như vậy người đó đã đạt tới sự

làm-chủ về tâm đối với những cách suy nghĩ tư duy. (3) Người đó, nếu muốn, không rắc rối hay khó khăn gì, có thể chứng đắc những tầng thiền định (những tầng thiền định đó) vốn tạo nên (phần, trạng thái) tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (4) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. “Này bà-la-môn, ta không tán đồng hay bác bỏ điều đó. Nhưng ta mô tả một người có được bốn phẩm chất như vậy là một bậc đại nhân với đại trí.” “Thật đáng ngạc nhiên và kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm, cách mà điều này đã được tuyên thuyết bởi Thầy Cồ-đàm. Và chúng tôi coi Thầy Cồ-đàm là một người có được bốn phẩm chất này. (1) Thầy Cồ-Đàm là người thực

hành vì ích lợi và hạnh phúc của nhiều người; thầy là người thiết lập nhiều người trong phương pháp thánh thiện, đó là, trong sự tốt đẹp của Giáo Pháp, trong sự thiện lành của Giáo Pháp. (2) Thầy Cồ-Đàm nghĩ điều mình muốn nghĩ và không nghĩ điều mình không muốn nghĩ; thầy ý định những điều mình ý định và không ý định những điều mình không muốn ý định; như vậy thầy đã đạt tới sự làm-chủ về tâm đối với những cách suy nghĩ tư duy. (3) Thầy Cồ-Đàm, nếu muốn, không rắc rối hay khó khăn gì, có thể chứng đắc những tầng thiền định vốn tạo nên (phần, trạng thái) tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (4) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí- biết trực tiếp, Thầy Cồ-Đàm đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, Thầy Cồ-Đàm an trú trong đó.” “Chắc chắn là như vậy, này bà-la-môn, lời của ông dù có vẻ như đang moi móc và chọc ghẹo.694 Tuy nhiên, ta sẽ trả lời ông. (1) Đúng vậy, ta đang thực hành vì ích lợi và hạnh phúc của nhiều người; ta là người đã thiết lập nhiều người trong phương pháp thánh thiện, đó là, trong sự tốt đẹp của Giáo Pháp, trong sự thiện lành của Giáo Pháp. (2) Ta nghĩ những điều mình muốn nghĩ và không nghĩ những điều mình không muốn nghĩ; ta ý định những điều mình định và không ý định những điều mình không ý định; như vậy ta đã đạt tới sự làm-chủ về tâm đối với những cách suy nghĩ tư duy. (3) Ta, nếu muốn, không rắc rối hay khó khăn gì, có thể chứng đắc những tầng thiền định vốn tạo nên (phần, trạng thái) tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (4) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, ta đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí- tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, ta an trú trong đó.” Bậc ấy thiết lập để chúng sinh, Được thoát khỏi lưới bẫy thần chết; Bậc ấy khai mở Giáo Pháp, phương pháp (tu tập), Vì ích lợi của những thiên thần và loài người;

• 47

Bậc ấy là người mà nhiều người có được niềm-tin
Sau khi họ gặp và lắng nghe bậc ấy;
Bậc ấy thiện thạo về đạo và thứ không phải đạo,

Bậc vô-nhiễm là người đã hoàn thành trách phận;
Bậc Giác Ngộ mang thân cuối cùng này
Thì được gọi là “bậc đại nhân với đại trí”.
36 (6) Bà-la-môn Doṇa Trong một lần đức Thế Tôn đang đi trên đường lộ từ Ukkaṭṭhā đến Setavya. Có bà-la-môn tên là Doṇa cũng đang đi trên tuyến đường này. Lúc đó bà-la-môn Doṇa nhìn thấy những bánh xe ngàn căm trong dấu chân của đức Thế Tôn, với những vành và trục, đầy đủ mọi chi tiết,695 và nghĩ rằng: “Thật là đáng ngạc nhiên và kỳ diệu! Đây không phải những dấu chân của người thường!” Rồi đức Thế Tôn ra khỏi đường lộ và ngồi dưới một gốc cây, ngồi tréo chân, giữ thân thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Lần theo dấu chân của đức Thế Tôn, bà-la-môn đến nơi nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây—đẹp đẽ, đáng tin tưởng, với các căn bình an và tâm bình an, một người đã chứng đắc sự tu luyện và sự tĩnh mặc cao nhất, giống như một con voi đực đã được thuần chủng và được phòng hộ với các căn được kiểm soát. Rồi ông ta đến gặp đức Thế Tôn và nói: (1) “Thưa ngài, có phải ngài là thiên thần?”696 “Ta sẽ không là thiên thần, này bà-la-môn.” (2) “Có phải ngài là càn-thát-bà [gandhabba]?” “Ta sẽ không là càn-thát-bà, này bà-la-môn.” (3) “Có phải ngài là dạ-xoa [yakkha]?”697 “Ta sẽ không là dạ-xoa, này bà-la-môn.” (4) “Có phải ngài là người?”

“Ta sẽ không là người, này bà-la-môn.” “Này ngài, khi được hỏi: ‘Có phải ngài là thiên thần?’ … ‘Có phải ngài là càn-thát-bà?’ … ‘Có phải ngài là dạ-xoa?’ … ‘Có phải ngài là người?’, ngài trả lời ‘Ta sẽ không là người, này bà-la-môn’. Vậy thì ngài là gì?” (1) “Này bà-la-môn, ta đã dẹp bỏ những ô-nhiễm mà do chúng ta sẽ (tái sinh) thành thiên thần; ta đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. (2) Ta đã dẹp bỏ những ô-nhiễm mà do chúng ta sẽ thành càn- thát-bà … (3) … do chúng ta sẽ thành dạ-xoa … (4) …do chúng ta sẽ thành người; ta đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. “Giống như một bông sen xanh, sen hồng, hay sen trắng, dù được sinh ra trong nước và lớn lên trong nước, (nhưng) nó đã mọc lên khỏi nước và đứng (trên) không còn bị dính dơ bởi nước. Cũng giống như vậy, dù được sinh ra trong thế gian này và lớn lên trong thế gian này, ta đã vượt lên khỏi thế gian và sống không còn bị dính thế gian. Này bà-la-môn, hãy nhớ rằng, ta là một vị Phật. “Ta đã tiêu diệt những ô-nhiễm, Mà nếu còn chúng ta sẽ bị tái sinh thành thiên-thần, Hay thành càn-thát-bà bay qua lại trên trời; Hay thành quỷ dạ-xoa; Hay trở lại làm người:698 Ta đã xua tan và cắt bỏ những ô-nhiễm đó. “Đẹp đẽ như một bông sen trắng, Không còn bị dính bùn dơ bởi nước, Ta không còn bị dính nhiễm bởi thế gian: Do vậy, này bà-la-môn, ta là một vị Phật.”699

37 (7) Không Sa Sút

• 49

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có được bốn phẩm chất thì không thể nào bị sa sút và đang ở gần Niết-bàn. Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo hoàn thiện về giới-hạnh, phòng

hộ các cửa của sáu-căn cảm nhận (giác quan), tuân thủ sự tiết-độ trong ăn uống, và luôn chú ý tới [nhắm tới, hết lòng vì] sự tỉnh-thức. (1) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo đã hoàn thiện về giới-hạnh? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới Bổn Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. Theo cách này là một Tỳ kheo đã hoàn thiện về giới-hạnh. (2) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo phòng hộ các cửa của sáu căn cảm-nhận? Ở đây, sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu (hình tướng) và đặc-điểm (đường nét) của nó. Bởi vì, nếu người đó để mắt không được kiềm chế thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập sự kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách sự kiềm chế căn-mắt. “Khi nghe thấy một âm-thanh … Khi ngửi thấy một mùi-hương … nếm thấy một mùi-vị … Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc với thân … Khi bằng tâm nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu (tướng) và đặc-điểm (nét) của nó. Bởi vì, nếu người đó để mắt không được kiềm chế thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập sự kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn-tai … căn-tâm, người đó đảm trách sự kiềm chế căn-tai … căn-tâm. (3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo tuân thủ sự tiết-độ trong ăn uống? Ở đây, sau khi suy xét kỹ càng, một Tỳ kheo tiêu dùng thức-ăn: (i) không phải để khoái thích giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn—mà (iv) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi

đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: ‘Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác cũ (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới.700 Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [phi tội lỗi], và sống được an ổn.’” Theo cách này là một Tỳ kheo tuân thủ sự điều độ trong ăn uống. (4) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo thường chú ý tới sự tỉnh-thức? Ở đây, trong suốt ngày, trong khi đang đi tới đi lui và trong khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những phẩm chất [tâm tính] gây chướng ngại. Vào canh một của đêm, trong khi đang đi tới đi lui và trong khi đang ngồi, người đó thanh lọc tâm mình khỏi những phẩm chất gây chướng ngại. Trong canh giữa của đêm, người đó nằm xuống nghiêng mình bên phải theo tư thế sư tử nằm, với chân trái nằm trên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), sau khi đã lưu ý trong tâm về lúc (thời điểm) mình sẽ thức dậy. Sau khi thức dậy, trong canh cuối của đêm, trong khi đang đi tới đi lui và trong khi đang ngồi, người đó thanh lọc tâm mình khỏi những phẩm chất gây chướng ngại. Theo cách này là một Tỳ kheo thường chú ý tới sự tỉnh-thức. “Một Tỳ kheo có được bốn phẩm chất này thì không thể nào bị sa sút và đang ở gần Niết-bàn.” Được thiết lập trong giới-hạnh, Được kiềm chế ở sáu căn cảm-nhận, Tiết-độ trong ăn uống, Chú ý về sự tỉnh-thức: Một Tỳ kheo sống một cách nhiệt thành như vậy, Ngày đêm không biết mệt mỏi, Tu tập những phẩm chất thiện lành,701 Để đạt tới sự an-toàn thoát khỏi sự

trói-buộc. Một Tỳ kheo vui thích sự chuyên-chú, Nhìn thấy sự nguy-hại trong sự lơ-tâm phóng dật, Thì không thể nào bị sa sút:

• 51

Người đó ở gần Niết-bàn.702

38 (8) Lui Về “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo đã xua tan những sự-thật thuộc cá nhân, đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm, và đã làm lắng lặn hành-vi của thân [thân hành] thì được cho là đã lui về (thu mình, ẩn tu).703 (1) “Và này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo đã xua tan những sự-thật thuộc cá nhân?704 Ở đây, có những sự thật thuộc cá nhân bình thường được nắm giữ bởi những tu sĩ và bà-la-môn bình thường—như là, ‘Thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới không bất diệt’; ‘Thế giới là hữu hạn’ hay ‘Thế giới là vô hạn’; ‘Linh hồn và thể xác là một’ hay ‘Linh hồn và thể xác là khác nhau’; ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’—một Tỳ kheo đã giục bỏ và xua tan tất cả những vấn đề này, đã từ bỏ chúng, đã từ chối chúng, đã buông bỏ chúng, đã trừ bỏ và dẹp bỏ chúng.705 Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã xua tan những sự-thật thuộc cá nhân. (2) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm- kiếm? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ sự tìm kiếm những khoái-lạc giác quan (dục lạc), và đã ngừng sự tìm cầu một đời sống tâm linh.706 Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm. (3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo đã làm lắng lặn thân-hành? Ở đây, với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ, và cộng với sự không còn buồn-vui trước đó, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã làm lắng lặn thân-hành.707 (Thân hành ở đây chính là ‘sự thở vào- ra’, và sự thở sẽ ngưng lặn khi đạt trạng thái tứ thiền) (4) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo đã lui-về? Ở đây, một Tỳ kheo đã trừ bỏ sự tự-ta (‘Ta-là’, ngã mạn), đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó

thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã lui-về. “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo đã xua tan những sự-thật thuộc cá nhân, đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm, và đã làm lắng lặn thân-hành như vậy thì được cho là đã lui về.” Tìm kiếm dục-lạc, Tìm kiếm sự hiện-hữu, Tìm kiếm một đời-sống tâm linh; Sự chấp chặt ‘Như vậy mới là sự-thật’, Còn những quan-điểm [vốn chỉ là] sự phồng lên:708 Đối với người đã hoàn toàn tách ly khỏi dục-vọng, Đã được giải thoát bằng sự tiêu diệt dục-vọng, Thì sự tìm-kiếm như vậy đã được dẹp bỏ, Và những quan-điểm này nọ đã được bứng bỏ. Vị Tỳ kheo đó bình-an, có chánh-niệm Tĩnh-tại, đã không bị đánh bại, đã giác-ngộ Bằng sự xuyên phá sự ‘tự-ta’ (phá ngã), Thì được gọi là “người đã lui-về.”

39 (9) Bà-la-môn Ujjaya Lúc đó có bà-la-môn tên Ujjaya đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm có đề cao việc cúng tế?” “Này bà-la-môn, ta

không đề cao tất cả mọi sự cúng tế cũng không thoái thác tất cả mọi sự cúng tế. (1) Ta không đề cao sự cúng tế bạo lực trong đó những trâu, bò, dê, cừu, gà, heo bị sát hại, trong đó những sinh vật khác nhau bị lôi tới lò mổ. (2) Vì lý do gì? Vì những A-la-hán và những người đã bước vào thánh đạo A-la-hán không tham dự sự cúng tế

• 53

bạo lực. "(3) Nhưng ta đề cao sự cúng tế phi bạo lực trong đó những trâu, bò, dê, cừu, gà, heo không bị sát hại, trong đó những sinh vật khác nhau không bị tàn sát, đó là, sự thường xuyên bố-thí, đó là sự dâng cúng theo phong tục của gia đình.709 (4) Vì lý do gì? Vì những A-la-hán và những người đã bước vào thánh đạo A-la-hán sẽ tham dự sự dâng cúng phi bạo lực."710 Cúng tế ngựa, cúng tế người, Sammāpāsa, vājapeyya, niraggaḷa:711 Những đại lễ tế như vậy, chứa đầy bạo lực,712 Đâu mang lại phước quả lớn nào. Bậc nhìn-thấy với chánh-hạnh, Không tham dự những màn cúng tế đó, Nơi mà dê, cừu, trâu, bò, Và những sinh vật bị tàn sát. Nhưng khi họ thường dâng cúng theo phong tục gia đình, Là những sự cúng tế không có bạo lực, Không có dê, cừu, trâu, bò, Hay những sinh vật bị giết hại. Đó là sự dâng cúng mà những bậc nhìn-thấy Với chánh-hạnh có tham dự, Người có trí biết dâng cúng loại này, Sự dâng cúng như vậy rất có phước quả. Với người biết dâng cúng như vậy, Điều đó thực sự tốt hơn, không bao giờ xấu hơn. Sự dâng cúng như vậy đích thực là lớn lao, Và những thiên thần cũng thấy vui lòng.

40 (10) Bà-la-môn Udāyī

54 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

Lúc đó có bà-la-môn tên là Udāyī đã đến gặp đức Thế Tôn … và nói với đức Thế Tôn:
[Phần lời kinh giống hệt lời kinh kế trên.]
Khi sự dâng cúng là hợp lúc và phải phép,
Được chuẩn bị kỹ càng và không có bạo lực,
Thì những người được tự-chủ về đời sống tâm linh,
Sẽ tham dự sự dâng cúng nhau vậy.
Những ai trong thế gian đã tháo bỏ những vỏ bọc,713
Là người đã vượt khỏi thời gian và số phận,714
Đó là những vị Phật biết rành rõ về sự cúng tế,715
Sẽ đề cao sự dâng cúng như vậy.
Sau khi đã chuẩn bị món quà thích hợp,
Dù là lễ dâng cúng bình thường, hay tưởng nhớ người đã chết,
Một người thực hiện sự dâng cúng với một cái tâm thành-tín,
Đối với những bậc chân tu,
Đó là ruộng công đức màu mỡ.
Khi những thứ gì có được một cách chân chính
Được cúng dường một cách chân chính,
Được dâng cúng một cách chân chính,

Cho những người xứng đáng được cúng dường,
Thì sự dâng cúng đó là lớn lao,
Và những thiên thần cũng vui lòng.
Người có-trí được phú cho niềm-tin,
Sau khi đã dâng cúng như vậy với cái tâm bố-thí,
Sẽ được tái sinh trong một cõi hạnh phúc,
Trong một nơi [cõi] không có khổ đau.
NHÓM 5. ROHITASSA

41 (1) Sự Định Tâm

• 55

"Này các Tỳ kheo, có bốn sự tu tập sự định-tâm. Bốn đó là gì? (1) Có sự tu tập sự định-tâm dẫn tới sự an trú hạnh phúc ngay trong kiếp này.716 (2) Có sự tu tập sự định-tâm dẫn tới sự chứng đắc sự-biết và sự-thấy. (3) Có sự tu tập sự định-tâm dẫn tới sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác). (4) Có sự tu tập sự định-tâm dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận). (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập sự định-tâm dẫn tới sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này? Ở đây: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.'

(ii) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.' (iii) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: 'Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).' (iv) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.'717 (2) "Và cái gì là sự tu tập sự định-tâm dẫn tới sự chứng đắc sự-biết và sự-thấy?718 Ở đây, một Tỳ kheo chú-tâm (tác ý) tới sự nhận-thức về ánh sáng; người đó tập trung vào sự nhận-thức về ban ngày như vầy: 'Ngày

sao, đêm vậy; đêm sao, ngày vậy.'719 Vậy đó, với một cái tâm mở rộng và không bị che phủ, người đó tu tập một cái tâm thấm nhuần sự chiếu sáng. Đây là sự tu tập sự định-tâm dẫn tới sự chứng đắc sự-biết và sự-thấy. (3) "Và cái gì là sự tu tập sự định-tâm dẫn tới sự chánh-niệm và sự rõ-biết? Ở đây, một Tỳ kheo biết những cảm-giác (thọ) khi

chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất; người đó biết những nhận-thức (tưởng) khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất; người đó biết những ý-nghĩ (hành) khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất.720 Đây là sự tu tập sự định-tâm dẫn tới sự chánh-niệm và sự rõ-biết. (4) "Và cái gì là sự tu tập sự định-tâm dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát sự khởi sinh và biến mất (sự sinh và diệt) trong năm uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn), như vầy: 'Này là sắc-thân (sắc), này là nguồn-gốc của nó, này là sự phai-biến của nó; này là cảm- giác (thọ) … này là nhận-thức (tưởng) … này là những sự tạo-tác cố ý (hành) … này là thức (thức), này là nguồn-gốc của nó … này là sự phai- biến của nó.' Đây là sự tu tập sự định-tâm dẫn tới sự tiêu-diệt ô-nhiễm. "Đây là bốn sự tu tập sự định-tâm. Và khi tham chiếu về điều này, ta đã nói trong phần "Những Câu Hỏi Của Puṇṇaka", thuộc chương "Pārāyana" (Qua Bờ Bên Kia, Đáo Bỉ Ngạn) như sau: "Sau khi đã hiểu rõ những thứ cao và thứ thấp của thế gian, Người đó không động vọng bởi bất cứ thứ gì trong thế gian. Bình an, hiền dịu, không bị rắc rối, hết mong cầu, Ta nói rằng, người đó đã vượt khỏi sinh-già." 721

42 (2) Những Câu Hỏi "Này các Tỳ kheo, có bốn cách này để trả lời những câu hỏi.722 Bốn đó là gì? (1) Có câu hỏi nên được trả lời một cách dứt-dạc (đúng hay sai); (2) có câu hỏi nên được trả lời sau khi phân-giải; (3) có câu hỏi nên được trả lời bằng câu-hỏi lại; và (4) có câu hỏi nên được bỏ qua (không trả lời;

như Phật, chỉ im lặng). Đây là bốn cách trả lời những câu hỏi."
Có câu hỏi được trả lời một cách dứt-khoát,
Có câu hỏi được trả lời sau khi phân-giải;
Loại thứ ba được trả lời bằng câu-hỏi lại,
Loại thứ tư thì nên bỏ qua.
Khi một Tỳ kheo biết cách trả lời,
Mỗi câu hỏi theo mỗi cách phù hợp,
Người đó được cho là thiện khéo,
Về bốn loại câu hỏi.
Người đó khó bị tấn công, khó bị đánh bại,
Sâu sắc, khó bị công kích;
Người đó biết giỏi về cả hai điều:
Điều gì ích lợi và điều gì gây hại.
Người có trí tránh điều gây hại,
Chỉ làm lấy những điều ích lợi,
Bằng cách đạt tới điều ích lợi,
Người vững chãi đó được gọi là hiền trí.
43 (3) Sự Tức Giận (1) "Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người coi trọng [đánh giá cao] sự tức giận, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; (2) người coi trọng sự chê bai, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; (3)

người coi trọng lợi lộc, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; (4) người coi trọng vinh, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành. Đây là bốn loại người được thấy có trong thế gian. “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người [khác] được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng sự tức giận; (2) người coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng sự chê bai; (3) người coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng lợi lộc; (4) người coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng vinh danh. Đây là

bốn loại người [khác] được thấy có trong thế gian.”
Những Tỳ kheo coi trọng sự tức giận và sự chê bai,
Coi trọng lợi lộc và vinh danh,
Thì không trưởng thành trong Giáo Pháp tốt lành,
Đã được chỉ dạy bởi bậc Giác Ngộ.
Nhưng những ai coi trọng Giáo Pháp thiện lành,
Là người sống trú như vậy trong quá khứ, và trong hiện tại,
Là thực sự trưởng thành trong Giáo Pháp,
Được chỉ dạy bởi bậc Giác Ngộ.
44 (4) Sự Tức Giận (2) “Này các Tỳ kheo, có bốn điều này trái với Giáo Pháp tốt lành. Bốn đó là gì? (1) Coi trọng sự tức giận, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; (2) coi trọng sự chê bai, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; (3) coi trọng lợi lộc, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; (4) coi trọng vinh danh, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành. Đây là bốn điều trái với Giáo Pháp tốt lành. “Này các Tỳ kheo, có bốn điều [khác] hợp với Giáo Pháp tốt lành. Bốn đó là gì? (1) Coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng sự tức giận; (2) coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng sự chê bai; (3) coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng lợi lộc; (4) coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng vinh danh. Đây là bốn điều [khác] hợp với Giáo Pháp tốt lành.” Những Tỳ kheo coi trọng sự tức giận và sự chê bai, Coi trọng lợi lộc và vinh danh, Thì như những hạt giống bị thối rữa trong ruộng đồng: Họ không trưởng thành trong Giáo Pháp tốt lành. Nhưng những ai coi trọng Giáo Pháp thiện lành, Là người sống trú như vậy trong quá khứ, và trong hiện tại, Thì giống như những cây dược thảo được tưới ướt:

Họ trưởng thành trong Giáo Pháp thiện lành.

45 (5) Rohitassa (1)723 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, khi đêm đã khuya, có một thiên thần trẻ tên Rohitassa, với vẻ đẹp rạng ngời, chiếu sáng toàn Khu Vườn Jeta, đã đến gặp đức Thế Tôn. Vị tiên kính lễ đức Thế Tôn, đứng sang một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, có thể nào, bằng cách du hành đến một nơi để biết, để thấy, hay để tới được chỗ kết-thúc thế giới (chỗ/trạng thái chấm dứt thế giới), nơi mà người ta không còn sinh ra, không già và chết, không bị chết và bị tái sinh?” “Này quý hữu [bạn], ta nói rằng chỉ bằng cách du hành thì không thể biết, thấy, hay tới được (đạt tới) chỗ kết-thúc thế giới, nơi mà

người ta không còn sinh ra, không già và chết, không bị chết và bị tái sinh." "Thật kỳ lạ và kỳ diệu, thưa Thế Tôn, cách mà đức Thế Tôn đã tuyên thuyết như vầy: 'Này quý hữu, ta nói rằng chỉ bằng cách du hành thì không thể biết, thấy, hay tới được (đạt tới) chỗ kết-thúc thế giới, nơi mà người ta không còn sinh ra, không già và chết, không bị chết và bị tái sinh.' "Thưa Thế Tôn, trong quá khứ, con từng là một người nhìn-thấy (người tiên kiến, người chánh kiến) có tên là Rohitassa, là con trai của Bhoja, con là người có được năng lực thần thông, có thể bay trên trời. Tốc độ (bay) của con (nhanh) như một mũi tên nhẹ được bắn bởi một cung thủ dùng loại cứng lớn724—đã được thao luyện, thiện thạo, và đầy kinh nghiệm725—bắn xuyên qua bóng một cây bối đa [palmyra]. Sải chân của con có thể bước từ bờ đông đại dương sang bờ tây. Lúc đó, khi con có được tốc độ và sải chân như vậy, một ước nguyện đã khởi sinh trong con như vầy: 'Ta sẽ đến được chỗ kết-thúc của thế giới nhờ sự du hành.' Nhờ có tuổi thọ 100 năm, sống được 100 năm, con đã du hành suốt 100 năm

không dừng lại, trừ những lúc ăn, uống, nhai, và nếm, đại tiện, và tiểu tiện, và ngủ để xua tan sự mệt mỏi; nhưng con đã qua đời dọc đường mà vẫn chưa tới được chỗ kết-thúc của thế giới. "Thật kỳ lạ và kỳ diệu, thưa Thế Tôn, cách mà đức Thế Tôn đã tuyên thuyết như vầy: 'Này quý hữu, ta nói rằng chỉ bằng cách du hành thì không thể biết, thấy, hay tới được (đạt tới) chỗ kết-thúc thế giới, nơi mà người ta không còn sinh ra, không già và chết, không bị chết và bị tái sinh.'" "Này quý hữu [bạn], ta nói rằng chỉ bằng cách du hành thì không thể biết, thấy, hay tới được (đạt tới) chỗ kết-thúc thế giới, nơi mà người ta không còn sinh ra, không già và chết, không bị chết và bị tái sinh. Và ta nói rằng, nếu không tới được chỗ kết-thúc thế giới thì không tới (làm) được sự chấm-dứt khổ. Chính trong cái thân dài hơn một thước tám này có [được phú cho] nhận-thức và tâm, ta tuyên bố về (1) thế giới, (2) nguồn-gốc thế giới, (3) sự chấm-dứt của thế giới, và (4) con-đường dẫn tới sự chấm-dứt thế giới." Chỗ kết-thúc thế giới không bao giờ tới được, Bằng cách đi du hành [khắp thế giới]. Nhưng nếu không tới được chỗ kết-thúc thế giới, Thì không đạt tới sự chấm-dứt khổ. Vì vậy người có trí, người hiểu biết thế giới, Là người đã đạt tới chỗ chấm-dứt thế giới, Sau khi đã biết chỗ chấm-dứt thế giới, vị đó được bình an, Không còn mong muốn thế giới này hay thế giới nào khác.

46 (6) Rohitassa (2) Rồi khi đêm đã qua, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần trẻ tên Rohitassa, với vẻ đẹp rạng ngời, chiếu sáng toàn Khu Vườn Jeta, đã

đến gặp ta. Vị tiên kính lễ ta, đứng sang một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, có thể nào, bằng cách du hành đến một nơi để biết, để thấy, hay để tới được chỗ kết-thúc thế giới (chỗ/trạng thái chấm dứt thế giới), nơi mà người ta không còn sinh ra, không già và chết, không bị chết và bị tái sinh?" [Phần còn lại giống nội dung kinh kế trên, gồm cả phần thi kệ, chỉ khác là được kể trực tiếp bởi Phật.]

47 (7) Rất Xa Nhau “Này các Tỳ kheo, có bốn cặp này cực kỳ xa nhau. Bốn đó là gì? (1) Trời và đất. (2) Bờ này [gần] và bờ kia [xa] của đại dương. (3) Nơi mặt trời mọc và nơi nó lặn. (4) Giáo lý của người tốt thiện và giáo lý của người xấu ác. Đây là bốn cặp cực kỳ xa nhau.” Trời và đất xa vời nhau, Bờ này bờ kia của đại dương xa vời nhau, Và nơi mặt trời mọc và lặn cũng rất xa nhau. Nhưng còn xa nhau hơn nhiều, Là giáo lý của người thiện và giáo lý của người ác.726 Người đi theo những người thiện thì bền lòng, Thủy chung, trước sau như một. Người theo những người ác thì đổi thay, tráo trở; Do vậy mới nói giáo lý của người tốt thiện, Là rất xa vời với giáo lý của người xấu ác.

48 (8) Visākha727 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Visākha Pañcāliputta đang chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo trong hội trường (chỗ tụ họp của các Tỳ kheo, chỗ hội chúng,

sảnh đường) bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, [được nói] bằng lời nói được trau chuốt, rõ ràng, rõ tiếng, giảng bày một cách hay khéo ý nghĩa, sâu rộng, và không dính chấp (cản trở). Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến hội đường. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, (lúc nãy) ai đã đang chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo trong hội đường này bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, [được nói] bằng lời nói được trau chuốt, rõ ràng, rõ tiếng, giảng bày một cách hay khéo ý nghĩa, sâu rộng, và không dính chấp, như vậy?” “Đó là Ngài Visākha Pañcāliputta, thưa Thế Tôn.” Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Visākha Pañcāliputta như vầy: “Tốt, tốt, này Visākha! Tốt thay thầy đã chỉ dạy các Tỳ kheo bằng một cuộc nói chuyện Giáo Pháp như vậy.” Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vầy: “Khi người trí ở giữa những người ngu, Họ không biết vị đó nếu vị đó không thuyết giảng.728 Nhưng họ sẽ biết vị đó nếu vị đó thuyết giảng, (Và) chỉ ra trạng thái bất-tử (sự giải thoát). “Vị đó nên nói và giảng giải Giáo Pháp Vị đó giương cao ngọn cờ của bậc nhìn-thấy. Những lời thuyết hay khéo là ngọn cờ của bậc nhìn-thấy: Bởi Giáo Pháp là ngọn cờ của những bậc nhìn-thấy.”

49 (9) Những Sự Đảo Điên “Này các Tỳ kheo, có bốn sự đảo điên (đảo lộn, sai lệch) của nhận- thức (tưởng), sự đảo điên của tâm, và sự đảo điên của cách-nhìn (kiến).729 Bốn đó là gì? (1) Sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là coi thứ

vô thường là thường hằng; (2) sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách- nhìn là coi thứ khổ là sướng;730 (3) sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là coi thứ vô ngã là bản ngã; (4) sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là coi thứ không hấp dẫn (ô uế, không sạch, bất tịnh, không đẹp đẽ) là hấp dẫn (đáng thích, sạch, tịnh, đẹp đẽ). Đây là bốn sự đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn. “Này các Tỳ kheo, có bốn sự không đảo điên của nhận-thức, sự không đảo điên của tâm, và sự không đảo điên của cách-nhìn. Bốn đó là gì? (1) Sự không đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là coi

thứ vô thường là vô thường; (2) sự không đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách- nhìn là coi thứ khổ là khổ; (3) sự không đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn là coi thứ vô ngã là vô ngã; (4) sự không đảo điên của nhận- thức, tâm, và cách-nhìn là coi thứ không hấp dẫn là không hấp dẫn. Đây là bốn sự không đảo điên của nhận-thức, tâm, và cách-nhìn." Thứ vô thường mà nhận thức (tưởng) là thường hằng, Thứ khổ đau mà nhận thức là sướng, Thứ vô ngã mà nhận thức là bản ngã, Và thứ không hấp dẫn mà nhận thức là hấp dẫn. Chúng sinh cứ nương theo cách-nhìn sai lạc (tà kiến),731 Tâm họ bị đảo lộn, nhận-thức họ bị vặn vẹo. Họ như vậy cứ bị trói buộc bởi gông cùm của Ma Vương, Không thể đạt tới sự an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc. Chúng sinh cứ liên tục trong vòng luân-hồi, Cứ mãi đi trong sinh tử. Nhưng khi những vị Phật khởi sinh trong thế gian, Phát chiếu hào quang sáng tỏ, Họ cho thấy Giáo Pháp này, Dẫn tới sự làm lắn lặn sự khổ. Sau khi nghe được Giáo Pháp, Người trí lấy lại được sự sáng suốt,

Họ nhìn thấy những thứ vô thường là vô thường,
Và những thứ khổ là khổ.
Họ nhìn thấy những thứ vô ngã là vô ngã,
Những thứ không hấp dẫn là không hấp dẫn.
Nhờ sự thu-nạp chánh-kiến như vậy,
Họ đã vượt qua tất cả sự khổ.

50 (10) Những Ô Nhiễm "Này các Tỳ kheo, có bốn sự ô-nhiễm này do chúng mà mặt trời và mặt trăng không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng. Bốn đó là gì? Mây-mù là một ô-nhiễm do đó mà mặt trời và mặt trăng không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng; sương-mù là một ô-nhiễm732... khói-bụi là một ô- nhiễm ... và Rāhu, vua của những quỷ thần, là một ô-nhiễm do đó mà mặt trời và mặt trăng không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có bốn sự ô-nhiễm của những tu sĩ và bà-la-môn do chúng mà họ không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng. Bốn đó là gì? (1) "Có những tu sĩ và bà-la-môn uống rượu nặng rượu nhẹ (hay bia) và không kiêng cữ việc uống rượu bia. Đây là sự ô-nhiễm thứ nhất do đó mà những tu sĩ và bà-la-môn không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng. (2) "Có những tu sĩ và bà-la-môn mê thích dâm dục và không kiêng cữ sự dâm dục. Đây là sự ô-nhiễm thứ hai do đó mà những tu sĩ và bà-la- môn không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng. (3) "Có những tu sĩ và bà-la-môn nhận vàng bạc và không kiêng cữ việc nhận vàng bạc (Tỳ kheo thì bị cấm theo giới luật). Đây là sự ô-nhiễm thứ ba do đó mà những tu sĩ và bà-la-môn không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng. (4) "Có những tu sĩ và bà-la-môn sống bằng sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) và không kiêng cữ sự mưu-sinh sai trái. Đây là sự ô-nhiễm thứ tư

do đó mà những tu sĩ và bà-la-môn không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng.
"Đây là bốn sự ô-nhiễm của những tu sĩ và bà-la-môn do chúng mà những tu sĩ và bà-la-môn không tỏa sáng, chiếu sáng, và phát sáng."733
Có những tu sĩ và bà-la-môn,

Bị lôi kép lếch la bởi tham-dục và sân-giận;
Những người bị che cản bởi vô-minh,
Thì cứ đi tìm những thứ khoái-lạc.
Họ uống rượu uống bia,
Mê đắm tính dục;
Những kẻ ngu si đó,
Cũng nhận lấy tiền bạc quý kim.
Có những tu sĩ và bà-la-môn,
Sống bằng việc mưu-sinh sai trái.
Đó là những ô-nhiễm mà Đức Phật—
Bậc hậu duệ của Thái Dương—đã mô tả.
Do bị ô nhiễm bởi những điều đó
Nên có những tu sĩ và bà-la-môn—
Những chúng sinh không sạch và bụi bẩn—734
Không thể tỏa sáng và chiếu sáng.
Bị che lấp trong màn đêm,
Làm nô lệ cho dục-vọng, bị dẫn dắt suốt
Họ nhận lấy sự tái hiện-hữu (rồi lại chết),
Và lấp đầy thêm những mộ địa khủng khiếp.
66 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

• 67

[Năm Mươi Kinh Thứ Hai]

NHÓM 1. NHỮNG DÒNG CHẢY PHƯỚC ĐỨC

51 (1) Những Dòng Phước Đức (1) “Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy này của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người cúng dường. Bốn đó là gì?735 “Khi một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trong sự định-tâm vô lượng của tâm736 trong khi đang hưởng dụng (1) y-phục [đã được cúng dường cho mình], thì người [cúng dường; thí chủ] tích tạo một dòng chảy của phước-đức vô lượng, là dòng chảy của điều thiện, một dưỡng chất của hạnh phúc … dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của thí chủ đó … (2) thức-ăn … (3) chỗ-ở … (4) thuốc-thang và chu cấp cho người bệnh [đã được cúng dường cho mình], thì người [cúng dường; thí chủ] tích tạo một dòng chảy của phước-đức vô lượng, dòng chảy của điều thiện, một dưỡng chất của hạnh phúc … dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của thí chủ đó. “Đây là bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, là những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người cúng dường. “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh

thiện có-được bốn dòng chảy của phước-đức, là bốn dòng chảy của điều thiện, thì không dễ gì đo lường phước-đức của người đó mà nói: ‘Dòng chảy phước-đức của người đó, là dòng chảy của điều thiện, dưỡng chất của hạnh phúc của người đó

là nhiều bao nhiêu vầy hay bao nhiêu vậy’; mà phải coi đó là một khối phước-đức khổng lồ, vô lường, vô lượng. “Này các Tỳ kheo, giống như không dễ gì đo lường nước trong đại dương mà nói: ‘Có rất nhiều thùng nước’, hay ‘nhiều trăm thùng nước’, hay ‘nhiều ngàn thùng nước’, hay ‘nhiều trăm ngàn thùng nước’ như vầy hay như vậy; mà phải coi đó là một khối nước khổng lồ, vô lường, vô lượng. Cũng giống như vậy, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn dòng chảy phước-đức … phải coi đó là một khối phước-đức khổng lồ, vô lường, vô lượng.” “Như nhiều dòng sông được dùng bởi bao quần chúng, Đều chảy xuống dốc, Cuối cùng ra tới biển, Thành một khối nước khổng lồ, một biển nước vô biên, Bể chứa đáng sợ, lại chứa đầy châu báu; “Giống vậy, những dòng chảy ùa (phước đức) tới người có trí— Là người biết bố thí thức ăn, thức uống, y phục, [Chúng ùa tới] người bố thí giường chiếu, chỗ ngồi, và chăn mền— Như những dòng sông mang nước ùa ra biển cả.”

52 (2) Những Dòng Phước Đức (2) 737 “Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người cúng dường. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, một người đệ tử thánh thiện có được niềm-tin không lay chuyển vào Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã hoàn thiện về sự hiểu-biết đích-thực (chân trí) và đức-hạnh, bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế gian, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc

Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Đây là dòng chảy thứ nhất của phước-đức … (2) “Lại nữa, một người đệ tử thánh thiện có được niềm-tin không lay chuyển vào Giáo Pháp như vầy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’ Đây là dòng chảy thứ hai của phước-đức … (3) “Lại nữa, một người đệ tử thánh thiện có được niềm tin không lay chuyển vào Tăng Đoàn như vầy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh thẳng, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’ Đây là dòng chảy thứ ba của phước-đức … (4) “Lại nữa, một người đệ tử thánh thiện có được những giới-hạnh ‘mà những bậc thánh quý trọng (quý giá), (chúng) không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, bị vết ố, mang tính giải thoát, được

khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.’ Đây là dòng chảy thứ tư của phước-đức … “Đây là bốn dòng chảy của phước-đức, là những dòng chảy của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người cúng dường.” Khi người có niềm-tin vào Như Lai, (Niềm-tin) bất lay chuyển và được thiết lập thiện khéo, Và những giới-hạnh là tốt thiện Được những bậc thánh nhân yêu quý và khen ngợi;

Khi người đã có niềm-tin vào Tăng Đoàn Và cách-nhìn của người đó đã được chánh trực,

Thì người ta nói rằng người đó là không nghèo nàn, Rằng đời sống của người đó là không vô ích.

Bởi vậy một người thông minh,
Ghi nhớ lời dạy của Đức Phật,
Nên chú ý đến niềm-tin và giới-hạnh,
Đến sự tự-tin và tầm-nhìn của Giáo Pháp.738
53 (3) Sống Chung (1) Trong một lần khi đức Thế Tôn đang đi trên đường lộ từ Madhurā tới Verañjā, và có một số người gồm các gia chủ và các bà vợ cũng đang đi trên tuyến đường đó. Rồi đức Thế Tôn bước ra khỏi đường lộ và đến ngồi dưới một gốc cây. Các gia chủ và các bà vợ của họ nhìn thấy Đức Thế Tôn đang ngồi đó, họ đến gặp, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ: “Này các gia chủ, có bốn sự sống chung [hôn nhân]. Bốn là gì? Một kẻ bất hạnh sống với một kẻ bất hạnh; một kẻ bất hạnh sống với một nữ thiên thần; một thiên thần sống với một kẻ bất hạnh; một thiên thần sống với một nữ thiên thần. (1) “Và theo cách nào là một kẻ bất hạnh sống với một kẻ bất hạnh?739 Ở đây, này các gia chủ, người chồng thì sát-sinh, gian-cắp, tà- dâm ngoại tình, nói-dối nói láo, và rượu chè hút chích, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật; người chồng thiếu đạo đức, thuộc tính cách xấu ác; người chồng sống ở nhà với một cái tâm bị dính nhiễm tính keo kiệt; người chồng chê bai và chửi mắng những tu sĩ và bà-la-môn. Và người vợ thì cũng có đầy những tính xấu y như vậy. Theo cách như vậy là một kẻ bất hạnh đang sống với một kẻ bất hạnh. (2) “Và theo cách nào là một kẻ bất hạnh sống với một nữ thiên thần? Ở đây, này các gia chủ, người chồng thì sát-sinh … chê bai và chửi mắng những tu sĩ và bà-la-môn. Nhưng người vợ thì sống không sát-sinh …

không rượu chè hút chích; người vợ thì đức hạnh, thuộc tính cách thiện; người vợ sống ở nhà với cái tâm không bị dính nhiễm tính keo kiệt; người vợ không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Theo cách như vậy là một kẻ bất hạnh đang sống với một nữ thiên thần. (3) “Và theo cách nào là một thiên thần sống với một kẻ bất hạnh? Ở đây, này các gia chủ, người chồng sống không sát-sinh … không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Nhưng người vợ thì sát-sinh … chê bai và chửi mắng các tu sĩ và

bà-la-môn. Theo cách như vậy là một thiên thần đang sống với một kẻ bất hạnh. (4) “Và theo cách nào là một thiên thần sống với một nữ thiên thần? Ở đây, này các gia chủ, người chồng sống không sát-sinh … không rượu chè, hút chích; người chồng thì đức hạnh, thuộc tính cách thiện; người chồng sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo kiệt; người chồng không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Và người vợ cũng có đầy những tính tốt y như vậy. Theo cách như vậy là một thiên thần đang sống với một thiên thần. “Này các gia chủ, đó là bốn sự sống chung.” Khi cả hai đều thất đức, Ti tiện và chửi bới, Đó là vợ và chồng, Sống chung như những kẻ chết rồi. Khi người chồng là thất đức, Ti tiện và chửi bới, Nhưng vợ thì đức hạnh, Rộng lòng, từ thiện. Cô ấy là nữ thiên thần, Sống chung với một kẻ chết rồi. Khi người chồng là đức hạnh, Rộng lòng, từ thiện, Nhưng vợ thì thất đức,

Ti tiện và chửi bới,
Cô ấy là kẻ đã chết rồi,
Sống chung với một thiên thần.
Nếu vợ và chồng được phú cho niềm-tin,
Từ thiện và biết tự chủ,
Sống cuộc đời chân chính,
Nói với nhau bằng những lời dễ chịu.
Thì nhiều ích lợi được tích lũy cho họ
Và họ sống an ổn.
Những kẻ thù ghét họ sẽ buồn rầu,
Khi (thấy) cả hai họ đều giống nhau về giới-hạnh.
Sau khi đã thực hành Giáo Pháp ở đây,
Cùng sống trong giới-hạnh và những sự giữ-giới,
Vui thích một cõi trời [sau khi chết],
Cùng hân hoan, hưởng những dục lạc (cõi tiên).

54 (4) Sống Chung (2) “Này các Tỳ kheo, có bốn sự sống chung [hôn nhân]. Bốn là gì? Một kẻ bất hạnh sống với một kẻ bất hạnh; một kẻ bất hạnh sống với một nữ thiên thần; một thiên thần sống với một kẻ bất hạnh; một thiên thần sống với một nữ thiên thần. [Phần tiếp theo, gồm cả phần thi kệ, giống hệt như kinh kế trên.]

55 (5) Sống Giống Nhau (1) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Bhagga, gần Suṃsumāragiri, trong khu Vườn Nai ở khu rừng Bhesakalā. Một buổi sáng đức Thế Tôn mặc y phục, mang cà sa và bình bát đi tới nhà của gia chủ tên Nakulapitā. Sau khi đến nơi, đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi gia chủ Nakulapitā và vợ của ông ta là Nakulamātā ra

gặp đức Thế Tôn, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên.740 Sau khi ngồi xuống như vậy, gia chủ Nakulapitā thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, kể từ khi

người vợ trẻ Nakulamātā được cưới về nhà cho con từ khi con vẫn còn trẻ, con không nhớ mình đã từng làm gì trái phạm với vợ con dù trong ý-nghĩ, càng không có trong hành-động. Thưa Thế Tôn, chúng con ước chúng con gặp nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau." Rồi đến lượt người vợ Nakulamātā đã thưa với đức Thế Tôn như vầy: "Thưa Thế Tôn, kể từ khi con được cưới về nhà của người chồng trẻ Nakulapitā từ khi con vẫn còn là cô gái trẻ, con không nhớ mình đã từng làm gì trái phạm với chồng con dù trong ý-nghĩ, càng không có trong hành-động. Thưa Thế Tôn, chúng con ước chúng con gặp nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau." Rồi đức Thế Tôn đã nói như vầy: "Này gia chủ, nếu cả vợ và chồng cùng mong ước gặp nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau, thì hai người phải có cùng niềm-tin, cùng giới-hạnh, cùng sự rộng lòng bố-thí, cùng trí-tuệ; nếu được vậy thì hai người sẽ được gặp nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau." Khi cả vợ và chồng được phú cho niềm-tin, Từ thiện và tự chủ Cùng sống cuộc đời một cách chân chính, Nói với nhau bằng những lời dễ chịu. Thì nhiều ích lợi được tích lũy cho họ Và họ sống an ổn. Những kẻ thù ghét họ sẽ buồn rầu, Khi (thấy) cả hai họ đều giống nhau về giới-hạnh. Sau khi đã thực hành Giáo Pháp ở đây, Cùng sống trong giới-hạnh và những sự giữ-giới, Vui thích một cõi trời [sau khi chết], Cùng hân hoan, hưởng những dục lạc (cõi tiên).

74 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

56 (6) Sống Giống Nhau (2) "Này các Tỳ kheo, nếu cả vợ và chồng đều mong ước nhìn thấy nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau, thì họ nên có cùng niềm- tin, cùng giới-hạnh, cùng sự rộng lòng bố-thí, cùng trí-tuệ; nếu được vậy thì hai người sẽ nhìn thấy nhau không chỉ trong kiếp này mà trong cả kiếp sau." [Phần thi kệ giống hệt của kinh kế trên.]

57 (7) Suppavāsā Trong một lần khi đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Koliya (Câu-lợi), gần một thị trấn của họ có tên là thị trấn Sajjanela. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nhà của một cô con gái người Kolia tên là Suppavāsā, đến nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn.741 Cô Suppavāsā người Koliya đã đích thân bằng tay mình phục vụ và làm hài lòng Thế Tôn bằng nhiều thứ món ăn ngon. Sau khi đức Thế Tôn ăn xong bữa và dẹp bình bát qua một bên, cô Suppavāsā ngồi xuống một bên, và đức Thế Tôn đã nói với cô: "Này Suppavāsā, một nữ đệ tử thánh thiện, bằng sự cúng dường thức- ăn là cô cho tặng bốn thứ cho những người nhận thức ăn. Bốn đó là gì? Cô cho tặng tuổi-thọ, sắc-đẹp, hạnh-phúc, sức-mạnh, và sự sáng-suốt. (1) Bằng sự cho tặng tuổi-thọ, bản thân cô sẽ được phú cho tuổi-thọ, cho dù (sau này tái sinh) ở cõi người hay cõi trời. (2) Bằng sự cho tặng sắc-đẹp, bản thân cô sẽ được phú cho sắc-đẹp, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (3) Bằng sự cho tặng hạnh phúc, bản thân cô sẽ được phú cho hạnh phúc, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (4) Bằng cách cho tặng sức-mạnh, bản thân cô sẽ được phú cho sức-mạnh, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Một nữ đệ tử thánh thiện, bằng sự cúng dường thức-ăn là cho tặng bốn thứ nói trên cho những người nhận thức ăn."

• 75

Khi một người bố thí thức-ăn được chuẩn bị kỹ càng,
Sạch, ngon, thơm,
Cho những bậc chánh trực là những người
Được tán dương và có đức hạnh xuất sắc,
Thì sự cúng dường đó, vốn nối kết công đức với công đức,
Được khen ngợi kà đày phước quả742
Bởi những bậc hiểu-biết thế gian.
Những ai tưởng niệm sự bố-thí như vậy,
Thì họ sống trong thế gian được khích lệ bởi niềm hoan-hỷ.
Sau khi đã loại bỏ ô-nhiễm của tánh keo-kiệt và gốc rễ của nó,
Không bị chê trách (phi tội lỗi), họ đi lên cõi trời.

58 (8) Sudatta Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc [Sudatta Anāthapiṇḍika] đến gặp đức Thế Tôn. Rồi Đức Thế Tôn đã nói với ông: “Này gia chủ, một đệ tử thánh thiện, bằng sự cúng dường thức-ăn là người đó cho tặng bốn thứ cho những người nhận thức ăn. Bốn đó là gì? Người đó cho tặng tuổi-thọ, sắc-đẹp, hạnh-phúc, sức-mạnh, và sự sáng- suốt. (1) Bằng sự cho tặng tuổi-thọ, người đó sẽ được phú cho tuổi-thọ, cho dù (sau này tái sinh) ở cõi người hay cõi trời. (2) Bằng sự cho tặng sắc-đẹp, người đó sẽ được phú cho sắc-đẹp, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (3) Bằng sự cho tặng hạnh phúc, người đó sẽ được phú cho hạnh phúc, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (4) Bằng sự cho tặng sức-mạnh, người đó sẽ được phú cho sức-mạnh, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Một đệ tử thánh thiện, bằng sự cúng dường thức-ăn là cho tặng bốn thứ nói trên cho những người nhận thức ăn.” Khi một người cung kính cúng dường thức-ăn đúng thời lúc, Cho những bậc tự-chủ ăn những thứ người khác bố thí, Là coi như cung cấp cho họ bốn thứ: Tuổi thọ, sắc-đẹp, hạnh phúc, và sức mạnh.

Người cho tặng tuổi-thọ và sắc đẹp,
Cho tặng hạnh phúc và sức mạnh,
Thì sau này sẽ có được tuổi thọ và thanh danh,
Cho dù tái sinh ở nơi nào.

59 (9) Thức-ăn “Này các Tỳ kheo, khi một thí chủ cúng dường thức-ăn là người đó cho tặng bốn thứ cho những người nhận thức-ăn. Bốn đó là gì? Người đó cho tặng tuổi-thọ, sắc đẹp, hạnh phúc, và sức-mạnh … [tiếp tục y hệt kinh kế trên, cho tới:] … Này các Tỳ kheo, khi một thí chủ cúng dường thức-ăn là người đó cho tặng bốn thứ nói trên cho những người nhận thức-ăn.” [Phần thi kệ giống hệt kinh kế trên.]

60 (10) Sự Thực Hành Đúng Đắn Của Người Tại Gia Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói với ông: “Này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện có được bốn phẩm chất này là đang thực hành theo cách đúng đắn đối với người tại gia, là một đưa đến sự đạt được thanh danh và dẫn tới cõi trời. Bốn đó là gì? “Ở đây, này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết phục vụ Tăng Đoàn những Tỳ kheo bằng những y-phục; người đó phục vụ Tăng Đoàn những Tỳ kheo bằng thức-ăn … chỗ-ở …

thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh.743 “Này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện có được bốn phẩm chất này là đang thực hành theo cách đúng đắn đối với người tại gia, là một cách dẫn tới sự đạt được thanh danh và dẫn tới cõi trời.” Khi người có trí thì thực hành, Theo cách đúng đắn đối với hàng đệ tử tại gia, họ phục vụ

• 77

Những Tỳ kheo có giới-hạnh và có hành vi chánh trực,
Những y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang:
Thì đối với họ cả ngày và đêm,
Công đức luôn gia tăng;
Sau khi đã làm những nghiệp xuất sắc như vậy,
Họ sẽ qua đời lên một cõi trời.

NHÓM 2. NHỮNG VIỆC LÀM XỨNG ĐÁNG

61 (1) Những Việc Làm Xứng Đáng Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói với ông: (I) “Này gia chủ, có bốn điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) “Người ta nghĩ: ‘Cầu cho sự giàu có đến với tôi một cách chân chính!’ Đây là điều thứ nhất được mong ước nhưng khó đạt được trong thế gian. (2) “Sau khi có được sự giàu có một cách chân chính, người ta lại nghĩ: ‘Cầu cho danh tiếng đến với tôi và người thân và những vị thầy thụ giới của tôi!’744 Đây là điều thứ hai được mong ước nhưng khó đạt được trong thế gian. (3) “Sau khi có được sự giàu có một cách chân chính và có được danh tiếng cho mình và cho người thân và những vị thầy thụ giới của mình, người ta lại nghĩ: ‘Cầu cho tôi sống lâu và hưởng được tuổi thọ!’ Đây là điều thứ ba được mong ước nhưng khó đạt được trong thế gian. (4) “Sau khi có được sự giàu có một cách chân chính và có được danh tiếng cho mình và cho người thân và những vị thầy thụ giới của mình, và sống lâu và hưởng được tuổi thọ của mình, người ta lại nghĩ: ‘Khi thân tan

rã, sau khi chết, cầu cho tôi được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời!’ Đây là điều thứ tư được mong ước nhưng khó đạt được trong thế gian. “Đây là bốn điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian. (II) “Này gia chủ, có bốn điều [khác] dẫn tới đạt được bốn điều (mong ước) nói trên. Bốn đó là gì? Sự thành tựu về niềm-tin, sự thành tựu về giới-hạnh, sự thành tựu về sự rộng lòng bố-thí, và sự thành tựu về trí- tuệ. (1) “Và, này gia chủ, cái gì là sự thành tựu về niềm-tin? Ở đây, một người đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin; người đó đặt niềm-tin vào sự giác ngộ của Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã thành tựu về trí-biết trực tiếp (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế gian, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Đây được gọi là sự thành tựu về niềm-tin. (tín) (2) “Và cái gì là sự thành tựu về giới-hạnh? Ở đây, một người đệ tử thánh thiện kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ (bia) và dùng các chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây là sự thành tựu về

giới-hạnh. (giới). (3) “Cái gì là thành tựu về sự rộng lòng bố-thí? Ở đây, một người đệ tử thánh thiện sống tại gia với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo kiệt, rộng lòng hào hiệp, mở rộng bàn tay, vui thích sự từ bỏ, đóng góp từ thiện, thích sự cho đi và chia sẻ.’ Đây được gọi là sự thành tựu về sự rộng lòng bố-thí. (thí) (4) “Và cái gì là sự thành tựu về trí-tuệ? Nếu một người sống với cái tâm (trái tim, lòng dạ) bị chinh phục bởi sự thèm-muốn và sự tham-lam bất chính, thì người đó cứ làm những việc phải nên tránh bỏ và không làm bổn phận nên làm, do vậy danh tiếng và hạnh phúc của người đó sẽ bị hủy hoại. Nếu người đó sống với một cái tâm bị chinh phục bởi sự ác-ý … bởi

sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … bởi sự bất-an và hối-tiếc … bởi sự nghi-ngờ, thì người đó cứ làm những việc phải nên tránh bỏ và không làm bổn phận nên làm, do vậy danh tiếng và hạnh phúc của người đó sẽ bị hủy hoại. “Này gia chủ, khi một người đệ tử thánh thiện đã hiểu được như vầy: ‘Sự thèm-muốn và sự tham-lam bất chính là một sự ô-nhiễm của tâm’, thì người đó dẹp bỏ nó. Khi người đó hiểu được như vầy: ‘Sự ác-ý … ‘Sự đờ- đẫn và buồn-ngủ … ‘Sự bất-an và hối-tiếc … ‘Sự nghi-ngờ là một sự ô- nhiễm của tâm’, thì người đó dẹp bỏ nó. “Này gia chủ, khi một người đệ tử thánh thiện đã hiểu được như vầy: ‘Sự thèm-muốn và sự tham-lam bất chính là một sự ô-nhiễm của tâm’ và dẹp bỏ nó; khi người đó hiểu được như vầy: ‘Sự ác-ý … ‘Sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … ‘Sự bất-an và hối-tiếc … ‘Sự nghi-ngờ là một sự ô-nhiễm của tâm’ và dẹp bỏ nó, thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện có trí-tuệ lớn, có trí-tuệ rộng, là người nhìn thấy tầm-cỡ,745 người đã thành tựu về trí-tuệ. Đây được gọi là sự thành tựu về trí-tuệ. “Này gia chủ, đây là bốn điều [khác] dẫn tới đạt được bốn điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó mà đạt được trong thế gian. (III) “Với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính, người đệ tử thánh thiện đảm nhận làm bốn việc xứng đáng. Bốn đó là gì? (1) Với tài sản được làm ra như vậy, người đó (i) làm cho bản thân mình hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho mình được hạnh phúc như vậy; người đó (ii) làm cho cha mẹ hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy; người đó (iii) làm cho vợ con mình, người ở, người làm, và người phục vụ hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy; người đó (iv) làm cho bạn bè và đồng sự hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy. Đây là

trường hợp thứ nhất tài sản đã được tiêu dùng tốt, được sử dụng một cách đúng đắn, và được dùng cho lý do xứng đáng. (2) “Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện biết chia ra các khoản dự phòng rủi ro bị mất mát do hỏa hoạn và lũ lụt, bị cướp hoặc bị tịch thu bởi các vua chúa, hoặc bị chiếm đoạt bởi những người thừa kế bất nghĩa; người đó làm cho bản thân mình được an toàn khỏi những rủi ro đó. Đây là trường hợp thứ hai tài sản đã được tiêu dùng tốt, được sử dụng một cách đúng đắn, và được dùng cho lý do xứng đáng. (3) “Thêm nữa, này gia chủ, với

tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện biết thực hiện năm loại cúng lễ: đối với những người thân thuộc, khách khứa, ông bà tổ tiên, nhà vua, và các thiên thần. Đây là trường hợp thứ ba tài sản đã được tiêu dùng tốt, được sử dụng một cách đúng đắn, và được dùng cho lý do xứng đáng. (4) “Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện thiết lập một sự cúng dường cao thượng là cúng dường thức ăn—đó là một sự cúng dường thuộc cõi trời (phạm trú thí),746 dẫn tới an lạc, đưa đến (tái sinh) cõi trời—cho những tu sĩ và những bà-la-môn là những người đã kiềm chế khỏi sự say-sưa (phù hoa) và sự lơ-tâm phóng dật, những người đã sống an-định trong sự nhẫn-nhịn và hiền-từ, là những người thuần-hóa hóa bản thân mình, làm tĩnh-lặng bản thân mình, và tu- tập bản thân để đạt tới Niết-bàn. Đây là trường hợp thứ tư tài sản đã được tiêu dùng tốt, đã được sử dụng một cách đúng đắn, và đã được dùng cho lý do xứng đáng. “Này gia chủ, đó là bốn việc xứng đáng mà người đệ tử thánh thiện đảm nhận làm với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính. “Đối với ai tiêu xài tài sản vào chỗ khác ngoài bốn việc xứng đáng này, thì tài sản đó được cho là đã bị tiêu xài lãng phí, đã bị phung phí, và

đã bị sử dụng một cách vô công ích. Nhưng đối với ai biết tiêu dùng tài sản vào bốn việc xứng đáng nói trên, thì tài sản đó cho là đã được tiêu dùng tốt, được sử dụng một cách đúng đắn, và được dùng cho lý do xứng đáng.” “Tôi đã hưởng thụ sự tài sản, Đã nuôi nấng những người thân, Và đã vượt qua những nghịch cảnh. Tôi đã làm sự cúng dường cao thượng, Và đã thực hiện năm sự dâng cúng. Tôi đã phục vụ những Tỳ kheo đức hạnh, Là những vị tự chủ sống độc thân.747 “Tôi đã thành tựu mọi mục đích, Mà một người trí, đang sống tại gia Có thể muốn làm khi mong cầu sự giàu có. Những việc tôi đã làm tôi không hề hối tiếc.” Tưởng niệm điều này, một người sinh tử Giữ mình ổn định trong Giáo Pháp thánh thiện. Người ta khen ngợi người đó ở đây trong kiếp này. Và sau khi chết người đó hưởng phước trên cõi trời.

62 (2) Không Bị Nợ Nần Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói với ông: “Này gia chủ, có bốn loại hạnh-phúc có thể đạt được bởi một người tại gia sống đời thụ hưởng khoái-lạc giác quan (dục lạc) tùy lúc và tùy thời. Bốn đó là gì? Đó là hạnh-phúc khi có tài sản, hạnh-phúc khi hưởng thụ, hạnh-phúc vì không nợ nần, và hạnh-phúc vì không tội-lỗi.748

(1) “Và, này gia chủ, cái gì là hạnh-phúc khi có tài sản? Ở đây một người tại gia sở hữu tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích

lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính. Mỗi khi người đó nghĩ: ‘Tôi sở hữu tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát … có được một cách chân chính’, thì người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc và vui mừng. Đây được gọi là niềm hạnh-phúc khi có tài sản. (2) “Và,

này gia chủ, cái gì là hạnh-phúc khi hưởng thụ? Ở đây, với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính, một người tại gia được thụ hưởng của cải và làm những việc công đức. Mỗi khi người đó nghĩ: 'Với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát … có được một cách chân chính, tôi được hưởng thụ của cải của tôi và làm những việc công đức', thì người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc và vui mừng. Đó được gọi là niềm hạnh-phúc khi thụ hưởng. (3) "Và, này gia chủ, cái gì là hạnh-phúc vì không bị nợ nần? Ở đây một người tại gia không nợ bất cứ ai ở mức độ nào, dù lớn hay nhỏ. Mỗi khi người đó nghĩ: 'Tôi không nợ bất cứ ai ở mức độ nào, dù lớn hay nhỏ', thì người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc và vui mừng. Đó được gọi là niềm hạnh-phúc vì không bị nợ nần. (4) "Và, này gia chủ, cái gì là hạnh-phúc vì không tội lỗi? Ở đây, này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện được phú cho hành-động của thân, lời-nói, và tâm không tội lỗi (ba nghiệp phi tội lỗi). Mỗi khi người đó nghĩ: 'Tôi được phú cho hành-động của thân, lời-nói, và tâm không tội lỗi', thì người đó trải nghiệm một niềm hạnh-phúc và vui mừng. Đó được gọi là niềm hạnh-phúc vì không tội lỗi. "Này gia chủ, đó là bốn loại hạnh-phúc mà một người tại gia sống đời thụ hưởng khoái-lạc giác quan có thể đạt được, tùy lúc và tùy thời." Sau khi đã biết sự hạnh phúc vì không bị nợ nần, Người nên nhớ lại749 sự hạnh phúc của sự sở-hữu (tài sản). Thụ hưởng sự hạnh phúc của sự được thụ hưởng,

• 83

Một người vốn sinh tử nhìn thấy rõ những sự đó bằng trí-tuệ. Trong khi nhìn thấy rõ những sự đó, người có trí Biết được cả hai loại750 sự hạnh phúc. Những (3) loại hạnh phúc khác thì không đáng bằng Một phần mười sáu của loại hạnh phúc vì không tội lỗi.751

63 (3) Sống Với Vị Trời … 752 "Này các Tỳ kheo, (1) những gia đình sống có vị Trời [Brāhma, Phạm Thiên] khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (2) Những gia đình sống có những vị thầy đầu tiên (bậc tổ sư) khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (3) Những gia đình sống có những vị thiên thần đầu tiên (bậc tổ thiên thần) khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (4) Những gia đình sống có những bậc đáng cúng dường khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. "Này các Tỳ kheo, 'vị Trời' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. 'Các vị tổ sư' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. 'Những bậc tổ thiên thần' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. 'Những bậc đáng cúng dường' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. Vì lý do gì? Bởi cha mẹ là nguồn giúp đỡ to lớn đối với con cái; cha mẹ nuôi lớn, nuôi ăn, và giúp cho con cái nhìn thấy thế gian." Cha mẹ được gọi là "vị Trời", Cũng được gọi là "những bậc tổ sư". Họ đáng được tặng quà bởi con cháu, Vì họ có lòng bi-mẫn dành cho con cái. Do vậy người có trí nên biết kính trọng cha mẹ, Đối xử cha mẹ bằng sự tôn kính. Một người nên phục vụ cha mẹ thức-ăn, thức uống, Quần áo và giường chiếu, Xoa bóp và tắm rửa, Và rửa chân cho cha mẹ.

84 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

Nhờ sự phục vụ đó Cho cha mẹ của mình,

Bậc trí hiền khen ngợi người đó trong thế gian này, Sau khi chết người đó hưởng phúc trong cõi trời.

64 (4) Địa Ngục753 “Này các Tỳ kheo, ai có bốn bản tính này thì bị đọa xuống địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người đó sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, và nói-dối nói láo. Ai có bốn bản tính này thì bị đọa xuống địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó.” Sát-sinh, lấy của không được cho, Nói-dối nói láo, Và ăn ở với vợ người khác: Bậc trí hiền không khen ngợi những việc làm đó.

65 (5) Dựa Theo Thân Sắc … “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người xét đoán và tin dựa theo sắc-thân (của người thầy). (2) Người xét đoán và tin dựa theo trên lời-nói. (3) Người xét đoán và tin dựa theo sự thanh bần khổ hạnh. (4) Người xét đoán và tin dựa theo Giáo Pháp. Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”754 Người xét đoán dựa theo sắc-thân, Và người xét đoán dựa theo giọng-nói, Đều do bị điều khiển bởi sự tham muốn và nhục dục; Những người đó không hiểu biết.755 Người không biết bên trong (tâm mình), Và cũng không thấy ngoài (người khác), Là một người ngu bị che cản về mọi phía,

• 85

Thì bị lôi cuốn theo lời nói.

Người không biết bên trong,
Nhưng nhìn thấy rõ bên ngoài,
Nhìn thấy kết quả ở bên ngoài,
Thì cũng bị lôi cuốn theo lời-nói.
Nhưng người biết bên trong,
Và nhìn thấy rõ bên ngoài,
Nhìn thấy không bị những chướng-ngại,
Thì không bị lôi cuốn theo lời-nói.
66 (6) Có Tham Dục …
“Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian.
Bốn đó là gì? Người tham dục, người sân hận, người có bị si mờ, và người bị tự-ta (ngã mạn, ta-đây). Đây là bốn loại người được thấy có trong thế gian.”
Chúng sinh bị say đắm bởi những thứ khêu gợi,
Tìm kiếm khoái lạc trong những thứ làm dễ chịu,
Chúng sinh thấp hèn bị trói buộc bởi si-mê (vô minh),756
Càng ngày càng thêm bị trói buộc.
Những người vô minh cứ đi đây đó,
Tạo ra nghiệp bất thiện,
Được sinh ra từ sự tham, sân, si:
Những việc gây phiền khổ sở tạo ra sự khổ đau.
Người bị che cản bởi vô minh,
Mù quáng, thiếu mắt để nhìn thấy

Cho đúng bản chất của mọi sự,
Thì không nghĩ về điều đó theo cách như vậy.757
86 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

67 (7) Rắn Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó, ở Sāvatthī, có một Tỳ kheo bị rắn cắn chết.758 Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, có một Tỳ kheo đã bị rắn cắn chết.” [Đức Thế Tôn đã nói:] “Đúng vậy, này các Tỳ kheo, vị Tỳ kheo đó đã không bao trùm (thấm đẫm, phóng rải, hướng) tâm-từ tới bốn họ nhà [gia đình, dòng] rắn vua (rắn chúa).759 Vì nếu thầy ấy biết làm như vậy thì thầy ấy đã không bị rắn cắn chết. Bốn đó là gì? Họ rắn vua virūpakkha, họ rắn vua erāpatha, họ rắn vua chabyāputta, và họ rắn vua gotamaka. Đúng vậy, vị Tỳ kheo đó đã không bao trùm tâm-từ tới bốn họ nhà rắn vua. Vì nếu thầy ấy biết làm như vậy thì thầy ấy đã không bị rắn cắn chết. “Này các Tỳ kheo, ta chỉ thị cho các thầy hãy bao trùm tâm-từ tới khắp bốn họ nhà rắn vua, vì sự an ninh, sự an toàn, và sự bảo hộ cho các thầy.” Tôi có tâm-từ đối với họ rắn virūpakkha; Đối với họ rắn erāpatha tôi có tâm-từ. Tôi có tâm-từ đối với họ rắn chabyāputta; Đối với họ rắn gotamaka đen, tôi có tâm-từ. Tôi có tâm-từ đối với những loài không chân; Đối với loài hai nhân tôi cũng có tâm-từ. Tôi có tâm-từ đối với loài bốn chân; Đối với loài nhiều chân tôi cũng có tâm-từ. Mong cho loài không chân không hại tôi; Mong cho loài hai chân không hại tôi; Mong cho loài bốn chân không hại tôi; Mong cho loài nhiều chân không hại tôi. Mong cho tất cả chúng sinh, tất cả mọi vật sống

• 87

Tất cả mọi sinh vật, mọi người, Có được phúc lành, Cầu mong mọi sự xấu không xảy đến với ai. Đức Phật là vô lượng, Giáo Pháp là vô lượng, Tăng Đoàn là vô lượng; những loài bò leo, rắn, bò cạp, rít, nhện, thằn lằn, và chuột đều là hữu hạn. Tôi đã làm được sự phòng hộ, tôi đã làm được sự bảo hộ. Mong những sinh vật hãy tránh lui. Tôi kính lễ đức Thế Tôn, kính lễ bảy vị Phật Toàn Giác.760

68 (8) Đề-Bà-Đạt-Đa 761 Trong một lần khi đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền, không lâu sau khi Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã bỏ đi (khỏi giáo đoàn của Phật). Ở đó, khi đề cập tới Đề-bà-đạt-đa, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, cái sự ‘lợi, danh, vinh’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh dẫn tới sự suy-đồi và sự hủy-hoại của chính ông ấy. Giống như (1) cây chuối lá, (2) cây tre, hay (3) cây sậy khi nó ra hoa kết quả là dẫn tới sự suy-tàn và sự hủy-hoại của chính nó; (như cây chuối ra hoa ra trái rồi chết luôn, không như những cây khác vẫn sống và tiếp tục ra hoa trái); tương tự vậy, sự ‘lợi, danh, vinh’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh là dẫn tới sự suy-đồi và sự hủy-hoại của chính ông ấy. (4) Giống như một con la khi nó mang thai là dẫn tới sự suy-tàn và hủy-hoại của chính nó; ([vì con la thường không sinh con nổi, nó sẽ bị mổ bụng khi sinh con, và sẽ bị chết]); tương tự vậy, cái sự ‘lợi, danh, vinh’ của Đề-bà-đạt-đa đã khởi sinh là dẫn tới sự suy-đồi và sự hủy-hoại của chính thầy ấy. Này các Tỳ kheo, ‘lợi, danh, vinh’ là tai hại … Như vậy các thầy nên tu tập bản thân.” Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị

Sư Thầy, đã nói như vầy: Như chính trái quả của mình hủy diệt cây chuối, Như chính trái quả của mình hủy diệt cây tre, và cây sậy,

88 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

Như chính bào thai của mình hủy diệt con la, Cũng như cái ‘danh’ hủy diệt người vô lại.

69 (9) Sự Phấn Đấu “Này các Tỳ kheo, có bốn sự chuyên-cần tu (tinh cần) này. Bốn đó là gì? Sự chuyên-cần tu bằng sự kiềm-chế, sự chuyên-cần tu bằng sự dẹp-bỏ, sự chuyên-cần tu bằng sự tu-tập, và sự chuyên-cần tu bằng sự phòng-hộ. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chuyên-cần tu bằng sự kiềm- chế? Ở đây, một Tỳ kheo phát tạo (phát tâm) mong-muốn không làm khởi sinh những phẩm chất bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố- gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), ứng dụng tâm mình, và chuyên-cần tu (tinh cần). Đây được gọi là sự chuyên-cần tu bằng sự kiềm-chế. (2) “Và cái gì là sự chuyên-cần tu bằng sự dẹp-bỏ? Ở đây, một Tỳ kheo phát tạo mong-muốn dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện xấu ác đã khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, ứng dụng tâm mình, và chuyên-cần tu. Đây được gọi là sự chuyên-cần tu bằng sự dẹp- bỏ. (3) “Và cái gì là sự chuyên-cần tu bằng sự tu-tập? Ở đây, một Tỳ kheo phát tạo mong-muốn tu tập những phẩm chất thiện lành chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, ứng dụng tâm mình, và chuyên-cần tu. Đây được gọi là sự chuyên-cần tu bằng sự tu-tập. (4) “Và cái gì là sự chuyên-cần tu bằng sự phòng-hộ? Ở đây, một Tỳ kheo phát tạo mong-muốn duy trì những phẩm chất thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để gia tăng, phát triển và hoàn thiện chúng; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, ứng dụng tâm mình, và phấn đấu. Đây được gọi là sự chuyên-cần tu bằng sự phòng-hộ. “Đây là bốn sự chuyên-cần tu.” Kiềm-chế và dẹp-bỏ, Tu-tập và duy-trì:

• 89

Là những cách chuyên-cần tu,
Được chỉ dạy bởi bậc Hậu Duệ Thái Dương (tức Phật).
Một Tỳ kheo là người nhiệt thành ở đây,
Thì có thể chứng ngộ sự diệt khổ.
70 (10) Bất Chính 762 (1) “Khi vua chúa là bất chính (phi pháp),763 các chư hầu hoàng gia cũng trở nên bất chính. Khi các chư hầu là bất chính, các bà-la-môn và các gia chủ cũng trở nên bất chính.764 Khi các bà-la-môn và các gia chủ là bất chính, những người trong thành thị và làng quê cũng trở nên bất chính. Khi những người trong thành thị và làng quê là bất chính, mặt trời và mặt trăng mọc chiếu lệch tà. Khi mặt trời và mặt trăng mọc chiếu lệch tà, những vì sao và chòm sao cũng mọc chiếu lệch tà. Khi những vì sao và chòm sao mọc chiếu lệch tà, ngày và đêm cũng đến đi lệch thời . . . tháng và nửa tháng cũng đến đi lệch thời . . . các mùa và năm cũng đến đi lệch thời. Khi các mùa và năm đến đi lệch thời, gió thổi lệch thời và trái gió khó ngờ. Khi gió thổi lệch thời và trái gió khó ngờ, các thiên thần trở nên buồn bã. Khi các thiên thần buồn bã, nước mưa khô cạn. Khi nước mưa khô cạn, mùa màng bị trái thời trái vụ. Khi người ăn gạo cốc

trái quả trái thời trái vụ (không đều đặn, lúc đói lúc no), họ sống không được thọ, trở nên xấu xí, yếu sức, và bệnh tật.765 (2) “Nhưng, khi vua chúa là chân chính (hợp pháp), các chư hầu hoàng gia cũng trở nên chân chính. Khi các chư hầu là chân chính, các bà-la-môn và các gia chủ cũng trở nên chân chính. Khi các bà-la-môn và các gia chủ là chân chính, những người trong thành thị và làng quê cũng trở nên chân chính. Khi những người trong thành thị và làng quê là chân chính, mặt trời và mặt trăng mọc chiếu chính hướng. Khi mặt trời và mặt trăng mọc chiếu chính hướng, những vì sao và chòm sao cũng mọc chiếu chính hướng. Khi những vì sao và chòm sao mọc chiếu chính hướng, ngày và đêm cũng đến đi đúng thời . . . tháng và nửa tháng cũng đến đi đúng thời . . . các mùa và năm cũng đến đi đúng thời. Khi các mùa và năm đến

đi đúng thời, gió thổi đúng thời và thuận gió dễ canh. Khi gió thổi đúng thời và thuận gió dễ canh, các thiên thần không bị buồn bã. Khi các thiên thần không bị buồn bã, mưa nước đủ đầy. Khi mưa nước đủ đầy, mùa màng được thuận thời đúng vụ. Khi người ăn gạo cốc trái quả thuận thời đúng vụ (đều đặn, đầy đủ), họ sống sẽ sống được thọ, trở nên đẹp đẽ, sức mạnh, và sức khỏe. Khi đàn bò đi ngang ngã ba đường, Nếu con đầu đàn đi quanh co, Thì những con khác cũng đi theo quanh co, Bởi con đầu đàn đã đi quanh co. Trong quần thể con người cũng vậy, Khi một người được coi là đứng đầu lãnh đạo, Mà hành xử bất chính, Thì người khác cũng làm theo như vậy. Cả vương quốc đều chán ngán thất vọng, Nếu nhà vua là bất chính, tà đạo. Khi đàn bò đi ngang ngã ba đường, Nếu con đầu đàn đi thẳng đường băng qua, Thì những con khác cũng thẳng đường băng qua, Bởi con đầu đàn đã đi thẳng qua. Trong quần thể con người cũng vậy, Khi một người được coi là đứng đầu lãnh đạo, Biết hành xử chân chính, Thì người khác cũng làm theo như vậy. Cả vương quốc đều hân hoan vui mừng, Nếu nhà vua là chân chính, chánh đạo.

NHÓM 3. KHÔNG THỂ LẦM LỖI

• 91

71 (1) Sự Phấn Đấu “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có được bốn phẩm chất này là đang tu tập theo con đường (đường lối, cách thức) không bị sai lầm (không sai lạc, chắc chắn đúng, không sai trật, không lộn đường) và đã đặt được nền móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm.766 Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh, có học-hiểu, có nỗ-lực (tinh tấn), và có trí. Một Tỳ kheo có được bốn phẩm chất này là đang tu tập theo con đường không bị sai lầm và đã đặt được nền móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm.”

72 (2) Cách Nhìn “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có được bốn phẩm chất này là đang tu tập theo con đường không bị sai lầm và đã đặt được nền móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Bốn đó là gì? Ý nghĩ từ-bỏ, ý nghĩ thiện-ý, ý nghĩ vô-hại, và cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến).767 Một Tỳ kheo có được bốn phẩm chất này là đang tu tập theo con đường không bị sai lầm và đã đặt được nền móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm.”

73 (3) Người Xấu: Cô Dâu (I) “Này các Tỳ kheo, một người có bốn phẩm chất này thì có thể được hiểu là một người xấu. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người xấu thì

nói ra (moi ra, chỉ ra, vạch trần) những lỗi-sai của người khác ngay cả khi không ai hỏi gì về họ, huống chi khi được hỏi còn nói ra đến mức nào nữa. Khi được hỏi từng câu về người khác và phải trả lời, người đó kể ra hết những lỗi-sai của họ một cách đầy đủ, kể không chút ngập ngừng hay bỏ sót. Điều này có thể hiểu: “Đây là một người xấu”. (2) “Hơn nữa, người xấu thì không nói ra những đức-hạnh của người khác ngay cả khi có người hỏi về họ, huống chi khi không được hỏi thì câm nín đến mức nào nữa. Khi được hỏi từng câu về những đức-hạnh của

người khác và phải trả lời, người đó chỉ nói qua loa về chúng, nói một cách ngập ngừng và bỏ bớt. Điều này có thể hiểu: “Đây là một người xấu”. (3) “Hơn nữa, người xấu thì không nói ra (để lộ, cho thấy, tự khai) những lỗi-sai của mình ngay cả khi có người hỏi về chúng, huống chi khi không được hỏi thì câm nín đến mức nào. Khi được hỏi từng câu về những lỗi-sai của mình và phải trả lời, người đó chỉ nói qua loa về chúng, nói một cách ngập ngừng và bỏ bớt. Điều này có thể hiểu: “Đây là một người xấu”. (4) “Hơn nữa, người xấu thì kể ra (nói ra, tự khoe) những đức-hạnh của mình ngay cả khi không ai hỏi gì về chúng, huống chi khi có ai hỏi về chúng thì khoe ra đến mức nào. Khi được hỏi từng câu về những đức-hạnh của mình và phải trả lời, người đó kể ra hết chúng một cách đầy đủ, kể không chút ngập ngừng hay bỏ sót. Điều này có thể hiểu: “Đây là một người xấu”. “Người có bốn phẩm chất này thì có thể được hiểu là một người xấu. (II) “Này các Tỳ kheo, một người có được bốn phẩm chất này thì có thể được hiểu là một người tốt. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người tốt thì không nói ra những lỗi-sai của người khác ngay cả khi có ai hỏi về họ, huống chi khi không được hỏi thì càng im lặng đến mức nào. Khi được hỏi từng câu về những lỗi-sai của người khác và phải trả lời, người đó chỉ nói sơ sài về những lỗi- sai của người khác, nói một cách ngập ngừng và bỏ bớt. Điều này có thể hiểu: “Đây là một người tốt”. (2) “Hơn nữa, người tốt thì nói ra những đức-hạnh của người khác ngay cả khi không được hỏi về họ, huống chi khi được hỏi thì càng chỉ ra đến mức nào. Khi được hỏi từng câu về những đức-hạnh của người khác và phải trả lời, người đó kể ra hết chúng một cách đầy đủ, kể không chút ngập ngừng hay bỏ sót. Điều này có thể hiểu: “Đây là một người tốt”. (3) “Hơn nữa, người tốt thì nói ra những lỗi-sai của mình ngay cả khi

không ai hỏi về chúng, huống chi khi được hỏi về chúng thì sẽ khai nhận đến mức nào. Khi được hỏi từng câu hỏi về những lỗi-sai của mình, người đó nói ra hết chúng một cách đầy đủ, không chút ngập ngừng hay bỏ bớt. Điều này có thể được hiểu: “Đây là một người tốt”. (4) “Hơn nữa, người tốt thì không kể ra những đức-hạnh của mình ngay cả khi có ai hỏi về chúng, huống chi khi không được hỏi thì càng câm nín đến mức nào. Khi được hỏi từng câu về những đức-hạnh của mình, người đó nói một cách sơ sài về chúng, nói một cách ngập ngừng và bỏ bớt. Điều này có thể được hiểu: “Đây là một người tốt”. “Người có bốn phẩm chất này thì có thể được hiểu là một người tốt. (III) “Này các Tỳ kheo,768 ví dụ có một cô dâu lúc vừa mới được cưới về nhà, dù là ban đêm hay ban ngày, đầu tiên thì cô ta thiết lập một cảm- nhận nhạy bén biết xấu-hổ và biết

sợ-hãi về mặt đạo đức (tức là sợ mắc lỗi, sợ làm điều sai, sợ thất lễ) đối với mẹ chồng, cha chồng, chồng, và thậm chí đối với những nô bộc, những người làm công, và những người hầu. Nhưng sau một thời gian, sau khi đã sống chung và thân thiện với họ, cô ta lại nói giọng (chửi) như vầy với mẹ chồng, cha chồng, và chồng: 'Biến đi! Các người thì biết gì mà nói?' "Cũng giống như vậy, ví dụ có mấy Tỳ kheo ở đây lúc vừa mới rời bỏ đời sống tại gia và bước vào đời sống xuất gia tu hành, dù là ban đêm hay ban ngày, đầu tiên họ cũng thiết lập một cảm nhận nhạy bén biết xấu-hổ và biết sợ-hãi về mặt đạo đức (tức là sợ mắc lỗi, sợ làm điều phạm giới, sợ thất lễ) đối với những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam, những đệ tử tại gia nữ, và thậm chí đối với những sa-di và những người làm công quả (ở chùa). Nhưng sau một thời gian, sau khi đã sống chung và thân thiện với họ, mấy Tỳ kheo này lại nói giọng (chửi) như vầy với họ: 'Biến đi! Các người thì biết gì mà nói?' "Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ sống với một cái tâm giống như tâm của một cô dâu mới bước vào nhà chồng.' Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản

thân."

74 (4) Bậc Nhất (1) "Này các Tỳ kheo, có bốn thứ này là bậc nhất. Bốn đó là gì? Loại bậc nhất của giới-hạnh, loại bậc nhất của thiền-định, loại bậc nhất của trí- tuệ, và loại bậc nhất của sự giải-thoát. Đây là bốn thứ là thứ bậc nhất."

75 (5) Bậc Nhất (2) "Này các Tỳ kheo, có bốn thứ này là bậc nhất. Bốn đó là gì? Bậc nhất của sắc-thân (sắc), bậc nhất của cảm-giác (thọ), bậc nhất của nhận- thức (tưởng), và bậc nhất trong số những trạng thái hiện-hữu. Đây là bốn thứ là thứ bậc nhất."769

76 (6) Kusinārā Trong một lần khi đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang sống ở Kusinārā, (đang trú nghỉ ở chỗ) giữa giữa hai cây sa-la (long thọ), trong khu vườn cây sa-la của những người Malla ở xứ Upavattana, vào thời lúc (sắp) Bát-niết-bàn của mình. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo!" "Dạ, thưa Thế Tôn!", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Này các Tỳ kheo, có thể có Tỳ kheo còn có sự nghi-ngờ hay không chắc-chắn về Phật, hay về Giáo Pháp, hay về Tăng Đoàn, về con-đường (đạo) hay sự tu-tập.770 Này các Tỳ kheo, các thầy cứ hỏi. Đừng để sau này hối tiếc khi nghĩ lại rằng: 'Vị Thầy của chúng ta đã ở trước mặt chúng ta, mà chúng ta đã không thể tự mình hỏi Thế Tôn khi chúng ta đang ở trước mặt Thế Tôn.'" Sau khi Phật nói xong điều này, các Tỳ kheo vẫn im lặng.

• 95

Thêm một lần thứ hai và đến lần thứ ba, Đức Thế Tôn vẫn hỏi các Tỳ kheo như vậy. Các Tỳ kheo vẫn im lặng sau lần thứ ba. Rồi Đức Phật đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo, có thể là trường hợp các thầy không muốn đặt câu hỏi vì lòng kính trọng đối với Vị Thầy, vậy thì hãy nói câu hỏi của mình cho một đạo hữu." (tức nhờ đạo hữu hỏi giùm để khỏi ngại). Sau khi điều này được nói ra, các Tỳ kheo cũng vẫn im lặng. Sau đó, Ngài Ananda mới thưa với Đức Thế Tôn rằng: "Thật kỳ lạ và kỳ diệu, thưa đức Thế Tôn. Con tự tin rằng, thưa Thế Tôn, trong Tăng đoàn những Tỳ kheo ở đây không có một

người nào còn có sự nghi-ngờ hay không chắc-chắn về Phật, hay về Giáo Pháp, hay về Tăng Đoàn, về con-đường (đạo) hay về sự tu-tập." "Này Ananda, thầy đã nói ra niềm tin của mình. Nhưng Như Lai cũng biết rõ điều đó là sự thật. Vì trong số năm trăm Tỳ kheo này, ngay cả thấp nhất cũng là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh] xuống cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ."

77 (7) Những Vấn Đề Không Thể Nghĩ Tới "Này các Tỳ kheo, có bốn vấn đề không thể nghĩ bàn (nghĩ ra, hiểu ra, tưởng ra)771 này mà người thường không nên cố gắng để hiểu tới; ai cố để hiểu ra chúng thì chỉ gặt lấy sự điên khùng và thất vọng mà thôi. Bốn đó là gì? (1) Trú xứ (lãnh địa, cảnh giới) của những vị Phật là vấn đề không thể nghĩ bàn, nên người thường không nên cố gắng để hiểu tới; ai cố để hiểu ra nó thì chỉ gặt lấy sự điên khùng và thất vọng mà thôi. (2) Trú xứ của người tu trong tầng thiền định [jhāna] là không thể nghĩ bàn … (3) Quả của nghiệp quả là không thể nghĩ bàn … (4) Sự suy đoán về thế giới là vấn đề không thể nghĩ bàn, nên người thường không nên cố gắng để hiểu tới; ai cố để hiểu ra nó thì chỉ gặt lấy sự điên khùng và thất vọng mà thôi.772 Đây là bốn vấn đề không thể nghĩ bàn, nên người thường không

nên cố gắng để hiểu tới; ai cố để hiểu ra nó thì chỉ gặt lấy sự điên khùng và thất vọng mà thôi."

78 (8) Những Sự Cúng Dường "Này các Tỳ kheo, có bốn sự thanh lọc (thanh tịnh) này của những sự cúng dường.773 Bốn đó là gì? (1) Có sự cúng dường được thanh lọc bởi người bố thí, không phải bởi người nhận. (2) Có sự cúng dường được thanh lọc bởi người nhận, không phải bởi người bố thí. (3) Có sự cúng dường không được thanh lọc bởi người bố thí hay bởi người nhận. (4) Có sự cúng dường được thanh lọc bởi cả người bố thí và người nhận. (1) "Và giờ, theo cách nào sự cúng dường được thanh lọc bởi người bố thí, không bởi người nhận? Ở đây, người bố thí là có đức-hạnh, có tính cách thiện, và người nhận là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác. Như vậy sự cúng dường được thanh lọc bởi người bố thí, không bởi người nhận. (2) "Và theo cách nào sự cúng dường được thanh lọc bởi người nhận, không bởi người bố thí? Ở đây, người bố thí là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác và người nhận là có đức-hạnh, có tính cách thiện. Như vậy sự cúng dường được thanh lọc bởi người nhận, không bởi người bố thí.

(3) "Và theo cách nào sự cúng dường không được thanh lọc bởi người nhận và người bố thí? Ở đây, người bố thí là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác và người nhận cũng là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác. Như vậy sự cúng dường không được thanh lọc bởi người bố thí và người nhận. (4) "Và theo cách nào sự cúng dường được thanh lọc bởi cả người bố thí và người nhận? Ở đây, người bố thí là có đức-hạnh, có tính cách thiện, và người nhận cũng có đức-hạnh, có tính cách thiện. Như vậy sự cúng dường được thanh lọc bởi cả người bố thí và người nhận. "Đây là bốn loại sự thanh lọc của sự cúng dường."

79 (9) Việc Làm Ăn Lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, tại sao cùng một loại công việc làm ăn, (1) có người làm là thất bại; (2) có người làm không đạt tới mức mong đợi; (3) có người đạt được mức mong đợi; (4) có người đạt hơn mức mong đợi? (1) “Này Xá-lợi-phất, ở đây có người đến gặp một tu sĩ hay bà-la- môn và hỏi họ cần những thứ gì (để mình cúng dường, bố thí), nhưng sau đó không chịu bố thí những thứ mà họ đang cần. Sau khi qua đời, nếu có được tái sinh lại cõi này, người đó có làm công việc làm ăn gì cũng bị thất bại. (2) “Có người đến gặp một tu sĩ hay bà-la-môn và hỏi họ cần những thứ gì (để mình cúng dường, bố thí), nhưng sau đó không bố thí đầy đủ những thứ mà họ đang cần. Sau khi qua đời, nếu có được tái sinh lại cõi này, người đó có làm công việc làm ăn gì cũng không đạt được mức mong đợi. (3) “Có người đến gặp một tu sĩ hay bà-la-môn và hỏi họ cần những thứ gì (để mình cúng dường, bố thí), và sau đó bố thí đầy đủ những thứ mà họ đang cần. Sau khi qua đời, nếu có được tái sinh lại cõi này, người đó có làm công việc làm ăn gì cũng đạt được mức mong đợi. (4) “Có người đến gặp một tu sĩ hay bà-la-môn và hỏi họ cần những thứ gì (để mình cúng dường, bố thí), và sau đó bố thí nhiều hơn những thứ mà họ đang cần. Sau khi qua đời, nếu có được tái sinh lại cõi này, người đó có làm công việc làm ăn gì cũng đạt được nhiều hơn mức mong đợi. “Này Xá-lợi-phất, đây là lý do tại sao với cùng một loại công việc làm ăn, có người làm là thất bại; có người làm không đạt tới mức kỳ vọng; có người đạt được mức mong đợi; có người đạt nhiều hơn mức mong đợi.”

98 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

80 (10) Kamboja Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá Ghosita (gia chủ Ghosita cúng dường). Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, tại sao những phụ nữ không ngồi trong các hội đồng, hay tham gia việc làm ăn kinh doanh, hay đi tới Kamboja?”774 “Này Ānanda, phụ nữ dễ bị tức giận; phụ nữ hay ghen tỵ; phụ nữ hay hà tiện; phụ nữ ít trí khôn. Đây là lý do tại sao những phụ nữ không ngồi trong các hội đồng, hay tham gia việc làm ăn kinh doanh, hay đi tới Kam- boja.”

NHÓM 4. KHÔNG LAY CHUYỂN

81 (1) Sát Sinh “Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người sát-sinh, gian- cắp, tà-dâm tà dục, và nói-dối nói láo. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Người kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, và kiêng cữ nói- dối nói láo. Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

82 (2) Nói Dối “Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người nói-dối nói láo,

• 99

nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng nạt nộ, và nói chuyện tán gẫu tầm phào. Người có được bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất [khác] thì được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Người kiêng cữ sự nói-dối nói láo, kiêng cữ sự nói lời gây chia-rẽ, kiêng cữ sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ, và kiêng cữ sự nói chuyện tầm-phào tán dóc. Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

83 (3) Chê Bai “Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? (1) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó khen ngợi người đáng bị chê trách. (2) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó chê bai người đáng được khen ngợi. (3) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó tin một vấn đề đáng nghi ngờ. (4) Không điều tra và suy xét kỹ, người đó không tin một vấn đề đáng tin tưởng. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất [khác] thì được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? (1) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó chê trách người đáng bị chê trách. (2) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó khen ngợi người đáng được khen ngợi. (3) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó nghi ngờ vấn đề đáng nghi ngờ. (4) Sau khi điều tra và suy xét kỹ, người đó tin một vấn đề đáng tin tưởng. Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

84 (4) Sự Tức Giận

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người coi trọng sự tức-giận, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành (thiện Pháp); người đó coi trọng sự chê-bai, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; người đó coi trọng lợi-lộc, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành; người đó coi trọng vinh-danh, không coi trọng Giáo Pháp tốt lành. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất [khác] thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Người coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng sự tức-giận; người đó coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng sự chê-bai; người đó coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng lợi-lộc; người coi trọng Giáo Pháp tốt lành, không coi trọng vinh-danh. Người có bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

85 (5) Bóng Tối775 “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người hướng từ tối tới tối, người hướng từ tối tới sáng, người hướng từ sáng tới tối, và người hướng từ sáng tới sáng. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người hướng từ tối tới tối? (i) Ở đây, có người được tái sinh trong một gia đình thấp tệ—là một gia đình giai cấp hạ-tiện (caṇḍāla, chiên-đà-la, nô lệ), hay làm nghề tre nứa, hay nghề săn bắn, hay nghề đóng xe bò, hay nghề lượm rác—một gia đình nghèo đói thiếu ăn

thiếu uống, sống sót khó khăn, ở đó hiếm hoi kiếm được thức ăn và quần áo; và người đó là xấu xí, khó nhìn, và dị tướng, bệnh tật như đui mù, cùi tay, què quặt, hay bại liệt; người đó không kiếm được thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ, vòng hoa, nước hoa và phấn sáp, giường chiếu, chỗ ở, đèn đóm.776 (ii) Và người đó còn làm những hành-vi sai trái của thân, lời-nói, và tâm (ba tà nghiệp). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-

• 101

đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Theo cách như vậy là một người đi từ tối tới tối. (2) “Và theo cách nào là một người đi từ tối tới sáng? (i) Ở đây, có người được tái sinh trong một gia đình thấp tệ … (như đoạn kế trên). (ii) Nhưng người đó làm những hành vi đúng đắn của thân, lời-nói, và tâm (ba chánh nghiệp). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Theo cách như vậy là một người đi từ tối tới sáng. (3) “Và theo cách nào là một người đi từ sáng tới tối? (i) Ở đây, có người được sinh ra trong một gia đình cao quý—như một gia đình giàu có của người giai cấp chiến-sĩ (khattiya), gia đình giàu có của bà-la-môn, hay gia đình giàu có của một gia chủ—gia đình thì giàu có, với nhiều tài sản và của cải, nhiều vàng bạc, nhiều báu vật và tư trang, nhiều của cải và lúa gạo; và người đó thì đẹp trai, hấp dẫn, duyên dáng, có làn da đẹp bậc nhất. Người đó có được thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ; vòng hoa, nước hoa và phấn sáp; giường chiếu, nhà cửa và đèn sáng. (ii) Nhưng người đó làm những hành-vi sai trái của thân, lời-nói, và tâm (ba tà nghiệp). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Theo cách như vậy là một người đi từ sáng tới tối. (4) “Và theo cách nào là một người đi từ sáng tới sáng? (i) Ở đây, có người được sinh ra trong một gia đình cao quý … (như đoạn kế trên). (ii) Và người đó làm những hành vi đúng đắn của thân, lời-nói, và tâm (ba chánh nghiệp). Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Theo cách như vậy là một người đi từ sáng tới sáng. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

86 (6) Cúi Xuống “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian.

Bốn đó là gì? Người cúi xuống thì cúi xuống thấp luôn, người cuối xuống rồi đứng lên thấp, người đứng lên rồi lại cúi xuống, và người đứng lên thì đứng lên cao nữa.777 “Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

87 (7) Con Trai Cả (bốn loại sa-môn) “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Sa-môn (tu sĩ, chỉ các Tỳ kheo) bất lay động, sa-môn hoa sen trắng, sa-môn hoa sen đỏ (hồng), và sa-môn tinh tế trong số những sa- môn.778 (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người là một sa-môn bất lay động? Ở đây, một Tỳ kheo là một bậc học-nhân đang tu tập theo con-đường (đạo), người sống khát nguyện sẽ đạt tới ‘sự an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc’ (của luân-hồi). Giống như người

con trai cả (thái tử) của một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được phong vương [được xức dầu lên đầu]— thái tử đó giờ chưa được phong vương, nhưng rồi cũng sẽ được phong vương—sẽ đạt tới sự bất lay động.779 Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo là một bậc học-nhân đang tu tập theo con-đường, sống khát nguyện sẽ đạt tới 'sự an-toàn khỏi sự trói-buộc'.780 Theo cách như vậy một người là một sa- môn bất lay động. (2) "Và theo cách nào một người là một sa-môn hoa sen trắng? Ở đây, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó; nhưng người đó vẫn chưa an trú (trong trạng thái) sau khi đã bằng thân tiếp xúc tám sự giải-thoát; (tức vẫn chưa có sự trải nghiệm trực tiếp về tám sự giải-thoát). Theo cách như vậy một người là một sa-môn hoa sen trắng.781 (3) "Và theo cách nào một người là sa-môn hoa sen đỏ (hồng)? Ở đây, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết

trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó; và người đó an trú sau khi đã bằng thân tiếp xúc tám sự giải-thoát. Theo cách này một người là sa-môn hoa sen đỏ.782 (4) "Và theo cách nào một người là sa-môn tinh tế trong số những sa- môn? {Ở đây, (i) một Tỳ kheo thường dùng y-phục đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình;783 người đó thường ăn thức-ăn đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi ăn thứ không được cúng dường cho chính mình; người đó thường dùng chỗ-ở đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình; người đó thường dùng thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình. (ii) Những Tỳ kheo đạo hữu mà vị ấy đang sống chung thường cư xử với vị ấy bằng những hành-động, lời-nói, và tâm-ý dễ chịu, hiếm khi có hành-động, lời-nói hay tâm-ý nào khó chịu. Họ thường tặng cho vị ấy những thứ đáng thích, hiếm khi có thứ nào khó thích. (iii) Những sự khó khổ (khó chịu, không an ổn) sinh ra từ mật, đờm, gió, hay sự kết hợp của chúng;784 sự khó khổ sinh ra do thay đổi khí hậu; sự khó khổ sinh ra do hành vi bất cẩn; sự khó khổ sinh ra do bị tấn công; hoặc sự khó khổ sinh ra do quả của nghiệp (kamma)—những sự khó khổ này không thường khởi sinh trong vị ấy nữa.785 Vị ấy hiếm khi bệnh yếu. (iv) Vị ấy nếu muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (jhāna) (chúng) vốn tạo nên phần tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (v) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, vị ấy đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí- tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.} Theo cách như vậy một người là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn. {"Này các Tỳ kheo, nếu ai có thể nói một cách đúng đắn mà nói về người nào như vầy: 'Vị ấy là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn'

thì chính là về ta người đó nói điều đó. (i) Bởi vì ta thường dùng y-phục đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính ta; ta thường ăn thức-ăn đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi ăn thứ không được cúng dường cho chính ta; ta thường dùng chỗ-ở đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính ta; ta thường dùng thuốc- thang với chu cấp cho người bệnh đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính ta. (ii) Những Tỳ kheo mà ta đang sống chung thường cư xử với ta bằng những hành-động, lời-nói, và tâm-ý dễ chịu, hiếm khi có hành-động, lời-nói hay tâm-ý nào khó chịu. Họ thường tặng cho ta những thứ đáng thích, hiếm khi có thứ nào khó thích. (iii) Những sự khó khổ sinh ra từ mật, đờm, gió, hay sự kết hợp của chúng; sự khó khổ sinh ra do thay đổi khí hậu; sự khó khổ sinh ra do hành vi bất cẩn; sự khó khổ sinh ra do bị tấn công; hoặc sự khó khổ sinh ra do quả của nghiệp (kamma)—những sự khó khổ này không thường khởi sinh trong ta nữa. Ta hiếm khi bệnh yếu. (iv) Ta, nếu muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (jhāna) (chúng) vốn tạo nên phần tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (v) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, ta đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, ta an trú trong đó. Nếu ai có thể nói một cách đúng đắn mà nói về người nào như vầy: ‘Vị ấy là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn’ thì chính là về ta người đó nói điều đó.} “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

88 (8) Những Gông Cùm (bốn loại sa-môn) “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Sa-môn (tu sĩ, chỉ các Tỳ kheo) bất lay động, sa-môn hoa sen trắng, sa-môn hoa sen đỏ (hồng), và sa-môn tinh tế trong số những sa-môn.

• 105

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người là một sa-môn bất lay động? Ở đây, với sự đã tiêu diệt ba gông-cùm (đầu tiên), một Tỳ kheo là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh] xuống cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng đến sự giác-ngộ. Theo cách này một người là một sa-môn bất lay động. (2) “Và theo cách nào một người là một sa-môn hoa sen trắng? Ở đây, với sự tiêu diệt ba gông-cùm (đầu tiên), cộng với sự làm giảm thiểu tham, sân, si, một Tỳ kheo là một bậc thánh Nhất-lai, chỉ còn quay lại thế gian này một lần nữa, và sau đó sẽ làm nên sự chấm-dứt sự khổ. Theo cách này một người là một sa-môn hoa sen trắng. (3) “Và theo cách nào một người là một sa-môn hoa sen đỏ (hồng)? Ở đây, với sự tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (đầu tiên; hạ phần kiết sử), một Tỳ kheo là một bậc tái sinh tự động (trong một trong năm cõi Tịnh cư thiên), và sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn ở đó chứ không còn quay lại thế gian này nữa (bậc thánh Bất-lai). Theo cách này một người là một sa-môn hoa sen đỏ. (4) “Và theo cách nào một người là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn? Ở đây, với

sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Theo cách này một người là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

89 (9) Chánh Kiến … (bốn loại sa-môn) “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Sa-môn (tu sĩ, chỉ các Tỳ kheo) bất lay động, sa-môn hoa sen trắng, sa-môn hoa sen đỏ (hồng), và sa-môn tinh tế trong số những sa- môn.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người là một sa-môn bất lay động? Ở đây, một Tỳ kheo là một người có được chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh hạnh, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Theo cách này một người là một sa-môn bất lay động. (2) “Và theo cách nào một người là một sa-môn hoa sen trắng? Ở đây, một Tỳ kheo là một người có được chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh hạnh, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí (sự-biết đúng đắn) và chánh giải-thoát (sự giải-thoát đúng đắn); nhưng người đó chưa an trú (trong trạng thái) sau khi đã bằng thân tiếp xúc tám sự giải-thoát. Theo cách này một người là một sa-môn hoa sen trắng. (3) “Và theo cách nào một người là một sa-môn hoa sen đỏ (hồng)? Ở đây, một Tỳ kheo là một người có được chánh kiến … chánh định, chánh trí và chánh giải-thoát; và người đó an trú sau khi đã bằng thân tiếp xúc tám sự giải-thoát. Theo cách này một người là một sa-môn hoa sen đỏ. (4) “Và theo cách nào một người là sa-môn tinh tế trong số những sa- môn? Ở đây, một Tỳ kheo thường dùng y-phục đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình … [giống đoạn (4) trong kinh 4:87 ở trên] … Nếu ai có thể nói một cách đúng đắn mà nói về người nào như vầy: ‘Vị ấy là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn’ thì chính là về ta người đó nói điều đó. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”786

90 (10) Các Uẩn (bốn loại sa-môn) “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Sa-môn (tu sĩ, chỉ các Tỳ kheo) bất lay động, sa-môn hoa sen trắng, sa-môn hoa sen đỏ (hồng), và sa-môn tinh tế trong số những sa- môn. (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người là một sa-môn bất lay động? Ở đây, một Tỳ kheo là một bậc học-nhân chưa đạt tới lý tưởng

của tâm mình, là người sống khát nguyện sẽ đạt tới ‘sự an-toàn khỏi sự trói-buộc’ (của luân-hồi). Theo cách này một người là một sa-môn bất lay động. (2) “Và theo cách nào một người là sa-môn hoa sen trắng? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát (thiền quán) sự sinh và sự diệt trong năm uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn): ‘Này là sắc-thân (sắc), này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó; này là cảm-giác (thọ), này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó; này là nhận-thức (tưởng), này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó; này là những sự tạo-tác cố ý (hành); này là nguồn gốc của

chúng, này là sự biến qua của chúng; này là thức (thức), này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó'; nhưng người đó vẫn chưa an trú (trong trạng thái) sau khi đã bằng thân tiếp xúc tám sự giải- thoát. Theo cách này một người là một sa-môn hoa sen trắng. (3) "Và theo cách nào một người là một sa-môn hoa sen đỏ (hồng)? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát (thiền quán) sự sinh và sự diệt trong năm-uẩn bị dính-chấp: 'Này là sắc-thân, này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó; này là cảm-giác … nhận-thức … những sự tạo-tác cố ý … thức, này là nguồn gốc của nó, này là sự biến qua của nó'; và người đó đã an trú sau khi đã bằng thân tiếp xúc tám sự giải-thoát. Theo cách này một người là một sa-môn hoa sen đỏ. (4) "Và theo cách nào một người là sa-môn tinh tế trong số những sa- môn? Ở đây, một Tỳ kheo thường dùng y-phục đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình … [giống đoạn (4) trong kinh 4:87 ở trên] … Nếu ai có thể nói một cách đúng đắn mà nói về người nào như vầy: 'Vị ấy là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn' thì chính là về ta người đó nói điều đó. "Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian."

NHÓM 5. A-TU-LA

91 (1) Những A-tu-la "Này các Tỳ kheo, bốn loại người (cá thể) này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Quỷ thần [a-tu-la, asura] với đoàn quỷ thần tùy tùng, quỷ thần với đoàn thiên thần [deva] tùy tùng; thiên thần với đoàn quỷ thần tùy tùng, và thiên thần với đoàn thiên thần tùy tùng. (1) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người là một quỷ thần với đoàn quỷ thần tùy tùng? Ở đây, có người là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác, và đoàn tùy tùng của người đó cũng là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác. Theo cách này một người là một quỷ thần với đoàn quỷ thần tùy tùng. (2) "Và theo cách nào một người là một quỷ thần với đoàn thiên thần tùy tùng? Ở đây, có người là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác, nhưng đoàn tùy tùng của người đó là đức-hạnh, thuộc tính cách thiện. Theo cách này một người là một quỷ thần với đoàn thiên thần tùy tùng. (3) "Và theo cách nào một người là một thiên thần với đoàn quỷ thần tùy tùng? Ở đây, có người là đức-hạnh, thuộc tính cách thiện, nhưng đoàn tùy tùng của người đó là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác. Theo cách này một người là một thiên thần với đoàn quỷ thần tùy tùng. (4) "Và theo cách nào một người là một thiên thần với đoàn thiên thần tùy tùng? Ở đây, có người là đức-hạnh, thuộc tính cách thiện, và đoàn tùy tùng của người đó cũng là đức-hạnh, thuộc tính cách thiện. Theo cách này một người là một thiên thần với đoàn thiên thần tùy tùng. "Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian."

92 (2) Định … (1) "Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người đạt được phần định [sự tĩnh-lặng bên trong của tâm] nhưng chưa đạt được phần tuệ [trí-tuệ bậc cao của sự minh-sát nhìn thấu những hiện-tượng].787 (2) Có người khác đạt được

phần tuệ nhưng chưa đạt được phần định. (3) Lại có người khác chưa đạt được phần định cũng chưa đật được phần tuệ. (4) Lại có người khác đạt được cả phần định và phần tuệ. Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian."

93 (3) Định ... (2) "Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người đạt được phần định [sự tĩnh-lặng bên trong của tâm] nhưng chưa đạt được phần tuệ [trí-tuệ bậc cao của sự minh-sát nhìn thấu những hiện-tượng]. (2) Có người khác đạt được phần tuệ nhưng chưa đạt được phần định. (3) Lại có người khác chưa đạt được phần định cũng chưa đật được phần tuệ. (4) Lại có người khác đạt được cả phần định và phần tuệ. (1) "Này các Tỳ kheo, trong số đó, loại người thứ nhất nên dựa bản thân trên phần định (đã đạt được), và tạo sự cố-gắng để đạt được phần tuệ. Rồi đến lúc người đó sẽ đạt cả phần định và phần tuệ. (2) "Loại người thứ hai nên dựa bản thân trên phần tuệ (đã đạt được), và tạo sự cố-gắng để đạt được phần định. Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt cả phần tuệ và phần định. (3) "Loại người thứ ba (do chưa có được phần nào) thì nên đặt ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tỉnh giác) phi thường để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện đó. Giống như một người có quần áo hay đầu tóc đang bị cháy thì người đó phải có mong-muốn phi thường, sự cố-gắng, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự rõ-biết để dập tắt ngay [lửa cháy] trên quần áo hay đầu tóc của mình. Cũng giống như vậy, loại người thứ ba nên đặt ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tỉnh giác) phi thường để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện đó. Rồi đến một lúc người đó

sẽ đạt cả hai phần định và phần tuệ. (4) "Loại người thứ tư (do đã có đủ hai phần) nên dựa bản thân trên cả hai phần đó, và tạo thêm sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới sự tiêu diệt ô- nhiễm (lậu tận). "Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian."

94 (4) Định ... (3) "Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người đạt được phần định [sự tĩnh-lặng bên trong của tâm] nhưng chưa đạt được phần tuệ [trí-tuệ bậc cao của sự minh-sát nhìn thấu những hiện-tượng]. (2) Có người khác đạt được phần tuệ nhưng chưa đạt được phần định. (3) Lại có người khác chưa đạt được phần định cũng chưa đật được phần tuệ. (4) Lại có người khác đạt được cả phần định và phần tuệ. (1) "Này các Tỳ kheo, trong số đó, loại người thứ nhất (chỉ đạt được phần định) nên đến gặp người đã đạt được phần tuệ, và xin vấn hỏi vị đó: 'Này đạo hữu, theo cách nào để nhìn thấy những hiện-tượng có điều-kiện (những pháp hữu vi)? Theo cách nào để nhận ra những hiện-tượng có điều-kiện bằng sự minh-sát?' Rồi vị đó trả lời cho người đó cách vị đó đã thấy và hiểu: 'Những hiện-tượng có điều-kiện nên được nhìn thấy theo cách này, nên được khám phá theo cách như vầy, nên được nhận biết bằng sự minh-sát theo cách như vậy.'788 Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt được cả phần định và phần tuệ. (2) "Loại người thứ hai (chỉ đạt được phần tuệ) nên đến gặp người đã đạt được phần định, và xin vấn hỏi vị ấy:

‘Này đạo hữu, theo cách nào làm ổn định tâm? Theo cách nào để làm tâm bình tĩnh? Theo cách nào làm tâm được hợp nhất? Theo cách nào làm tâm đạt định?’ Rồi vị đó trả lời cho người đó cách vị đó đã thấy và hiểu: ‘Tâm nên được làm ổn định theo cách này, nên được làm bình tĩnh theo cách như vầy, nên được đạt định theo cách như vậy.’789 Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt cả phần tuệ và

• 111

phần định. (3) “Loại người thứ ba (chưa đạt được phần nào) nên đến gặp người đã đạt được cả phần định và phần tuệ, xin vấn hỏi vị đó: (a) ‘Này đạo hữu, theo cách nào làm ổn định tâm? Theo cách nào để làm tâm bình tĩnh? Theo cách nào làm tâm được hợp nhất? Theo cách nào làm tâm đạt định?’ (b) ‘Này đạo hữu, theo cách nào để nhìn thấy những hiện-tượng có điều- kiện (những pháp hữu vi)? Theo cách nào để nhận biết những hiện-tượng có điều-kiện bằng sự minh-sát?’ Rồi vị đó trả lời cho người đó cách mà vị đó đã thấy và hiểu: (a) ‘Tâm nên được ổn định theo cách này, nên được bình tĩnh theo cách như vầy, nên được đạt định theo cách như vậy.’ (b) ‘Những hiện-tượng có điều-kiện nên được nhìn thấy theo cách này, nên được khám phá theo cách như vầy, được nhận biết bằng sự minh-sát theo cách như vậy.’ Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt cả phần định và phần tuệ. “Loại người thứ tư (do đã có đủ hai phần) nên dựa bản thân trên cả hai phần đó, và tạo sự cố-gắng thêm nữa để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

95 (5) Như Gỗ Hỏa Táng “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành không vì phúc lợi của mình hay phúc lợi của người khác (không vì ta không vì người); (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình (vì người không vì ta); (3) người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác (vì ta không vì người); và (4) người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác (vì ta và người). (1) “Giống như một khúc gỗ trong giàn thiêu xác đang bị cháy ở hai đầu và dính phân dơ ở khúc giữa: nó không thể được dùng như gỗ mộc ở trong làng hay trong rừng. Tương tự, ta nói, người thực hành không vì phúc lợi của mình hay phúc lợi của người khác thì cũng giống như vậy. (tức là người vô dụng—làm những điều không vì ta cũng không vì người)

(2) “Người nào thuộc loại người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình là tốt hơn và cao thượng hơn loại người đầu. (3) “Người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác thì tốt hơn và cao thượng hơn hai loại người đầu. (4) “Người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác là bậc nhất, là tốt nhất, cao thượng nhất, ưu việt nhất và đẹp đẽ nhất trong bốn loại người. Giống như từ con bò mới có sữa, từ sữa có sữa đông, từ sữa đông có bơ đục, từ bơ đục có bơ trong, và từ bơ trong có ván kem được coi là phần tốt nhất trong tất cả, Cũng giống vậy, người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác là bậc nhất, là tốt nhất, cao thượng nhất, ưu việt nhất và đẹp đẽ nhất trong bốn

loại người. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

96 (6) Tham … “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành không vì phúc lợi của mình hay phúc lợi của người khác (không vì ta không vì người); (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình (vì người không vì ta); (3) người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác (vì ta không vì người); và (4) người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác (vì ta và người). (1) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người thực hành để trừ bỏ tham, sân, si của mình nhưng không khuyến khích người khác trừ bỏ tham, sân, si của họ. Theo cách như vậy là người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác. (2) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi người khác nhưng không vì phúc lợi của mình? Ở đây, có người khuyến khích người

khác trừ bỏ tham, sân, si của họ nhưng không chịu tu tập để trừ bỏ tham, sân, si của mình. Theo cách như vậy là người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình. (Loại này lại có nhiều trong thế gian!)

(3) “Và theo cách nào người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người không chịu tu tập để trừ bỏ tham, sân, si của mình và cũng không khuyến khích người khác trừ bỏ tham, sân, si của họ. Theo cách như vậy là người người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác. (Loại này cũng có nhiều trong thế gian!)

(4) “Và theo cách nào người thực hành vì phúc lợi của mình và cũng vì phúc lợi của người khác. Ở đây, có người tu tập để trừ bỏ tham, sân, si của mình và cũng khuyến khích người khác trừ bỏ tham, sân, si của họ. Theo cách như vậy là người người thực hành vì phúc lợi của mình và cũng vì phúc lợi của người khác của người khác. (Loại này là quý hiếm trong thế gian!)

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

97 (7) Nhanh Trí “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành không vì phúc lợi của mình hay phúc lợi của người khác (không vì ta không vì người); (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình (vì người không vì ta); (3) người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác (vì ta không vì người); và (4) người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác (vì ta và người). (1) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người nhanh trí trong việc lắng nghe những giáo lý thiện lành, có thể ghi nhớ trong tâm những giáo lý đã nghe được, và suy xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã ghi nhớ.

Do đã hiểu được ý nghĩa và Giáo Pháp, người đó thực hành đúng theo Giáo Pháp. Tuy nhiên người đó không phải là người khéo nói hay giỏi truyền đạt (cho người khác); người đó không được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, diễn đạt rõ ý nghĩa; và người đó không chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo (bằng sự thuyết giảng Giáo Pháp). Chính theo cách như vậy là một người đang thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác. (2) "Và theo cách nào là một người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình? Ở đây, có người không nhanh trí trong việc lắng nghe những giáo lý thiện lành, có nghe cũng không thể ghi nhớ trong tâm những giáo lý đã nghe được, và có ghi nhớ cũng không suy xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã ghi nhớ. Do không hiểu được ý nghĩa và Giáo Pháp, người đó không thực hành đúng theo Giáo Pháp. Tuy nhiên người đó là người khéo nói và giỏi truyền đạt; người đó được phú cho giọng nói được trau chuốc, rõ ràng, diễn đạt rõ ý nghĩa; và người đó chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo. Chính theo cách như vậy là một người đang thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình. (3) "Và người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người không nhanh trí trong việc lắng nghe những giáo lý thiện lành … người đó không thực hành đúng theo Giáo Pháp. Hơn nữa, người đó không phải là người khéo nói hay giỏi truyền đạt … và người đó không chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo. Chính theo cách như vậy là một người đang thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác. (4) "Và người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác? Ở đây, có người nhanh trí trong việc lắng nghe những giáo lý thiện lành … người đó thực hành đúng theo Giáo Pháp. Thêm nữa, người đó là người khéo nói và giỏi truyền đạt … và người đó chỉ dạy, khởi

• 115

xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo. Chính theo cách như vậy là một người đang thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác. "Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian."

98 (8) Vì Phúc Lợi Của Mình "Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành không vì phúc lợi của mình hay phúc lợi của người khác (không vì ta không vì người); (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình (vì người không vì ta); (3) người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác (vì ta không vì người); và (4) người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác (vì ta và người).

99 (9) Những Giới Luật Tu Hành "Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành không vì phúc lợi của mình hay phúc lợi của người khác (không vì ta không vì người); (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình (vì người không vì ta); (3) người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác (vì ta không vì

người); và (4) người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác (vì ta và người). (1) “Và theo cách nào người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người sống kiêng cữ sát- sinh, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh. Người đó kiêng cữ gian-cắp, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cữ gian- cắp. Người đó kiêng cữ tà-dâm tà dục, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cữ dâm dục bất chính. Người đó kiêng cữ nói-dối nói láo, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cữ nói-dối nói láo. Người đó

kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cữ những điều đó. Theo cách đó là người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác. (2) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình? Ở đây, có người sống không kiêng cữ sát-sinh … gian-cắp … tà-dâm tà dục … nói-dối nói láo … uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, nhưng khuyến khích người khác kiêng cữ những điều đó. Theo cách như vậy là người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình. (3) “Và theo cách nào là người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người sống không kiêng cữ sát-sinh … gian-cắp … tà-dâm tà dục … nói-dối nói láo … uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, và cũng không khuyến khích người khác kiêng cữ những điều đó. Theo cách như vậy là người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác. (4) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác? Ở đây, có người sống kiêng cữ sát-sinh … gian- cắp … tà-dâm tà dục … nói-dối nói láo … uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, và cũng khuyến khích người khác kiêng cữ những điều đó. Theo cách như vậy là người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

100 (10) Potaliya Lúc đó có du sĩ tên Potaliya đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, du sĩ Potaliya ngồi xuống

một bên, và đức Thế Tôn đã nói với ông: “Này Potaliya, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người nói lời chê về người đáng bị chê trách, và sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; nhưng người đó lại không nói lời khen về người đáng được khen ngợi, cho dù sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (chỉ chê, không khen) (2) Có người khác nói lời khen về người đáng được khen ngợi, và sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; nhưng lại không nói lời chê về người đáng bị chê trách, cho dù sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (chỉ khen, không chê) (3) Lại có người không nói lời chê

về người đáng bị chê trách, cho dù sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; và người đó cũng không nói lời khen về người đáng được khen ngợi, cho dù sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (không chê, không khen) (4) Và lại có người nói lời chê về người đáng bị chê trách, và sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; và người đó cũng nói lời khen về người đáng được khen ngợi, và sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (có khen, có chê) "Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian. Này Potaliya, giờ trong số bốn loại người đó, loại người nào là xuất sắc và siêu phàm hơn hết?" "Thưa Thầy Cồ-đàm, bốn loại người đó được thấy có trong thế gian … Đối với tôi có lẽ người xuất sắc và siêu phàm nhất là người không 790

nói lời chê về người đáng bị chê trách, cho dù sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; và không nói lời khen về người đáng được khen ngợi, cho dù sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (người không chê, không khen) Vì lý do gì? Bởi vì, thưa Thầy Cồ- đàm, cái hay chính là sự buông-xả." "Này Potaliya, trong bốn loại người đó, người mà ta coi là xuất sắc và

siêu phàm nhất là người nói lời chê về người đáng bị chê trách, và sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; và nói lời khen về người đáng được khen ngợi, và sự khen ngợi là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (người chê đúng, khen đúng) Vì lý do gì? Bởi vì, này Potaliya, cái hay chính là sự-biết về lúc nào là thích hợp để nói những lời (khen hay chê) đó tùy theo mỗi trường hợp.791 "Thật hay khéo, Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách, cứ như thầy đã dựng đứng những thứ đã bị lộn đầu, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy những hình sắc. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay cho đến hết đời."

[Năm Mươi Kinh Thứ Ba]

NHÓM 1. MÂY

101 (1) Mây (1) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo!" "Dạ, thưa Thế Tôn!", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Này các Tỳ kheo, có bốn loại mây. Bốn đó là gì? Mây sấm chớp nhưng không mưa; mây mưa nhưng không sấm chớp; mây không sấm chớp cũng không mưa; và mây sấm chớp và mưa. Đây là bốn loại mây. Cũng giống như vậy, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người sấm chớp nhưng không mưa; người mưa nhưng không sấm chớp; người không làm sấm chớp cũng không mưa; và người sấm chớp và mưa. (1) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người sấm chớp nhưng không mưa? Ở đây, có người chỉ là người nói, không phải người làm. Theo cách như vậy một người là người

sấm chớp nhưng không mưa. Vì vậy, ta nói, người này giống như loại mây chỉ sấm chớp chứ không mưa. (2) “Và theo cách nào là người mưa nhưng không sấm chớp? Ở đây, có người là người làm, không phải người nói. Theo cách như vậy một người là người mưa nhưng không sấm chớp. Vì vậy, ta nói, người này giống như loại mây mưa nhưng không sấm chớp. (3) “Và theo cách nào là người không mưa cũng không sấm chớp? Ở đây, có người không phải là người làm cũng không phải người nói. Theo

cách như vậy một người là người không mưa cũng không sấm chớp. Vì vậy, ta nói, người này giống như loại mây không mưa cũng không sấm chớp. (4) “Và theo cách nào là người sấm chớp và mưa? Ở đây, có người vừa là người nói và là người làm. Theo cách như vậy một người là người sấm chớp và mưa. Vì vậy, ta nói, người này giống như loại mây vừa sấm chớp vừa mưa. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

102 (2) Mây (2) “Này các Tỳ kheo, có bốn loại mây. Bốn đó là gì? … [tiếp tục như đoạn này trong kinh kế trên, cho đến:]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người sấm chớp nhưng không mưa? Ở đây, có nắm vững Giáo Pháp—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bổn sinh (của Phật), kinh những sự kiện thần diệu, và kinh vấn đáp—792 nhưng người đó không hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là: ‘Đây là khổ’, ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Theo cách như vậy là một người sấm chớp nhưng không mưa. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại mây chỉ sấm chớp chứ không mưa. (2) “Và theo cách nào là người mưa nhưng không sấm chớp? Ở đây, có người không nắm vững Giáo Pháp—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi … và kinh vấn đáp—nhưng người đó hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là … Theo cách như vậy là một người mưa nhưng không sấm chớp. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại mây mưa chứ không sấm chớp. (3) “Và theo cách nào là người không mưa cũng không sấm chớp? Ở

đây, có người không nắm vững Giáo Pháp—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi … và kinh vấn đáp—và người đó cũng không hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là … Theo cách như vậy là một người không mưa cũng không sấm chớp. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại mây không mưa cũng không sấm chớp. (4) “Và theo cách nào là người sấm chớp và mưa? Ở đây, có nắm vững Giáo Pháp—về những thể loại kinh: kinh văn xuôi … và kinh vấn đáp—và người đó hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là … Theo cách như vậy là một người sấm chớp và mưa. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại mây vừa sấm chớp vừa mưa. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống như những loại mây được thấy có trong thế gian.”

103 (3) Những Cái Bình “Này các Tỳ kheo, có bốn loại bình. Bốn đó là gì? Bình rỗng và đậy kín; bình đầy và để mở; bình rỗng và để mở; và bình đầy và đậy kín. Đây là bốn

loại bình. Cũng giống như vậy, bốn loại người này giống bốn loại bình được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người rỗng và đậy kín; người đầy và để mở; người rỗng và mở; và người đầy và đậy kín. (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người rỗng và đậy kín? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm tin (tức mọi tư thế, hành vi của người đó làm cho người khác thấy tin tưởng người đó) khi đi tới và đi lui, khi nhìn thẳng hay nhìn bên, khi co hay duỗi tay chân, khi mặc y-phục và mang theo cà sa và bình bát; nhưng người đó không hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là: ‘Đây là khổ’, ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Theo cách như vậy một người là rỗng và đậy kín. Vì vậy, ta nói, người này giống như cái bình rỗng và đậy kín. (2) “Và theo cách nào là một người đầy và để mở? Ở đây, có người không tạo cảm hứng niềm tin khi đi tới và đi lui … và khi mang cà sa và

bình bát; nhưng người đó hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là … Theo cách như vậy một người là đầy và để mở. Vì vậy, ta nói, người này giống như cái bình rỗng và để mở. (3) “Và theo cách nào là một người rỗng và để mở? Ở đây, có người không tạo cảm hứng niềm tin khi đi tới và đi lui … và khi mang cà sa và bình bát; và người đó cũng không hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là … Theo cách như vậy một người là rỗng và để mở. Vì vậy, ta nói, người này giống như cái bình rỗng và để mở. (4) “Và theo cách nào là một người đầy và đậy kín? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm tin khi đi tới và đi lui … và khi mang cà sa và bình bát; và người đó cũng hiểu được [Bốn Diệu Đế] đúng như chúng thực là … Theo cách như vậy một người là đầy và đậy kín. Vì vậy, ta nói, người này giống như cái bình đầy và đậy kín. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn oại người giống như bốn loại bình được thấy có trong thế gian.”

104 (4) Những Hồ Nước “Này các Tỳ kheo, có bốn loại hồ nước này. Bốn đó là gì? Loại hồ cạn nhưng nhìn có vẻ sâu; loại hồ sâu nhưng nhìn có vẻ cạn; loại hồ cạn và nhìn thấy cạn; và loại hồ sâu và nhìn thấy sâu. Đây là bốn loại hồ nước.793 Cũng giống như vậy, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người nông cạn nhưng nhìn có vẻ sâu sắc; người sâu sắc nhưng nhìn có vẻ nông cạn; người nông cạn nhìn thấy nông cạn; người sâu sắc nhìn thấy sâu sắc. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người nông cạn nhưng nhìn có vẻ sâu sắc? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm tin … [mô tả giống hệt loại người (1) trong kinh 4:103 kế trên] … Theo cách như vậy một người là nông cạn nhưng nhìn có vẻ sâu sắc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại hồ nước cạn nhưng nhìn có vẻ sâu.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người sâu sắc nhưng nhìn có vẻ nông cạn? Ở đây, có người không tạo cảm hứng niềm tin … [mô tả giống hệt loại người (2) trong kinh 4:103 kế trên] … Theo cách như vậy một người là sâu sắc nhưng nhìn có vẻ nông cạn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại hồ nước sâu nhưng nhìn có vẻ cạn. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người nông cạn và nhìn thấy nông cạn? Ở đây, Ở đây, có người

không tạo cảm hứng niềm tin … [mô tả giống hệt loại người (3) trong kinh 4:103 kế trên] … Theo cách như vậy một người là nông cạn và nhìn thấy nông cạn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại hồ nước cạn và nhìn thấy cạn. (4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người sâu sắc và nhìn thấy sâu sắc? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm tin … [mô tả giống hệt loại người (4) trong kinh 4:103 kế trên] … Theo cách như vậy một người là sâu sắc và nhìn thấy sâu sắc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại hồ nước sâu và nhìn thấy sâu. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống những loại hồ nước được thấy có trong thế gian.”

105 (5) Xoài “Này các Tỳ kheo, có bốn loại xoài này. Bốn đó là gì? Loại xoài chưa chín nhưng nhìn có vẻ chín; loại xoài chín nhưng nhìn có vẻ chưa chín; loại xoài chưa chín và nhìn thấy chưa chín; và loại xoài chín và nhìn thấy chín. Đây là bốn loại xoài. Cũng giống như vậy, bốn loại người này giống bốn loại xoài được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người chưa chín chắn nhưng nhìn có vẻ chín chắn; người đã chín chắn nhưng nhìn có vẻ chưa chín chắn; người chưa chín chắn nhìn thấy chưa chín chắn; và người đã chín chắn nhìn thấy đã chín chắn. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người chưa chín chắn nhưng nhìn có vẻ đã chín chắn? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm tin … [mô tả giống hệt loại người (1) trong kinh 4:103 kế trên] … Theo cách như vậy

một người là chưa chín chắn nhưng nhìn có vẻ đã chín chắn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại xoài chưa chín nhưng nhìn có vẻ chín. (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người đã chín chắn nhưng nhìn có vẻ chưa chín chắn? Ở đây, có người không tạo cảm hứng niềm tin … [mô tả giống hệt loại người (2) trong kinh 4:103 kế trên] … Theo cách như vậy một người là đã chín chắn nhưng nhìn có vẻ chưa chín chắn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại xoài đã chín nhưng nhìn có vẻ chưa chín. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người chưa chín chắn và nhìn thấy chưa chín chắn? Ở đây, có người không tạo cảm hứng niềm tin … [mô tả giống hệt loại người (3) trong kinh 4:103 kế trên] … Theo cách như vậy một người là chưa chín chắn và nhìn thấy chưa chín chắn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại xoài chưa chín và nhìn thấy chưa chín. (4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người đã chín chắn và nhìn thấy đã chín chắn? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm tin … [mô tả giống hệt loại người (4) trong kinh 4:103 kế trên] … Theo cách như vậy một người là đã chín chắn và nhìn thấy đã chín chắn. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại xoài chín và nhìn thấy chín. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống những loại xoài được thấy có trong thế gian.”

106 (6) Xoài [TKBĐ: Không có lời của kinh này trong phiên bản nào cả. Trong phần thi kệ tóm tắt (uddāna) tóm tắt ở cuối chương có câu: dve honti ambāni (Có hai (kinh) xoài), đây rõ ràng là lý do tại sao Be mới đặt tên kinh 106 này là kinh “Xoài”. Mp chỉ ghi: “(Kinh) thứ sáu là trống”. Cả Ce và Be, khi đề cập về câu chú giải này đều ghi chú là: “Luận giảng (Mp) nói rằng ‘(Kinh) thứ sáu là trống’, nhưng điều này không thấy có ghi trong trong bộ kinh.” (Coi lại thêm chú thích ở kinh 4:104 kế trên).]

107 (7) Chuột “Này các Tỳ kheo, có bốn loại chuột này. Bốn đó là gì? Loại chuột đào hang nhưng không ở trong hang; loại chuột ở trong hang nhưng không đào hang nào; loại chuột không đào hang cũng không ở trong hang; và loại chuột đào hang và ở trong hang. Đây là bốn loại chuột. Cũng giống như vậy, bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Loại người đào hang nhưng không ở trong hang; loại người ở trong hang nhưng không đào hang nào; loại người không đào hang cũng không ở trong hang; và loại người đào hang và ở trong hang. (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người đào hang nhưng không ở trong hang? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm tin … [mô tả giống hệt loại người (1) trong kinh 4:103 kế trên] … Theo cách như vậy là một người đào hang nhưng không ở trong hang. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống loại chuột đào hang nhưng không ở trong hang. (2) “Và theo cách nào là một người ở trong hang nhưng không đào hang? Ở đây, có người không tạo cảm hứng niềm tin … [mô tả giống hệt loại người (2) trong kinh 4:103 kế trên] … Theo cách như vậy là một người ở trong hang nhưng không đào hang nào. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống loại chuột ở trong hang nhưng không đào hang. (3) “Và theo cách nào là một người không đào hang cũng không ở trong hang? Ở đây, có người không tạo cảm hứng niềm tin … [mô tả giống hệt loại người (3) trong kinh 4:103 kế trên] … Theo cách như vậy là một người không ở trong hang cũng không đào hang. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống loại chuột không đào hang cũng không ở trong hang. (4) “Và theo cách nào là một người không ở trong hang cũng không đào hang? Ở đây, có người tạo cảm hứng niềm tin … [mô tả giống hệt loại người (4) trong kinh 4:103 kế trên] … Theo cách như vậy là một người đào hang và ở trong hang. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống loại chuột đào hang và ở trong hang. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống bốn loại chuột được

thấy có trong thế gian.”

108 (8) Bò “Này các Tỳ kheo, có bốn loại bò [đực] này. Bốn đó là gì? Loại bò hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò khác; loại bò hung dữ với đàn bò của người khác, không hung dữ với đàn bò của mình; loại bò hung dữ với đàn bò của mình và dung dữ với cả đàn bò của người khác; loại bò không hung dữ với đàn bò của mình và không hung dữ đàn bò của người khác. Đây là bốn loại bò. Cũng giống như vậy, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Loại người hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò khác; loại người hung dữ với đàn bò của người khác, không hung dữ với đàn bò của mình; loại người hung dữ với đàn bò của mình và hung dữ với đàn bò của người khác; loại người không hung dữ với đàn bò của mình và không hung dữ đàn bò của người khác. (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người khác? Ở đây, có người hung dữ với tùy tùng của mình, không hung dữ với tùy tùng của người khác. Theo cách như vậy một người là hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người khác. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại bò hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người khác. (2) “Và theo cách nào là

một người hung dữ với đàn bò của người khác, không hung dữ với đàn bò của mình? Ở đây, có người hung dữ với tùy tùng của người khác, không hung dữ với tùy tùng của mình. Theo cách như vậy một người là hung dữ với đàn bò của người khác, không hung dữ với đàn bò của mình. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại bò hung dữ với đàn bò của người khác, không hung dữ với đàn bò của mình. (3) "Và theo cách nào là một người hung dữ với đàn bò của mình và

• 127

hung dữ với cả đàn bò của người khác? Ở đây, có người hung dữ với tùy tùng của mình và cũng hung dữ với tùy tùng của người khác. Theo cách như vậy một người là hung dữ với đàn bò của mình và hung dữ với đàn bò của người khác. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại bò hung dữ với đàn bò của mình và hung dữ với đàn bò của người khác. (4) "Và theo cách nào là một người không hung dữ với đàn bò của mình và không hung dữ với đàn bò của người khác? Ở đây, có người không hung dữ với tùy tùng của mình và cũng không hung dữ với tùy tùng của người khác. Theo cách như vậy một người là không hung dữ với đàn bò của mình và không hung dữ với đàn bò của người khác. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại bò không hung dữ với đàn bò của mình và không hung dữ đàn bò của người khác. "Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống bốn loại bò được thấy có trong thế gian."

109 (9) Cây Cối "Này các Tỳ kheo, có bốn loại cây này. Bốn đó là gì? Loại cây thuộc thân gỗ mềm được bao quanh bởi những cây thân gỗ mềm; loại cây thân gỗ mềm được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng; loại cây thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm; và loại cây thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng. Đây là bốn loại cây. Cũng giống như vậy, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Loại người thuộc thân gỗ mềm được bao quanh bởi những người thân gỗ mềm; loại người thân gỗ mềm được bao bọc bởi những người thân gỗ cứng; loại người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những người thân gỗ mềm; và loại người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những người thân gỗ cứng. (1) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người thân gỗ mềm được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm? Ở đây, có người là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác, và những người tùy tùng của người đó cũng là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác. Theo cách như vậy là một người thân gỗ

mềm được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại cây thân gỗ mềm được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm. (2) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người thân gỗ mềm được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng? Ở đây, có người là thất-đức, thuộc tính cách xấu ác, nhưng những người tùy tùng của người đó cũng là đức-hạnh, thuộc tính cách thiện. Theo cách như vậy là một người thân gỗ mềm được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại cây thân gỗ mềm được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng. (3) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm? Ở đây, có người là đức-hạnh, thuộc tính cách thiện,

nhưng những người tùy tùng của người đó là thất- đức, thuộc tính cách xấu ác. Theo cách như vậy là một người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại cây thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ mềm. (4) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng? Ở đây, có người là đức-hạnh, thuộc tính cách thiện, và những người tùy tùng của người đó cũng là đức- hạnh, thuộc tính cách thiện. Theo cách như vậy là một người thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng. Vì vậy, ta nói rằng, người này cũng giống như loại cây thân gỗ cứng được bao bọc bởi những cây thân gỗ cứng. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống bốn loại cây được thấy có trong thế gian.”

110 (10) Rắn “Này các Tỳ kheo, có bốn loại rắn này. Bốn đó là gì? Loại có nọc phun nhanh nhưng không độc; loại có nọc độc nhưng không phun nhanh;

• 129

loại có nọc vừa độc vừa phun nhanh; và loại có nọc không độc cũng không phun nhanh. Đây là bốn loại rắn. Cũng giống như vậy, có bốn loại người giống như bốn loại rắn được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Loại người có nọc phun nhanh nhưng không độc; loại người có nọc độc nhưng không phun nhanh; loại người có nọc vừa độc vừa phun nhanh; và loại người có nọc không độc cũng không phun nhanh. (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người có nọc phun nhanh nhưng không độc? Ở đây, có người thường giận dữ, nhưng sự sân giận của người đó không kéo dài trong thời gian lâu. Theo cách như vậy là một người có nọc phun nhanh nhưng không độc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại rắn có nọc phun nhanh nhưng không độc. (2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người có nọc không phun nhanh nhưng độc? Ở đây, có người ít khi giận dữ, nhưng (nếu có thì) sự sân giận của người đó kéo dài trong thời gian lâu. Theo cách như vậy đó là một người có nọc độc nhưng không phun nhanh. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại rắn có nọc độc nhưng không phun nhanh. (3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người có nọc phun nhanh và độc? Ở đây, có người thường giận dữ, và sự sân giận của người đó cũng kéo dài trong thời gian lâu. Theo cách như vậy đó là một người có nọc phun nhanh và độc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại rắn có nọc vừa phun nhanh vừa độc. (4) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người có nọc không phun nhanh cũng không độc? Ở đây, có người ít khi giận dữ, và sự sân giận của người đó (nếu có thì) cũng không kéo dài trong thời gian lâu. Theo cách như vậy đó là một người có nọc không phun nhanh cũng không độc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại rắn có nọc không phun nhanh cũng không độc. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống bốn loại rắn được thấy có trong thế gian.”

NHÓM 2. KESI

111 (1) Kesi Lúc đó có người huấn luyện ngựa tên là Kesi đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với ông: “Này Kesi, anh

nổi tiếng là một người huấn luyện ngựa (nài ngựa). Vậy theo cách nào anh chăn dắt để huấn luyện một con ngựa?" "Thưa Thế Tôn, có ngựa con chăn dắt một cách nhẹ nhàng, có ngựa con chăn dắt một cách nghiêm khắc, và có ngựa con chăn dắt một cách vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm khắc." "Nhưng, này Kesi, nếu có ngựa nào được anh chăn dắt huấn luyện nhưng không phục tùng theo phương pháp nào anh mới nói, thì anh sẽ xử lý nó theo cách nào?" "Thưa Thế Tôn, nếu có ngựa nào được con chăn dắt nhưng không phục tùng theo phương pháp nào con mới nói, thì con sẽ giết nó luôn. Vì sao? Vì làm vậy sẽ không bị quê nhục đối với phường hội những người dạy ngựa của con. Nhưng, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là người huấn luyện tối thượng của những người cần được thuần phục. Vậy theo cách nào Thế Tôn huấn luyện một người để được thuần phục?" "Có người ta huấn luyện một cách nhẹ nhàng, có người ta huấn luyện một cách nghiêm khắc, và có người ta huấn luyện một cách vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm khắc. (1) "Này Kesi, đây là phương pháp nhẹ nhàng: 'Như vậy là hành vi thiện của thân, như vậy là kết quả của hành vi thiện của thân; như vậy là hành vi thiện của lời-nói, như vậy là kết quả của hành vi thiện của lời-nói; như vậy là hành vi thiện của tâm, như vậy là kết quả của hành vi thiện của tâm; như vậy là chúng thiên thần, như vậy là chúng người.'

• 131

(2) "Đây là phương pháp nghiêm khắc: 'Như vậy là hành vi bất thiện của thân, như vậy là kết quả của hành vi bất thiện của thân; như vậy hành vi bất thiện của lời-nói, như vậy là kết quả của hành vi bất thiện của lời- nói; như vậy là hành vi bất thiện của tâm, như vậy là kết quả của hành vi bất thiện của tâm; như vậy là địa ngục, như vậy là cõi súc sinh, như vậy là cõi ngạ quỷ thống khổ.' (3) "Đây là phương pháp vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm khắc: (i) 'Như vậy là hành vi thiện của thân, như vậy là kết quả của hành vi thiện của thân; như vậy là hành vi thiện của lời-nói, như vậy là kết quả của hành vi thiện của lời-nói; như vậy là hành vi thiện của tâm, như vậy là kết quả của hành vi thiện của tâm; (ii) Như vậy là hành vi bất thiện của thân, như vậy là kết quả của hành vi bất thiện của thân; như vậy hành vi bất thiện của lời-nói, như vậy là kết quả của hành vi bất thiện của lời-nói; như vậy là hành vi bất thiện của tâm, như vậy là kết quả của hành vi bất thiện của tâm; (iii) Như vậy là chúng thiên thần, như vậy là chúng người; (iv) Như vậy là địa ngục, như vậy là cõi súc sinh, như vậy là cõi ngạ quỷ thống khổ.'" "Nhưng, thưa Thế Tôn, nếu có người nào được Thế Tôn huấn luyện để thuần phục nhưng không phục tùng theo sự huấn luyện của một trong các phương pháp này, thì Thế Tôn sẽ xử lý người đó theo cách nào?" (4) "Nếu có người nào được ta huấn luyện để được thuần phục mà không phụ tùng theo sự huấn luyện của một trong các phương pháp này, thì ta sẽ giết người đó." "Nhưng, thưa Thế Tôn, bậc Thế Tôn thì đâu được phép sát-sinh. Nhưng Thế Tôn lại nói: 'Thì ta sẽ giết người đó.'" "Đúng là vậy, này Kesi, rằng bậc Như Lai thì không thể sát-sinh. Tuy nhiên, khi một người cần được thuần phục không phục tùng theo sự huấn luyện của phương pháp chỉ dạy nhẹ nhàng, hay phương pháp nghiêm khắc, hay phương pháp vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm khắc, thì Như Lai nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa, và những

Tỳ kheo đồng đạo trí hiền của người đó cũng nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa. Này Kesi, vì lý do này nên chữ "giết" theo giới luật Thánh Nhân ở đây có nghĩa là: Như Lai nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa, và những Tỳ kheo đồng đạo trí hiền của người đó cũng nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa." "Thưa Thế Tôn, quả thực người đó (coi như) đã 'bị giết' rồi, sau khi (đến mức) Như Lai nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa, và những Tỳ kheo đồng đạo trí hiền của người đó cũng nghĩ người đó không cần được nói đến hay cần được chỉ dạy gì nữa. "Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Đức Thế Tôn đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách, cứ như đức Thế Tôn đã dựng đứng những thứ đã bị lộn đầu, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy những hình sắc. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thế Tôn hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời."

112 (2) Tốc Độ "Này các Tỳ kheo, có được bốn yếu tố này, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua xứng đáng là của nhà vua, là một thứ (công cụ, vật dụng) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Bốn đó là gì? Sự trực tánh, tốc độ, sự kiên nhẫn, và sự ngoan hiền. Có được bốn yếu tố này, một con ngựa thuần chủng xuất sắc xứng đáng là của nhà vua ... được coi là một yếu tố của vương triều. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất này một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bốn đó là gì? Sự chánh

• 133

trực, tốc độ, sự nhẫn nhịn, và sự dịu hiền. Có được bốn phẩm chất này một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, xứng đáng được tiếp đón, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được kính lễ, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian."

113 (3) Gậy Thúc Ngựa "Này các Tỳ kheo, có bốn loại ngựa thuần chủng xuất sắc được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) "Ở đây, này các Tỳ kheo, một loại ngựa thuần chủng xuất sắc bị đánh động và có được một 'cảm-nhận về sự cấp-bách' ngay khi nó nhìn thấy bóng cái gậy thúc ngựa, nó (lập tức) nghĩ: 'Người huấn luyện đưa ra trách nhiệm gì794 cho ta bữa nay? Ta có thể làm gì để hài lòng ông ta?' Ngựa như vậy là một loại ngựa thuần chủng xuất sắc. Đây là loại ngựa thuần chủng xuất sắc thứ nhất được thấy có trong thế gian. (2) "Lại nữa, một loại ngựa thuần chủng xuất sắc không bị đánh động và không có một 'cảm-nhận về sự cấp-bách' ngay khi nó nhìn thấy bóng cái gậy thúc ngựa, nhưng nó bị đánh động và có một 'cảm-nhận về sự cấp- bách' khi gậy thúc ngựa đụng tới lông nó, nó (lập tức) nghĩ: 'Người huấn luyện đưa ra trách nhiệm gì cho ta bữa nay? Ta có thể làm gì để hài lòng ông ta?' Ngựa như vậy là một loại ngựa thuần chủng xuất sắc. Đây là loại ngựa thuần chủng xuất sắc thứ hai được thấy có trong thế gian. (3) "Lại nữa, một loại ngựa thuần chủng xuất sắc không bị đánh động và không có một 'cảm-nhận về sự cấp-bách' ngay khi nó nhìn thấy bóng cái gậy thúc ngựa hoặc khi

gậy thúc ngựa đụng tới lông nó, nhưng nó bị đánh động và có một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ khi gậy thúc ngựa đụng tới da nó, nó (lập tức) nghĩ: ‘Người huấn luyện đưa ra trách nhiệm gì cho ta bữa nay? Ta có thể làm gì để hài lòng ông ta?’ Ngựa như vậy là một loại ngựa thuần chủng xuất sắc. Đây là loại ngựa thuần chủng xuất sắc thứ ba được thấy có trong thế gian. (4) “Lại nữa, một loại ngựa thuần chủng xuất sắc không bị đánh động

và không có một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi nó nhìn thấy bóng cái gậy thúc ngựa hoặc khi gậy thúc ngựa đụng tới lông nó hoặc khi gậy thúc ngựa đụng tới da nó, nhưng nó bị đánh động và có một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ khi gậy thúc ngựa đụng tới xương nó, nó (lập tức) nghĩ: ‘Người huấn luyện đưa ra trách nhiệm gì cho ta bữa nay? Ta có thể làm gì để hài lòng ông ta?’ Ngựa như vậy là một loại ngựa thuần chủng xuất sắc. Đây là loại ngựa thuần chủng xuất sắc thứ tư được thấy có trong thế gian. “Đây là bốn loại ngựa thuần chủng xuất sắc được thấy có trong thế gian. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có bốn loại người thuần chủng xuất sắc được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một loại người thuần chủng xuất sắc khi nghe tin: ‘Trong làng hay trong thị trấn có mấy người [nam hay nữ] bị bệnh hoặc chết’. Người đó bị đánh động bởi điều đó và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’. Sau khi bị đánh động, người đó chuyên-cần tu (tinh cần) một cách kỹ càng. Quyết tâm, người đó bằng thân chứng ngộ sự thật tối thượng, và sau khi đã xuyên thấu sự thật đó bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy sự thật đó.795 Ta nói rằng đây là người giống loại ngựa thuần chủng xuất sắc bị đánh động và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi nhìn thấy cái bóng của gậy thúc ngựa. Người như vậy là một loại người thuần chủng xuất sắc. Đây là loại người thuần chủng xuất sắc thứ nhất được thấy có trong thế gian. (2) “Lại nữa, một loại người thuần chủng xuất sắc không nghe tin: ‘Trong làng hay trong thị trấn có mấy người [nam hay nữ] bị bệnh hay chết’. Thay vì vậy, người đó nhìn thấy mấy người bị bệnh hay chết. Người đó bị đánh động bởi điều đó và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’. Sau khi bị đánh động, người đó chuyên-cần tu (tinh cần) một cách kỹ càng. Quyết tâm, người đó bằng thân chứng ngộ sự thật tối thượng, và sau khi đã xuyên thấu sự thật đó bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy sự thật đó. Ta nói rằng đây là người giống loại ngựa thuần chủng xuất sắc bị đánh động và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp-bách’ ngay khi gậy thúc ngựa

đụng tới lông của nó. Người như vậy là một loại người thuần chủng xuất sắc. Đây là loại người thuần chủng xuất sắc thứ hai được thấy có trong thế gian. (3) “Lại nữa, một loại người thuần chủng xuất sắc không nghe tin: ‘Trong làng hay trong thị trấn có mấy người [nam hay nữ] bị bệnh hay chết’; người đó cũng không nhìn thấy người bị bệnh hay chết. Thay vì vậy, người đó có người thân trong gia đình hay họ hàng bị bệnh hay chết. Người đó bị đánh động bởi điều đó và có được một ‘cảm-nhận về sự cấp- bách’. Sau khi bị đánh động, người đó chuyên-cần tu (tinh cần) một cách kỹ càng. Quyết tâm, người đó bằng thân chứng ngộ sự thật tối thượng, và sau khi đã xuyên thấu sự thật đó

bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy sự thật đó. Ta nói rằng đây là người giống loại ngựa thuần chủng xuất sắc bị đánh động và có được một 'cảm-nhận về sự cấp-bách' ngay khi gậy thúc ngựa đụng tới da của nó. Người như vậy là một loại người thuần chủng xuất sắc. Đây là loại người thuần chủng xuất sắc thứ ba được thấy có trong thế gian. (4) "Lại nữa, một loại ngựa thuần chủng xuất sắc không nghe tin: 'Trong làng hay trong thị trấn có mấy người [nam hay nữ] bị bệnh hay chết'; người đó cũng không nhìn thấy người bị bệnh hay chết; người đó cũng không có người thân trong gia đình hay họ hàng bị bệnh hay chết. Thay vì vậy, chính bản thân mình bị những cảm-giác ở thân là đau đớn, đau buốt, kịch liệt, nhức nhối, thảm khốc, thống khổ, phá hoại sức sống của mình. Người đó bị đánh động bởi điều đó và có được một 'cảm-nhận về sự cấp-bách'. Sau khi bị đánh động, người đó chuyên-cần tu (tinh cần) một cách kỹ càng. Quyết tâm, người đó bằng thân chứng ngộ sự thật tối thượng, và sau khi đã xuyên thấu sự thật đó bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy sự thật đó. Ta nói rằng đây là người giống loại ngựa thuần chủng xuất sắc bị đánh động và có được một 'cảm-nhận về sự cấp-bách' ngay khi gậy thúc ngựa đụng tới xương của nó. Người như vậy là một loại người thuần chủng xuất sắc. Đây là loại người thuần chủng xuất sắc thứ tư được thấy có trong thế gian.

"Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thuần chủng xuất sắc được thấy có trong thế gian."

114 (4) Voi Đực "Này các Tỳ kheo, có được bốn yếu tố một con voi đực của nhà vua xứng đáng là của nhà vua, là một thứ (công cụ, vật dụng) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Bốn đó là gì? Ở đây, con voi đực của nhà vua là voi biết lắng nghe, voi biết hủy diệt, voi kiên nhẫn chịu đựng, và voi đi. (1) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi biết lắng nghe? Ở đây, bất kỳ trách nhiệm nào người huấn luyện voi (người nài voi) đưa ra cho nó, dù trách nhiệm đó đã từng làm hay chưa làm trước đó, con voi đực của nhà vua đều chú ý đến nó, chú tâm đến nó, hướng hết tâm trí vô nó, và nhiệt tình lắng nghe. Theo cách như vậy là một con voi đực của nhà vua là voi biết lắng nghe. (2) "Và theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi biết hủy diệt (kẻ thù)? Ở đây, khi một con voi đực của nhà vua đã bước vào trận chiến, nó hủy diệt những con voi và tượng sĩ (của kẻ thù); nó hủy diệt những con ngựa và kỵ sĩ; nó hủy diệt những xe ngựa và người lái xe ngựa; nó hủy diệt kỵ binh. Theo cách như vậy một con voi đực của nhà vua là voi biết hủy diệt. (3) "Và theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi biết kiên nhẫn chịu đựng? Ở đây, khi một con voi đực của nhà vua đã bước vào trận chiến, nó kiên nhẫn chịu đựng bị giáo mác, gươm kiếm, cung tên, và búa rìu; nó chịu đựng tiếng đinh tai nhức óc của trống trận, trống thiếc, tù và, và trống mõ. Theo cách này một con voi đực của nhà vua là voi biết kiên nhẫn chịu đựng. (4) "Và theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi đi? Ở đây, một con voi đực của nhà vua biết nhanh chóng đi tới vùng nào người nài voi muốn nó đi tới, cho dù vùng đó đã từng đi hay chưa đi trước đó. Theo

cách như vậy một con voi đực của nhà vua là voi đi. “Có được bốn yếu tố này một con voi đực của nhà vua xứng đáng là của nhà vua, là một thứ của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo là người biết lắng nghe, người biết hủy diệt, người biết kiên nhẫn chịu đựng, và người đi. (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo biết lắng nghe? Ở đây, khi Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai đang được giảng dạy, một Tỳ kheo chú ý đến nó, chú tâm đến nó, hướng hết tâm trí vô nó, và nhiệt tình lắng nghe. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người biết lắng nghe. (2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết hủy diệt? Ở đây, một Tỳ kheo không dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh, người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết liễu nó, và xóa sổ nó. Người đó không dung dưỡng ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh … ý nghĩ gây-hại đã khởi sinh … ý nghĩ xấu ác bất thiện mỗi khi chúng khởi sinh lúc này lúc nọ, người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết liễu nó, và xóa sổ nó. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người biết hủy diệt. (3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người kiên nhẫn chịu đựng? Ở đây, một Tỳ kheo kiên nhẫn chịu đựng sự nóng lạnh; sự đói khát; sự tiếp xúc với ruồi muỗi, gió, nắng, và rắn rít; những lời nói thô tục và chọc chửi sỉ nhục; người đó có khả năng chịu đựng những cảm-giác ở thân là đau đớn, đau buốt, kịch liệt, nhức nhối, thảm khốc, thống khổ, phá hoại sức sống của mình. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người kiên nhẫn chịu đựng. (4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người đi? Ở đây, một Tỳ kheo

nhanh chóng đi đến ‘vùng’ mà mình đã chưa bao giờ đến đó sau quãng thời gian dài thăm thẳm này (trong luân hồi), đó là, đi đến sự làm lắng-lặn tất cả mọi hành-vi tạo tác (hành), đi đến sự từ-bỏ tất cả mọi sự thu-nạp (sanh y), đi đến sự tiêu diệt dục-vọng (ái tận), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người đi. “Có được bốn phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà … là ruộng công đức cao nhất trong thế gian.”

115 (5) Việc Mình Làm “Này các Tỳ kheo, có bốn trường hợp những việc mình làm.796 Bốn đó là gì? (1) Có việc nếu làm là khó chịu (khổ, khó), và đưa đến nguy hại. (2) Có việc nếu làm là khó chịu, nhưng đưa đến ích lợi (3) Có việc nếu làm là dễ chịu (sướng, dễ), nhưng đưa đến nguy hại. (4) Có việc nếu làm là dễ chịu, và đưa đến ích lợi. (1) “Này các Tỳ kheo, trường hợp thứ nhất, một việc nếu làm là khó chịu, và đưa đến nguy hại. Người biết suy xét việc này không nên làm vì cả hai lý do: nếu làm là (i) khó chịu và (ii) sẽ nguy hại. Người biết suy xét việc này là không nên làm vì hai lý do đó. (2) “Kế tiếp, trường hợp thứ hai, một việc nếu làm là khó chịu, nhưng đưa đến ích lợi. Trường hợp này, một người có thể hiểu được ai là người ngu và ai là người khôn khi nghĩ về sức-mạnh của con người, nghị-lực của con người, và sự nỗ-lực của con người. (i) Người ngu thì không biết nghĩ như vầy: ‘Dù cho việc này nếu làm là khó chịu (ví dụ việc tu-tập hay giữ- giới nếu làm thì khó cực vì ngược dòng với thói tâm hay tập khí của mình),

nhưng nó đưa đến ích lợi.’ Cho nên người đó không chịu làm việc đó, và sự không làm đó lại dẫn đến nguy hại. (ii) Nhưng người khôn biết suy xét như vầy: ‘Dù cho việc này nếu làm là khó chịu, nhưng nó đưa đến ích lợi.’ Nhờ vậy người đó làm việc đó, và sự làm đó dẫn đến ích lợi. (3) “Kế tiếp, trường hợp thứ ba, một việc nếu làm là dễ chịu, nhưng đưa đến nguy hại. Trong trường hợp này, cũng vậy, một người có thể hiểu

được ai là người ngu và ai là người khôn khi nghĩ về sức-mạnh của con người, nghị-lực của con người, và sự nỗ-lực của con người. (i) Người ngu thì không biết nghĩ như vầy: ‘Dù cho việc này nếu làm là dễ chịu (ví dụ việc hưởng thụ dục-lạc, không tu-tập, không giữ-giới), nhưng nó dẫn đến nguy hại.’ Cho nên người đó cứ làm việc đó, và sự làm đó dẫn đến nguy hại. (ii) Nhưng người khôn biết suy xét như vầy: ‘Dù cho việc này nếu làm là dễ chịu, nhưng nó dẫn đến nguy hại.’ Nhờ vậy người đó không làm việc đó, và sự không làm đó lại đưa đến ích lợi. (4) “Kế tiếp, trường hợp thứ tư, một việc nếu làm là dễ chịu, và đưa đến ích lợi (ví dụ việc an trú trong tầng thiền định). Người biết suy xét việc này nên làm vì cả hai lý do: nếu làm là (i) dễ chịu và (ii) đưa đến ích lợi. Người biết suy xét việc này là nên làm vì hai lý do đó. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn trường hợp của những việc mình làm.”

116 (6) Sự Chuyên Chú “Này các Tỳ kheo, sự chuyên-chú cần được thực hành trong bốn trường hợp này. Bốn đó là gì? (1) “Dẹp bỏ hành-động sai trái (tà thân nghiệp) và tu tập hành-động đúng đắn (chánh thân nghiệp); đừng lơ tâm phóng dật về điều này. (2) “Dẹp bỏ lời-nói sai trái (tà khẩu nghiệp) và tu tập lời-nói đúng đắn (chánh khẩu nghiệp); đừng lơ tâm phóng dật về điều này. (3) “Dẹp bỏ tâm-ý sai trái (tà tâm nghiệp) và tu tập tâm-ý đúng đắn (chánh tâm nghiệp); đừng lơ tâm phóng dật về điều này. (4) “Dẹp bỏ cách-nhìn sai trái (tà kiến) và tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến); đừng lơ tâm phóng dật về điều này. “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ hành-động sai trái và tu tập hành-động đúng đắn; khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ lời-nói sai trái và tu tập lời-nói đúng đắn; khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ tâm-ý sai trái và tu tập tâm-ý đúng đắn; khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ cách-nhìn sai trái và tu tập cách-nhìn đúng đắn, thì người đó không cần sợ cái chết sau này.”797

117 (7) Sự Phòng Hộ “Này các Tỳ kheo, người hướng tới phúc lợi của chính mình798 thì nên tu tập sự chuyên-chú, sự chánh-niệm, và sự phòng-hộ của tâm trong bốn trường hợp. Bốn đó là gì? (1) “‘Cầu cho tâm ta không bị phấn khích bởi những thứ kích thích tham-dục!’ Người chú trọng tới phúc lợi của chính mình nên tu tập sự chuyên chú, sự chánh niệm, và sự phòng hộ của tâm như vậy. (2) “‘Cầu cho tâm ta không chứa đầy sự thù ghét đối với những thứ kích thích sân-giận!’ Người chú trọng tới phúc lợi của chính mình nên tu tập sự chuyên chú, sự chánh niệm, và sự phòng hộ của tâm như vậy. (3) “‘Cầu cho tâm ta không bị làm ngu mờ bởi những thứ gây ra sự si-mê!’ Người chú trọng tới phúc lợi của chính mình nên tu tập sự chuyên chú, sự chánh niệm, và sự phòng hộ của tâm như vậy. (4) “‘Cầu cho tâm ta không bị say-sưa bởi những thứ làm say-sưa (làm

say mê, mê muội)!’799 Người chú trọng tới phúc lợi của chính mình nên tu tập sự chuyên chú, sự chánh niệm, và sự phòng hộ của tâm như vậy. “Này các Tỳ kheo, khi tâm của một Tỳ kheo không bị phấn khích bởi những thứ kích thích tham-dục nhờ người đó trừ bỏ tham-dục; khi tâm người đó không đầy sự thù ghét đối với những thứ kích thích sân-giận nhờ người đó đã trừ bỏ sân-giận; khi tâm người đó không bị làmn ngu mờ bởi những thứ gây ra si-mê nhờ người đó đã trừ bỏ sự si-mê; khi tâm người đó không còn bị làm say-sưa bởi những thứ làm say-sưa nhờ người đó đã trừ bỏ sự say-sưa, rồi người đó không còn khúm núm, không còn run rẩy, không run sợ hay khiếp sợ, cũng không còn bị phất phơ dao động bởi những lời nói này nọ của những tu sĩ [khác đạo].”800

118 (8) Truyền Cảm Hứng 801

• 141

“Này các Tỳ kheo, bốn nơi truyền cảm hứng (tứ động tâm) nên được nhìn thấy bởi những người họ tộc được phú cho niềm-tin (lòng tin, tín). Bốn đó là gì? (1) Nơi Như Lai được sinh ra là một nơi truyền cảm hứng nên được nhìn thấy bởi những người họ tộc được phú cho niềm-tin. (2) Nơi Như Lai tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng (chánh đẳng chánh giác) là một nơi truyền cảm hứng nên được nhìn thấy bởi những người họ tộc được phú cho niềm-tin. (3) Nơi Như Lai thiết lập sự dịch chuyển bánh xe Giáo Pháp là một nơi truyền cảm hứng nên được nhìn thấy bởi những người họ tộc được phú cho niềm-tin. (4) Nơi Như Lai chứng Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) bằng yếu tố Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y niết-bàn giới) là một nơi truyền cảm hứng nên được nhìn thấy bởi những người họ tộc được phú cho niềm-tin. Này các Tỳ kheo, đây bốn nơi truyền cảm hứng nên được nhìn thấy bởi người họ tộc được phú cho niềm-tin.”802

119 (9) Những Hiểm Họa (1) “Này các Tỳ kheo, có bốn hiểm họa này? Bốn đó là gì? Hiểm họa của sự sinh ra, hiểm họa của sự già, hiểm họa của sự bệnh đau, và hiểm họa của sự chết. Đây là bốn hiểm họa.”

120 (10) Những Hiểm Họa (2) “Này các Tỳ kheo, có bốn hiểm họa này? Bốn đó là gì? Hiểm họa do lửa, hiểm họa do lũ lụt, hiểm họa do vua chúa, và hiểm họa do trộm cướp. Đây là bốn hiểm họa.”

NHÓM 3. NHỮNG HIỂM HỌA

121 (1) Phải Tự Trách Mình

142 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

“Này các Tỳ kheo, có bốn hiểm họa này. Bốn đó là gì? Hiểm họa phải tự trách mình, hiểm họa bị người khác quở trách, hiểm họa bị sự trừng phạt, và hiểm họa của (bị tái sinh trong) một nơi-đến xấu dữ. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là hiểm họa phải tự trách mình? Ở đây, có người biết suy xét như vầy: ‘Nếu ta dính vào những hành-động, lời-nói, hay tâm-ý sai trái (ba tà nghiệp), vậy ta có quở trách bản thân mình về giới-hạnh của mình hay không?’ Do sợ hiểm họa phải tự quở trách bản thân mình,

người đó dẹp bỏ hành-động sai trái và tu tập hành- động đúng đắn (chánh thân nghiệp); người đó dẹp bỏ lời-nói sai trái và tu tập lời-nói đúng đắn (chánh khẩu nghiệp); người đó dẹp bỏ tâm-ý sai trái và tu tập tâm-ý đúng đắn (chánh tâm nghiệp); người đó giữ mình trong sự trong-sạch (thanh tịnh). Đây được gọi là hiểm họa phải tự quở trách mình. (2) "Và cái gì là hiểm họa bị người khác quở trrách. Ở đây, có người biết suy xét như vầy: 'Nếu ta dính vào những hành-động, lời-nói, hay tâm- ý sai trái, vậy người khác có quở trách ta về giới-hạnh của ta hay không?' Do sợ hiểm họa bị người khác quở trách, người đó dẹp bỏ hành-động sai trái và tu tập hành-động đúng đắn; người đó dẹp bỏ lời-nói sai trái và tu tập lời-nói đúng đắn; người đó dẹp bỏ tâm-ý sai trái và tu tập tâm-ý đúng đắn; người đó giữ mình trong sự trong-sạch. Đây được gọi là hiểm họa bị người khác quở trách. (3) "Và cái gì là hiểm họa bị sự trừng phạt?803 Ở đây, có người thấy rằng: khi vua chúa bắt được một kẻ cướp, một tội phạm, thì họ bắt người đó phải chịu nhiều hình phạt khác nhau: họ cho quất kẻ đó bằng roi da, đánh bằng cây, đánh bằng gậy; họ chặt tay, chặt chân, chặt tay và chân; họ xẻo tai, xẻo mũi, xẻo tai và mũi; họ bắt người đó chịu hình phạt "nồi cháo", "cạo đầu như vỏ sò", "miệng Rāhu" (La-hầu khẩu hình), "vòng lửa", "tay bốc cháy", "cứa đứt bằng lưỡi lá cỏ", "mặc quần áo bằng vỏ cây", "hình phạt linh dương", "lưỡi móc câu móc thịt", "cắt thịt thành đồng tiền", "ngâm người trong nước tẩy (a-xít)" … và họ cho "tưới dầu sôi lên người", rồi "cho chó nhai xé", "đóng xiên thân sống trên cọc nhọn", và "cắt đầu bằng kiếm".

• 143

"Sau khi thấy như vậy, người đó nghĩ như vầy: 'Khi vua chúa bắt được một một kẻ cướp, một tội phạm … chặt đầu bằng dao kiếm'. Giờ nếu ta phạm vào tội trộm cướp như vậy, và nếu bị bắt, họ cũng xử tội ta bằng những hình phạt như vậy. Họ sẽ cho quất ta bằng roi da … họ sẽ chặt đầu ta bằng dao kiếm.' Do sợ hiểm họa bị sự trừng phạt, người đó không gian-cắp (cướp, gian lận, lừa lọc, tham chiếm, tham nhũng, ăn chặn, ăn hối lộ, tham chiếm) đồ đạc của cải (hay quyền lợi, tiền của …) của người khác. Đây được gọi là hiểm họa bị sự trừng phạt. (4) "Và cái gì là hiểm họa của (bị tái sinh trong) một nơi-đến xấu dữ? Ở đây, có người biết suy xét như vầy: 'Hành-động sai trái có hậu quả xấu804 trong những kiếp sau này; lời-nói sai trái có hậu quả xấu trong những kiếp sau này; tâm-ý sai trái có hậu quả xấu trong những kiếp sau này. Giờ nếu tôi dính vào những hành vi sai trái bằng thân, miệng, tâm (thân, khẩu, ý) thì khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.' Do sợ hiểm họa của một nơi-đến xấu dữ, người đó dẹp bỏ hành- động sai trái và tu tập hành-động đúng đắn; người đó dẹp bỏ lời-nói sai trái và tu tập lời-nói đúng đắn; người đó dẹp bỏ tâm-ý sai trái và tu tập tâm-ý đúng đắn; người đó giữ mình trong sự trong-sạch. Đây được gọi là hiểm họa của một nơi-đến xấu dữ. "Này các Tỳ kheo, đây được gọi là bốn hiểm họa."805

122 (2) Hiểm Họa Bị Sóng Cuốn 806 "Này các Tỳ kheo, có bốn hiểm họa chờ sẵn đối với người bước xuống nước. Bốn đó là gì? Hiểm họa bị sóng cuốn, hiểm họa bị cá sấu, hiểm họa bị nước xoáy, và hiểm họa bị cá dữ. Đây là bốn hiểm họa chờ sẵn đối với người bước xuống nước. Cũng giống như vậy, có bốn hiểm họa này chờ sẵn đối một người họ

tộc vì niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này. Bốn đó là gì? Hiểm họa như bị sóng cuốn, hiểm họa như bị cá sấu, hiểm họa

như bị nước xoáy, và hiểm họa như bị cá dữ. (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là hiểm họa như bị sóng cuốn? Ở đây, một người họ tộc vì niềm-tin đã xuất gia tu hành với ý-nghĩ: 'Ta bị chìm đắm trong sự sinh, già, chết; trong sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não). Ta bị chìm đắm trong sự khổ, bị đày đọa bởi sự khổ. Có lẽ (hy vọng) ta có thể (tu) đạt tới sự chấm- dứt toàn bộ đống khổ này.' Rồi, sau khi người đó đã xuất gia như vậy, những Tỳ kheo đồng đạo đã giáo giới (khởi xướng, khuyên bảo) và chỉ dạy cho người đó: 'Thầy nên đi tới theo cách này, đi lại theo cách này; nhìn thẳng theo cách này, nhìn ngang theo cách này; co tay chân theo cách này, duỗi tay chân theo cách này; thầy nên mặc y-phục và mang theo cà sa và bình bát theo cách này.' Người đó nghĩ: 'Trước kia, khi còn là người tại gia, ta giáo giới và chỉ dạy cho người khác. Nhưng giờ những người [Tỳ kheo] này, họ còn đủ trẻ để làm con ta hay cháu nội ta, mà tự cho mình giáo giới và chỉ dạy cho ta.' (Vì thấy như: trứng mà dạy vịt, con nít mà dạy người lớn). Do tức giận và bất đồng, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Đây được gọi là một Tỳ kheo đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục do hiểm họa bị sóng cuốn đi. 'Hiểm họa bị sóng cuốn' là chữ dùng để chỉ sự sân giận và bực tức. Đây được gọi là hiểm họa bị sóng cuốn. (2) "Và cái gì là hiểm họa như bị cá sấu? Ở đây, một người họ tộc vì niềm-tin đã xuất gia tu hành với ý-nghĩ: 'Ta bị chìm đắm trong sự sinh, già, chết … (như đoạn (1) trên) …' Rồi, sau khi người đó đã xuất gia như vậy, những Tỳ kheo đồng đạo đã giáo giới và chỉ dạy cho người đó: 'Thầy có thể dùng thứ này, không dùng thứ kia; thầy có thể ăn thứ này, không ăn thứ kia;807 thầy có thể nếm thứ này, không nếm thứ kia; thầy có thể uống thứ này, không uống thứ kia. Thầy có thể dùng, ăn, nếm, uống thứ được cho phép, không phải thứ không được cho phép. Thầy nên dùng, ăn, nếm, uống đúng thời.' (chẳng hạn ăn uống trước giờ ngọ…) Người đó nghĩ: 'Trước kia, khi còn là người tại gia, ta dùng thứ gì ta muốn dùng và không dùng thứ gì ta không muốn dùng. Ta ăn thứ gì ta muốn ăn và không ăn thứ

gì ta không muốn ăn. Ta nếm thứ gì ta muốn nếm và không nếm thứ gì ta không muốn nếm. Ta uống thứ gì ta muốn uống và không uống thứ gì ta không muốn uống. Ta dùng, ăn, nếm, uống cả thứ được cho phép và thứ không được cho phép. Ta dùng, ăn, nếm, uống (không tính) đúng thời hay phi thời. Nhưng giờ khi những gia chủ có niềm-tin cúng dường những thứ ngon miệng để dùng và ăn trong ngày ngoài giờ ăn quy định, thì những người [Tỳ kheo] này cứ như lấy giẻ chặn miệng chúng ta lại.' Do tức giận và bất đồng, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Đây được gọi là một Tỳ kheo đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục do hiểm họa bị cá sấu. 'Hiểm họa bị cá sấu' là chữ dùng để chỉ sự ham ăn ham uống. Đây được gọi là hiểm họa bị cá sấu. (3) "Và cái gì là hiểm họa bị nước xoáy? Ở đây, một người họ tộc vì niềm-tin đã tu hành với ý-nghĩ: 'Ta bị chìm đắm trong sự sinh, già, chết … (như đoạn (1) trên) …' Rồi, sau khi người đó đã

xuất gia như vậy, vào buổi sáng, người đó mặc y-phục, mang theo cà sa và bình bát, và đi vô làng hay phố thị để khất thực, với thân, lời-nói và tâm không được phòng hộ, chưa thiết lập sự chánh-niệm, các căn cảm-nhận (giác quan) không được kiềm chế. Người đó nhìn thấy chủ nhà [hoặc con trai của chủ nhà] ở đó đang thụ hưởng, được lo và chu cấp đầy đủ năm thứ dục-lạc. Người đó nghĩ: 'Trước kia, khi còn là người tại gia, ta thụ hưởng bản thân, được lo và chu cấp đầy đủ năm thứ dục-lạc. Gia đình ta có của cải. Vậy ta có thể vừa thụ hưởng sự giàu có vừa làm những việc phước đức. Giờ chắc ta bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục để ta có thể vừa thụ hưởng sự giàu có vừa làm những việc phước đức.' Vậy là người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Đây được gọi là một Tỳ kheo đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục do hiểm họa bị nước xoáy. 'Hiểm họa bị nước xoáy' là chữ dùng để chỉ năm thứ dục-lạc (khoái-lạc giác quan). Đây được gọi là hiểm họa bị nước xoáy. (4) "Và cái gì là hiểm họa bị cá dữ? Ở đây, một người họ tộc vì niềm- tin đã xuất gia tu hành với ý-nghĩ: 'Ta bị chìm đắm trong sự sinh, già, chết ... (như đoạn (1) trên) ...' Rồi, sau khi người đó đã xuất gia như vậy, vào

buổi sáng, người đó mặc y-phục, mang theo cà sa và bình bát, và đi vô làng hay phố thị để khất thực, với thân, lời-nói và tâm không được phòng hộ, chưa thiết lập sự chánh-niệm, các căn cảm-nhận (giác quan) không được kiềm chế. Người đó nhìn thấy phụ nữ ăn mặc lỏng lẻo và hở hang. Khi nhìn thấy họ, nhục-dục xâm chiếm tâm người đó. Khi tâm người đó bị xâm chiếm bởi nhục-dục, người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Đây được gọi là một Tỳ kheo đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục do hiểm họa bị cá dữ. 'Hiểm họa bị cá dữ' ở đây là chữ dùng để chỉ những nữ-sắc. Đây được gọi là hiểm họa bị cá dữ. "Này các Tỳ kheo, đây là bốn hiểm họa chờ sẵn đối với một người họ tộc vì niềm-tin đã từ bỏ gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này."

123 (2) Sự Khác Biệt (1) "Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) "Ở đây, này các Tỳ kheo, có người: 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.' Người đó thưởng thức [vị ngọt của] cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần của trời Brahmā (Phạm chúng thiên). "Tuổi thọ của những thiên thần ở cõi trời Brahmā là 01 đại kiếp.808 Người phàm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó, và đến khi hết tuổi thọ của những thiên thần cõi đó, người đó lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ.809 Nhưng đệ tử của đức

Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó, và đến khi hết tuổi thọ của những thiên thần ở đó, vị đó chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ trạng thái hiện-hữu đó (tức từ thiên thần chứng luôn bát niết-bàn).810 Đây là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện và một người phàm phu không được chỉ dạy, đó là, khác biệt về đích-đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh.811 (2) "Lại nữa, có người: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.' Người đó thưởng thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần phóng quang thành dòng (Quang âm thiên). "Tuổi thọ của những thiên thần phóng quang thành dòng là 02 đại kiếp.812 Người phàm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó ... và lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó ... và chứng luôn Niết-bàn cuối cùng từ trạng thái hiện-hữu đó. Đây là ... sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và một người phàm phu không được chỉ dạy, đó là không được chỉ dạy, đó là, khác biệt về đích-đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh. (3) "Lại nữa, có người: 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: "Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).".' Người đó thưởng thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó,

và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần hào quang chói lọi (Biến tịnh thiên). "Tuổi thọ của những thiên thần hào quang chói lọi là 04 đại kiếp.813 Người phàm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó ... và lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó ... và chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ trạng thái hiện-hữu đó. Đây là ... sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và một người phàm phu không được chỉ dạy, đó là không được chỉ dạy, đó là, khác biệt về đích-đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh. (4) "Lại nữa, có người: 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.' Người đó thưởng thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần có phước

quả lớn (Quảng quả thiên). “Tuổi thọ của những thiên thần hào quang chói lọi là năm trăm đại kiếp.814 Người phàm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó … và lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó … và chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ trạng thái hiện-hữu đó. Đây là … sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và một người phàm phu không được chỉ dạy, đó là không được chỉ dạy, đó là, khác biệt về đích-đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

124 (4) Sự Khác Biệt (2)

• 149

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) … một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … (như đoạn (1) kinh kế trên). Người đó quán sát mọi hiện-tượng thuộc mỗi uẩn [sắc-thân, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức] đều là vô-thường, là khổ, là căn bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sự thống khổ, là sự đày khổ, như kẻ lạ (chỉ hại mình), là đang tan rã, là trống không, là vô ngã.815 Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc một (trong năm) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên).816 Đây là một sự tái sinh mà những người phàm phu thế tục không thể có. (2) “Lại nữa, có người: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (như đoạn (2) kinh kế trên) … (3) Lại nữa, có người: ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … (như đoạn (3) kinh kế trên) … (4) Lại nữa, có người: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) … (như đoạn (4) kinh kế trên) … Người đó quán sát những hiện-tượng thuộc mỗi uẩn đều là vô-thường, là khổ, là căn bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sự thống khổ, là sự đày khổ, như kẻ lạ (chỉ hại mình), là đang tan rã, là trống không, là vô ngã. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc một (trong năm) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên). Đây là một sự tái sinh mà những người phàm phu thế tục không thể có. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

125 (5) Tâm Từ (1) “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, bao la [được khuếch đại], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó thưởng thức [vị ngọt của] cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy

sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc cõi trời Brahmā (Phạm chúng thiên).817 “Tuổi thọ của những thiên thần ở cõi trời Brahmā là 01 đại kiếp. Người phàm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó, và đến khi hết tuổi thọ của những thiên thần cõi đó, người đó lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó, và đến khi hết tuổi thọ của những thiên thần ở đó, vị đó chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ trạng thái hiện-hữu đó (tức từ thiên thần chứng luôn bát niết-bàn). Đây là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và một người phàm phu không được chỉ dạy, đó là không được chỉ dạy, đó là, khác biệt về đích-đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh. (2) “Lại nữa, có người an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó thưởng thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số

những thiên thần phóng quang thành dòng (Quan âm thiên). “Tuổi thọ của những thiên thần phóng quang thành dòng là 02 đại kiếp. Người phàm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó … và lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó … và chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ chính trạng thái hiện-hữu đó. Đây là … sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và một người phàm phu không được chỉ dạy, đó là không được chỉ dạy, đó là, khác biệt về đích-đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh. (3) “Lại nữa, có người an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó thưởng thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần hào quang chói lọi (Biến tịnh thiên). “Tuổi thọ của những thiên thần hào quang chói lọi là 04 đại kiếp. Người phàm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó … và lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó … và chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ chính trạng thái hiện-hữu đó. Đây là … sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và một người phàm phu không được chỉ dạy, đó là không được chỉ dạy, đó là, khác biệt về đích-đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh. (4) “Lại

nữa, có người an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao

trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó thưởng thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần có phúc quả lớn (Quảng quả thiên). “Tuổi thọ của những thiên thần có phúc quả lớn là 500 đại kiếp. Người phàm phu sẽ sống hết kiếp của mình ở đó … và lại đi (tái sinh) xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ thống khổ. Nhưng đệ tử của đức Thế Tôn cũng sống hết kiếp của mình ở đó … và chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) từ chính trạng thái hiện-hữu đó. Đây là … sự khác biệt giữa một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và một người phàm phu không được chỉ dạy, đó là không được chỉ dạy, đó là, khác biệt về đích-đến tiếp theo và sự (còn) tái-sinh. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

126 (6) Tâm Từ (2) “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, bao la [được khuếch đại], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó thưởng thức [vị ngọt của] cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần của những (năm) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên). Đây là sự tái sinh mà

những người phàm phu thế tục không thể có. (2) “Lại nữa, có người an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … (3) … sự tùy-hỷ … (4) … sự buông-xả; cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang … (như đoạn kế trên) … người đó được tái sinh trong số những thiên thần của những (năm) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên). Đây là sự tái sinh mà những người phàm phu thế tục không thể có. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

127 (7) Kỳ Lạ (1) “Này các Tỳ kheo, khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la- hán, bậc Toàn Giác, có bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu xuất hiện.818 Bốn đó là gì? (1) “Này các Tỳ kheo, khi một bồ-tát qua đời từ cõi trời Đâu-suất [Tusita], và có chánh-niệm và rõ-biết

(tỉnh giác), vị ấy nhập vào bụng [dạ con] của mẹ, lúc đó trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, đã xuất hiện một sự chiếu hào quang vô lượng, vượt trên cả uy lực thần tiên của những thiên thần. Ngay cả trong những khoảng trống giữa những thế giới, trống không và thăm thẳm, là những vùng u minh và tối đặc, nơi mà ánh sáng của mặt trăng và mặt trời thật hùng mạnh và thật lớn mạnh cũng không chiếu tới được,819 cũng xuất hiện ánh sáng hào quang vô lượng, vượt trên cả uy lực thần tiên của các thiên thần. Những chúng sinh trong (cõi u minh địa ngục) đó (trong tức khắc) nhận thấy nhau nhờ có sự chiếu sáng hào quang này, và họ nói: "Ô kìa, hình như cũng có những chúng sinh khác đã (bị) tái sinh trong cõi này (chứ không phải mình ta).'820 Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu đầu tiên đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. (2) "Lại nữa, khi vị bồ-tát, có chánh-niệm và rõ-biết, ra khỏi bụng của

mẹ, lúc đó trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, đã xuất hiện một sự chiếu sáng hào quang vô lượng, vượt trên cả uy lực thần tiên của những thiên thần … (như đoạn kế trên). Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ hai đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. (3) "Lại nữa, khi một Như Lai tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng (chánh đẳng chánh giác), lúc đó trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, đã xuất hiện một sự chiếu sáng hào quang vô lượng, vượt trên cả uy lực thần tiên của những thiên thần … (như đoạn trên). Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ ba đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. (4) "Lại nữa, khi một Như Lai thiết lập sự chuyển dịch bánh xe Giáo Pháp, lúc đó trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, đã xuất hiện một sự chiếu sáng hào quang vô lượng, vượt trên cả uy lực thần tiên của những thiên thần … (như đoạn trên). Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ ba đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. "Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác."

128 (8) Kỳ Lạ (2) "Này các Tỳ kheo, khi có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la- hán, bậc Toàn Giác, có bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu xuất hiện. Bốn đó là gì? (1) "Người ta thích sự dính-mắc,821 mê thích sự dính-mắc, vui thích sự dính-mắc. Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự không dính- mắc822 thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu đầu tiên xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai,

bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. (2) “Người ta thích sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), mê thích sự tự-ta, vui thích sự tự-ta. Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự dẹp bỏ sự tự-ta thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ hai xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A- la-hán, bậc Toàn Giác. (3) “Người ta thích sự phấn-khích [sự thiếu tĩnh-lặng, không bình- an],823 mê thích sự phấn-khích, vui thích sự phấn-khích. Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự bình-an thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ ba xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. (4) “Người ta bị chìm nghỉm trong sự vô-minh, điều đó [trở nên] như trong một cái trứng, bị (lớp vỏ) bao bọc che tối hoàn toàn.824 Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự loại bỏ vô-minh thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ lạ và kỳ diệu thứ tư xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu đã xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.”

129 (9) Kỳ Lạ (3) “Này các Tỳ kheo, có bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu về thầy Ānanda. Bốn đó là gì?825 (1) “Nếu một đoàn Tỳ kheo đến gặp thầy Ānanda, họ hoan hỷ khi gặp thầy ấy. Nếu thầy Ānanda nói về Giáo Pháp, họ cũng hoan hỷ với lời nói của thầy ấy, và đoàn Tỳ kheo đó vẫn thấy không đủ (chưa thỏa mãn, không đủ hoan hỷ) mỗi khi thầy Ānanda lại im lặng (tức họ muốn được nghe thêm). (2) “Nếu một đoàn Tỳ kheo ni đến gặp thầy Ānanda, họ hoan hỷ khi

gặp thầy ấy. Nếu thầy Ānanda nói về Giáo Pháp, họ cũng hoan hỷ với lời nói của thầy ấy, và đoàn Tỳ kheo ni đó vẫn thấy không đủ mỗi khi thầy Ānanda lại im lặng. (3) “Nếu một đoàn đệ tử tại gia nam đến gặp thầy Ānanda, họ hoan hỷ khi gặp thầy ấy. Nếu thầy Ānanda nói về Giáo Pháp, họ cũng hoan hỷ với lời nói của thầy ấy, và đoàn đệ tử tại gia nam đó vẫn thấy không đủ mỗi khi thầy Ānanda lại im lặng. (4) “Nếu một đoàn đệ tử tại gia nữ đến gặp thầy Ānanda, họ hoan hỷ khi gặp thầy ấy. Nếu thầy Ānanda nói về Giáo Pháp, họ cũng hoan hỷ với lời nói của thầy ấy, và đoàn đệ tử tại gia nữ đó vẫn thấy không đủ mỗi khi thầy Ānanda lại im lặng. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu về thầy Ānanda.”

130 (10) Kỳ Lạ (4) “Này các Tỳ kheo, có bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu về một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương). Bốn đó là gì? (1) “Nếu một đoàn người giai cấp chiến-sĩ (quý tộc, khattiya, sát-đế- lợi) đến gặp một vị vua quay chuyển bánh xe, họ hoan hỷ khi gặp vị vua đó. Nếu vị vua quay chuyển bánh xe nói với họ, họ cũng hoan hỷ với lời nói của vị vua, và đoàn người giai cấp chiến-sĩ đó vẫn thấy không đủ mỗi khi vị vua lại im lặng (tức họ muốn được nghe thêm). (2) “Nếu một đoàn bà-la-môn đến gặp một vị vua quay chuyển bánh xe, họ hoan hỷ khi gặp vị vua đó. Nếu vị vua quay chuyển bánh xe nói với họ, họ cũng hoan hỷ với lời nói của vị vua, và đoàn bà-la-môn đó vẫn thấy không đủ mỗi khi vị vua lại im lặng. (3) “Nếu một đoàn gia chủ đến gặp một vị vua quay chuyển bánh xe, họ hoan hỷ khi gặp vị vua đó. Nếu vị vua quay chuyển bánh xe nói với họ, họ cũng hoan hỷ với lời nói của vị vua, và đoàn gia chủ đó

vẫn thấy không đủ mỗi khi vị vua lại im lặng.

• 157

(4) “Nếu một đoàn những tu sĩ (ẩn sĩ, sa-môn) đến gặp một vị vua quay chuyển bánh xe, họ hoan hỷ khi gặp vị vua đó. Nếu vị vua quay chuyển bánh xe nói với họ, họ cũng hoan hỷ với lời nói của vị vua, và đoàn tu sĩ đó đó vẫn thấy không đủ mỗi khi vị vua lại im lặng. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu về một vị vua quay chuyển bánh xe. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu này về thầy Ānanda. Bốn đó là gì? … [tiếp tục với toàn bộ kinh 4:129 kế trên] …

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều kỳ lạ và kỳ diệu về thầy Ānanda.”

NHÓM 4. NGƯỜI

131 (1) Những Gông Cùm “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? “Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) có người chưa dẹp bỏ nhóm gông-cùm thấp hơn (năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử) và những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu.826 (2) Có người đã dẹp bỏ nhóm gông-cùm thấp hơn, nhưng chưa dẹp bỏ những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu. (3) Có người đã dẹp bỏ nhóm gông-cùm thấp hơn và những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, nhưng chưa dẹp bỏ những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu. (4) Và có người đã dẹp bỏ (tất cả) nhóm gông-cùm thấp hơn, những gông- cùm đưa đến tái sinh, và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu. (1) “Cái gì là loại người chưa dẹp bỏ nhóm gông-cùm thấp hơn, những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu? Đó là bậc Nhất-lai.827 Người này chưa loại bỏ hết nhóm gông-

158 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

cùm thấp hơn, những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu. (2) “Cái gì là loại người đã dẹp bỏ hết nhóm gông-cùm thấp hơn, nhưng chưa dẹp bỏ được những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu? Đó là người hướng thượng lưu, đang hướng tới cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên).828 Người này đã loại bỏ hết nhóm gông-cùm thấp hơn, nhưng chưa loại bỏ được những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu. (3) “Cái gì là loại người đã dẹp bỏ nhóm gông-cùm thấp hơn và những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, nhưng chưa dẹp bỏ được những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu? Đó là bậc đã chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) trong nửa-đầu kiếp sau.829 Đây là người đã loại bỏ nhóm gông-cùm thấp hơn và những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, nhưng chưa loại bỏ những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu. (4) “Cái gì là loại người đã dẹp bỏ (tất cả) nhóm gông-cùm thấp hơn, những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu? Đó là bậc A-la-hán. Vì người này đã loại bỏ hết nhóm gông- cùm thấp hơn, những gông-cùm đưa đến sự tái-sinh, và những gông-cùm đưa đến sự hiện-hữu. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

132 (2) Sự Nhận Định “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người có sự nhận định là sáng suốt nhưng không trôi chảy;830 người có sự nhận định là trôi chảy nhưng không sáng suốt; người có sự nhận định vừa không sáng suốt và không trôi chảy; người có sự nhận định sáng suốt và trôi chảy. Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

• 159

133 (3) Thuộc Loại Hiểu Nhanh “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người hiểu liền; người hiểu sau khi được lặp lại; người cần được chỉ dẫn mới hiểu; và người chỉ học vẹc chứ không hiểu [đối với người đó lời nói là mức tối đa (chứ không đi xa hơn)]. Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”831

134 (4) Sự Cố Gắng “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người sống nhờ kết quả của sự cố-gắng của mình nhưng không sống nhờ kết quả của nghiệp của mình; người sống nhờ kết quả của nghiệp nhưng không sống nhờ kết quả của sự cố-gắng; người sống nhờ kết quả của sự cố-gắng và kết quả của nghiệp; và người sống không nhờ kết quả của sự cố-gắng cũng không nhờ kết quả của nghiệp. Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”832

135 (5) Tội Lỗi “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Người tội lỗi [đáng chê trách], người tội lỗi nhất, người tội lỗi nhẹ, và người không tội lỗi. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là một người tội lỗi? Ở đây, một người dính vào hành-động tội lỗi, lời-nói tội lỗi, và tâm-ý tội lỗi. Theo cách này một người là có tội. (2) “Và theo cách nào là một người tội lỗi nhất? Ở đây, một người dính vào hành-động tội lỗi nhất, lời-nói tội lỗi nhất, và tâm-ý tội lỗi nhất. Theo cách này một người là tội lỗi nhất [đáng chê trách nhất]. (3) “Và theo cách nào là một người tội lỗi nhẹ? Ở đây, một người dính vào hành-động tội lỗi nhẹ, lời-nói tội lỗi nhẹt, và tâm-ý tội lỗi nhẹ.

Theo cách này một người là có tội lỗi nhẹ [gần như là không tội lỗi]. (4) “Và theo cách nào là một người không tội lỗi? Ở đây, một người dính vào hành-động không tội lỗi, lời-nói không tội lỗi, và tâm-ý không tội lỗi. Theo cách này một người là không tội lỗi. “Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”833

136 (6) Giới Hạnh … (1) “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, này các Tỳ kheo, có người không hoàn thiện giới- hạnh, sự định-tâm, và trí-tuệ (giới, định, tuệ). (2) Có người hoàn thiện giới-hạnh, nhưng không hoàn thiện sự định-tâm và trí-tuệ. (3) Có người hoàn thiện giới-hạnh và sự định-tâm, nhưng không hoàn thiện trí-tuệ. (4) Và có người hoàn thiện giới-hạnh, sự định-tâm, và trí-tuệ. “Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”834

137 (7) Giới Hạnh … (2) “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người không coi trọng giới-hạnh hay lấy giới-hạnh là thượng tôn; không coi trọng sự định-tâm hay lấy sự định- tâm là thượng tôn, và không coi trọng trí-tuệ hay lấy trí-tuệ là thượng tôn. (2) “Có người coi

trọng giới-hạnh và lấy giới-hạnh là thượng tôn; nhưng không coi trọng định-tâm hay lấy sự định-tâm là thượng tôn, và không coi trọng trí-tuệ hay lấy trí-tuệ là thượng tôn. (3) “Có người coi trọng giới-hạnh và lấy giới-hạnh là thượng tôn, coi trọng sự định-tâm và lấy sự định-tâm là thượng tôn, nhưng không coi trọng trí-tuệ hay lấy trí-tuệ là thượng tôn. (4) “Có người coi trọng giới-hạnh và lấy giới-hạnh là thượng tôn, và

• 161

coi trọng sự định-tâm và lấy sự định-tâm là thượng tôn, và coi trọng trí-tuệ và lấy trí-tuệ là thượng tôn. “Đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

138 (8) Tách Ly Để Tu “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Có người tách-ly (ẩn dật để tu tập; nhập thất, ẩn dật trong một thời gian để tu; nhập khóa tu) bằng thân, nhưng không tách-ly bằng tâm; có người không tách-ly bằng thân, nhưng vẫn tách-ly bằng tâm; có người không tách-ly bằng thân hay bằng tâm; và có người tách-ly cả bằng thân và bằng tâm. (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người tách-ly bằng thân, nhưng không tách-ly bằng tâm? Ở đây, có người lánh về trú tu ở những nơi trong rừng núi xa xôi, nhưng người đó cứ nghĩ những ý nghĩ tham-dục, những ý nghĩ ác-ý, và những ý nghĩ gây-hại. Theo cách như vậy là một người đã tách-ly bằng thân, nhưng không tách-ly bằng tâm. (2) “Và theo cách nào là một người không tách-ly bằng thân, nhưng vẫn tách-ly bằng tâm? Ở đây, có người không lánh về trú tu ở những nơi trong rừng núi xa xôi, nhưng tâm người đó nghĩ toàn những ý nghĩ từ-bỏ, những ý nghĩ thiện-ý, và những ý nghĩ vô-hại. Theo cách như vậy là một người không tách-ly bằng thân, nhưng vẫn tách-ly bằng tâm. (3) “Và theo cách nào là một người không tách-ly bằng thân hay bằng tâm? Ở đây, có người không lánh về trú tu ở những nơi trong rừng núi xa xôi, và người đó cứ nghĩ những ý nghĩ tham-dục, những ý nghĩ ác-ý, và những ý nghĩ gây-hại. Theo cách như vậy là một người không tách-ly bằng thân hay bằng tâm. (4) “Và theo cách nào là một người tách-ly cả bằng thân và bằng tâm? Ở đây, có người lánh về trú tu ở những nơi trong rừng núi xa xôi, và người đó nghĩ toàn những ý nghĩ từ-bỏ, những ý nghĩ thiện-ý, và những ý nghĩ

162 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

vô-hại. Theo cách như vậy là một người tách-ly cả bằng thân và bằng tâm. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

139 (9) Người Thuyết Pháp “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thuyết Pháp này. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người thuyết Pháp nói ít và [lời nói của người đó là] vô ích, và hội chúng (những người nghe, tăng chúng) của người đó không thiện giỏi trong việc phân biệt điều gì ý nghĩa và điều gì vô ích. Người thuyết Pháp như vậy được cho là một người thuyết Pháp được công nhận bởi loại hội chúng như vậy; (tức chỉ loại hội chúng như vậy mới coi người đó là người thuyết pháp). (2) “Ở đây, có người thuyết Pháp nói ít và [lời nói của người đó là] ý nghĩa, và hội chúng của người đó thiện giỏi trong việc phân biệt điều gì ý nghĩa và điều gì vô ích. Người thuyết Pháp như vậy được cho là một người thuyết Pháp được công nhận bởi loại hội chúng như vậy. (3) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người thuyết Pháp nói nhiều và [lời nói của người đó là] vô

ích, và hội chúng của người đó không thiện giỏi trong việc phân biệt điều gì ý nghĩa và điều gì vô ích. Người thuyết Pháp như vậy được cho là một người thuyết Pháp được công nhận bởi loại hội chúng như vậy. (4) “Ở đây, có người thuyết Pháp nói nhiều và [lời nói của người đó là] ý nghĩa, và hội chúng của người đó thiện giỏi trong việc phân biệt điều gì ý nghĩa và điều gì vô ích. Người thuyết Pháp như vậy được cho là một người thuyết Pháp được công nhận bởi loại hội chúng như vậy. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thuyết Pháp.”

140 (10) Những Người Nói “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người nói. Bốn đó là gì? (1) Có người

nói bị cạn hết nghĩa nhưng không cạn hết chữ. (2) Có người nói bị cạn hết chữ nhưng không cạn hết nghĩa. (3) Có người nói bị cạn hết cả nghĩa lẫn chữ. (4) Và có người nói không bị cạn hết nghĩa hay chữ. Đây là bốn loại người nói. Không thể nào và không thể hình dung một người có bốn trí- biết (mang tính) phân-tích (vô ngại giải trí) mà bị cạn hết ý nghĩa hay chữ nghĩa.”835

NHÓM 5. NHỮNG HÀO QUANG

141 (1) Những Hào Quang “Này các Tỳ kheo, có bốn hào quang này. Bốn đó là gì? Hào quang của mặt trăng, hào quang của mặt trời, hào quang của lửa, và hào quang của trí-tuệ. Trong bốn loại hào quang này, hào quang của trí-tuệ là bậc nhất (tốt nhất, siêu xuất nhất).”

142 (2) Những Sự Chiếu Sáng “Này các Tỳ kheo, có bốn sự chiếu sáng này. Bốn đó là gì? Sự chiếu sáng của mặt trăng, sự chiếu sáng của mặt trời, sự chiếu sáng của lửa, và sự chiếu sáng của trí-tuệ. Trong bốn loại sự chiếu sáng này, sự chiếu sáng của trí-tuệ là bậc nhất.”

143 (3) Những Ánh Sáng “Này các Tỳ kheo, có bốn ánh sáng này. Bốn đó là gì? Ánh sáng của mặt trăng, ánh sáng của mặt trời, ánh sáng của lửa, và ánh sáng của trí-tuệ. Trong bốn loại ánh sáng này, ánh sáng của trí-tuệ là bậc nhất.”

144 (4) Những Sự Tỏa Sáng

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự tỏa sáng này. Bốn đó là gì? Sự tỏa sáng của mặt trăng, sự tỏa sáng của mặt trời, sự tỏa sáng của lửa, và sự tỏa sáng của trí-tuệ. Trong bốn loại sự tỏa sáng này, sự tỏa sáng của trí-tuệ là bậc nhất.”

145 (5) Những Thứ Chiếu Sáng “Này các Tỳ kheo, có bốn thứ chiếu sáng (soi sáng) này. Bốn đó là gì? Mặt trăng là thứ chiếu sáng, mặt trời là thứ chiếu sáng, lửa là thứ chiếu sáng, và trí-tuệ là thứ chiếu sáng. Trong bốn thứ chiếu sáng này, trí-tuệ là thứ chiếu sáng bậc nhất.”

146 (6) Những Thời Lúc (1) “Này các Tỳ kheo, có bốn thời lúc này. Bốn đó là gì? Thời lúc để lắng nghe Giáo Pháp, thời lúc để thảo luận Giáo Pháp, thời lúc cho sự vắng-lặng

(thiền định)836, và thời lúc cho sự minh-sát (thiền quán). Đây là bốn thời lúc.

147 (7) Những Thời Lúc (2) “Này các Tỳ kheo, bốn thời lúc này, nếu được tu tập và phối hợp đúng đắn, sẽ dần đưa đến đỉnh-cao là sự tiêu-diệt những ô-nhiễm (lậu tận). Bốn đó là gì? Thời lúc để lắng nghe Giáo Pháp, thời lúc để thảo luận Giáo Pháp, thời lúc cho sự vắng-lặng (thiền định), và thời lúc cho sự minh-sát (thiền quán). Bốn thời lúc này, nếu được tu tập và phối hợp đúng đắn, sẽ dần đưa đến đỉnh-cao là sự tiêu-diệt những ô-nhiễm. “Giống như, khi trời mưa và nước mưa xuống trên đỉnh núi, nước chảy xuống theo dốc núi và đổ đầy những khe núi, khe suối, khe lạch; sau khi tích đầy nó chảy ra những ao hồ; rồi tích đầy nó chảy ra những hồ lớn; rồi tích đầy nó chảy ra những con suối; rồi tích đầy nó chảy ra những con

• 165

sông; và rồi tích đầy nó chảy ra biển cả. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, bốn thời lúc này, nếu được tu tập và phối hợp đúng đắn, sẽ dần đưa đến đỉnh cao là sự tiêu-diệt những ô-nhiễm.”

148 (8) Hành Vi (1) “Này các Tỳ kheo, có bốn loại hành vi sai trái của lời-nói (tà khẩu, tà ngữ). Bốn đó là gì? Lời nói-dối nói láo, lời nói gây chia-rẽ, lời nói gắt- gỏng nạt nộ, và lời nói tầm-phào tán dóc. Đây là bốn loại hành vi sai trái của lời-nói.”

149 (9) Hành Vi (2) “Này các Tỳ kheo, có bốn loại hành vi đúng đắn của lời-nói (chánh khẩu, chánh ngữ). Bốn đó là gì? Lời nói-thật nói đúng, lời nói không gây chia-rẽ, lời nói nhẹ-nhàng thân mến, và lời nói có suy-xét (thận trọng, chí lý, chính đáng, có ý nghĩa, không phải tầm phào tán dóc). Đây là bốn loại hành vi đúng đắn của lời-nói.”

150 (10) Những Cốt Lõi “Này các Tỳ kheo, có bốn cốt lõi này. Bốn đó là gì? Cốt lõi là giới-hạnh, cốt lõi là sự định-tâm, cốt lõi là trí-tuệ, và cốt lõi là sự giải-thoát. Đây là bốn cốt lõi (của đạo Phật).”

166 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

• 167

[Năm Mươi Kinh Thứ Tư]

NHÓM 1. CÁC CĂN

151 (1) Các Căn “Này các Tỳ kheo, có bốn căn này. Bốn đó là gì? Căn niềm-tin (tín căn), căn nỗ-lực (tinh tấn căn), căn chánh-niệm (niệm căn), và căn địnhtâm (định căn). Đây là bốn căn.”837

152 (2) Năng Lực Niềm Tin … (các lực) “Này các Tỳ kheo, có bốn năng lực này. Bốn đó là gì? Năng lực niềm-tin (tín lực), năng lực nỗ-lực (tinh tấn lực), năng lực chánh-niệm (niệm lực), và năng lực định-tâm (định lực). Đây là bốn năng lực.”

153 (3) Năng Lực Trí Tuệ … “Này các Tỳ kheo, có bốn năng lực này. Bốn đó là gì? Năng lực trí- tuệ, năng lực nỗ-lực, năng lực phi tội-lỗi, và năng lực duy trì mối quan hệ thuận lợi. Đây là bốn năng lực.”

154 (4) Năng Lực Chánh Niệm … “Này các Tỳ kheo, có bốn năng lực này. Bốn đó là gì? Năng lực chánh-niệm, năng lực chánh-định, năng lực phi tội-lỗi, và năng lực duy-trì mối quan hệ thuận lợi. Đây là bốn năng lực.”

155 (5) Năng Lực Quán Xét …

“Này các Tỳ kheo, có bốn năng lực này. Bốn đó là gì? Năng lực quán-xét, năng lực tu-tập, năng lực phi tội-lỗi, và năng lực duy-trì mối quan hệ thuận lợi. Đây là bốn năng lực.”

156 (6) Những Đại Kiếp “Này các Tỳ kheo, có bốn phân kỳ không thể tính được (vô lường, vô lượng) trong một đại kiếp (vũ trụ).838 Bốn đó là gì? (1) “Thời kỳ mà một đại kiếp tan hoại (hủy hoại) là không dễ gì tính được theo kiểu như là ‘rất nhiều năm’ hay ‘rất nhiều trăm năm’ hay ‘rất nhiều ngàn năm’ hay ‘rất nhiều trăm ngàn năm’.839 (2) “Thời kỳ mà một đại kiếp giải thể (tan biến) là không dễ gì tính được theo kiểu như là ‘rất nhiều năm’ hay ‘rất nhiều trăm năm’ hay ‘rất nhiều ngàn năm’ hay ‘rất nhiều trăm ngàn năm’. (3) “Thời kỳ mà một đại kiếp tiến hóa (phát triển) là không dễ gì tính được theo kiểu như là ‘rất nhiều năm’ hay ‘rất nhiều trăm năm’ hay ‘rất nhiều ngàn năm’ hay ‘rất nhiều trăm ngàn năm’. (4) “Thời kỳ mà một đại kiếp duy trì (trụ) trong trạng thái tiến hóa là không dễ gì tính được theo kiểu như là ‘rất nhiều năm’ hay ‘rất nhiều trăm năm’ hay ‘rất nhiều ngàn năm’ hay ‘rất nhiều trăm ngàn năm’. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn phân kỳ không thể tính được của một đại kiếp.”

157 (7) Bệnh “Này các Tỳ kheo, có hai loại bệnh. Hai đó là gì? Bệnh của thân và bệnh của tâm. Dễ thấy người ta nói họ có thể thụ hưởng sức khỏe của thân thể được một, hai, ba, bốn, và năm năm; được mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, và năm mươi năm; và thậm chí được cả trăm năm hay hơn nữa. Nhưng, ngoài những người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (của tâm), hiếm thấy

có ai trong thế gian nói họ thụ hưởng sức khỏe của tâm được một phút chốc nào. “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo thường bị bốn loại bệnh này. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo có ham muốn mạnh mẽ, cứ thấy khổ sở, và không hài lòng với mọi thứ (được cúng dường) y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh.840 (2) Do người đó ham muốn mạnh mẽ, cứ thấy khổ sở, và không hài lòng với mọi thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh, nên người đó phục lụy theo những những ham muốn xấu ác như muốn được (người khác) nhìn nhận, và muốn được ‘lợi, danh, vinh’. (3) Người đó phát khởi bản thân, chuyên-cần tu, và tạo sự cố-gắng để có được sự được nhìn nhận, và ‘lợi, danh, vinh’. (4) Người đó đầy toan tính khi đến gặp các gia đình, đầy toan tính khi ngồi xuống, đầy toan tính khi thuyết về Giáo Pháp, và đầy toan tính khi nhịn đi tiêu đi tiểu.841 Đây là bốn loại bệnh (của tâm) mà một Tỳ kheo thường bị. “Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ không có ham muốn mạnh mẽ, không thấy khổ sở, không thấy bất hài lòng với bất kỳ thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh

nào (được cúng dường). Chúng ta sẽ không phục lụy theo những ham muốn xấu ác như muốn được (người khác) nhìn nhận, hay muốn được 'lợi, danh, vinh'. Chúng ta sẽ không phát khởi bản thân, chuyên-cần tu, hay tạo sự cố-gắng để có được sự được nhìn nhận, và 'lợi, danh, vinh'. Chúng ta sẽ kiên nhẫn chịu đựng nóng lạnh và đói khát; sự tiếp xúc với ruồi, muỗi, gió, nắng, và rắn rít; những lời nói thô tục và chọc chửi sỉ nhục; chúng ta sẽ có khả năng chịu đựng những cảm-giác ở thân là đau đớn, đau buốt, kịch liệt, nhức nhối, thảm khốc, thống khổ, phá hoại sức sống của mình.' Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân."

158 (8) Sa Sút

Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: "Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!" "Dạ, thưa đạo hữu!", các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này: "Này các đạo hữu, Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào quán sát bốn điều này ở bên trong (hướng nội tâm) thì có thể đi đến kết luận rằng: 'Tôi đang sa sút những phẩm chất thiện. Đức Thế Tôn gọi đó là sự sa sút.' Bốn đó là gì? Một đống (nhiều) tham, một đống sân, một đống si, và con mắt trí-tuệ của người đó không đi vào những vấn đề sâu sắc để biết điều gì là có thể và điều gì là không thể.842 Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào quán sát bốn điều này ở bên trong thì có thể đi đến kết luận rằng: 'Tôi đang sa sút những phẩm chất thiện. Đức Thế Tôn gọi đó là sự sa sút.' "Này các đạo hữu, Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào quán sát bốn điều này ở bên trong thì có thể đi đến kết luận rằng: 'Tôi không đang sa sút những phẩm chất thiện. Đức Thế Tôn gọi đó là sự không sa sút.' Bốn đó là gì? Sự giảm thiểu (ít đi) tham, sự giảm thiểu sân, sự giảm thiểu si, và con mắt trí-tuệ của người đó thường đi vào những vấn đề sâu sắc để biết điều gì có thể và điều gì không thể. Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào quán sát bốn điều này ở bên trong thì có thể đi đến kết luận rằng: 'Tôi đang không sa sút những phẩm chất thiện. Đức Thế Tôn gọi đó là sự không sa sút.'"

159 (9) Tỳ Kheo Ni Trong một lần Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Ghosita. Lúc đó có một Tỳ kheo ni nói với một người như vầy: 'Này anh, hãy đến gặp Thầy Ānanda và nhân danh ta cúi đầu xuống chân thầy ấy để kính lễ. Rồi thưa: 'Thưa Thầy, Tỳ kheo ni 'tên này' đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết. Ni ấy xin cúi đầu xuống chân thầy Ānanda để kính lễ.' Rồi thưa: 'Thưa Thầy, sẽ tốt lành nếu thầy Ānanda, vì lòng bi mẫn, đến thăm Tỳ kheo ni ấy trong tịnh xá của những Tỳ kheo ni.'"

"Dạ được, thưa ni", người đó đáp lại. Rồi ông đã đến gặp thầy Ānan- da, kính chào thầy và ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời nhắn gửi đó. Thầy Ānanda đã đồng ý trong im lặng. Rồi thầy Ānanda mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi đến tịnh xá của những Tỳ kheo ni. Khi Tỳ kheo ni ấy nhìn thấy thầy Ānanda đang đi đến từ xa, ni ấy đã che kín thân từ đầu trở xuống và nằm xuống trên giường của mình.843 Rồi thầy Ānanda vào gặp Tỳ kheo ni đó, ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và nói với ni ấy: "Này ni, thân này đã bắt nguồn từ dưỡng-chất; tùy thuộc (dựa vào, y cứ) vào dưỡng-chất,

dưỡng-chất nên được dẹp bỏ. Thân này đã bắt nguồn từ dục-vọng (ái); tùy thuộc vào dục-vọng, dục-vọng nên được dẹp bỏ. Thân này đã bắt nguồn từ sự tự-ta (ngã mạn); tùy thuộc vào sự tự-ta, sự tự-ta nên được dẹp bỏ. Thân này đã bắt nguồn từ sự quan hệ tính dục, nhưng nói về sự quan hệ tính dục đức Thế Tôn đã tuyên bố sự phá bỏ cây cầu.844 (1) "Khi điều này được nói: 'Này ni, thân này đã bắt nguồn từ dưỡng- chất; tùy thuộc vào dưỡng-chất, dưỡng-chất nên được dẹp bỏ', thì vì lý do gì mà nó được nói như vậy? Ở đây, này ni, sau khi quán chiếu một cách kỹ càng (như lý tác ý), một Tỳ kheo dùng thức ăn thức uống: (i) không phải để khoái thích giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn— mà (iv) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: "Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [không tội lỗi] (vì việc ăn uống), và sống được an ổn."'. Một thời gian sau đó, khi tùy thuộc vào dưỡng-chất, người đó dẹp bỏ dưỡng-chất.845 "Khi điều này được nói: 'Này ni, thân này đã bắt nguồn từ dưỡng- chất; tùy thuộc vào dưỡng-chất, dưỡng-chất nên được dẹp bỏ', là do có sự như vầy nên nó đã được nói như vậy. (2) "Khi điều này được nói: 'Này ni, thân này đã bắt nguồn từ dục-

vọng; tùy thuộc vào dục-vọng, dục-vọng nên được dẹp bỏ', thì vì lý do gì mà nó được nói như vậy? Ở đây, này ni, một Tỳ kheo (A) nghe nói: "Có Tỳ kheo tên nọ: 'Với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, vị ấy đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.' Tỳ kheo (A) đó nghĩ: 'Biết chừng nào ta mới làm được như vậy: 'Với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm ... ta sẽ an trú trong đó?' Một thời gian sau đó, khi tùy thuộc vào dục-vọng, người đó dẹp bỏ dục-vọng. Khi điều này được nói: 'Này ni, thân này đã bắt nguồn từ dục-vọng; tùy thuộc vào dục-vọng, dục-vọng nên được dẹp bỏ', là do có sự như vầy nên nó đã được nói như vậy. (3) "Khi điều này được nói: 'Này ni, thân này đã bắt nguồn từ sự tự-ta mà có; tùy thuộc vào sự tự-ta, nên dẹp bỏ sự tự-ta', thì vì lý do gì mà nó được nói như vậy? Ở đây, này ni, một Tỳ kheo (A) nghe được: 'Có Tỳ kheo tên đó, với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, vị ấy đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.' Tỳ kheo (A) đó nghĩ: 'Vị Tỳ kheo ấy đã làm được: 'Với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm ... vị ấy an trú trong đó. Còn ta không làm được vậy sao!'. Một thời gian sau đó, khi tùy thuộc vào sự-tự ta, người đó dẹp bỏ sự-tự ta. Khi điều này được nói: 'Này ni, thân này đã bắt nguồn từ sự-tự ta; tùy thuộc vào sự-tự ta, nên dẹp bỏ sự-tự ta', là do có sự như vầy nên nó đã được nói như vậy. (4) "Thân này đã bắt nguồn từ sự quan hệ tính dục, nhưng nói về sự quan hệ tính dục thì đức Thế Tôn đã tuyên bố sự phá bỏ cây cầu."846 Rồi Tỳ kheo ni đó ngồi dậy khỏi giường, chỉnh lại phần y-phục trên một vai, và cúi đầu xuống hai chân thầy Ānanda kính lễ, sau đó ni thưa với thầy Ānanda: "Thưa Thầy, con đã phạm vào một tội trong đó con đã hành vi một cách thật ngu xuẩn, ngu ngốc, và không thiện khéo. Thưa thầy, mong Thầy Ānanda chấp nhận tội này của con là một tội để con biết

kiềm chế (giữ giới) về sau.”

• 173

“Chắc chắn được, này ni, ni đã phạm vào một tội trong đó ni đã hành vi một cách thật ngu xuẩn, ngu ngốc, và không thiện khéo. Nhưng vì ni đã nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội và biết tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp, chúng ta chấp nhận nó (lời thú nhận đó). Vì điều đó cho thấy có sự phát triển trong giới luật của Thánh Nhân, rằng một người nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội, biết tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp, và cam kết kiềm chế về sau.”

160 (10) Một Bậc Phúc Lành 847 (I) “Này các Tỳ kheo, khi bậc Phúc Lành (Thiện Thệ) hay giáo khoa của bậc Phúc Lành vẫn còn trong thế gian, thì điều này là vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên thần và loài người. (a) “Và, này các Tỳ kheo, ai là bậc Phúc Lành đó? Ở đây, Như Lai đã khởi sinh trong thế gian này, là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người huấn luyện tốt thượng của những người cần được thuần phục, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn. Đây là bậc Phúc Lành. (b) “Và cái gì là giáo khoa của bậc Phúc Lành? Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa, và tốt ở sau, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh (đã được) toàn thiện và trong sạch. Đây là giáo khoa của bậc Phúc Lành. “Như vậy, khi bậc Phúc Lành hay giáo khoa của bậc Phúc Lành vẫn còn trong thế gian, thì điều này là vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên thần và loài người. (II) “Này các Tỳ kheo, có bốn điều dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành (thiện Pháp). Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, các Tỳ kheo học các kinh (những bài thuyết giảng) đã được tiếp thu một cách tồi tệ, với những từ ngữ và câu chữ được truyền dạy một cách tồi tệ.848 Khi những từ ngữ và câu chữ được truyền dạy một cách tồi tệ, ý nghĩa được diễn dịch một cách tồi tệ. Đây là điều thứ nhất dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành. (2) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là khó khuyên dạy, họ có những phẩm chất làm cho họ khó được khuyên dạy. Họ không kiên nhẫn và không chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng. Đây là điều thứ hai dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành. (3) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là người học nhiều, là những người kế thừa di sản, những người thông thuộc về Giáo Pháp, những người thông thuộc về giới luật, những người thông thuộc về những toát yếu (đại cương, matika) lại không cung kính chỉ dạy các kinh cho những người khác. Khi những Tỳ kheo đó chết đi, những bài kinh bị bỏ ngang [bị cắt bỏ tận gốc], rồi chẳng còn ai bảo tồn chúng. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành. (4) “Thêm nữa, những Tỳ kheo trưởng lão thì sống xa xỉ và lơi lỏng, là những người lãnh đạo bị tụt lùi, quăng bỏ bổn phận sống tách-ly (lánh trần để tu hành); họ không phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để chứng đắc

những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. [Những Tỳ kheo của] thế hệ sau thì bắt chước theo những trưởng lão đó. Rồi họ cũng vậy, cũng sống xa xỉ và lơi lỏng, là những người lãnh đạo tụi lùi, quăng bỏ bổn phận sống tách-ly; họ không phát khởi nỗ-lực để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành. “Đây là bốn điều dẫn tới sự sa sút và sự biến mất của Giáo Pháp tốt lành. (III) “Này các Tỳ kheo, có bốn điều [khác] dẫn tới sự không sa sút và

• 175

sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, những Tỳ kheo học những bài kinh đã được tiếp thu một cách đúng đắn, với những từ ngữ và câu chữ được truyền dạy một cách đúng đắn. Khi những từ ngữ và câu chữ được truyền dạy một cách đúng đắn, ý nghĩa được diễn dịch một cách đúng đắn. Đây là điều thứ nhất dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành. (2) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là dễ khuyên dạy, họ có những phẩm chất làm cho họ dễ được khuyên dạy. Họ kiên nhẫn và chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng. Đây là điều thứ hai dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành. (3) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là người học nhiều, là những người kế thừa di sản, những người thông thuộc về Giáo Pháp, những người thông thuộc về giới luật, những người thông thuộc về những toát yếu (đại cương, matika) trân trọng chỉ dạy các kinh cho những người khác. Khi những Tỳ kheo đó chết đi, những bài kinh không bị bỏ ngang [không bị cắt bỏ tận gốc], và những người sau bảo tồn chúng. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành. (4) “Thêm nữa, những Tỳ kheo trưởng lão thì không xa xỉ hay lơi lỏng, mà họ dẹp bỏ sự tụi lùi và dẫn đầu trong sự sống tách-ly (lánh trần để tu hành); họ phát khởi nỗ-lực (tinh tấn) để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. [Những Tỳ kheo của] thế hệ sau thì noi gương theo những trưởng lão đó. Rồi họ cũng vậy, không xa xỉ hay lơi lỏng, mà họ dẹp bỏ sự tụt lùi và dẫn đầu trong sự sống tách-ly; họ phát khởi nỗ-lực để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành. “Đây là bốn điều dẫn tới sự không sa sút và sự không biến mất của Giáo Pháp tốt lành.”

176 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

NHÓM 2. NHỮNG CÁCH THỨC TU TẬP

161 (1) Ngắn Gọn 849 “Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu (cách thức) tu tập. Bốn đó là gì? (1) Kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiểu tu khổ mà nhanh tới trí- biết trực tiếp; (3) kiểu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (4) kiểu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp.850 Đây là bốn kiểu tu tập.”

162 (2) Chi Tiết “Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu (cách thức) tu tập. Bốn đó là gì? (1) Kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiểu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp; (3) kiểu tu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (4) kiểu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp. Đây là bốn kiểu tu tập.” (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp? Ở đây, có người tự bản tính nghiêng mạnh theo tham và thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ tham-dục. Tự bản tính người đó nghiêng mạnh theo sân và thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ sân-giận. Tự bản tính người đó nghiêng mạnh theo si và thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ si-mê. (Và) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh- niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. Do năm căn này là yếu ớt, nên người đó chậm đạt tới ‘điều-kiện tức thì’ (duyên kế cận; để tức thì, lập tức, trực tiếp) dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm.851 Đây được gọi là kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp. (2) “Và cái gì là kiểu tu khổ mà nhanh dẫn tới trí-biết trực tiếp? Ở đây, có người tự bản tính nghiêng mạnh theo tham … sân … si và thường

• 177

nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ tham-dục … sân-giận … si-mê. (Nhưng) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin … căn trí-tuệ. Do năm căn này là nổi trội, nên người đó nhanh đạt tới ‘điều-kiện tức thì’ dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Đây được gọi là kiểu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiểu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp? Ở đây, có người tự bản tính không nghiêng mạnh theo tham và không thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ tham-dục. Tự bản tính người đó không nghiêng mạnh theo sân và không thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ sân-giận. Tự bản tính người đó không nghiêng mạnh theo si và không thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ si-mê. (Nhưng) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin … căn trí-tuệ. Do năm căn này là yếu ớt, nên người đó chậm đạt tới ‘điều-kiện tức thì’ dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Đây được gọi là kiểu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp. (4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiểu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp? Ở đây, có người tự bản tính không nghiêng mạnh theo tham … sân … si và không thường nếm trải sự khổ đau và ưu phiền sinh ra từ tham-dục … sân-giận … si-mê. (Và) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin … căn trí-tuệ. Do năm căn này là nổi trội, nên người đó nhanh đạt tới ‘điều-kiện tức thì’ dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Đây được gọi là kiểu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp.”

163 (3) Sự Không Hấp Dẫn “Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu tu tập. Bốn đó là gì? (1) Kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiểu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp; (3) kiểu tu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiểu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp. Đây là bốn kiểu tu tập.” (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết

178 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

trực tiếp? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát sự không hấp-dẫn (không sạch, ô uế) của thân, nhận thức sự gớm-ghiếc của thức-ăn, nhận thức sự không gì đáng mê-thích trong toàn thể thế giới, quán sát sự vô-thường trong mọi hiện-tượng có điều-kiện (hữu vi); và người đó có sự nhận-thức về cái chết được thiết lập sâu sắc ở bên trong (tâm). Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin, năng lực biết xấu- hổ về mặt đạo đức, năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức, năng lực nỗ-lực, và năng lực trí-tuệ.852 (Nhưng) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh- định, và căn trí-tuệ. Do năm căn này là yếu ớt, nên người đó chậm đạt tới 'điều-kiện tức thì' (duyên kế cận; để tức thì, lập tức, trực tiếp) dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Đây được gọi là kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp. (2) "Và cái gì là kiểu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát sự không hấp-dẫn của thân … có sự nhận- thức về cái chết được thiết lập sâu sắc ở bên trong. Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin … năng lực trí-tuệ. (Và) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin … căn trí-tuệ. Do năm căn này là nổi trội, nên người đó nhanh đạt tới 'điều-kiện tức thì' dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Đây được gọi là kiểu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp. (3) "Và cái gì là kiểu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp? Ở đây, một Tỳ kheo: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.' (ii) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.'

• 179

(iii) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: 'Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).' (iv) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.' "Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin … năng lực trí-tuệ. (Nhưng) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin … căn trí-tuệ. Do năm căn này là yếu ớt, nên người đó chậm đạt tới 'điều-kiện tức thì' dẫn tới sự tiêu-diệt ô- nhiễm. Đây được gọi là kiểu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp. (4) "Và cái gì là kiểu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp? Ở đây, một Tỳ kheo: (i) '… chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất … (ii) '… tầng thiền định thứ hai … (iii) '… tầng thiền định thứ ba … (iv) '… tầng thiền định thứ tư … "Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin … năng lực trí-tuệ. (Và) năm căn này

khởi sinh bên trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin … căn trí-tuệ. Do năm căn này là nổi trội, nên người đó nhanh đạt tới 'điều-kiện tức thì' dẫn tới sự tiêu-diệt ô-nhiễm. Đây được gọi là kiểu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp. "Này các Tỳ kheo, đây là bốn kiểu tu tập."

164 (4) Nhẫn (1) "Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu tu tập. Bốn đó là gì? Kiểu tu không

nhẫn nhục, kiểu tu nhẫn nhục, kiểu tu thuần phục, và kiểu tu làm lắng lặn. (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiểu tu không nhẫn nhục? Ở đây, có người sỉ nhục người sỉ nhục mình, mắng chửi người mắng chửi mình, và tranh cãi với người tranh cãi với mình. Đây được gọi là kiểu tu không nhẫn nhục. (2) "Và cái gì là kiểu tu nhẫn nhục? Ở đây, có người không sỉ nhục người sỉ nhục mình, không mắng chửi người mắng chửi mình, và không tranh cãi với người tranh cãi với mình. Đây được gọi là kiểu tu nhẫn nhục. (3) "Và cái gì là kiểu tu thuần phục? Ở đây, có Tỳ kheo, sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu (tướng) và đặc-điểm (nét) của nó. Bởi vì, nếu người đó để cho căn-mắt không được phòng hộ thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm- muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập kiềm chế nó; người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách (chủ động) việc kiềm chế căn-mắt. "Sau khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … ngửi thấy một mùi- hương bằng mũi … nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân … nhận biết một hiện-tượng (đối tượng) thuộc tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để cho căn-tai … căn-mũi … căn-lưỡi … căn- thân … căn-tâm không được phòng hộ thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập kiềm chế nó; người đó phòng hộ căn-tai … căn-tâm, người đó đảm trách (chủ động) việc kiềm chế căn-tai … căn-tâm. Đây được gọi là kiểu tu thuần phục. (4) "Và cái gì là kiểu tu làm lắng lặn? Ở đây, một Tỳ kheo không dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh; người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, làm lắng lặn nó, kết liễu nó, và xóa sổ nó.853 "Người đó không dung dưỡng một ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh … một ý nghĩ gây-lại mới khởi sinh … những trạng thái bất thiện xấu ác mỗi khi

chúng khởi sinh; người đó dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, làm lắng lặn chúng, kết liễu chúng, và xóa sổ chúng. Đây được gọi là kiểu tu làm lắng lặn. "Này các Tỳ kheo, đây là bốn kiểu tu tập."

165 (5) Nhẫn (2) "Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu tu tập. Bốn đó là gì? Kiểu tu không kiên nhẫn, kiểu tu kiên nhẫn, kiểu tu thuần phục, và kiểu tu làm lắng lặn. (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiểu tu không kiên nhẫn? Ở đây, có người không kiên nhẫn chịu đựng sự nóng lạnh, đói khát; sự tiếp xúc với ruồi mũi, gió, nắng, và rắn rít; lời nói thô tục và chọc chửi sỉ nhục; người đó không chịu đựng được những cảm-giác đau khổ đã khởi lên trong thân là đau đớn, đau buốt, kịch liệt, nhức nhối, thảm khốc, thống khổ, phá

hoại sức sống của mình. Đây là được gọi là kiểu tu không kiên nhẫn. (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiểu tu kiên nhẫn? Ở đây, có người kiên nhẫn chịu đựng sự nóng lạnh, đói khát; sự tiếp xúc với ruồi mũi, gió, nắng, và rắn rít; lời nói thô tục và chọc chửi sỉ nhục; người đó chịu đựng được những cảm-giác đau khổ đã khởi lên trong thân là đau đớn … phá hoại sức sống của mình. Đây là được gọi là kiểu tu kiên nhẫn. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiểu tu thuần phục? … [giống đoạn (3) kinh 4:164 kế trên] …

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là kiểu tu làm lắng lặn? … [giống đoạn (4) kinh 4:164 kế trên] …

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn kiểu tu tập.”

166 (6) Cả Hai “Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu tu tập. Bốn đó là gì?

(1) Kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiểu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp; (3) kiểu tu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiểu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp. Đây là bốn kiểu tu tập.” (1) “Và, này các Tỳ kheo, kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp được tuyên bố là thấp kém (nhược, hạ sách) vì cả hai lý do: (i) vì nó là khổ đau và (ii) vì nó chậm tới trí-biết trực tiếp. Kiểu tu này được tuyên bố là thấp kém vì cả hai lý do đó. (2) “Kiểu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp được tuyên bố là thấp kém vì lý do nó là khổ đau. (3) “Kiểu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp được tuyên bố là thấp kém vì lý do nó chậm tới. (4) “Kiểu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp được tuyên bố tốt hơn (ưu, thượng sách) vì cả hai lý do: (i) vì nó là sướng (lạc) và (ii) vì nó nhanh tới trí-biết trực tiếp. Kiểu tu này được tuyên bố là tốt hơn vì cả hai lý do đó. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn kiểu tu tập.”

167 (7) Mục-Kiền-Liên Lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Mục-kiền-liên. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Mục-kiền-liên: “Đạo hữu Mục-kiền-liên, có bốn kiểu tu tập này. Bốn đó là gì? (1) Kiểu tu khổ mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiểu tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp; (3) kiểu tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp; (2) kiểu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp. Trong bốn kiểu tu này, thông qua kiểu tu nào tâm của thầy đã được giải-thoát khỏi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp (thủ diệt)?” “Đạo hữu Xá-lợi-phất, trong bốn kiểu tu đó, thông qua ‘kiểu tu khổ

mà nhanh tới trí-biết trực tiếp’ tâm của tôi đã được giải-thoát khỏi ô- nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp.”854

168 (8) Xá-Lợi-Phất Lúc đó có Ngài Mục-kiền-liên đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Xá-lợi-phất … và nói với thầy Xá-lợi-phất: “Đạo hữu Xá-lợi-phất, có bốn kiểu tu tập này … Trong bốn kiểu tu này, thông qua kiểu tu nào tâm của thầy đã được giải-thoát khỏi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp?” “Đạo hữu Mục-kiền-liên, trong bốn kiểu tu tập đó, thông qua ‘kiểu tu sướng mà nhanh tới trí-biết trực tiếp’ tâm của tôi đã được giải-thoát khỏi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp.”

169 (9) Thông Qua Sự Cố Gắng “Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? “Ở đây, (1) có người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng (thêm) ngay trong kiếp này. (2) Có người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm khi thân tan rã.855 (3) Có người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng (thêm) ngay trong kiếp này. (4) Và có người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng (thêm) khi thân tan rã.856 (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người chứng ngộ Niết-bàn sự cố-gắng (thêm) ngay trong kiếp này? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát sự không hấp-dẫn (không sạch, ô uế) của/trong thân-thể, nhận thức sự gớm-ghiếc (đáng kinh tởm) của thức-ăn, nhận thức sự không gì đáng mê-thích trong toàn thể thế giới, quán sát sự vô-thường trong mọi hiện-tượng có điều-kiện (hữu vi); và người đó có sự nhận-thức về cái chết được thiết lập sâu sắc ở bên trong (tâm). Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin, năng lực biết xấu-hổ về

mặt đạo đức, năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức, năng lực nỗ-lực (tinh tấn), và năng lực trí-tuệ. (Và) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh- định, và căn trí-tuệ. Do năm căn này là nổi trội, nên người đó chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm ngay trong kiếp này. Theo cách như vậy là một người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm ngay trong kiếp này. (2) “Và theo cách nào là một người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố- gắng thêm khi thân tan rã? Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát sự không hấp-dẫn của/trong than-thể … và người đó có sự nhận-thức về cái chết được thiết lập sâu sắc ở bên trong. Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin … năng lực trí-tuệ. (Nhưng) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin … căn trí- tuệ. Do năm căn này là yếu ớt, nên người đó chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm khi thân tan rã. Theo cách như vậy là một người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm khi thân tan rã. (3) “Và theo cách nào là một người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm ngay trong kiếp này? Ở đây, một Tỳ kheo: (i) ‘… chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất … (ii) ‘… tầng thiền định thứ hai … (iii) ‘… tầng thiền định thứ ba … (iv) ‘… tầng thiền định thứ tư … (giống đoạn (3) kinh 4:163 ở trên)

“Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin … năng lực trí-tuệ. (Và) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách nổi trội: căn niềm-tin … căn trí-tuệ. Do năm căn này là nổi trội, nên người đó chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm ngay trong kiếp này. Theo cách này là một người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm ngay trong kiếp này. (4) “Và theo cách nào là một người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm khi thân tan rã? Ở đây, một Tỳ kheo: (i) ‘… chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất … (ii) ‘… tầng thiền định thứ hai … (iii) ‘… tầng thiền định thứ ba … (iv) ‘… tầng thiền định thứ tư … (giống đoạn (3) kinh 4:163 ở trên)

“Người đó sống dựa vào năm năng-lực của bậc học-nhân: năng lực niềm-tin … năng lực trí-tuệ. (Nhưng) năm căn này khởi sinh bên trong người đó một cách yếu ớt: căn niềm-tin … căn trí-tuệ. Do năm căn này là yếu ớt, nên người đó chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm khi thân tan rã. Theo cách này là một người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm khi thân tan rã. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

170 (10) Kết Hợp Với Nhau Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Ở đó thầy Ānanda đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!” “Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Ānanda đã nói điều này: “Này các đạo hữu, mọi Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni tuyên bố sự chứng quả A-la-hán trước mặt tôi đều đã làm được vậy bằng bốn con-đường này857 hoặc bằng một trong bốn đó. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo tu tập sự minh-sát (tuệ, thiền quán) được dẫn trước bởi sự vắng-lặng (định, thiền định). Khi người đó đang tu tập sự minh-sát được dẫn trước bởi sự vắng-lặng, con-đường [đạo] được phát tạo (trong người đó).858 Người đó theo đuổi con-đường đó, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó đang theo đuổi, tu tập, và tu dưỡng con-đường đó, những gông-cùm (kiết sử) được dẹp bỏ và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) được bứng bỏ.859 (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo tu tập sự vắng-lặng (định) được dẫn trước bởi sự minh-sát (tuệ).860 Khi người đó đang tu tập sự vắng-lặng được dẫn trước bởi sự minh-sát, con-đường [đạo] được phát tạo (trong người đó). Người đó theo đuổi con-đường đó, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó đang theo đuổi, tu tập, và tu dưỡng con-đường đó, những gông-cùm

(kiết sử) được dẹp bỏ và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) được bứng bỏ. (3) “Lại nữa, một Tỳ kheo tu tập sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ) kết hợp với nhau.861 Khi người đó đang tu tập sự vắng-lặng và sự minh-sát kết hợp với nhau, con-đường [đạo] được phát tạo (trong người đó). Người đó theo đuổi con-đường đó, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó đang theo đuổi, tu tập, và tu dưỡng con-đường đó, những gông- cùm (kiết sử) được dẹp bỏ và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) được bứng bỏ. (4) “Lại nữa, tâm của một Tỳ kheo bị nắm giữ bởi sự bất-an về Giáo Pháp.862 Nhưng sẽ đến thời tâm người đó được vững-vàng ở bên trong, được bình-tĩnh, được hợp-nhất, và đạt-định. Rồi con-đường [đạo] sẽ được tạo ra bên trong người đó. Người đó theo đuổi con-đường đó, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó đang theo đuổi, tu tập, và tu dưỡng con-đường đó, những gông-cùm (kiết sử) được dẹp bỏ và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) được bứng bỏ. “Này các đạo hữu, mọi Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni tuyên bố sự chứng quả A-la-hán trước mặt tôi đều đã làm được vậy bằng bốn con-đường này hoặc bằng một trong bốn đó.”

NHÓM 3. CỐ-Ý

171 (1) Sự Cố Ý 863 (I) “Này Ānanda, khi có thân, vì có [nhân] sự cố-ý (tư) của thân (thân tư), nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; khi có lời-nói, vì có sự cố- ý trong lời-nói (khẩu tư), nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; khi có tâm, vì có sự cố-ý

trong tâm (tâm tư), nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên trong—với sự vô-minh chính là điều-kiện (duyên).864 (1) “Này Ānanda, (i) hoặc do sự tự-phát của mình, nên một người tạo

• 187

ra sự tạo-tác cố ý trong thân (thân hành) làm điều-kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (ii) hoặc do bị kích-giục bởi người khác, nên một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong thân làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong. Này Ānanda, (iii) hoặc một cách cố-tình, nên một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong thân làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (iv) hoặc một cách vô-tình, nên một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong thân làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong.865 (2) “Này Ānanda, (i) hoặc do sự tự-phát của mình, một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong lời-nói (khẩu hành) làm điều-kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (ii) hoặc do bị kích-giục bởi người khác, một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong lời-nói làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong. Này Ānanda, (iii) hoặc một cách cố-tình, một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong lời-nói làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (iv) hoặc một cách vô-tình, một người tạo ra sự tạo- tác cố ý trong lời-nói làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong. (3) “Này Ānanda, (i) hoặc do sự tự-phát của mình, một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong tâm (tâm hành) làm điều-kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (ii) hoặc do bị kích-giục bởi người khác, nên một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong tâm làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong. Này Ānanda, (iii) hoặc một cách cố-tình, nên một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong tâm làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (iv) hoặc một cách vô-tình, nên một người tạo ra sự tạo-tác cố ý trong tâm làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong. (4) “Có sự vô-minh nằm bên trong những trạng thái này.866 (Cho nên Phật đã nói: ‘Do có vô-minh là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác cố ý’!). Nhưng, với sự phai biến và chấm dứt vô-minh (i) thì thân không còn tồn tại để làm điều-kiện (duyên) cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong; (ii) thì lời-nói không còn tồn tại để làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh

188 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

ở bên trong; (iii) thì tâm không còn tồn tại để làm điều-kiện cho sướng và khổ khởi sinh ở bên trong.867 Ruộng-đất đó [nơi phát sinh] không tồn tại, căn-cứ đó [sự trợ giúp] không tồn tại, cơ-sở đó [điều-kiện] không tồn tại, và chỗ-nơi đó [nguyên nhân] không tồn tại làm điều-kiện (duyên) để sự sướng và khổ khởi sinh bên trong.”868 (tức là: hết vô-minh thì không còn khởi sinh năm-uẩn (= cơ sở của mọi trải nghiệm), hết năm-uẩn thì đâu còn trải nghiệm sướng và khổ gì nữa) *** (II) “Này các Tỳ kheo, có bốn sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể (danh- tánh sanh y; tức sự đạt thành một ‘con người’, một ‘danh tánh’ hay ‘ngã tánh’).869 Bốn đó là gì? (1) Có sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể trong đó sự cố-ý (tư) của mình là hiệu lực, không do sự cố-ý của người khác. (2) Có sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể trong đó sự cố-ý của người khác là hiệu lực, không do sự cố-ý của mình. (3) Có sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể trong đó cả hai sự cố-ý của mình và của

người khác đều có hiệu lực. (4) Và có sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể trong đó không phải do sự cố-ý của mình hay của người khác là hiệu lực. Đây là bốn sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể.” Khi điều này được nói ra, Ngài Xá-lợi-phất đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con hiểu chi tiết ý nghĩa của lời tuyên thuyết mà đức Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn là như sau: (1) Trong trường hợp sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể loại (1): chính do sự cố-ý của mình mà những chúng sinh đó qua đời (chuyển kiếp, tái sinh) từ loại đó.870 (2) Trong trường hợp sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể loại (2): chính do sự cố-ý của người khác mà những chúng sinh đó qua đời từ loại đó.871(3) Trong trường hợp sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể loại (3): chính do sự cố-ý của mình và sự cố-ý của người khác mà những chúng sinh đó qua đời từ loại đó.872 (4) Nhưng, thưa Thế Tôn, còn loại thiên-thần nào được cho là sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể thuộc loại (4) nói trên??” 873 “Này Xá-lợi-phất, họ là những thiên-thần thuộc phi tưởng phi phi tưởng xứ.”

• 189

“Thưa Thế Tôn, tại sao có những chúng sinh qua đời từ loại (4) này là những người hữu-lai, họ quay trở lại trạng thái hiện-hữu này, trong khi có những chúng sinh khác từ loại (4) này là người bất-lai, họ không quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa?”874 (a) “Ở đây, này Xá-lợi-phất, có người không phá bỏ được năm gông- cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử). Ngay trong kiếp này người đó chứng nhập và an trú trong cảnh phi tưởng phi phi tưởng xứ. Người đó thưởng thức [vị ngọt (sự sướng) của] cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc giới phi tưởng phi phi tưởng xứ. Khi người đó qua đời từ cảnh giới đó, người đó là một người hữu-lai, là người quay lại trạng thái hiện-hữu này. (b) “Nhưng có những người [khác] ở đây đã phá bỏ năm gông-cùm thấp hơn. Ngay trong kiếp này người đó chứng nhập và an trú trong trong cảnh phi tưởng phi phi tưởng xứ Người đó thưởng thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và thấy sự thỏa thích trong nó. Nếu người đó vững chắc trong đó, tập trung (chú định) vào nó, thường an trú (thiền trú) trong đó, và không lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc phi tưởng phi phi tưởng xứ. Khi người đó qua đời từ cảnh giới đó, người đó là người bất-lai, là người không quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa. “Này Xá-lợi-phất, đây là lý do có những chúng sinh qua đời từ loại (4) này là những người hữu-lai, là người quay lại trạng thái hiện-hữu này, trong khi cũng có những chúng sinh trong loại (4) này là người bất-lai, là người không quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

172 (2) Sự Phân Tích Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này: (1) “Này các đạo hữu, nửa tháng sau khi tôi thụ giới toàn bộ (đại thọ giới, thành Tỳ kheo), tôi chứng

ngộ loại trí-biết mang tính phân-tích (vô ngại giải trí) về ý-nghĩa theo những sự phân-chia và công-thức của nó.875 Tôi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm sáng tỏ nó theo nhiều cách khác nhau.876 [Cứ] có ai còn bối rối hay không chắc-chắn [đến gặp tôi] với một câu hỏi, tôi sẽ có [sẽ làm thỏa mãn người đó] bằng sự trả lời của tôi.877 Vị Thầy của chúng ta (tức Phật), là bậc rất thiện thạo về những giáo lý của chúng ta, đang có mặt ở đây.878 (2) "Nửa tháng sau khi tôi thụ giới toàn bộ, tôi chứng ngộ loại trí-biết mang tính phân-tích về Giáo Pháp theo những sự phân-chia và công-thức của nó. Tôi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm sáng tỏ nó theo nhiều cách khác nhau. [Cứ] có ai còn bối rối hay không chắc-chắn [đến gặp tôi] với một câu hỏi, tôi sẽ có [sẽ làm thỏa mãn người đó] bằng sự trả lời của tôi. Vị Thầy của chúng ta, là bậc rất thiện thạo về những giáo lý của chúng ta, đang có mặt ở đây. (3) "Nửa tháng sau khi tôi thụ giới đầy đủ tôi chứng ngộ được trí-biết mang tính phân-tích về ngôn-ngữ theo những sự phân-chia và công-thức của nó. Tôi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm sáng tỏ nó theo nhiều cách khác nhau. [Cứ] có ai còn bối rối hay không chắc-chắn [đến gặp tôi] với một câu hỏi, tôi sẽ có [sẽ làm thỏa mãn người đó] bằng sự trả lời của tôi. Vị Thầy của chúng ta, là bậc rất thiện thạo về những giáo lý của chúng ta, đang có mặt ở đây. (4) "Nửa tháng sau khi tôi thụ giới đầy đủ tôi chứng ngộ được trí-biết mang tính phân-tích về những sự-biết về sự nhận-biết theo những sự phân-chia và công-thức của nó. Tôi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm sáng tỏ nó theo nhiều cách khác nhau. [Cứ] có ai còn bối rối hay không chắc-chắn [đến gặp tôi] với một câu hỏi, tôi sẽ có [sẽ làm thỏa mãn người đó] bằng sự trả lời của

• 191

tôi. Vị Thầy của chúng ta, là bậc rất thiện thạo về những giáo lý của chúng ta, đang có mặt ở đây."

173 (3) Câu-Hi-La Lúc đó có Ngài Đại Câu-hi-la (Mahākoṭṭhita) đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Xá-lợi-phất. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất: (1) "Này đạo hữu, với sự phai-biến sạch sẽ [không còn tàn dư] và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc, có phải còn gì khác?"879 "Đừng nói như vậy, này đạo hữu." (2) "Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc, có phải không còn gì khác?" "Đừng nói như vậy, này đạo hữu." (3) "Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc, có phải vừa còn gì khác vừa không còn gì khác?" "Đừng nói như vậy, này đạo hữu." (4) "Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc, có phải không còn gì khác cũng không phải không còn gì khác?" "Đừng nói như vậy, này đạo hữu."880 "Này đạo hữu Xá-lợi-phất, khi thầy được hỏi … (từng câu hỏi trên, người dịch giản lượt) … thầy đều trả lời: 'Đừng nói như vậy, này đạo hữu'. Ý nghĩa của câu trả lời như vậy nên được hiểu theo cách nào?" (1) "Này đạo hữu Câu-hi-la, nếu ai nói: 'Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc, thì vẫn còn thứ khác', thì người đó phóng đại [suy đoán] điều không nên được phóng đại [được suy đoán].881 (2) Nếu ai nói: 'Với sự phai-biến sạch sẽ và sự

chấm-dứt của sáu cơ- sở tiếp-xúc, thì không còn gì khác', thì người đó phóng đại điều không

nên được phóng đại. (3) Nếu ai nói: 'Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của sáu cơ- sở tiếp-xúc, thì vừa còn thứ khác vừa không còn gì khác', thì người đó phóng đại điều không nên được phóng đại. (4) Nếu ai nói: 'Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt của sáu cơ- sở tiếp-xúc, thì không còn gì khác cũng không phải không còn gì khác', thì người đó phóng đại điều không nên được phóng đại. "Này đạo hữu Câu-hi-la, sáu cơ-sở tiếp-xúc vươn xa tới đâu, sự phóng đại [suy đoán] sẽ vươn tới đó.882 Tầm phóng đại vươn xa tới đâu, sáu cơ-sở tiếp-xúc vươn xa tới đó. Với sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm- dứt của sáu cơ-sở tiếp-xúc thì có sự chấm-dứt của sự phóng đại, sự lặn mất của sự phóng đại."

174 (4) Ānanda

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Đại

Câu-hi-la …

[Tiếp tục giống hệt kinh 4:173 kế trên, chỉ khác ở đây là thầy Ānanda hỏi và thầy Câu-hi-la trả lời.]883

175 (5) Upavāṇa Lúc đó có Ngài Upavāṇa đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Xá-lợi-phất … và nói với thầy Xá-lợi-phất: (1) "Đạo hữu Xá-lợi-phất, có phải người tu trở thành người làm nên sự chấm-dứt nhờ phương tiện là sự-biết (trí)?"884 "Này đạo hữu, không quy kết như vậy" (2) "Vậy có phải người tu trở thành người tu trở thành người làm nên sự chấm-dứt nhờ phương tiện là đức-hạnh (hạnh)?"

"Này đạo hữu, không quy kết như vậy" (3) "Vậy có phải người tu trở thành người tu trở thành người làm nên sự chấm-dứt nhờ phương tiện là sự-biết và đức-hạnh?" "Này đạo hữu, không quy kết như vậy" (4) "Vậy có phải người tu trở thành người tu trở thành người làm nên sự chấm-dứt nhờ những phương tiện khác hơn là sự-biết và đức-hạnh?" "Này đạo hữu, không quy kết như vậy" "Này đạo hữu Xá-lợi-phất, khi thầy được hỏi … (từng câu hỏi trên, người dịch giản lượt) … thầy đều trả lời thầy đều trả lời: 'Này đạo hữu, không quy kết như vậy' Vậy người tu trở thành người làm nên sự chấm- dứt theo cách nào?" (1) "Này đạo hữu Upavāṇa, nếu người tu trở thành người làm nên sự chấm-dứt nhờ phương tiện là sự-biết, vậy thì ngay cả những người vẫn còn sự dính-chấp (thủ) cũng thành người làm nên sự chấm-dứt. (cho nên sự quy kết đó là sai)

(2) "Nếu người tu trở thành người làm nên sự chấm-dứt nhờ phương tiện đức-hạnh, vậy thì ngay cả những người vẫn còn sự dính-chấp cũng thành người làm nên sự chấm-dứt. (3) "Nếu người tu trở thành người làm nên sự chấm-dứt nhờ phương tiện là sự-biết và đức-hạnh, vậy thì ngay cả những người vẫn còn sự dính- chấp cũng thành người làm nên sự chấm-dứt. (4) "Nếu người tu trở thành người làm nên sự chấm-dứt nhờ những phương tiện khác hơn là sự-biết hay đức-hạnh, vậy thì ngay cả những người phàm phu tục tử cũng thành người làm nên sự chấm-dứt; vì những người phàm

phu thế tục thì thiếu hụt (nghèo nàn) sự-biết và đức-hạnh. “Này đạo hữu Upavāṇa, người thiếu hụt về đức-hạnh thì không biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là. Người hoàn thiện về đức-hạnh thì biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là. Sau khi biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là, người tu trở thành người làm nên sự chấm-

dứt.”885

176 (6) Mong Cầu 886 (1) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin, nếu mong cầu đúng đắn, nên mong cầu như vầy: ‘Cầu cho tôi trở thành người như Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên!’ Đây là tiêu chuẩn và mực thước đối với những đệ tử Tỳ kheo, đó là, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. (2) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo ni được phú cho niềm-tin, nếu mong cầu đúng đắn, nên mong cầu như vầy: ‘Cầu cho tôi trở thành người như Khemā và Uppalavaṇṇā!’ Đây là tiêu chuẩn và mực thước đối với những đệ tử Tỳ kheo ni, đó là, Tỳ kheo ni Khemā and Uppalavaṇṇā. (3) “Này các Tỳ kheo, một đệ tử tại gia nam (u-bà-tắc) được phú cho niềm-tin, nếu mong cầu đúng đắn, nên mong cầu như vầy: ‘Cầu cho tôi trở thành người như gia chủ Citta và (hoàng tử) Hatthaka ở xứ Āḷavī!’ Đây là tiêu chuẩn và mực thước đối với những nam đệ tử tại gia, đó là, gia chủ Citta và (hoàng tử) Hatthaka ở xứ Āḷavī. (4) “Này các Tỳ kheo, một đệ tử tại gia nữ (u-bà-di) được phú cho niềm-tin, nếu mong cầu đúng đắn, nên mong cầu như vầy: ‘Cầu cho tôi trở thành người như nữ đệ tử tại gia Khujjuttarā và Veḷukaṇṭakī Nandamātā!’ Đây là tiêu chuẩn và mực thước đối với những nữ đệ tử tại gia, đó là, nữ đệ tử tại gia Khujjuttarā và Veḷukaṇṭakī Nandamātā.”

177 (7) Rāhula Lúc đó có Ngài Rāhula (La-hầu-la) đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy như vầy:887 (1) “Này Rāhula, yếu tố đất bên trong và yếu tố đất bên ngoài đều chỉ là yếu tố đất. Điều này nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí- tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái

‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’.’ Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người tu trở nên không còn mê lầm (tỉnh ngộ) với yếu tố đất; người tu tách ly cái tâm khỏi yếu tố đất.888 (2) “Này Rāhula, yếu tố nước bên trong và yếu tố nước bên ngoài đều chỉ là yếu tố nước. Điều này nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’.’ Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người tu trở nên không còn mê lầm với yếu tố nước; người tu tách ly cái tâm khỏi yếu tố nước. (3) “Này Rāhula, yếu tố nhiệt (lửa) bên trong và yếu tố nhiệt bên ngoài đều chỉ là yếu tố nhiệt. Điều này nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’.’ Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người tu trở nên không còn mê lầm với yếu tố nhiệt; người tu tách ly cái tâm khỏi yếu tố nhiệt. (4) “Này Rāhula, yếu tố khí (gió) bên trong và yếu tố khí bên ngoài đều chỉ là

yếu tố khí. Điều này nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái 'ta', đây không phải là bản ngã của ta'.' Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người tu trở nên không còn mê lầm với yếu tố khí; người tu tách ly cái tâm khỏi yếu tố khí. "Này Rāhula, khi một Tỳ kheo không nhận thấy có một cái 'ta' nào hay những thứ nào thuộc về một cái 'ta' trong bốn yếu tố này, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã cắt bỏ dục-vọng, đã lột bỏ gông-cùm, và bằng cách xuyên phá hoàn toàn sự tự-ta (ngã mạn), đã làm nên chấm-dứt khổ."

178 (8) Hồ Giữ Nước "Này các Tỳ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) "Ở đây, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một 'sự giải- thoát của tâm' đầy bình an. Người đó chú-tâm tới sự chấm-dứt sự hiện- hữu cá-thể (thân này, danh tính).889 Khi người đó đang làm vậy, tâm của người đó không phóng ra tới đó, không đạt được sự tự-tin, không được vững-vàng, và không chú-hướng (tập trung, hội tụ) vào đó. Tỳ kheo này không thể được trông đợi sẽ chứng ngộ được sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá- thể. Ví dụ một người nắm lấy một cành cây bằng bàn tay bị dính mủ keo. Bàn tay người đó sẽ dính vào đó, bám chặt vào đó, dính chặt vào đó. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một 'sự giải-thoát của tâm' đầy bình an … Tỳ kheo này không thể được trông đợi sẽ chứng ngộ được sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá-thể. (2) "Ở đây, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một 'sự giải- thoát của tâm' đầy bình an. Người đó chú-tâm tới sự chấm-dứt sự hiện- hữu cá-thể (thân này, danh tính). Khi người đó đang làm vậy, tâm của người đó phóng ra tới đó, đạt được sự tự-tin, được vững-vàng, và chú- hướng vào đó. Tỳ kheo này có thể được trông đợi sẽ chứng ngộ được sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá-thể. Ví dụ một người nắm lấy một cành cây bằng bàn tay sạch sẽ. Bàn tay người đó sẽ không dính vào đó, không bám chặt vào đó, không dính chặt vào đó. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một 'sự giải-thoát của tâm' đầy bình an … Tỳ kheo này có thể được trông đợi sẽ chứng ngộ được sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá- thể. (3) "Ở đây, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một 'sự giải- thoát của tâm' đầy bình an. Người đó chú-tâm tới sự phá-vỡ vô-minh. Khi người đó đang làm vậy, tâm của người đó không phóng ra tới đó, không đạt được sự tự-tin, không được vững-vàng, và không chú-hướng vào đó. Tỳ kheo này không thể được trông đợi sẽ chứng ngộ được sự phá-vỡ vô- minh. Ví dụ có một hồ giữ nước đã nhiều năm. Một người đến bịt đường chảy vào và mở đường chảy ra, cũng không có đủ nước mưa để bù. Trong trường hợp đó, khả năng bờ kè hay đập hồ nước bị vỡ là không có. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một 'sự giải-

thoát của tâm' đầy bình an … Tỳ kheo này không thể được trông đợi sẽ chứng ngộ được sự phá-vỡ vô-minh. (4) "Ở đây, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một 'sự giải-thoát của tâm' đầy bình an. Người đó chú-tâm tới sự phá-vỡ vô-minh. Khi người đó đang làm vậy, tâm của người đó phóng ra tới đó, đạt được sự tự- tin, được vững-vàng,

và chú-hướng vào đó. Tỳ kheo này có thể được trông đợi sẽ chứng ngộ được sự phá vỡ vô-minh. Ví dụ có một hồ giữ nước đã nhiều năm. Một người đến mở đường chảy vào và bịt đường chảy ra, lại thêm nước mưa tràn đầy. Trong trường hợp đó, khả năng bờ kè hay đập hồ nước bị vỡ là có thể. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong một 'sự giải-thoát của tâm' đầy bình an. Người đó chú-tâm tới sự phá-vỡ vô-minh. Và tâm của người đó phóng ra tới đó, đạt được sự tự- tin, được vững-vàng, và chú-hướng vào đó. Tỳ kheo này có thể được trông đợi sẽ chứng ngộ được sự phá-vỡ vô-minh. "Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian."

179 (9) Niết-Bàn Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp Ngài Xá-lợi-phất, và nói: "Này đạo hữu Xá-lợi-phất, tại sao có những chúng sinh không chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này?" "Ở đây, này đạo hữu Ānanda, [một số] chúng sinh không hiểu được đúng như nó thực là: 'Những nhận-thức này thuộc sự suy-đồi; những nhận-thức này thuộc sự ổn-định; những nhận-thức này thuộc sự khác-biệt; những nhận-thức này thuộc sự thâm-nhập.' Đây là lý do tại sao có những chúng sinh không chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này. "Này đạo hữu Xá-lợi-phất, tại sao có những chúng sinh chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này?" "Ở đây, này đạo hữu Ānanda, [một số] chúng sinh hiểu được đúng như nó thực là: 'Những nhận-thức này thuộc sự suy-đồi; những nhận-thức

này thuộc sự ổn-định; những nhận-thức này thuộc sự khác-biệt; những nhận-thức này thuộc sự thâm-nhập.' Đây là lý do tại sao có những chúng sinh chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này."890

180 (10) Những Sự Tham Chiếu Lớn Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bhoganagara, gần Ngôi Đền Ānanda.891 Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo!" "Dạ, thưa Thế Tôn!", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bốn sự tham chiếu lớn.892 Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói. "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Này các Tỳ kheo, cái gì là bốn sự tham chiếu lớn? (1) "Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) có thể một Tỳ kheo nói: 'Trước mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe điều này; trước mặt đức Thế Tôn tôi đã học điều này: "Đây là Giáo Pháp; đây là giới luật; đây là giáo lý của Vị Thầy!"'—Không nên vội đồng ý hay bác bỏ những lời của vị Tỳ kheo đó. Không đồng ý hay bác bỏ, các thầy nên (tạm) nhớ hết những từ ngữ và câu chữ đó, rồi kiểm tra chúng trong những bài kinh (kinh tạng) và tìm kiếm chúng trong phần giới luật (luật tạng).893 Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong phần giới luật, [các thầy thấy] chúng không nằm trong các kinh và không có trong phần giới luật, thì các thầy rút ra kết luận: 'Chắc chắc đây không phải là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách tồi tệ (sai sót) bởi vị Tỳ kheo này.' Như vậy các thầy nên bỏ nó đi. (ii) "Nhưng, có thể một Tỳ kheo nói: 'Trước mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe điều này; trước mặt đức Thế Tôn tôi đã học điều này: "Đây là Giáo Pháp; đây là giới luật; đây là giáo lý của Vị Thầy!"' ... Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong phần giới luật, [các thầy thấy] chúng có nằm trong các kinh và (hoặc) được thấy có trong phần giới

luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắc đây là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách khéo giỏi (chính xác) bởi vị Tỳ kheo này.’ Như vậy các thầy nên ghi nhớ đây là sự tham chiếu lớn thứ nhất. (2) “Rồi, (i) có thể một Tỳ kheo nói: ‘Ở nơi như vậy và như vậy có một Tăng Đoàn đang trú ngụ có những bậc trưởng lão và có những Tỳ kheo nổi bật. Trước mặt Tăng Đoàn đó tôi đã nghe điều này; trước mặt Tăng Đoàn đó tôi đã học điều này: “Đây là Giáo Pháp; đây là giới luật; đây là giáo lý của Vị Thầy!”’—Không nên vội đồng ý hay bác bỏ những lời của vị Tỳ kheo đó … Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong phần giới luật, [các thầy thấy] chúng không nằm trong các kinh và không có trong phần giới luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắc đây không phải là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách tồi tệ (sai sót) bởi vị Tỳ kheo này.’ Như vậy các thầy nên bỏ nó đi. (ii) “Nhưng, có thể một Tỳ kheo nói: ‘Ở nơi như vậy và như vậy có một Tăng Đoàn … trước mặt Tăng Đoàn đó tôi đã học điều này: “Đây là Giáo Pháp; đây là giới luật; đây là giáo lý của Vị Thầy!”’ … Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong phần giới luật, [các thầy thấy] chúng có nằm trong các kinh và (hoặc) được thấy có trong phần giới luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắc đây là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách khéo giỏi (chính xác) bởi vị Tỳ kheo này.’ Như vậy các thầy nên ghi nhớ đây là sự tham chiếu lớn thứ hai. (3) “Rồi, có thể một Tỳ kheo nói: ‘Ở nơi như vậy và như vậy có vài vị Tỳ kheo trưởng lão đang trú ngụ, họ là những bậc học hiểu nhiều, là những người kế thừa của di sản, là những bậc thiện thạo về Giáo Pháp, những bậc thiện thạo về giới luật, những bậc thiện thạo về những điều toát-yếu (đại cương, matika). Trước mặt mấy vị trưởng lão đó, tôi đã nghe điều này; trước mặt mấy vị đó, tôi đã học điều này: “Đây là Giáo Pháp; đây là giới luật; đây là giáo lý của Vị Thầy!”’—Không nên vội đồng ý hay

bác bỏ những lời của vị Tỳ kheo đó. Không đồng ý hay bác bỏ, các thầy nên (tạm) nhớ hết những từ ngữ và câu chữ đó, rồi kiểm tra chúng trong những bài kinh (kinh tạng) và tìm kiếm chúng trong phần giới luật (luật tạng). Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong phần giới luật, [các thầy thấy] chúng không nằm trong các kinh và không có trong phần giới luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắc đây không phải là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách tồi tệ (sai sót) bởi vị Tỳ kheo này.’ Như vậy các thầy nên bỏ nó đi. (ii) “Nhưng, có thể một Tỳ kheo nói: ‘Ở nơi như vậy và như vậy có vài vị Tỳ kheo trưởng lão … trước mặt mấy vị đó, tôi đã học điều này: “Đây là Giáo Pháp; đây là giới luật; đây là giáo lý của Vị Thầy!”’ Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong phần giới luật, [các thầy thấy] chúng có nằm trong các kinh và (hoặc) được thấy có trong phần giới luật, thì các thầy rút ra kết luận: ‘Chắc chắc đây là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách khéo giỏi (chính xác) bởi vị Tỳ kheo này.’ Như vậy các thầy nên ghi nhớ đây là sự tham chiếu lớn thứ ba. (4) “Rồi có thể một Tỳ kheo nói: ‘Ở nơi như vậy và như vậy có một vị Tỳ kheo trưởng lão đang trú

ngụ, đó là một bậc học hiểu nhiều, là người kế thừa của di sản, là bậc thiện thạo về Giáo Pháp, bậc thiện thạo về giới luật, bậc thiện thạo về những điều toát-yếu (đại cương, matika). Trước mặt vị trưởng lão đó, tôi đã nghe điều này; trước vị đó, tôi đã học điều này: "Đây là Giáo Pháp; đây là giới luật; đây là giáo lý của Vị Thầy!"'—Không nên vội đồng ý hay bác bỏ những lời của vị Tỳ kheo đó. Không đồng ý hay bác bỏ, các thầy nên (tạm) nhớ hết những từ ngữ và câu chữ đó, rồi kiểm tra chúng trong những bài kinh (kinh tạng) và tìm kiếm chúng trong phần giới luật (luật tạng). Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong phần giới luật, [các thầy thấy] chúng không nằm trong các kinh và không có trong phần giới luật, thì các thầy rút ra kết luận: 'Chắc chắc đây không phải là lời của đức Thế Tôn, bậc A-

la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách tồi tệ (sai sót) bởi vị Tỳ kheo này.' Như vậy các thầy nên bỏ nó đi. (ii) "Nhưng, có thể một Tỳ kheo nói: 'Ở nơi như vậy và như vậy có một vị Tỳ kheo trưởng lão … trước mặt vị trưởng lão đó, tôi đã học điều này: "Đây là Giáo Pháp; đây là giới luật; đây là giáo lý của Vị Thầy!"' Nếu, khi kiểm tra chúng trong các kinh và tìm kiếm chúng trong phần giới luật, [các thầy thấy] chúng có nằm trong các kinh và (hoặc) được thấy có trong phần giới luật, thì các thầy rút ra kết luận: 'Chắc chắc đây là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời này đã được học một cách khéo giỏi (chính xác) bởi vị Tỳ kheo này.' Như vậy các thầy nên ghi nhớ đây là sự tham chiếu lớn thứ tư. "Này các Tỳ kheo, đây là bốn sự tham chiếu lớn."894

NHÓM 4. NHỮNG BÀ-LA-MÔN

181 (1) Chiến Binh "Này các Tỳ kheo, có được bốn yếu tố, một chiến binh là xứng đáng của nhà vua, là thứ (công cụ) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Bốn đó là gì? Ở đây, một chiến binh là người thạo giỏi về những nơi chốn, là một người bắn xa, một người bắn chính xác, và một người phá vỡ vật thể lớn. Có được bốn yếu tố này, một chiến binh là xứng đáng của nhà vua, là thứ của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Cũng giống như vậy, có được bốn yếu tố, một Tỳ là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo là người thạo giỏi về những nơi chốn, là một người bắn xa, một người bắn chính xác, và một người phá vỡ vật thể lớn. (1) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là một người

thạo giỏi nơi chốn? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ kheo), có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là thạo giỏi về nơi chốn. (2) "Và theo cách nào một Tỳ kheo là một người bắn xa? Ở đây, mọi sắc-thân dù là loại gì—thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài,

thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần—một Tỳ kheo nhìn thấy tất cả sắc-thân đúng thực như nó là, bằng trí-tuệ chánh đúng: 'Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái 'ta', đây không phải là bản ngã của ta'.' "Mọi cảm-giác dù là loại gì ... mọi nhận-thức dù là loại gì ... những sự tạo-tác cố ý dù là loại gì ... mọi thức dù là loại gì—thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần—một Tỳ kheo nhìn thấy tất cả thức đúng thực như nó là, bằng trí-tuệ chánh đúng: 'Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái 'ta', đây không phải là bản ngã của ta'.' Theo cách này một Tỳ kheo là một người bắn xa. (3) "Và theo cách nào một Tỳ kheo là người bắn chính xác (bắn tỉa)? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là khổ'; người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là nguồn-gốc khổ'; người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'; người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'. Theo cách này một Tỳ kheo là người bắn chính xác. (4) "Và theo cách nào một Tỳ kheo là người phá vỡ vật thể lớn (công phá)? Ở đây, một Tỳ kheo phá vỡ đống vô-minh lớn. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người phá vỡ vật thể lớn. "Có được bốn phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian."

• 203

182 (2) Người Bảo Đảm "Đối với bốn điều, không thể có người bảo đảm—dù đó là sa-môn, bà-la-môn, thiên thần, Ma Vương, trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Không thể có người bảo đảm—dù đó là sa-môn ... hay bất cứ ai trong thế gian, rằng 'thứ phải bị già sẽ không bị già'. (2) Không thể có người bảo đảm—dù đó là sa-môn ... hay bất cứ ai trong thế gian, rằng 'thứ phải bị bệnh sẽ không bị bệnh'. (3) Không thể có người bảo đảm—dù đó là sa-môn ... hay bất cứ ai trong thế gian, rằng 'thứ phải bị chết sẽ không bị chết'. (4) Không thể có người bảo đảm—dù đó là sa-môn ... hay bất cứ ai trong thế gian, rằng 'nghiệp xấu—là bị ô nhiễm, đưa đến sự tái hiện-hữu, đưa đến sự tái hiện-hữu (tái sinh), gây khó khổ, chín muồi thành sự khổ đau, dẫn tới sự sinh-già-chết—sẽ không tạo ra quả của nó. "Đối với bốn điều này, không thể có người bảo đảm— dù đó là sa- môn, bà-la-môn, thiên thần, Ma Vương, trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian."

183 (3) Đã Nghe Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở chỗ tìm thức-ăn của bầy sóc. Lúc đó có bà-la- môn tên Vassakāra, là tể tướng của vương quốc Ma-kiệt-đà (Magadha), đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau đó ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, đây là lý luận và quan điểm của tôi: (1) không có gì là tội lỗi khi một người nói về điều đã được nhìn thấy: 'Tôi đã nhìn thấy điều như vậy'; (2) không có gì là tội lỗi khi một người nói về điều đã được

nghe thấy: 'Tôi đã nghe thấy điều như vậy'; (3) không có gì là tội lỗi khi một người nói về điều đã được cảm thấy: 'Tôi đã cảm thấy điều như vậy'; (4) không có gì là tội lỗi khi

một người nói về điều đã được nhận biết: 'Tôi đã nhận biết điều như vậy.' (1) "Này bà-la-môn, ta không nói nên nói về mọi thứ được nhìn thấy, nhưng ta cũng không nói nên nói về không thứ gì được nhìn thầy. (2) Ta không nói nên nói về mọi thứ được nghe thấy, nhưng ta cũng không nói nên nói về không thứ gì được nghe thầy. (3) Ta không nói nên nói về mọi thứ được cảm thấy, nhưng ta cũng không nói nên nói về không thứ gì được cảm thầy. (3) Ta không nói nên nói về mọi thứ được nhận biết, nhưng ta cũng không nói nên nói về không thứ gì được nhận biết. (1) Bởi vì, này bà-la-môn, (i) nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã nhìn thấy (hình-sắc) mà những phẩm chất bất thiện gia tăng và những phẩm chất thiện gia giảm, thì ta nói rằng người đó không nên nói về thứ mình đã nhìn thấy. (ii) Nhưng, nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã nhìn thấy mà những phẩm chất bất thiện gia giảm và những phẩm chất thiện gia tăng, thì ta nói rằng người đó nên nói về thứ mình đã nhìn thấy.895 (2) (i) Nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã nghe thấy (âm- thanh) … (3) (i) Nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã cảm thấy (thứ hữu- hình chạm xúc) … (4) (i) Nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã cảm thấy (hiện- tượng thuộc tâm) mà những phẩm chất bất thiện gia tăng và những phẩm chất thiện gia giảm, thì ta nói rằng người đó không nên nói về thứ mình đã nhận biết. (ii) Nhưng, nếu mà, khi một người nói về thứ mình đã nhận biết mà những phẩm chất bất thiện gia giảm và những phẩm chất thiện gia tăng, thì ta nói rằng người đó nên nói về thứ mình đã nhận biết." Rồi bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của xứ Ma-kiệt-đà, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, ông đứng dậy khỏi chỗ

• 205

ngồi và ra về.

184 (4) Không Sợ Hãi Lúc đó có bà-la-môn tên Jāṇussoṇī đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Rồi sau khi ngồi xuống một bên, ông nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, đây là lý luận và quan điểm của tôi: khi biết mình phải bị chết thì không ai mà không sợ hãi và khiếp sợ cái chết. "Này bà-la-môn, có những người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết, nhưng cũng có những người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết. (I) "Và, này bà-la-môn, ai là những người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết? (1) "Ở đây, có người có nhiều tham dục, tham muốn, sự luyến ái (cảm tình), sự thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với những dục-lạc [khoái- lạc giác quan]. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó nghĩ (về cái chết): 'Ôi trời, những dục-lạc yêu quý của tôi sẽ rời bỏ tôi, và tôi phải rời bỏ những dục-lạc đó.' Người đó buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quẩn trí. Đây là người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết. (2) "Lại nữa, có người có nhiều tham dục, tham muốn, sự luyến ái (cảm tình), sự thèm khát, đam mê, và dục vọng đối với thân-thể. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó nghĩ (về cái chết): 'Ôi trời, thân-thể yêu quý của tôi sẽ rời bỏ tôi, và tôi phải rời bỏ thân-thể này.' Người đó buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quẩn trí. Đây là người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết. (3) "Lại nữa, có người đã không làm điều gì tốt và thiện lành, cũng không làm nên chỗ nương-tựa cho bản thân mình, mà

người đó chỉ làm những việc xấu ác, hung bạo, và ô nhiễm. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó nghĩ: ‘Ôi trời, tôi đã không làm điều gì

tốt và thiện lành, cũng không làm nên chỗ nương-tựa cho chính mình, mà tôi chỉ làm những việc xấu ác, hung bạo, và ô nhiễm. Khi tôi qua đời, tôi sẽ gặp phải số phận tương xứng. Người đó buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quẩn trí. Đây là người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết. (4) “Lại nữa, có người ở đây còn bối rối, còn nghi ngờ, và chưa nhất quyết về Giáo Pháp tốt lành. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó nghĩ: ‘Ôi trời, tôi còn bối rối, còn nghi ngờ, và chưa nhất quyết về Giáo Pháp tốt lành.’ Người đó buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quẩn trí. Đây là người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết. “Đây là bốn loại người phải bị chết thì sợ hãi và khiếp sợ cái chết. (II) “Và, này bà-la-môn, ai là những người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết? (1) “Ở đây, có người không có tham dục, tham muốn, sự luyến ái cảm tình), sự thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với những dục-lạc. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người không đó nghĩ kiểu: ‘Ôi trời, những dục-lạc yêu quý của tôi sẽ rời bỏ tôi, và tôi phải rời bỏ những dục-lạc đó.’ Người đó không buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực và quẩn trí. Đây là người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết. (2) “Lại nữa, có người không có tham dục, tham muốn, sự luyến ái cảm tình), sự thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với thân-thể. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người không đó nghĩ kiểu: ‘Ôi trời, thân-thể yêu quý của tôi sẽ rời bỏ tôi, và tôi phải rời bỏ thân-thể này.’ Người đó không buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực và quẩn trí. Đây là người phải bị chết những không sợ hãi và khiếp sợ cái chết. (3) “Lại nữa, có người đã không làm những điều xấu ác, hung bạo, và ô nhiễm, mà người đó chỉ làm những điều tốt và thiện lành, và cũng làm

nên chỗ nương-tựa cho bản thân mình. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó nghĩ: ‘Ơn trời, tôi đã không những điều xấu ác, hung bạo, và ô nhiễm, mà tôi chỉ làm những việc tốt và thiện lành, và đã làm nên chỗ nương-tựa cho bản thân mình. Khi tôi qua đời, tôi sẽ gặp được số phận tương xứng.’ Người đó không buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực và quẩn trí. Đây là người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết. (4) “Lại nữa, có người ở đây không còn bối rối, không còn nghi ngờ, và đã nhất quyết về Giáo Pháp tốt lành. Đến khi người đó phát bệnh nặng và làm suy nhược, người đó nghĩ: ‘Ơn trời, tôi không còn bối rối, không còn nghi ngờ, và đã nhất quyết về Giáo Pháp tốt lành.’ Người đó không buồn rầu, suy sụp, ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực và quẩn trí. Đây là người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết. “Đây là bốn loại người phải bị chết nhưng không sợ hãi và khiếp sợ cái chết.” “Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! … [giống đoạn cuối kinh 4:100] … Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay đến hết đời.”

185 (5) Những Sự Thật Của Bà-La-Môn Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Bấy giờ, vào dịp đó có một số du sĩ nổi tiếng cũng đang trú ngụ gần đó, trong khu ở (tịnh xá) của những du sĩ bên bờ sông Sappinī; gồm có Annabhāra, Varadhara, Sakuludāyī, và những du sĩ nổi tiếng khác. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến khu ở của những du sĩ đó. Lúc đó những du sĩ khác đạo đó đã tụ tập, và khi họ đang ngồi với nhau, cuộc nói chuyện này đã khởi sinh: "Như vầy là những sự thật của bà-la-môn; như vậy là những sự thật của bà-la- môn." Rồi đức Thế Tôn đến gặp những du sĩ đó, ngồi xuống chỗ ngồi đã

được dọn sẵn, và hỏi họ: "Này các du sĩ, các vị vừa tham gia cuộc đàm đạo gì? Cuộc đàm đạo đang diễn ra là nói về điều gì?" "Thầy Cồ-đàm, ở đây, chúng tôi đã tụ tập, và khi chúng tôi đang ngồi với nhau, cuộc nói chuyện này đã khởi sinh: 'Như vầy là những sự thật của bà-la-môn; như vậy là những sự thật của bà-la-môn.' "Này các du sĩ, có bốn sự thật của bà-la-môn mà ta đã tuyên bố, sau khi ta đã tự mình nhận biết chúng bằng trí-biết trực tiếp. Bốn đó là gì? (1) "Ở đây, này các du sĩ, một bà-la-môn nói: 'Tất cả chúng sinh hữu tình không nên bị hại [phải được dung tha]'. Khi nói như vậy, bà-la-môn đó nói sự thật, không phải nói sai. Khi nói điều như vậy, người đó không nhận lầm (nghĩ) mình (không nói với tư cách mình) là 'một tu sĩ' hay là 'một bà-la-môn'. Người đó cũng không nhận lầm (nghĩ): 'Tôi giỏi hơn', hay 'Tôi bằng', hay 'Tôi kém hơn'. Thay vì vậy, sau khi đã trực-tiếp biết sự thật trong điều đó, người đó đang thực hành đơn giản vì sự cảm-thương và lòng bi-mẫn đối với những chúng sinh. (2) "Lại nữa, một bà-la-môn nói: 'Tất cả những dục-lạc [khoái-lạc giác-quan] đều là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi'. Khi nói như vậy, bà-la-môn đó nói sự thật, không phải nói sai. Khi nói điều như vậy, người đó không nhận lầm (nghĩ) mình (không nói với tư cách mình) là 'một tu sĩ' hay là 'một bà-la-môn'. Người đó cũng không nhận lầm (nghĩ): 'Tôi giỏi hơn', hay 'Tôi bằng', hay 'Tôi kém hơn'. Thay vì vậy, sau khi đã trực-tiếp biết sự thật trong điều đó, người đó đang thực hành đơn giản vì sự tỉnh-ngộ [không còn mê thích] đối với những dục-lạc, vì sự phai-biến và sự chấm-dứt những dục-lạc. (3) "Lại nữa, một bà-la-môn nói: 'Tất cả những trạng thái hiện-hữu đều là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi'. Khi nói như vậy, bà-la-môn đó nói sự thật, không phải nói sai. Khi nói điều như vậy, người đó không nhận lầm (nghĩ) mình (không nói với tư cách mình) là 'một tu sĩ' hay là 'một bà-la-môn'. Người đó cũng không nhận lầm (nghĩ): 'Tôi giỏi hơn', hay 'Tôi bằng', hay 'Tôi kém hơn'. Thay vì vậy, sau khi đã trực-tiếp biết

sự thật trong điều đó, người đó đang thực hành đơn giản vì sự tỉnh-ngộ [không còn mê thích] đối với những trạng thái hiện-hữu, vì sự phai-biến và sự chấm-dứt những trạng thái hiện-hữu. (4) "Lại nữa, một bà-la-môn nói: 'Ta không ở bất cứ đâu là của ai, cũng không ở bất cứ đâu có bất cứ gì là của ta.'896 Khi nói như vậy, bà-la- môn đó nói sự thật, không phải nói sai. Khi nói điều như vậy, người đó không nhận lầm (nghĩ) mình (không nói với tư cách mình) là 'một tu sĩ' hay là 'một bà-la-môn'. Người đó cũng không

nhận lầm (nghĩ): ‘Tôi giỏi hơn’, hay ‘Tôi bằng’, hay ‘Tôi kém hơn’. Thay vì vậy, sau khi đã trực-tiếp biết sự thật trong điều đó, người đó đang thực hành con-đường (đạo) không-có-gì (đạo vô sở hữu).897 “Này các du sĩ, đây là bốn sự thật của bà-la-môn mà ta đã tuyên bố, sau khi ta đã tự mình nhận biết chúng bằng trí-biết trực tiếp.”

186 (6) Sự Tinh Nhạy Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: (1) “Thưa Thế Tôn, thế giới bị dẫn dắt bởi cái gì? Thế giới bị lôi kéo bởi cái gì? Khi cái gì khởi sinh thì [thế giới] đi theo sự điều khiển của nó?”898 “Giỏi, giỏi, này Tỳ kheo! Sự tinh nhạy của thầy là xuất sắc. Sự tinh nhạy của thầy là xuất sắc.899 Sự tìm hiểu của thầy là tốt. Vì thầy đã hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, thế giới bị dẫn dắt bởi cái gì? Thế giới bị lôi kéo bởi cái gì? Khi cái gì khởi sinh thì [thế giới] đi theo sự điều khiển của nó?’. “Dạ, thưa Thế Tôn.” “Này Tỳ kheo, thế giới bị dẫn dắt bởi tâm, bị lôi kéo bởi tâm; khi tâm khởi sinh thì [thế giới] đi theo sự điều khiển của nó.” “Thật tốt lành, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn nói. Sau khi nói vậy, thầy đó hỏi đức Thế Tôn thêm câu nữa:

(2) “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘bậc học sĩ về Giáo Pháp; bậc học sĩ về Giáo Pháp’. Theo cách nào một người là một bậc học sĩ về Giáo Pháp?” “Giỏi, giỏi, này Tỳ kheo! … Vì thầy đã hỏi: ‘ … Theo cách nào một người là một bậc học sĩ về Giáo Pháp?’” “Dạ, thưa Thế Tôn.” “Này Tỳ kheo, ta đã chỉ dạy nhiều giáo lý: về những thể loại kinh— kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bổn sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp. Nếu, ngay cả chỉ cần học được ý nghĩa và Giáo Pháp của một bài kệ bốn câu, và người đó tu tập đúng theo Giáo Pháp, thì nhiêu đó cũng đủ để người đó được gọi là “một bậc học sĩ về Giáo Pháp.’” “Thật tốt lành, thưa Thế Tôn” … Sau khi nói vậy, thầy đó hỏi đức Thế Tôn thêm câu nữa: (3) “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘bậc học sĩ với trí-tuệ thâm nhập; bậc học sĩ với trí-tuệ thâm nhập’. Theo cách nào một người là bậc học sĩ với trí-tuệ thâm nhập?” “Giỏi, giỏi, này Tỳ kheo! … Vì thầy đã hỏi: ‘ … Theo cách nào một người là một bậc học sĩ với trí-tuệ thâm nhập?’” “Dạ, thưa Thế Tôn.” “Này Tỳ kheo, ở đây, một Tỳ kheo đã nghe được: ‘Đây là khổ’, và người đó nhìn thấy nghĩa của điều này, sau khi chọc thủng (thấu hiểu) nó bằng trí-tuệ. Người đó đã nghe được: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, và người đó nhìn thấy nghĩa của điều này, sau khi chọc thủng (thấu hiểu) nó bằng trí-tuệ. Người đó đã nghe được: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và người đó nhìn thấy nghĩa của điều này, sau khi chọc thủng (thấu hiểu) nó bằng trí- tuệ. Người đó đã nghe được: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’, và người đó nhìn thấy nghĩa của điều này, sau khi chọc thủng (thấu hiểu)

nó bằng trí-tuệ. Chính theo cách này một người là một bậc học sĩ với trí- tuệ thâm nhập.” “Thật tốt lành, thưa Thế Tôn” … Sau khi nói vậy, thầy đó hỏi đức Thế Tôn thêm câu nữa: (4) “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘bậc trí với trí-tuệ lớn; bậc trí với trí-tuệ lớn’. Theo cách nào một người là bậc trí với trí-tuệ lớn?” “Giỏi, giỏi, này Tỳ kheo! … Vì

thầy đã hỏi: ‘ … Theo cách nào một người là bậc trí với trí-tuệ lớn?’” “Dạ, thưa Thế Tôn.” “Này Tỳ kheo, ở đây, một Tỳ kheo là một bậc trí với trí-tuệ lớn không ý-định (tư duy) vì sự khổ đau cho mình, hay vì sự khổ đau của người khác, hay vì sự khổ đau cho cả mình và người khác. Thay vì vậy, khi người đó nghĩ, người đó chỉ nghĩ về phúc lợi của mình, phúc lợi của người khác, phúc lợi của cả mình và người khác, và phúc lợi của cả thế gian.900 Chính theo cách này một người là một bậc trí với trí-tuệ lớn.”

187 (7) Vassakāra Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở chỗ được gọi là Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có bà-la-môn tên Vassakāra, là vị tể tướng của vương quốc Ma- kiệt-đà (Magadha), đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Rồi, sau khi ngồi xuống một bên, ông đã nói với đức Thế Tôn: (I) (1) “Thầy Cồ-đàm, một người xấu có thể biết một người xấu [để nói]: ‘Kẻ này là người xấu’, hay không?” “Này bà-la-môn, không thể có và không thể hình dung rằng một người xấu có thể biết một người xấu [để nói]: ‘Kẻ này là người xấu’.” (2) “Vậy một người xấu có thể biết một người tốt là tốt, hay không?” “Này bà-la-môn, không thể, và người xấu thì không thể biết một

người một người tốt là tốt.” (3) “Một người tốt có thể biết một người tốt [để nói]: ‘Người này là người tốt’, hay không?” “Này bà-la-môn, có thể rằng một người tốt có thể biết một người tốt [để nói]: ‘Người này là người tốt’.” (4) “Vậy một người tốt có thể biết một người xấu [để nói]: ‘Kẻ này là người xấu’, hay không?” “Này bà-la-môn, cũng có thể rằng một người tốt có thể biết một người xấu [để nói]: ‘Kẻ này là người xấu’.” “Thật kỳ lạ và kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm, là cách mà những điều này đã được tuyên thuyết bởi Thầy Cồ-đàm: “Này bà-la-môn, không thể có và không thể hình dung rằng một người xấu có thể biết một người xấu … (04 câu trả lời trên của Phật) …”

(II) “Thầy Cồ-đàm, trong một lần những thành viên của hội của bà-la- môn Todeyya đang bài bác những người khác, [họ nói]: ‘Vua Eḷeyya là người ngu, bởi ông cả tin vào tu sĩ Rāmaputta, và tôn vinh tối cao ông ấy bằng cách lễ lạy ông ấy, đứng dậy khi ông ấy đến, kính chào ông ấy, và giữ tư cách lễ phép đối với ông ấy.901 Những quan thần của Vua Eḷeyya— gồm Yamaka, Moggalla, Ugga, Nāvindakī, Gandhabba, và Aggivessa— cũng đều là người ngu, bởi họ cũng cả tin vào tu sĩ Rāmaputta, và tôn vinh tối cao ông ấy bằng cách lễ lạy ông ấy, đứng dậy khi ông ấy đến, kính chào ông ấy, và giữ tư cách lễ phép đối với ông ấy.’ Lúc đó, bà-la-môn Todeyya mới lý giải dẫn dắt họ lòng vòng bằng phương pháp này: (i) “Này quý vị, quý vị nghĩ sao, trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, có phải Vua Eḷeyya là khôn khéo và tinh tường hơn cả những người rất tinh tường, phải không?” “[Họ trả lời:] Đúng vậy, thưa ngài, trong những vấn đề thuộc về công

vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, Vua Eḷeyya là khôn khéo và tinh tường hơn cả những người rất tinh tường.” “Nhưng, này quý vị, chính vì tu sĩ Rāmaputta còn khôn khéo và tinh tường hơn cả Vua King Eḷeyya trong những vấn

đề thuộc về công vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, cho nên Vua Eḷeyya mới có lòng-tin hoàn toàn vào ông ấy, và tôn vinh tối cao ông ấy bằng cách lễ lạy ông ấy, đứng dậy khi ông ấy đến, kính chào ông ấy, và giữ tư cách lễ phép đối với ông ấy.' (ii) "Này quý vị, quý vị nghĩ sao, trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, có phải những quan thần của Vua Eḷeyya—gồm Yamaka, Moggalla, Ugga, Nāvindakī, Gandhabba, và Aggivessa—là khôn khéo và tinh tường hơn cả những người rất tinh tường?" "'Đúng vậy, thưa ngài, trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, họ là khôn khéo và tinh tường hơn cả những người rất tinh tường." "Nhưng, này quý vị, chính vì tu sĩ Rāmaputta còn khôn khéo và tinh tường hơn cả họ trong những vấn đề thuộc về công vụ và hành chính trị vì, cho tới những sắc lệnh và những tuyên bố, cho nên họ mới có lòng-tin hoàn toàn vào ông ấy, và tôn vinh tối cao ông ấy bằng cách lễ lạy ông ấy, đứng dậy khi ông ấy đến, kính chào ông ấy, và giữ tư cách lễ phép đối với ông ấy.'902 "Thật kỳ lạ và kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm, là cách mà những điều này đã được tuyên thuyết bởi Thầy Cồ-đàm: "Này bà-la-môn, không thể có và không thể hình dung rằng một người xấu có thể biết một người xấu … (04 câu trả lời trên của Phật) …" Và bây giờ, thưa Thầy Cồ-đàm, chúng tôi phải đi đây. Chúng tôi bận và có nhiều việc phải làm." "Này bà-la-môn, ngài cứ tùy tiện mà đi." Rồi bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của xứ Ma-kiệt-đà, sau khi hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi

chỗ ngồi và ra về.

188 (8) Upaka Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó có ông Upaka Maṇḍikāputta đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và nói: "Thưa Ngài, đây là lý luận và quan điểm của tôi: Nếu ai bài bác người khác nhưng không chứng thực được điều đó, thì người đó là có lỗi và đáng chê trách." "Này Upaka, nếu ai bài bác người khác nhưng không chứng thực được điều đó, thì người đó là có tội và đáng chê trách. Nhưng ông bài bác người khác và không chứng thực điều đó, vậy ông cũng có lỗi và đáng chê trách." "Thưa Ngài, giống như một người dùng một bẫy lớn để canh bắt [con cá] đang trồi lên [mặt nước]; cũng giống như vậy, khi tôi mới nổi lên Thế Tôn đã canh bắt tôi bằng một bẫy lớn trong cuộc đàm luận." (1) "Này Upaka, ta đã tuyên bố: 'Điều này bất thiện'. Như Lai có vô vàn những lời dạy Giáo Pháp về điều này, với vô vàn từ ngữ và câu chữ, [tuyên thuyết]: 'Vì những lý do như vầy và như vậy, điều này là bất thiện'. (2) "Này Upaka, ta đã tuyên bố: 'Rằng những điều bất thiện nên được dẹp bỏ'. Như Lai có vô vàn những lời dạy Giáo Pháp về điều này, với vô vàn từ ngữ và câu chữ, [tuyên thuyết]: 'Vì những lý do như vầy và như vậy, rằng những điều bất thiện nên được dẹp bỏ'. (3) "Này Upaka, ta đã tuyên bố: 'Đây là thiện'. Như Lai có vô vàn những lời dạy Giáo Pháp về điều này, với vô vàn từ ngữ và câu chữ, [tuyên thuyết]: 'Vì những lý do như vầy và như vậy, điều này là thiện'. (4) "Này Upaka, ta đã tuyên bố: 'Rằng những điều thiện nên được tu dưỡng'. Như Lai có vô vàn những lời dạy Giáo Pháp về điều này, với vô vàn từ ngữ và câu chữ,

[tuyên thuyết]: ‘Vì những lý do như vầy và như

• 215

vậy, rằng những điều thiện nên được tu dưỡng’. Rồi ông Upaka Maṇḍikāputta, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra. Sau đó ông đến gặp Vua A-xà-thế (Ajātasattu Vedehiputta) của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha) và kể lại cho vua nghe toàn bộ cuộc nói chuyện với đức Thế Tôn. Khi ông kể xong, Vua A-xà-thế liền bực mình và nổi giận, ông nói với Upaka Maṇḍikāputta: “Thật là cả gan, này đứa con của dân làm muối! Thật thô lỗ, thật hỗn xược, ông dám nghĩ có thể công kích đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác như vậy sao. Hãy biến đi, Upaka, biến đi! Biến khỏi mắt ta!”

189 (9) Sự Chứng Ngộ “Này các Tỳ kheo, có bốn điều này nên được chứng ngộ. Bốn là gì? “Có những điều được chứng ngộ bằng thân; có những điều được chứng ngộ bằng trí-nhớ; có những điều được chứng ngộ bằng mắt; có những điều được chứng ngộ bằng trí-tuệ. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều được chứng ngộ bằng thân? Đó là, tám sự giải-thoát được chứng ngộ bằng thân (thân chứng). (2) Và cái gì được chứng ngộ bằng trí-nhớ? Những cõi kiếp trước của một người được chứng ngộ bằng trí-nhớ (túc mạng minh). (3) Và cái gì được chứng ngộ bằng mắt? Sự qua đời và tái sinh của những chúng sinh được chứng ngộ bằng mắt (thiên nhãn minh). (4) Và cái gì được chứng ngộ bằng trí-tuệ? Sự tiêu diệt ô-nhiễm được chứng ngộ bằng trí-tuệ (lậu tận minh). “Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều nên được chứng ngộ.”

190 (10) Ngày Bố-Tát

216 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá- vệ), trong Khu Vườn Phía Đông trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra [Migāramātā]. Vào dịp đó, vào ngày lễ bố-tát [uposatha], đức Thế Tôn đang ngồi giữa Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Rồi, sau khi quan sát cả Tăng Đoàn đều im lặng, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, hội chúng này hết sự nói chuyện tầm phào; hội chúng này không có sự nói chuyện tầm phào, là trong sạch, được thiết lập về cốt lõi. Một Tăng đoàn Tỳ kheo như vậy, một hội chúng như vậy là hiếm thấy trong thế gian. Một Tăng đoàn Tỳ kheo như vậy, một hội chúng như vậy là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Ngay cả một chút bố thí cho một Tăng đoàn Tỳ kheo như vậy, cho một hội chúng như vậy, cũng trở thành nhiều; nhiều bố thí trở thành bội nhiều. Một Tăng đoàn Tỳ kheo như vậy, một hội chúng như vậy là đáng để đi nhiều dặm đường [do-tuần, yojana] để đến gặp, dù trên vai phải vác cả bao nặng. Tăng đoàn Tỳ kheo này là như vậy. “Có nhiều Tỳ kheo trong Tăng đoàn này là những người đang sống sau khi đã chứng đắc trạng thái những thiên-thần. Có nhiều Tỳ kheo trong Tăng đoàn này là những người đang sống sau khi đã chứng đắc trạng thái những vị trời brahmā. Có nhiều Tỳ kheo trong Tăng đoàn này là những người đang sống sau khi đã chứng đắc sự bất-động. Có những Tỳ kheo trong Tăng đoàn này là những người sống

sau khi đã chứng đắc trạng thái của những thánh-nhân. (1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái của một thiên-thần? Ở đây, một Tỳ kheo: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác- quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ (ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi- xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị

• 217

thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’ (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ Chính theo cách này (chứng đắc các tầng thiền định sắc-giới), một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái của một thiên-thần (tiên giới). (2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái của một vị trời brahmā? Ở đây, một Tỳ kheo: (i) an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy là, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, mở rộng, siêu vời], vô lượng, không sự thù ghét, không sự ác ý. (ii) Người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … (iii) với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … (iv) với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy là, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, mở rộng, siêu vời], vô lượng, không sự thù ghét, không sự ác ý. Chính theo cách này (chứng đắc tứ vô lượng tâm, các phạm trú), một Tỳ kheo chứng đắc trạng thái của một vị trời brahmā (Phạm thiên giới).

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã chứng đắc sự bất-động? Ở đây, một Tỳ kheo: (i) ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên].’ (ii) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là

vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].’ (iii) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].’ (iv) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận- thức].’ Chính theo cách này (chứng đắc các tầng chứng đắc vô-sắc-giới), một Tỳ kheo đã chứng đắc sự bất-động (những cõi vô-sắc giới). (4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái của một thánh-nhân? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Chính theo cách này (giác ngộ Bốn Diệu Đế), một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái của một thánh-nhân (Nhập-lưu đến A-la-hán).”

NHÓM 5. NHÓM LỚN

191 (1) Nghe Theo Bằng Tai “Này các Tỳ kheo, khi một người tu nghe theo những giáo lý bằng tai,903 tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến), thì có thể trông đợi bốn ích- lợi. Bốn đó là gì?

• 219

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bổn sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp. Người đó nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn. (Nhưng) người đó qua đời bị mờ-rối trong tâm (thất niệm) và tái sinh trong một nhóm những thiên-thần. Ở đó, có những bậc hạnh-phúc đọc tụng lại những đoạn kinh Giáo Pháp cho người đó nghe.904 Sự khởi sinh trí nhớ của người đó là chậm chạp, nhưng rồi chúng sinh đó (người đó, thiên thần đó) cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt (giác ngộ cao hơn). “Đây là ích lợi thứ nhất có thể được trông đợi khi một người tu đã nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn. (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể loại kinh: kinh văn xuôi … kinh vấn đáp. Người đó nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn. (Nhưng) người đó qua đời bị mờ- rối trong tâm (thất niệm) và tái sinh trong một nhóm những thiên-thần. Ở đó, những bậc hạnh-phúc không tụng lại những đoạn kinh Giáo Pháp cho người đó nghe. Nhưng nhờ có một Tỳ kheo có năng lực thần-thông, là người đã đạt tới sự nắm-vững cái tâm, sẽ chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng các thiên-thần ở đó. Điều này (sự nhớ) này sẽ xảy đến với người đó: ‘Đây là Giáo Pháp và giới luật mà theo đó trước kia ta đã sống đời sống tâm linh.’ Sự khởi sinh của trí nhớ của người đó là chậm chạp, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt. “Ví dụ có một người rất giỏi về tiếng trống cơm. Khi đang đi trên

đường lộ người đó nghe thấy tiếng trống cơm và sẽ không hề bị lẫn lộn hay không chắc chắn về âm thanh của nó; thậm chí người đó còn kết luận: 'Đó là tiếng trống cơm'. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể loại kinh: ... (lặp lại đoạn kế trên) ... Sự khởi sinh

của trí nhớ của người đó là chậm chạp, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt. "Đây là ích lợi thứ hai có thể được trông đợi khi một người tu đã nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn. (3) "Lại nữa, một Tỳ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... kinh vấn đáp. Người đó nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn. (Nhưng) người đó qua đời bị mờ- rối trong tâm (thất niệm) và tái sinh trong một nhóm những thiên-thần. Ở đó, những bậc hạnh-phúc không tụng lại những đoạn kinh Giáo Pháp cho người đó nghe; cũng không có một Tỳ kheo có năng-lực thần thông, là người đã đạt tới sự nắm-vững cái tâm, chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng các thiên-thần ở đó. Nhưng nhờ có một thiên-thần trẻ chỉ dạy Giáo Pháp cho hội chúng các thiên-thần ở đó. Điều này (sự nhớ) này sẽ xảy đến với người đó: 'Đây là Giáo Pháp và giới luật mà theo đó trước kia ta đã sống đời sống tâm linh.' Sự khởi sinh của trí nhớ của người đó là chậm chạp, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt. "Ví dụ có một người rất giỏi về tiếng tù và. Khi đang đi trên đường lộ người đó nghe thấy tiếng tù và và sẽ không hề bị lẫn lộn hay không chắc chắn về âm thanh của nó; thậm chí người đó còn kết luận: 'Đó là tiếng tù và'. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể loại kinh: ... (lặp lại đoạn kế trên) ... Sự khởi sinh của trí nhớ của người đó là chậm chạp, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt. "Đây là ích lợi thứ ba có thể được trông đợi khi một người tu đã nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn. (4) "Lại nữa, một Tỳ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể loại kinh: kinh văn xuôi ... kinh vấn đáp. Người đó nghe theo những giáo lý

bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn. (Nhưng) người đó qua đời bị mờ- rối trong tâm (thất niệm) và tái sinh trong một nhóm những thiên-thần. Ở đó, những bậc hạnh-phúc không tụng lại những đoạn lời Giáo Pháp cho người đó nghe; cũng không có một Tỳ kheo có năng-lực thần thông, là người đã đạt tới sự nắm-vững cái tâm, chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng các thiên-thần; cũng không có một thiên-thần trẻ chỉ dạy Giáo Pháp cho hội chúng các thiên-thần ở đó. Nhưng nhờ có một chúng sinh đã được tái sinh tự động (một bậc Bất-lai trong cõi trời đó) sẽ nhắc lại cho những chúng sinh khác cũng được tái sinh tự động ở đó: 'Này quý tiên, có nhớ không? Quý tiên có nhớ chúng ta đã từng sống đời sống tâm linh ở đâu không?' Người đó sẽ nói: 'Tôi nhớ rồi, thưa quý tiên; tôi nhớ lại rồi'. Sự khởi sinh của trí nhớ của người đó là chậm chạp, nhưng rồi chúng sinh đó cũng

nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt. “Ví dụ có hai người bạn đã từng chơi đùa vớ nhau trong nước bùn. Tình cờ họ gặp lại nhau sau đó trong đời. Rồi một người bạn mới nói với người kia: ‘Này bạn, bạn có nhớ chuyện này không?; này bạn, bạn có nhớ chuyện đó không?’ Và người kia sẽ nói: ‘Tôi nhớ rồi, này bạn. Tôi nhớ lại rồi’. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo nắm vững Giáo Pháp về những thể loại kinh: … (lặp lại đoạn kế trên) … Sự khởi sinh của trí nhớ của người đó là chậm chạp, nhưng rồi chúng sinh đó cũng nhanh chóng đạt tới sự khác-biệt. “Đây là ích lợi thứ tư có thể được trông đợi khi một người tu đã nghe theo những giáo lý bằng tai, tụng đọc chúng bằng miệng, xem xét chúng bằng tâm, và thâm nhập chúng hay khéo bằng cách-nhìn.

192 (2) Những Điều Thật “Này các Tỳ kheo, có bốn điều thật [về người] này có thể được biết từ bốn điều thật [khác]. Bốn đó là gì? (1) “Bằng cách sống chung với nhau, có thể biết được giới-hạnh của

nhau; và chỉ biết sau một thời gian dài, không phải một đôi lần tình cờ; bởi người có chú-ý, không phải bởi người không có chú-ý; và bởi người có trí, không phải bởi người không có trí. (2) “Bằng cách đối xử qua lại với nhau, có thể biết được tính liêm- trực của nhau; và chỉ biết sau một thời gian dài, không phải một đôi lần tình cờ; bởi người có chú-ý, không phải bởi người không có chú-ý; và bởi người có trí, không phải bởi người không có trí. (3) “Trong cùng cảnh bất hạnh với nhau, có thể biết nghị lực chịu- đựng của nhau; và chỉ biết sau một thời gian dài, không phải một đôi lần tình cờ; bởi người có chú-ý, không phải bởi người không có chú-ý; và bởi người có trí, không phải bởi người không có trí. (4) “Bằng cách đối thoại với nhau, có thể biết trí-tuệ của nhau; và chỉ biết sau một thời gian dài, không phải một đôi lần tình cờ; bởi người có chú-ý, không phải bởi người không có chú-ý; và bởi người có trí, không phải bởi người không có trí. (1) “Khi điều (1) được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? (a) “Ở đây, này các Tỳ kheo, bằng cách sống chung với người khác, mình sẽ đi đến biết được người đó như vầy: ‘Đã từ lâu giới-hạnh của vị này đã bị sứt mẻ, bị hư hỏng, bị dính nhiễm, bị vết nhơ, và người đó không thường xuyên kiêng cữ và sống theo giới-hạnh. Vị này là thất-đức, thiếu giới-hạnh.’ (b) “Nhưng trong trường hợp khác, bằng cách sống chung với người khác, mình sẽ đi đến biết được người đó như vầy: ‘Đã từ lâu giới-hạnh của vị này đã không bị sứt mẻ, không bị hư hỏng, không bị dính nhiễm, không bị vết nhơ, và người đó thường kiên trì kiêng cữ và sống theo giới-hạnh. Vị này là có giới-hạnh, không phải thất-đức.’ “Vì lý do như vậy nên điều (1) đã được nói ra. (2) “Thêm nữa, khi điều (2) được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy?

(a) “Ở đây, này các Tỳ kheo, khi đối xử qua lại với một người, mình sẽ đi đến biết được người đó như vầy: ‘Vị này đối xử với một người theo cách này, đối xử với hai người theo cách khác, đối xử với ba người theo cách khác nữa, và đối xử với nhiều người theo cách khác nữa. Những cách đối xử trong mỗi trường hợp đều khác nhau.905 Vị này là không trong sạch trong những cách đối xử với những người khác, là không liêm khiết

trong những cách đối xử như vậy.’ (b) “Nhưng trong trường hợp khác, khi đối xử qua lại với một người, mình sẽ đi đến biết được người đó như vầy: ‘Vị này đối xử với một người, hai người, ba người, hay nhiều người theo cách giống nhau. Những cách đối xử trong những trường hợp đều giống nhau. Vị này là trong sạch trong những cách đối xử với những người khác, là liêm khiết trong những cách đối xử như vậy.’ “Vì lý do như vậy nên điều (2) đã được nói ra. (3) “Thêm nữa, khi điều (3) được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? (a) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người bị đau khổ khi bị mất người thân, của cải, hay sức khỏe, nhưng người đó không biết suy xét (quán chiếu) như vầy: ‘Kiếp người trong thế gian vốn có bản chất như vậy,906 rằng tám tình trạng trần tục xoay quay thế gian và thế gian xoay quanh tám tình trạng trần tục, đó là, “được và mất, vinh và nhục, khen và chê, sướng và khổ”.’ Do vậy, mỗi khi bị mất người thân, của cải, hay sức khỏe, người đó buồn sầu, suy nhược, và ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và quẩn trí. (b) “Nhưng trong trường hợp khác, có người bị đau khổ khi bị mất người thân, của cải, hay sức khỏe, nhưng người đó biết suy xét (quán chiếu) như vầy: ‘Kiếp người trong thế gian vốn có bản chất như vậy, rằng tám tình trạng trần tục xoay quay thế gian và thế gian xoay quanh tám tình trạng trần tục, đó là, “được và mất, vinh và nhục, khen và chê, sướng và khổ”.’ Do vậy, mỗi khi bị mất người thân, của cải, hay sức khỏe, người đó

không buồn sầu, suy nhược, và ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực, quẩn trí. “Vì lý do như vậy nên điều (3) đã được nói ra. (4) “Thêm nữa, khi điều (4) được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? (a) “Ở đây, này các Tỳ kheo, khi đối thoại với một người, mình đi đến biết được rằng: ‘Suy đoán từ cách vị ấy khởi xướng, hình thành, và đưa ra một câu hỏi, cho thấy vị ấy là không có trí, là không trí tuệ. Vì lý do gì? Vị ấy không nói về những vấn đề sâu sắc, bình an, siêu xuất, vượt trên địa phận lý luận, tinh tế, có thể được hiểu bởi người có trí. Khi vị ấy nói về Giáo Pháp, vị ấy không thể giảng giải, chỉ dạy, mô tả, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm sáng tỏ ý nghĩa của nó một cách ngắn gọn hay chi tiết. Vị ấy là không có trí, là không trí tuệ.’ “Giống như một người có mắt sáng, đứng bên bờ hồ, có thể nhìn thấy rõ một con cá nhỏ đang nổi lên mặt nước, người đó nghĩ: ‘Suy đoán từ cách con cá nổi lên, từ dợn sóng nước nó tạo ra, và từ lực bơi của nó, cho thấy nó là một con cá nhỏ, không phải cá lớn’. Cũng giống như vậy, khi đối thoại với một người, mình sẽ đi đến biết được rằng: ‘Suy đoán từ cách vị ấy khởi xướng, hình thành, và đưa ra một câu hỏi, cho thấy vị ấy là không có trí, là không trí tuệ.’ (b) “Nhưng trong trường hợp khác, khi đối thoại với một người, mình đi đến biết được rằng: ‘Suy đoán từ cách vị ấy khởi xướng, hình thành, và đưa ra một câu hỏi, cho thấy vị ấy là có trí, là trí tuệ. Vì lý do gì? Vị ấy nói về những vấn đề sâu sắc, bình an, siêu xuất, vượt trên địa phận lý luận, tinh tế, có thể được hiểu bởi người có trí. Khi vị ấy nói về Giáo Pháp, vị ấy có thể giảng giải, chỉ dạy, mô tả, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm sáng tỏ ý nghĩa của nó một cách ngắn gọn hay chi tiết. Vị ấy là có trí, là trí tuệ.’ “Giống như một người có mắt sáng, đứng bên bờ hồ, có thể nhìn thấy rõ một con cá lớn đang nổi lên mặt nước, người đó nghĩ: ‘Suy đoán từ

cách con cá nổi lên, từ dợn sóng nước nó tạo ra, và từ lực bơi của nó, cho thấy nó là một con cá lớn, không phải cá nhỏ'. Cũng giống như vậy, khi đối thoại với một người, mình sẽ đi đến biết được rằng: 'Suy đoán từ cách vị ấy khởi xướng, hình thành, và đưa ra một câu hỏi, cho thấy vị ấy là có trí, là trí tuệ.' "Vì lý do như vậy nên điều (4) đã được nói ra. "Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều sự thật có thể được biết thông qua bốn trường hợp."

193 (3) Ông Bhaddiya Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī trong hội trường có mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có ông Bhaddiya người Licchavi đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, con nghe (người ta nói) điều này: 'Sa-môn Cồ-đàm là một nhà huyền thuật, là người biết bùa thuật để chuyển đạo nhờ đó ông ta chuyển đạo (cải đạo) những đệ tử của những đạo sư giáo phái khác.'907 Có phải những người nói như vậy là nói đúng điều đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai bằng điều gì trái với điều (mà đức Thế Tôn đã nói) đó? Có phải họ giải thích đúng theo Giáo Pháp và do vậy họ không tạo cơ sở có lý nào để bị (người khác) phê bình hay bác bỏ? Vì chúng con không muốn diễn dịch sai lời đức Thế Tôn." (I) "Này Bhaddiya, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng, bởi tông phái truyền thừa, bởi lời đồn đại, bởi kinh sách; bởi sự lý luận theo lý lẽ, bởi lý luận do suy đoán, bởi sự nhận thấy có lý, bởi do chấp nhận một quan điểm sau khi xem xét kỹ nó; bởi bề ngoài (vị đó) có vẻ cao đạo, hay bởi do ý nghĩ 'Vị đó là sư thầy của chúng ta mà'. Nhưng khi nào chú tự mình biết được: 'Những điều này là bất thiện; những điều này là đáng chê trách (tội lỗi); những điều này là bị quở trách bởi bậc trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến sự nguy hại và khổ đau', thì chú nên dẹp bỏ chúng.908

(1) "Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Khi tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?" "Mang lại nguy hại, thưa Thế Tôn." "Này Bhaddiya, một người tham lam, bị chi phối bởi tham, với một cái tâm bị ám muội bởi tham, nên mới sát-sinh, gian-cắp (lấy của không được cho), tà-dâm (gian dâm, ngoại tình), và nói-dối nói láo; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa Thế Tôn." (2) "Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Khi sân ... (3) Khi si ... (4) Khi sự thái-quá khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?" "Mang lại nguy hại, thưa Thế Tôn." 909 "Này Bhaddiya, một người sân hận, bị chi phối bởi sân ... bởi si ... bởi tính thái-quá, với một cái tâm bị ám muội bởi sân ... bởi si ... bởi tính thái-quá, nên mới sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm, và nói-dối nói láo; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa Thế Tôn." "Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?" – "Không thiện lành, thưa Thế Tôn" – "Đáng chê trách hay không đáng chê trách?" – "Đáng chê trách, thưa Thế Tôn" – "Bị quở trách hay được khen ngợi bởi bậc trí hiền?" – "Bị quở trách bởi bậc trí hiền, thưa Thế Tôn" – "Nếu

chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới nguy hại và khổ đau hay không, chú thấy sao?" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới nguy hại và khổ đau, con thấy như vậy." "Như vậy, này Bhaddiya, khi ta nói: 'Này Bhaddiya, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng ... Nhưng khi nào chú tự mình biết được: 'Những điều này là không thiện lành ... thì chú nên dẹp bỏ chúng"

• 227

(như đoạn đầu (I) ở trên), thì chính vì lý lẽ này nên ta đã nói như vậy."

(II) Này Bhaddiya, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng ... Nhưng, này Bhaddiya, khi nào chú tự mình biết được: 'Những điều này là thiện lành; những điều này là không đáng chê trách (không tội lỗi); những điều này là không bị quở trách bởi bậc trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc', thì chú nên sống theo chúng." (1) "Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Khi sự vô-tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?" "Mang lại ích lợi, thưa Thế Tôn." "Này Bhaddiya, một người không tham lam, không bị chi phối bởi tham, với một cái tâm không bị ám muội bởi tham, thì không sát-sinh, gian-cắp (lấy của không được cho), tà-dâm (gian dâm, ngoại tình), hay nói-dối nói láo; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa Thế Tôn." (2) "Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Khi sự vô-sân ... (3) Khi sự vô-si ... (4) Khi sự không thái-quá khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?" "Mang lại ích lợi, thưa Thế Tôn." "Này Bhaddiya, một người không sân ... không si ... không thái-quá, không bị chi phối bởi sân ... bởi si ... bởi tính thái-quá, với một cái tâm không bị ám muội bởi sân ... bởi si ... bởi tính thái-quá, thì không sát- sinh, gian-cắp, tà-dâm, hay nói-dối nói láo; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?" "Đúng vậy, thưa Thế Tôn." "Này Bhaddiya, chú nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không

228 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

thiện lành?" – "Thiện lành, thưa Thế Tôn" – "Đáng chê trách hay không đáng chê trách?" – "Không đáng chê trách, thưa Thế Tôn" – "Bị quở trách hay được khen ngợi bởi bậc trí hiền?" – "Được khen ngợi bởi bậc trí hiền, thưa Thế Tôn" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc hay không, chú thấy sao?" – "Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc; con thấy như vậy." "Như vậy, này Bhaddiya, khi ta nói: 'Này Bhaddiya, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng ... Nhưng khi nào chú tự mình biết được: 'Những điều này là thiện lành ... thì chú nên sống theo chúng" (như đoạn đầu (II) ở trên), thì chính vì lý lẽ này nên ta đã nói như vậy."

(III) "Này Bhaddiya, những người tốt trong thế gian thì khích lệ đệ tử của mình như vầy: 'Này người tốt, anh nên thường trực trừ bỏ tham.910 Khi anh thường trực trừ bỏ tham, anh sẽ không làm hành-vi nào phát sinh từ tham, dù là bằng thân, lời-nói hay tâm. Anh nên thường trực trừ bỏ sân. Khi anh thường trực trừ bỏ sân, anh sẽ không

làm hành-vi nào phát sinh từ sân, dù là bằng thân, lời-nói hay tâm. Khi anh thường trực trừ bỏ si, anh sẽ không làm hành-vi nào phát sinh từ si, dù là bằng thân, lời-nói hay tâm. Khi anh thường trực trừ bỏ sự thái-quá, anh sẽ không làm hành-vi nào phát sinh từ tính thái-quá, dù là bằng thân, lời-nói hay tâm.'" Sau khi điều này được nói ra, ông Bhaddiya người Licchavi đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... [giống đoạn cuối kinh 4:111] ... Mong Thế Tôn hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời." "Giờ, này Bhaddiya, ta có bao giờ nói với chú rằng: 'Này Bhaddiya, hãy đến đây làm môn đồ của ta và ta sẽ làm sư thầy của ông', hay không?" "Chắc chắn không có vậy, thưa Thế Tôn" "Nhưng, này Bhaddiya, mặc dù ta nói ra như vậy và tuyên thuyết [giáo lý của ta] theo cách như vậy, vẫn có một số những tu sĩ và bà-la- môn đã diễn dịch lời ta một cách không đúng sự thật, không có căn cứ, sai giả, và sai trái khi họ nói rằng: 'Sa-môn Cồ-đàm là một nhà huyền thuật,

• 229

là người biết bùa thuật chuyển đạo nhờ đó ông ta chuyển đạo những đệ tử của những đạo sư giáo phái khác.' "Cái 'bùa chuyển đạo' đó là thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Cái 'thuật chuyển đạo' đó thật là tốt lành, thưa Thế Tôn! Nếu những người họ hàng và những người thân yêu quý trong gia đình của con được chuyển đạo bằng sự chuyển đạo này, chắc điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Nếu tất cả những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) được chuyển đạo bằng sự chuyển đạo này, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Nếu những bà-la-môn ... những người giai cấp thương-nông (vessa) ... những người giai cấp hạ-tiện (sudda) được chuyển đạo bằng sự chuyển đạo này, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ."911 "Đúng là vậy, này Bhaddiya, đúng là vậy! Nếu tất cả những người giai cấp chiến-sĩ mà được chuyển đạo bởi sự chuyển đạo này để hướng tới sự dẹp-bỏ những phẩm chất bất-thiện và sự thu-nạp những phẩm chất thiện-lành, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Nếu những bà-la-môn ... những người giai cấp thương-nông (vessa) ... những người giai cấp hạ-tiện (sudda) được chuyển đạo bằng sự chuyển đạo này để hướng tới sự dẹp-bỏ những phẩm chất bất-thiện và sự thu-nạp những phẩm chất thiện-lành, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Nếu thế gian này có những thiên-thần, Ma Vương, và trời Brahmā, thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và con người mà được chuyển đạo bởi sự chuyển đạo này để hướng tới sự dẹp-bỏ những phẩm chất bất-thiện và tích đạt những phẩm chất thiện-lành, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho thế gian. Nếu những cây sa-la (long thọ) lớn này mà cũng được chuyển đạo bởi sự chuyển đạo này để hướng tới sự dẹp-bỏ những phẩm chất bất-thiện và tích đạt những phẩm chất thiện-lành, thì điều đó thậm chí cũng dẫn tới ích-lợi và hạnh- phúc dài lâu cho chúng, nếu mà chúng có thể chọn.912 Huống chi một người mà biết chọn thì tốt lành nhiều tới mức nào!"

194 (4) Thị Trấn Sāpūga Trong một lần đức Ngài Ānanda đang sống giữa xứ người Koliya (Câu-lợi) gần một thị trấn của họ có tên là thị trấn Sāpūga. Lúc đó có một số thanh niên người Koliya từ thị trấn Sāpūga đã đến gặp thầy Ānanda, kính lễ thầy, và

ngồi xuống một bên. Rồi thầy Ānanda mới nói với họ: “Này những người (họ tộc) Byagghapajja, có bốn yếu tố của sự chuyên-cần tu (bốn chi tinh cần) để dẫn tới sự thanh-lọc (thanh tịnh, trong sạch)913 mà đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, bậc biết và thấy, đã thuyết giảng một cách đúng đắn (vì sự) để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương pháp (pháp tu), để chứng ngộ Niết- bàn. Bốn đó là gì? Yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của giới-hạnh, yếu tố của sự chuyên-cần tu để dẫn tới sự thanh-lọc của tâm, yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của cách-nhìn, và yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của sự giải-thoát.914 (1) “Và, này những người Byagghapajja, cái gì là yếu tố của sự chuyên-cần tu (chi tinh cần) để đạt tới sự thanh-lọc của giới-hạnh? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ kheo), có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó. Đây được gọi là ‘sự trong-sạch của giới-hạnh’. Sự mong muốn, sự nỗ-lực (tinh tấn), sự nhiệt tình, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm, và sự rõ- biết [được áp dụng với ý-định như vầy]: ‘Chỉ theo cách như vậy là tôi sẽ hoàn thiện ‘sự trong-sạch của giới-hạnh’ mà tôi đã chưa tu thành, hoặc sẽ trợ giúp thêm bằng trí-tuệ theo nhiều cách cho ‘sự thanh lọc của giới- hạnh’ mà tôi đã tu thành’915—đây được gọi là yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của giới-hạnh. (2) “Và, này những người Byagghapajja, cái gì là yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của tâm? Ở đây, một Tỳ kheo: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc) … người đó chứng nhập và an

trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Đây được gọi là ‘sự trong-sạch của tâm’. Sự mong muốn, sự nỗ-lực (tinh tấn), sự nhiệt tình, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm, và sự rõ-biết [được áp dụng với ý-định như vầy]: ‘Chỉ theo cách như vậy là tôi sẽ hoàn thiện ‘sự trong-sạch của tâm’ mà tôi đã chưa tu thành, hoặc sẽ trợ giúp thêm bằng trí-tuệ theo nhiều cách cho ‘sự thanh lọc của tâm’ mà tôi đã tu thành’—đây được gọi là yếu tố của sự chuyên- cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của tâm. (3) “Và, này những người Byagghapajja, cái gì là yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của cách-nhìn (kiến)? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ … ‘Đây là nguồn-gốc khổ’ … ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’ … ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm- dứt khổ’. Đây được gọi là ‘sự thanh lọc cách-nhìn’.916 Sự mong muốn, sự nỗ-lực (tinh tấn), sự nhiệt tình, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm, và sự rõ-biết [được áp dụng với ý-định như vầy]: ‘Chỉ theo cách như vậy là tôi sẽ hoàn thiện ‘sự trong-sạch của cách-nhìn’ mà tôi đã chưa tu thành, hoặc sẽ trợ giúp thêm bằng trí-tuệ theo nhiều cách cho ‘sự thanh lọc của cách-nhìn’ mà tôi đã tu thành’—đây được gọi là yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của cách-nhìn. (4) “Và, này những người Byagghapajja, cái gì là yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của sự giải-thoát? Ở đây, cũng chính vị thánh

đệ tử đó, sau khi đã có-được yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của giới-hạnh như vậy, đã có-được yếu tố của sự chuyên- cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của tâm như vậy, đã có-được yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của cách-nhìn như vậy, người đó (i) tách ly tâm mình khỏi những thứ gây ra sự ràng-buộc và (ii) giải thoát tâm mình thông qua những thứ đưa đến sự giải-thoát. Nhờ đó người đó đạt tới sự giải-thoát đúng đắn. Đây được gọi là 'sự thanh lọc sự giải-thoát'.917 Sự mong muốn, sự nỗ-lực (tinh tấn), sự nhiệt tình, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm, và sự rõ-biết [được áp dụng với ý-định như

vầy]: 'Chỉ theo cách như vậy là tôi sẽ hoàn thiện 'sự trong-sạch của sự giải-thoát' mà tôi đã chưa tu thành, hoặc sẽ trợ giúp thêm bằng trí-tuệ theo nhiều cách cho 'sự thanh lọc của sự giải-thoát' mà tôi đã tu thành'—đây được gọi là yếu tố của sự chuyên-cần tu để đạt tới sự thanh-lọc của sự giải-thoát. "Này những người (họ tộc) Byagghapajja, đây là bốn yếu tố của sự chuyên-cần tu (bốn chi tinh cần) để đạt tới sự thanh-lọc (sự thanh tịnh) mà đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, bậc biết và thấy, đã thuyết giảng một cách đúng đắn (vì sự) để dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương pháp (pháp tu), để chứng ngộ Niết-bàn."

195 (5) Ông Vappa Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người xứ Thích-ca (Sakya) ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Vườn Cây Banyan. Lúc đó có ông Vappa người họ tộc Thích-ca, là một đệ tử của những Ni-kiền-tử (Ni- gaṇṭha), đã đến gặp Ngài Đại Mục-kiền-liên, kính lễ thầy ấy và ngồi xuống một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với ông ấy: "Ở đây, này chú Vappa, nếu một người được kiềm chế về [bởi] thân, lời-nói và tâm thì, khi vô-minh phai biến và trí-biết đích thực (minh) khởi sinh, ông thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?" "Tôi thấy có khả năng đó, thưa Ngài. Trong quá khứ một người đã làm việc xấu ác mà quả của nó hiện chưa chín muồi. Vì lý do đó (tức còn nghiệp chưa chín muồi thành quả) mà những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau."918 Trong khi cuộc đàm đạo này giữa hai người đang diễn ra, lúc đó vào cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn cư và đi đến hội trường. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với thầy Mục-kiền-liên:

"Này Mục-kiền-liên, cuộc thảo luận mà thầy đang tham gia là gì? Và cuộc đàm đạo của thầy đang diễn ra là gì?" [Thầy Mục-kiền-liên kể lại toàn bộ cuộc nói chuyện của mình với ông Vappa người họ Thích-ca, và nói thêm:] "Thưa Thế Tôn, đây là cuộc thảo luận mà con đang nói với ông Vap- pa người họ Thích-ca khi đức Thế Tôn đến." Rồi đức Thế Tôn nói với ông Vappa: "Này chú Vappa, nếu chú thừa nhận điều nên được thừa nhận, và từ chối điều nên được từ chối; và nếu khi chú không hiểu nghĩa của lời ta nói chú sẽ hỏi kỹ lại ta: 'Điều này là sao, thưa Ngài? Nghĩa của điều này là gì, thưa Ngài', thì chúng

ta có thể thảo luận vấn đề này.” “Thưa Ngài, tôi sẽ làm như Ngài yêu cầu, và nếu khi tôi không hiểu nghĩa của lời Ngài nói, tôi sẽ hỏi kỹ Ngài: ‘Điều này là sao, thưa Ngài? Nghĩa của điều này là gì, thưa Ngài’. Vậy chúng ta cùng thảo luận tiếp vấn đề này.” (1) “Này Vappa, chú nghĩ sao? Những ô-nhiễm đó, là khốn khổ và sốt não, vốn khởi sinh do những sự chủ-động-làm bằng thân; chúng không xảy ra nếu một người (biết) kiềm-chế chúng (những sự chủ-động-làm). Người đó không tạo nghiệp mới nào và chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp-xúc nó nhiều lần lặp lại.919 Sự phai-mòn đó (phai đi, phai dần) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân trải nghiệm bởi những người có trí. Này Vappa, chú có thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?” “Không, thưa Ngài” (2) “Này Vappa, chú nghĩ sao? Những ô-nhiễm đó, là khốn khổ và sốt não, vốn khởi sinh do những sự chủ-động-làm bằng lời-nói; chúng không xảy ra nếu một người (biết) kiềm-chế chúng (những sự chủ-động-làm).

Người đó không tạo nghiệp mới nào và chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp-xúc nó nhiều lần lặp lại. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân trải nghiệm bởi những người có trí. Này Vappa, chú có thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?” “Không, thưa Ngài” (3) “Này Vappa, chú nghĩ sao? Những ô-nhiễm đó, là khốn khổ và sốt não, vốn khởi sinh do những sự chủ-động-làm bằng tâm; chúng không xảy ra nếu một người (biết) kiềm-chế chúng (những sự chủ-động-làm). Người đó không tạo nghiệp mới nào và chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp-xúc nó nhiều lần lặp lại. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân trải nghiệm bởi những người có trí. Này Vappa, chú có thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?” “Không, thưa Ngài” (4) “Này Vappa, ông nghĩ sao? Khi vô-minh phai biến và trí-biết trực tiếp (minh) khởi sinh, thì những ô-nhiễm đó, là khốn khổ và sốt não, vốn khởi sinh do vô-minh là điều-kiện (duyên), sẽ không còn xảy ra. Người đó không tạo nghiệp mới nào và chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp-xúc nó nhiều lần lặp lại. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân trải nghiệm bởi những người có trí. Này Vappa, chú có thấy còn lý do gì mà vì đó những ô-nhiễm sinh ra cảm-giác khổ đau có thể chảy vào bên trong một người như vậy trong những kiếp sau?” “Không, thưa Ngài” “Này Vappa, một Tỳ kheo đã giải thoát trong tâm một cách toàn thiện như vậy là thành tựu sáu sự an-trú thường xuyên. (i) Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt người đó không còn vui hay buồn, nhưng an trú buông-

xả, có chánh-niệm, và rõ-biết.920 (ii) Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … (iii) Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … (iv) Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … (v) Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân … (vi) Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không còn vui hay buồn, nhưng an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết. “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân này, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân này.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống này, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống này.’ Người đó hiểu rằng: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt mạng sống (thân hoại, mạng chung), tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.’921 “Này chú Vappa, ví dụ có một cái bóng do còn một gốc cây (bóng của gốc cây đó). Rồi một người đến cầm theo cái xẻng và cái rổ đựng. Người đó đào bứng gốc nó, đào nó lên, bứng hết rễ của nó, ngay cả những cọng rễ nhỏ và rễ tơ cũng không còn. Rồi ông ta chặt nó ra từng miếng, bầm nhỏ chúng, và bầm nát chúng. Rồi người đó đem phơi dưới nắng và gió, rồi đốt chúng trong lửa và đốt thành tro. Sau khi làm xong, người đó đem tro quăng trong gió mạnh hoặc rải chúng xuống dòng sông chảy xiết (để tán mất vĩnh viễn). Như vậy cái bóng, do có gốc cây mà có, giờ đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh trong tương lai.922 “Cũng giống như vậy, này Vappa, một Tỳ kheo đã giải thoát trong tâm một cách toàn thiện như vậy là thành tựu sáu sự an-trú thường xuyên. (i) Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt người đó không còn vui hay buồn, nhưng an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết. (ii) Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … (iii) Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … (iv) Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … (v) Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân … (vi) Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không còn vui hay buồn, nhưng an trú buông-xả,

có chánh-niệm, và rõ-biết. “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân này, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân này.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống này, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống này.’ Người đó hiểu rằng: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt mạng sống (thân hoại, mạng chung), tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.’” Sau khi điều này được nói ra, ông Vappa người họ tộc Thích-ca, là một đệ tử của những Ni-kiền-tử, đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, giống như có người muốn thu lợi nên nuôi ngựa để bán, nhưng ông ta chẳng thu được lợi gì mà chỉ thu được sự mệt mỏi và phiền khổ. Giống như vậy, cũng vì mưu cầu lợi lộc con đã tham gia theo những Ni-kiền-tử ngu ngốc, nhưng con chẳng thu được lợi lộc gì mà chỉ thu được sự mệt mỏi và phiền khổ. Kể từ hôm nay, mọi niềm-tin con đã tin vào những Ni-kiền-tử, con sẽ quăng đi trong gió mạnh hay rải xuống dòng sông chảy xiết (để vĩnh viễn không còn). “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! … [giống hệt đoạn cuối kinh 4:111] … Mong Thế Tôn hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời.”

196 (6) Ông Sāḷha Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có ông Sāḷha và ông Abhaya đều là người Licchavi đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi ông Sāḷha đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, có những tu sĩ và bà-la-môn là người tuyên bố ‘sự vượt qua dòng-lũ’ thông qua hai sự: (i) bằng phương tiện là ‘sự thanh lọc

giới-hạnh’ và (ii) bằng phương tiện là ‘sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm’ (với bản thân).923 Đức Thế Tôn nói sao về điều này?” (I) “Này Sāḷha, ta nói ‘sự thanh lọc giới-hạnh’ là một trong những chi phần của đời sống tu sĩ (đời sống sa-môn, sa-môn hạnh). Nhưng những tu sĩ và bà-la-môn đó nếu chủ trương ‘sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm’, là những người coi ‘sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm’ là cốt-lõi (của đời tu), và những người tu theo cách tu là ‘sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm’ thì không thể nào vượt qua dòng-lũ.924 Cũng vậy, những tu sĩ và bà-la-môn có hành-vi thân, lời-nói và tâm không trong sạch, và sự mưu-sinh của họ không trong sạch, thì không thể đạt được sự-biết và sự-thấy, không thể đạt tới sự giác-ngộ vô thượng. “Này chú Sāḷha, ví dụ một người muốn vượt qua sông, người đó mang rìu bén và đi vô rừng. Ở đó người đó thấy một cây sa-la thân lớn, còn non, thẳng, tươi, chưa có lõi từ nụ quả (giống như lõi cùi chuối sau khi thân chuối ra buồng). Người đó đốn hạ gốc nó, chặt bỏ phần ngọn, róc sạch cành và lá, gọt tỉa bằng rìu lớn, gọt tỉa thêm bằng rìu nhỏ, bào nó bằng cái bào, mài nó bằng đá mài, và đưa nó xuống nước để qua sông. Này Sāḷha, chú nghĩ sao? Liệu người đó có vượt qua sông được không?” “Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì cho dù thân tươi cây sa-la đã được làm sạch hết phần bên ngoài nhưng nó chưa được làm (đục) sạch hết phần bên trong. Có thể biết trước thân tươi cây sa-la đó sẽ bị chìm, và người đó sẽ gặp phải tai họa và khổ nạn.” “Cũng giống như vậy, này Sāḷha, những tu sĩ và bà-la-môn đó nếu chủ trương ‘sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm’, là những người coi ‘sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm’ là cốt-lõi (của đời tu), và những người tu theo cách ‘‘sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm’’ thì không thể nào vượt qua dòng-lũ. Cũng vậy, những tu sĩ và bà-la-môn có hành-vi thân, lời-nói và tâm không trong sạch, và sự mưu-sinh của họ không trong sạch, thì không thể đạt được sự- biết và sự-thấy, không thể đạt tới sự giác-ngộ vô thượng. (II) “Nhưng, này Sāḷha, những tu sĩ và bà-la-môn nào không chủ

trương ‘sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm’, là những người không coi ‘sự khổ- hạnh và sự ghê-tởm’ là cốt-lõi (của đời tu), và những người không tu theo cách tu là ‘sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm’ thì có thể vượt qua dòng-lũ. Cũng vậy, những tu sĩ và bà-la-môn có hành-vi thân, lời-nói và tâm là trong sạch, và sự mưu-sinh của họ là trong sạch, thì có thể đạt được sự-biết và sự-thấy, có thể đạt tới sự giác-ngộ vô thượng. “Này Sāḷha, ví dụ một người muốn vượt qua sông, người đó mang rìu bén và đi vô rừng. Ở đó người đó thấy một cây sa-la thân lớn, còn non, thẳng, tươi, chưa có lõi từ nụ quả. Người đó đốn hạ gốc nó, chặt bỏ phần ngọn, róc sạch cành và lá, gọt tỉa bằng rìu lớn, gọt tỉa thêm bằng rìu nhỏ, bào nó bằng cái bào, dùng cái đục đục sạch hết phần ruột cây bên trong, mài nó bằng đá mài, và làm nó thành một chiếc xuồng. Rồi gắn thêm mấy mái chèo và

bánh lái để vượt qua sông. Này Sāḷha, chú nghĩ sao? Liệu người đó có vượt qua sông được không?"

"Được, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì thân tươi cây sa-la đã được làm sạch hết phần bên ngoài và cũng được làm (đục) sạch hết phần bên trong, được làm thành một cái xuồng, được gắn thêm mấy mái chèo và và bánh lái. Có thể biết trước thân tươi cây sa-la đó sẽ không bị chìm, và người đó sẽ an toàn qua tới bờ bên kia (đáo bỉ ngạn)." (1) "Cũng giống như vậy, những tu sĩ và bà-la-môn nào không chủ trương 'sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm', là những người không coi 'sự khổ- hạnh và sự ghê-tởm' là cốt-lõi (của đời tu), và những người không tu theo cách tu 'sự khổ-hạnh và sự ghê-tởm' thì có thể vượt qua dòng-lũ. Cũng vậy, những tu sĩ và bà-la-môn có hành-vi thân, lời-nói và tâm là trong sạch, và sự mưu-sinh của họ là trong sạch, thì có thể đạt được sự-biết và sự-thấy, có thể đạt tới sự giác-ngộ vô thượng. "Ngay cả một chiến binh có biết nhiều thành tích khác nhau thực hiện được bằng những mũi tên, nhưng chỉ khi nào người đó có được ba phẩm- chất thì người đó xứng đáng là của nhà vua, là thứ (công cụ) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Ba đó là gì? Người đó là một

• 239

người bắn tầm xa, người bắn chính xác, và người phá vỡ vật thể lớn. (2) "Giống như một chiến binh là người bắn tầm xa, một thánh đệ tử thì có sự chánh-định (sự định-tâm đúng đắn). Mọi sắc-thân dù là loại gì— thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, xa hay gần—một thánh đệ tử có sự chánh-định nhìn thấy tất cả sắc đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: 'Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái 'ta', đây không phải là 'bản ngã của ta'.' "Mọi cảm-giác dù là loại gì ... Mọi nhận-thức dù là loại gì ... Những sự tạo-tác cố ý dù là loại gì ... Mọi thức dù là loại gì—thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, xa hay gần—một thánh đệ tử có chánh-định nhìn thấy tất cả cảm-giác ... nhận- thức ... sự tạo-tác cố ý ... thức đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: 'Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái 'ta', đây không phải là 'bản ngã của ta'.' (3) "Giống như một chiến binh là người bắn chính xác (bắn tỉa), một thánh đệ tử thì có sự chánh-kiến (cách-nhìn đúng đắn). Một thánh đệ tử có sự chánh-kiến hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là khổ'; người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là nguồn-gốc khổ'; người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'; người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'. (4) "Giống như một chiến binh phá vỡ vật thể lớn (công phá), một thánh đệ tử thì có sự chánh giải-thoát (sự giải-thoát đúng đắn). Một thánh đệ tử có sự chánh giải-thoát là đã phá vỡ khối 'vô-minh' lớn."925

197 (7) Hoàng Hậu Mallikā Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có Hoàng hậu Mallikā đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa:926 (1) "Thưa Thế Tôn, tại sao ở đây có những phụ nữ là (i) xấu, xấu xí,

và khó nhìn; (ii) nghèo, thiếu thốn, bần cùng, và (iii) phận nhỏ hèn [không uy được với ai, nói hỏng ai nghe]? (2) “Lại có những phụ nữ là (i) xấu, xấu xí, và khó nhìn; nhưng (ii) giàu, giàu có, và (iii) phận lớn uy [có ảnh hưởng, nói nhiều người nghe]? (3) “Lại có những phụ nữ là (i) đẹp, hấp dẫn, và duyên dáng, da dẻ tuyệt vời; nhưng lại (ii) nghèo, thiếu thốn, bần cùng, và (iii) phận nhỏ hèn? (4) Và lại có những phụ nữ là (i) đẹp, hấp dẫn, và duyên dáng, da dẻ tuyệt vời; (ii) giàu, giàu có; và (iii) có phận lớn uy?” (1) “Này Hoàng hậu Mallikā, ở đây có phụ nữ (i) dễ nổi giận và dễ bị bực tức. Ngay cả khi bị phê bình chút xíu cô ta cũng mất bình tĩnh và trở nên tức giận, hung dữ, và ngang ngạnh; cô ta thể hiện sự giận dữ, sự thù ghét, và sự đắng cay. (ii) Cô ta không bố thí thứ cho những những tu sĩ hay bà-la-môn những thứ như: thức ăn, thức uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm và phấn sáp; chỗ nằm, chỗ ở, và đèn sáng. (iii) Và cô ta ghen tỵ, là người ganh tỵ, bực tức và ghen ghét khi thấy lợi lộc, vinh danh, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự kính lễ, và sự tôn sùng kính được dành cho người khác. Khi cô ta qua đời trong trạng thái đó, dù tái sinh ở đâu, cô ấy cũng thuộc loại (1): (i) xấu, xấu xí, và khó nhìn; (ii) nghèo, thiếu thốn, bần cùng, và (iii) phận nhỏ hèn. (2) “Lại có phụ nữ (i) dễ nổi giận và dễ bị bực tức … (như trên) … (ii) Nhưng cô ta bố thí nhiều thứ cho những những tu sĩ hay bà-la-môn. (iii) Và cô ta không ghen tỵ, không phải là người ganh tỵ, không bực tức và ghen ghét khi thấy lợi lộc, vinh danh, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự kính lễ, và sự tôn sùng kính được dành cho người khác. Khi cô ta qua đời trong trạng thái đó, dù tái sinh ở đâu, cô ấy cũng thuộc loại (2): (i) xấu, xấu xí, và khó nhìn; nhưng (ii) giàu, giàu có, và (iii) phận lớn uy. (3) “Lại có phụ nữ (i) không dễ nổi giận hay dễ bị bực tức. Ngay cả khi bị phê bình đủ thứ cô ta cũng không mất bình tĩnh và không trở nên tức giận, hung dữ, hay ngang ngạnh; cô ta không thể hiện sự giận dữ, sự

• 241

thù ghét, và sự đắng cay. (ii) Nhưng cô ta không bố thí thứ gì cho những tu sĩ hay bà-la-môn. (iii) Và cô ta ghen tỵ, là người ganh tỵ, bực tức và ghen ghét khi thấy lợi lộc, vinh danh, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự kính lễ, và sự tôn sùng kính được dành cho người khác. Khi cô ta qua đời trong trạng thái đó, dù tái sinh ở đâu, cô ấy cũng thuộc loại (3): (i) đẹp, hấp dẫn, và duyên dáng, da dẻ tuyệt vời; nhưng lại (ii) nghèo, thiếu thốn, bần cùng, và (iii) phận nhỏ hèn. (4) “Và lại có phụ nữ (i) không dễ nổi giận và dễ bị bực tức … (ii) Và cô ta bố thí nhiều thứ cho những những tu sĩ và bà-la-môn. (iii) Và cô ta là không ghen tỵ, không phải là người ganh tỵ … Khi cô ta qua đời trong trạng thái đó, dù tái sinh ở đâu, cô ấy cũng thuộc loại (4): (i) đẹp, hấp dẫn, và duyên dáng, da dẻ tuyệt vời; và (ii) giàu, giàu có; và (iii) có phận lớn uy. “Này Hoàng hậu Mallikā, đây là những lý do tại sao ở đây có những phụ nữ [như loại (1), (2), (3) và (4)] như vậy.” Sau khi điều này được nói ra, Hoàng hậu Mallikā đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con giả sử rằng: (i) trong kiếp trước nào đó con dễ nổi giận và dễ bị bực tức … Do vậy giờ con là xấu, xấu xí, và khó nhìn. (ii) Nhưng giả sử trong kiếp trước nào đó con bố thí nhiều thứ cho những những tu sĩ và bà-la-môn … Do vậy giờ con là giàu, giàu có. (iii) Và giả sử trong kiếp trước nào đó con không ghen tỵ, không phải là người ganh tỵ … Do vậy giờ con là phận lớn uy. Trong cung đình này có những cô gái từ những gia đình thuộc giai cấp chiến-sĩ (khattiya), bà-la-môn, và gia chủ, con đều sai khiến được. “Thưa

Thế Tôn, kể từ hôm nay, con sẽ (i) không dễ nóng giận hay dễ bị bực tức. Dù con có bị phê bình đủ thứ con sẽ không mất sự bình tĩnh và không trở nên tức giận, hung dữ, hay ngang ngạnh; con sẽ không thể hiện sự giận dữ, sự thù ghét, và sự cay đắng. (ii) Và con sẽ biết bố thí nhiều thứ cần thiết cho những tu sĩ và bà-la-môn … (iii) Và con sẽ không ghen tỵ,

không là người ganh tỵ … “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! … [giống hệt đoạn cuối kinh 4:111] … Mong Thế Tôn hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời.”

198 (8) Hành Hạ Bản Thân 927 “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, có người hành hạ bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân. (2) “Có người hành hạ người khác hay vật khác và theo đuổi sự thực hành hành xác người khác hay vật khác. (3) “Có người hành hạ bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và cũng hành hạ người khác hay vật khác và theo đuổi sự thực hành hành xác người khác hay vật khác. (4) “Và có người không hành hạ bản thân, không theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân; cũng không hành hạ người khác hay vật khác, không theo đuổi sự thực hành hành xác người khác hay vật khác. Vì người đó không hành hạ bản thân hay hành hạ người khác hay vật khác, cho nên ngay trong kiếp này người đó sống không còn thèm khát [đói khát (dục-vọng)], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và đang trải nghiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thiên thánh.928 (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người (i) hành hạ bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân?929 Ở đây, có những người cứ đi lõa thể, không theo những quy ước tập tục; họ liếm tay (cho sạch), không đến khi được yêu cầu, không dừng khi được yêu cầu; họ không nhận thức-ăn được mang đến (cho họ), hay nhận thức-ăn được làm để cho họ, hay nhận lời mời đến dùng bữa; họ không nhận thức-ăn từ nồi, từ bát, được đưa qua cửa chính, được đưa qua cây gậy, được đưa qua cái

chày, hoặc từ hai người ăn chung, từ phụ nữ có thai, từ phụ nữ đang cho con bú, từ phụ nữ đang ở chung với đàn ông, từ chỗ thức-ăn được thông báo để phát chẩn, từ chỗ có chó đang chực, từ chỗ có ruồi nhặng đang bu; họ không chấp nhận ăn cá hay thịt; họ không uống rượu nặng, rượu nhẹ, hay thức uống lên men.

“Họ nhận ăn từ một nhà, ăn một miếng; họ nhận ăn từ hai nhà, ăn hai miếng … họ nhận ăn từ bảy nhà, ăn bảy miếng. Họ sống nhờ một chén một ngày, nhờ hai chén hai ngày … nhờ bảy chén bảy ngày; họ nhận thức ăn một lần mỗi ngày, một lần mỗi hai ngày … một lần mỗi bảy ngày; cứ như vậy thậm chí một lần mỗi hai tuần, họ thực hành theo khổ hạnh chỉ nhận thức ăn sau mỗi khoảng thời gian đã ấn định. “Họ là người ăn rau xanh hay hạt kê hay lúa rẫy hay lúa hoang hay rong rêu hay cám gạo hay bọt nước gạo hay bột mè hay cỏ hay phân bò. Họ sống nhờ ăn những rễ cây và trái cây trong rừng; họ sống nhờ ăn trái cây rụng. “Họ mặc bằng vải gai thô, hay vải gai thô lẫn lộn,

bằng vải liệm người chết bỏ đi, bằng giẻ rách bỏ đi, bằng vỏ cây, bằng da linh dương, bằng những mảnh da linh dương, bằng vải bện từ cỏ kusa, bằng vải bện từ vỏ cây, từ vải bện từ dăm gỗ bào, bằng vải len làm từ tóc, làm từ lông đuôi súc vật, từ lông cánh cú vọ. “Họ là người nhổ sạch râu và tóc, thực hành khổ hạnh nhổ râu và tóc. Họ là người luôn đứng, không ngồi. Họ là người ngồi xổm liên tục, cố gắng giữ tư thế ngồi xổm. Họ là người dùng nệm gai nhọn; họ lấy nệm gai nhọn làm giường của mình. Họ cách thực hành cách khổ hạnh dầm mình trong nước ba lần một ngày gồm cả buổi tối. Như vậy họ sống thực hành nhiều cách khác nhau để làm khổ và hành hạ thân xác. Chính theo cách như vậy là một người hành hạ bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân. (2) “Và theo cách nào là một người (ii) hành hạ người khác hay vật khác và theo đuổi sự thực hành hành xác người khác hay vật khác? Ở đây,

có người là người giết (làm thịt) thịt cừu, người giết heo, người bẫy chim, người bẫy thú rừng, người săn bắn, người đánh cá, người trộm cướp, người hành quyết,930 người gác ngục, hoặc người làm những nghề nghiệp máu me khác. Chính theo cách này một người là người hành hạ người khác hay vật khác. (3) “Và theo cách nào là một người (i) hành hạ bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, và người đó cũng (ii) hành hạ người khác hay vật khác và theo đuổi sự thực hành hành xác người khác hay vật khác? Ở đây, có người là một vị vua thuộc giai cấp chiến-sĩ được phong vương, hay là một bà-la-môn giàu có. Sau khi đã xây một ngôi đền để tế lễ ở phía đông kinh thành, và sau khi cạo râu tóc, mặc y phục làm bằng da linh dương thô, và bôi bơ và dầu lên người, cà lưng bằng sừng nai, ông ta tiến vào ngôi đền cùng với chính phi hoàng hậu và thầy tế thuộc giai cấp bà-la-môn. Ở đó ông nằm xuống nền đất trống được rải lớp cỏ. Nhà vua sống bằng sữa từ núm vú thứ nhất của con bò cái đang ở sát con bò con cùng màu lông; hoàng hậu sống bằng sữa từ núm vú thứ hai; thầy tế bà-la- môn sống bằng sữa từ núm vú thứ ba; sữa từ núm vú thứ tư thì họ lấy đổ vô lửa; và con bò con thì sống bằng sữa từ những núm vú còn lại. Ông vua nói: ‘Hãy cho nhiều bò bị giết để tế lễ; hãy cho nhiều bò đực thiến bị giết để tế lễ; hãy cho nhiều bò cái tơ bị giết để tế lễ; hãy cho nhiều dê bị giết để tế lễ; hãy cho nhiều cừu bị giết để tế lễ, hãy cho nhiều cây lớn được hạ xuống để làm những cột treo vật tế lễ; hãy cho nhiều có được cắt để làm cỏ tế lễ.’ Và những người của nhà vua gồm nhưng nô lệ, sứ giả và người hầu thì đang làm những việc chuẩn bị sửa soạn với mặt mày khóc lóc đầy nước mắt vì những lời đe dọa trừng phạt và vì sợ hãi. Chính theo cách này một người là người tự hành hạ bản thân và thực hành theo kiểu tự hành xác, và hành hạ người và vật khác và theo đuổi sự thực hành hành xác người và vật khác. (4) “Và theo cách nào là một người không (i) hành hạ bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, cũng không (ii) hành hạ người khác hay vật khác hay theo đuổi sự thực hành hành xác người khác hay

vật khác, cũng không (iii) thực hành cùng lúc hai sự hành xác trên—đó là người, do không hành hạ bản thân hay người khác hay vật khác, ngay trong kiếp này sống không còn thèm khát [đói khát (dục-vọng)], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và đang

trải nghiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thiên thánh? (*) “Ở đây, này các Tỳ kheo, Như Lai khởi sinh trong thế gian này, là một bậc A-la-hán [đã tu-thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, bậc ấy chỉ lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt từ lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh tinh khiết và toàn thiện. (4.1) “Một gia chủ [hay con trai ông ta] được sinh ra trong những họ tộc khác nghe được Giáo Pháp này. Rồi người đó có được niềm-tin vào Như Lai, và suy xét như vầy: ‘Đời sống tại gia là chật chội và bụi bẩn; đời sống xuất gia là rộng mở. Nếu sống ở nhà thì không dễ gì dẫn dắt một đời sống tâm linh cho toàn thiện và trong sạch như một vỏ sò được chà sạch bóng. Hay ta nên cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Rồi một dịp sau đó, người đó đã từ bỏ gia sản lớn nhỏ, từ bỏ gia quyến lớn nhỏ, người đó cạo râu tóc, khoát y cà sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. (4.2) “Sau khi đã xuất gia như vậy, và có được sự tu-tập và lối-sống của hàng Tỳ kheo, (i) sau khi đã dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cữ sát- sinh; bỏ hết gậy gộc và vũ khí, đầy lương tâm và tử tế, người đó sống tha thương bi mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh. (ii) Sau khi dẹp bỏ sự gian- cắp, người đó kiêng cữ lấy những thứ không được cho; người đó chỉ lấy thứ được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và sống một cách thanh liêm,

không trộm cắp gian lận. (iii) Sau khi đã dẹp bỏ tà-dâm tà dục, người đó giữ giới sống độc thân, sống tách ly, kiêng cữ tất cả mọi dạng dâm dục, kiêng cữ những thói tật tính dục cá nhân. (iv) “Sau khi dẹp bỏ (a) lời nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ nói-dối nói láo; người đó nói sự thật, nói theo sự thật; người đó là đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người dối gạt trong thế gian. Sau khi dẹp bỏ (b) lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cữ lời nói gây chia-rẽ; người đó không nói đi nói lại những gì đã nghe thấy nhằm gây chia rẽ người này với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người ủng hộ sự đoàn kết, người vui thích sự hòa đồng, người nói những lời để xúc tiến sự hòa hợp. Sau khi dẹp bỏ (c) lời nói gắt-gỏng khó nghe, người đó kiêng cữ lời nói gắt-gỏng khó nghe; người đó nói những lời nhẹ nhàng, dễ nghe, dễ mến, những lời đi vào lòng người nghe, những lời khích lệ an ủi mà nhiều người muốn nghe và những lời dễ chịu đối với nhiều người. Sau khi đã dẹp bỏ (d) lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cữ lời nói tầm phào tán dóc; người đó nói lúc thích hợp, nói điều sự thật, nói điều có ích, nói về Giáo Pháp và giới luật; vào lúc thích hợp người đó nói những lời đáng ghi nhớ, hữu lý, gọn rõ, và có ích. (4.3) “Người đó kiêng cữ làm hư hại những hạt giống và cây trồng. Người đó ăn một bữa [lần, thời] mỗi ngày,931 kiêng cữ ăn ban đêm và ăn ngoài giờ quy định (tức: ăn phi thời, ăn ngoài giờ ăn của giới luật). Người đó kiêng cữ việc nhảy múa, ca hát, nhạc trống, tuồng kịch không thích hợp.

Người đó kiêng cữ việc trang điểm và làm đẹp bản thân như đeo vòng hoa, sức nước hoa, phấn sáp. Người đó kiêng cữ giường rộng, ghế cao. Người đó kiêng cữ việc nhận vàng bạc, gạo sống, thịt sống, phụ nữ và con gái, nô lệ nam hay nữ, dê và cừu, gia cầm và heo, voi, ngựa, và ngựa cái, ruộng đồng và đất đai. Người đó kiêng cữ làm những việc vặt ngoài đời (không phải Phật sự hay tu sự) hay việc đưa tin báo tin; kiêng cữ mua bán; kiêng cữ gian lận qua cân, đo, tiền giả kim; kiêng cữ việc nhận tiền lo lót, việc lừa dối, gian lận, và lừa lọc. Người đó kiêng cữ việc làm phương hại, giết hại, trói người, chiếm đoạt, cướp bóc, và bạo hành.

• 247

(4.4) "Người đó hài lòng với vài y-phục để bảo vệ thân thể và thức ăn khất thực để giữ bụng an ổn, và dù có đi đâu người đó cũng chỉ mang theo những thứ này (y phục và bình bát) với mình. Giống như chim trời, dù bay đi đâu, nó cũng bay đi với hai cánh chứ không mang theo gánh nặng nào; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo biết hài lòng với vài y-phục để bảo vệ thân thể và thức ăn khất thực để giữ bụng an ổn, và dù có đi đâu người đó cũng chỉ mang theo mấy thứ này mà thôi. "Có được (i) đống (uẩn) giới-hạnh thánh thiện này, một Tỳ kheo trải nghiệm bên trong mình niềm chân-phúc phi tội lỗi. (4.5) "Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu (tướng) và đặc-điểm (nét) của nó. Bởi vì nếu người đó để căn-mắt không được kiềm chế, thì những trạng thái bất thiện xấu ác như tham-thích (tham) hay phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm (tâm) người đó, cho nên người đó tu tập sự kiềm chế nó; người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai… Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân … Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu- hiệu và đặc-điểm của nó. Bởi vì nếu người đó để căn-tai … căn-tâm không được kiềm chế, những trạng thái bất thiện xấu ác như tham-thích (tham) hay phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm (tâm) người đó, cho nên người đó tu tập sự kiềm chế nó; người đó phòng hộ căn-tai … căn-tâm, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-tai … căn-tâm. "Có được (ii) đống sự kiềm-chế thánh thiện này đối với các căn, một Tỳ kheo trải nghiệm bên trong mình niềm chân-phúc phi ố-nhiễm. (4.6) "Khi đang đi tới và (khi) đang đi lại, người đó làm (iii) với sự rõ-biết (tỉnh giác); khi đang nhìn trước và đang nhìn ngang, người đó làm với sự rõ-biết; đang khi đang co và đang giãn chân tay, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang mặc quần áo và đang mang theo bình bát và cà sa, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang ăn, đang uống, đang nhai thức ăn, và đang nếm thức ăn, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang đại tiện và

đang tiểu tiện, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang đi, đang đứng, đang ngồi, đang nằm chưa ngủ, đang thức dậy, đang nói, và đang im lặng, người đó làm với sự rõ-biết. (luôn tỉnh giác) (4.7) "Có được (i) đống giới-hạnh thánh thiện như vậy, và (ii) đống sự kiềm-chế thánh thiện như vậy đối với các căn, và (iii) sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết như vậy, người đó lánh về một nơi tách ly ẩn dật: như một chỗ trong rừng, chỗ

một gốc cây, một ngọn núi, một khe núi, một hang động ngang sườn núi, một nghĩa địa, một nơi ngoài trời, một đống rơm. “Sau khi đã đi một vòng khất thực, sau khi ăn trưa xong, người đó ngồi xuống, hai chân chéo nhau, giữ thân thẳng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. (i) Sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) đối với thế giới, người đó sống với một cái tâm không còn thèm-muốn; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-muốn. (ii) Sau khi đã dẹp bỏ sự ác-ý và thù-ghét (sân), người đó sống với một cái tâm không còn ác-ý, đầy tha thương bi-mẫn đối với mọi chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và thù-ghét. (iii) Sau khi đã dẹp bỏ sự buồn-ngủ và đờ-đẫn (hôn trầm thụy miên), người đó sống không còn sự buồn-ngủ và đờ-đẫn, nhận thức ánh sáng, có chánh-niệm và rõ-biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự buồn-ngủ và đờ-đẫn. (iv) Sau khi đã dẹp bỏ sự bất-an và hối-tiếc (trạo cử quá hối), người đó sống không còn sự khích-động, với một cái tâm hướng nội bình-an; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc. (v) Sau khi đã dẹp bỏ sự nghi-ngờ (nghi), người đó sống sau khi đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn hoài nghi về những phẩm chất thiện lành; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ. “Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại như vậy, đó là những ô-nhiễm của tâm, là những phẩm chất làm suy yếu trí-tuệ, vị Tỳ kheo đó: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, Tỳ kheo đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’

• 249

(ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tầm hết tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi- xét, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm.’ (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hết hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’ (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (hết lạc hết khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (hết hỷ hết ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông- xả.’ (**) “Khi tâm người đó đã được đạt-định theo cách như vậy, được thanh lọc, được thanh tẩy, không còn vết nhơ, không còn những ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ điều khiển, vững vàng, và đã đạt tới sự bất-động, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết có thể nhớ lại những kiếp trước (túc mạng minh): … [mô tả như kinh 3:58, đoạn (1)] … tới trí-biết về sự chết đi và tái sinh của những chúng sinh (thiên nhãn minh): … [mô tả như kinh 3:58, đoạn (2)] … tới trí-biết về sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh). Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’; người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là những ô-nhiễm’; người đó hiểu đúng như nó thực

là: ‘Đây là nguồn-gốc những ô-nhiễm’; người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm’; người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những ô-nhiễm’. “Khi người đó biết và thấy như vậy, tâm người đó được giải thoát

khỏi ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), khỏi ô-nhiễm của/do sự hiện- hữu (hữu lậu), và khỏi ô-nhiễm của/do sự vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm được giải thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ “Chính theo cách này một người là người không (i) hành hạ bản thân và theo đuổi sự thực hành hành xác bản thân, cũng không (ii) hành hạ người khác hay vật khác hay theo đuổi sự thực hành hành xác người khác hay vật khác, cũng không (iii) thực hành cùng lúc hai sự hành xác trên— đó là người, do không hành hạ bản thân hay người khác hay vật khác, ngay trong kiếp này sống không còn thèm khát [đói khát (dục-vọng)], đã tắt ngấm [thổi tắt], và đã nguội mát, và đang trải nghiệm niềm chân-phúc, sau khi đã làm bản thân mình trở thành thiên thánh. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người thấy có trong thế gian.”

199 (9) Dục Vọng “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về dục-vọng (ái)—là bẫy cám dỗ, chảy tới khắp nơi (dẫn truyền), ở khắp nơi, và dính trết932—thế gian này bị bao phủ và bao bọc bởi nó, và vì nó thế gian này thành như cuộn chỉ rối, như đống sợi rối, như một đống rối lau sậy và cỏ lác, cho nên thế gian không vượt khỏi những cảnh giới khổ đau, nơi đến xấu dữ, cõi dưới, vòng luân hồi (saṃsāra). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dục-vọng—là bẫy cám dỗ, chảy tới khắp nơi, ở khắp nơi, dính trết—thế gian này bị bao phủ và bao bọc bởi nó, và vì nó thế gian này thành như cuộn chỉ rối, như đống sợi rối, như một đống rối lau sậy và cỏ lác, cho nên thế gian không vượt qua những cảnh giới khổ đau, nơi đến xấu dữ, cõi dưới, vòng luân hồi?

“Này các Tỳ kheo, có mười tám (18) dòng chảy dục-vọng liên quan với bên-trong và mười tám (18) dòng chảy dục-vọng liên quan với bên ngoài. (i) “Và cái gì là mười tám dòng chảy dục-vọng liên quan với bên- trong? Khi có [những quan niệm] ‘Là ta’, khi có [những quan niệm] ‘Ta là vầy’, ‘Ta chỉ là vậy’, ‘Ta là khác’, ‘Ta đang trường tồn’, ‘Ta đang tan biến’, ‘Có thể là ta’, ‘Có thể ta là vầy’, ‘Có thể ta chỉ là vậy’, ‘Có thể ta là khác’, ‘Cầu ta được là’, ‘Cầu ta là vầy’, ‘Cầu ta chỉ là vậy’, ‘Cầu ta là khác’. Đây là mười tám dòng dục-vọng liên quan với bên-trong.933 (ii) “Và cái gì là mười tám dòng dục-vọng liên quan với bên-ngoài?934 Khi có [những quan niệm] ‘Là ta vì do này’ 935; khi có [những quan niệm] ‘Ta là vầy vì do này’, ‘Ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Ta là khác vì do này’, ‘Ta đang trường tồn vì do này’, ‘Ta đang tan biến vì do này’, ‘Có thể là ta vì do này’, ‘Có thể ta là vầy vì do này’, ‘Có thể ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Có thể ta là khác vì do này’, ‘Cầu ta được là vì do này’, ‘Cầu ta là vầy vì do này’, ‘Cầu ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Cầu ta là

khác vì do này’, ‘Sẽ là ta vì do này’, ‘Ta sẽ là vầy vì do này’, ‘Ta sẽ chỉ là vậy vì do này’, ‘Ta sẽ là khác vì do này’, ‘Ta sẽ trường tồn vì do này’, ‘Ta sẽ tan biến vì do này’, ‘Có thể sẽ là ta vì do này’, ‘Có thể ta sẽ là vầy vì do này’, ‘Có thể ta sẽ chỉ là vậy vì do này’, ‘Có thể ta sẽ là khác vì do này’. Đây là mười tám dòng dục-vọng liên quan với bên-ngoài. “Như vậy có mười tám dòng chảy dục-vọng liên quan với bên-trong, và mười tám dòng chảy dục-vọng liên quan với bên-ngoài. Đây được gọi là ba mươi sáu dòng chảy dục-vọng. Có ba mươi sáu dòng chảy dục-vọng thuộc quá khứ, ba mươi sáu dòng chảy dục-vọng thuộc tương lai, ba mươi sáu dòng chảy dục-vọng thuộc hiện tại. Do vậy có một trăm lẻ tám dòng chảy dục-vọng. “Này các Tỳ kheo, đây là dục-vọng—(i) là bẫy cám dỗ, (ii) chảy tới khắp nơi, (iii) ở khắp nơi, và (iv) dính trết—thế gian này bị bao phủ và bao bọc bởi nó, và vì nó thế gian này thành như cuộn chỉ rối, như đống sợi rối, như một đống rối lau sậy và cỏ lác, cho nên thế gian không vượt khỏi

những cảnh giới khổ đau, nơi đến xấu dữ, cõi dưới, vòng luân hồi.”936

200 (10) Tình Cảm “Này các Tỳ kheo, có bốn điều này được sinh ra. Bốn đó là gì? Tình cảm sinh ra từ tình cảm; sự ghét sinh ra từ tình cảm; tình cảm sinh ra từ sự ghét; và sự ghét sinh ra từ sự ghét. (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tình cảm sinh ra từ tình cảm? Ở đây, một người (A) là đáng thích, đáng yêu, và dễ chịu đối với một người (B). Những người (C) khác đối xử với người (A) đó một cách đáng thích, đáng yêu, và dễ chịu. Do vậy người (B) cảm thấy cảm tình đối với họ (vì họ thích người mình thích). Theo cách như vậy là tình cảm sinh ra từ tình cảm. (2) “Và theo cách nào sự ghét sinh ra từ tình cảm? Ở đây, một người (A) là đáng thích, đáng yêu, và dễ chịu đối với người (B). Những người (C) khác đối xử với người (A) đó một cách không thích, không mến, và khó chịu. Do vậy người (B) cảm thấy sự ghét đối với họ (vì họ ghét người mình thích). Theo cách như vậy là sự ghét sinh ra từ tình cảm. (3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tình cảm sinh ra từ sự ghét? Ở đây, một người (A) là không đáng thích, không đáng yêu, và khó ưa đối với một người (B). Những người (C) khác đối xử với người (A) đó một cách không thích, không mến, và khó chịu. Do vậy người (B) cảm thấy cảm tình đối với họ (vì họ ghét người mình ghét). Theo cách như vậy là tình cảm sinh ra từ sự ghét. (4) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là sự ghét sinh ra từ sự ghét? Ở đây, một người (A) là không đáng thích, không đáng yêu, và khó ưa đối với một người (B). Những người (C) khác đối xử với người (A) đó một cách đáng thích, đáng yêu, và dễ chịu. Do vậy người (B) cảm thấy sự ghét đối với họ (vì họ thích người mình ghét). Theo cách như vậy là sự ghét sinh ra từ sự ghét. (Các tên (A), (B), (C) là do người dịch đặt dễ hình dung các bên được nói trong bài kinh)

“Đây là bốn điều được sinh ra. “Khi một Tỳ kheo: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc) … chứng nhập và an trú trong trong tầng thiền định thứ nhất, thì trong thời đó (1) tình cảm sinh ra từ tình cảm … (2) sự ghét sinh ra từ tình cảm … (3) sự ghét sinh ra từ tình cảm … (4) sự ghét sinh ra từ sự ghét không có trong người đó. “Khi một

Tỳ kheo: (ii) … chứng nhập và an trú trong trong tầng thiền định thứ hai … (iii) tầng thiền định thứ ba … (iv) tầng thiền định thứ tư, thì trong thời đó (1) tình cảm sinh ra từ tình cảm … (2) sự ghét sinh ra từ tình cảm … (3) sự ghét sinh ra từ tình cảm … (4) sự ghét sinh ra từ sự ghét không có trong người đó. “Khi một Tỳ kheo: (v) ‘Với sự (đã) tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó: thì người đó đã dẹp bỏ (1) tình cảm sinh ra từ tình cảm … (2) sự ghét sinh ra từ tình cảm … (3) sự ghét sinh ra từ tình cảm … (4) sự ghét sinh ra từ sự ghét, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai. “Đây được gọi là một Tỳ kheo là người không còn lấy-vào hay đẩy- ra, không bốc khói, không bốc cháy, và không còn nhai lại. (a) “Theo cách nào là một người lấy-vào (chấp lấy)?937 Ở đây, một Tỳ kheo coi thân-sắc là cái ‘ta’, hay ‘ta’ là thân-sắc, hay ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hay thân-sắc ở trong ‘ta’, hay ‘ta’ ở trong thân-sắc. Người đó coi cảm-giác là cái ‘ta’ … nhận-thức là cái ‘ta’ … những sự tạo-tác cố ý là cái ‘ta’ … thức là cái ‘ta’, hay ‘ta’ là thức, hay ‘ta’ sở hữu thức, hay thức ở trong ‘ta’, hay ‘ta’ ở trong thức. Chính theo cách này là Tỳ kheo lấy-vào. - “Và theo cách nào là một người không lấy-vào? Ở đây, một Tỳ kheo không coi thân-sắc là cái ‘ta’, hay ‘ta’ là thân-sắc, hay ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hay thân-sắc ở trong ‘ta’, hay ‘ta’ ở trong thân-sắc. Người đó

không coi cảm-giác là cái ‘ta’ … nhận-thức là cái ‘ta’ … những sự tạo-tác cố ý là cái ‘ta’ … thức là cái ‘ta’, hay ‘ta’ là thức, hay ‘ta’ sở hữu thức, hay thức ở trong ‘ta’, hay ‘ta’ ở trong thức. Chính theo cách này là Tỳ kheo không lấy-vào. (b) “Theo cách nào là một Tỳ kheo đẩy-ra (đẩy lại, phản ứng)? Ở đây, một Tỳ kheo sỉ nhục người sỉ nhục mình, chửi người chửi mình, và tranh cãi với người muốn tranh cãi với mình. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đẩy-ra. - “Và theo theo cách nào là một Tỳ kheo không đẩy-ra? Ở đây, một Tỳ kheo không sỉ nhục người sỉ nhục mình, không chửi người chửi mình, và không tranh cãi với người muốn tranh cãi với mình. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo không đẩy-ra. (c) “Theo cách nào là một Tỳ kheo bốc-khói? Khi có [những quan niệm] ‘Là ta’; khi có [những quan niệm] ‘Ta là vầy’, ‘Ta chỉ là vậy’, ‘Ta là khác’, ‘Ta đang trường tồn’, ‘Ta đang tan biến’, ‘Có thể là ta’, ‘Có thể ta là vầy’, ‘Có thể ta chỉ là vậy’, ‘Có thể ta là khác’, ‘Cầu ta được là’, ‘Cầu ta là vầy’, ‘Cầu ta chỉ là vậy’, ‘Cầu ta là khác’, ‘Sẽ là ta’, ‘Ta sẽ là vầy’, ‘Ta sẽ chỉ là vậy’, ‘Ta sẽ là khác’, ‘Ta sẽ trường tồn’, ‘Ta sẽ tan biến’, ‘Có thể sẽ là ta’, ‘Có thể ta sẽ là vầy’, ‘Có thể ta sẽ chỉ là vậy’, ‘Có thể ta sẽ là khác’. Theo cách này là một Tỳ kheo bốc-khói. - “Và theo cách nào là một Tỳ kheo không bốc-khói? Khi không có [những quan niệm] ‘Là ta’; khi không có [những quan niệm] ‘Ta là vầy’ … ‘Ta sẽ là khác’. Theo cách này là một Tỳ kheo không bốc-khói. (d) “Theo cách nào là một Tỳ kheo bốc-cháy? Khi có [những quan niệm] ‘Là ta vì do này’’; khi có [những quan niệm] ‘Ta là vầy vì do này’, ‘Ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Ta là khác vì do này’, ‘Ta đang trường tồn vì do này’, ‘Ta đang tan biến vì do này’, ‘Có thể là ta vì do này’, ‘Có thể ta là vầy vì do này’, ‘Có thể ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Có thể ta là khác vì do này’, ‘Cầu ta được là vì do này’, ‘Cầu ta là vầy vì do này’, ‘Cầu ta chỉ là vậy vì do này’, ‘Cầu ta là khác vì do này’, ‘Sẽ là ta vì do

này’, ‘Ta sẽ là

• 255

vầy vì do này’, ‘Ta sẽ chỉ là vậy vì do này’, ‘Ta sẽ là khác vì do này’, ‘Ta sẽ trường tồn vì do này’, ‘Ta sẽ tan biến vì do này’, ‘Có thể sẽ là ta vì do này’, ‘Có thể ta sẽ là vầy vì do này’, ‘Có thể ta sẽ chỉ là vậy vì do này’, ‘Có thể ta sẽ là khác vì do này’. Theo cách này là một Tỳ kheo bốc-cháy. - “Theo cách nào là một Tỳ kheo không bốc-cháy? Khi không có [những quan niệm] ‘Là ta vì do này’’; khi không có [những quan niệm] ‘Ta là vầy vì do này’ … ‘Có thể ta sẽ là khác vì do này’. Theo cách này là một Tỳ kheo không bốc-cháy. (e) “Theo cách nào là một Tỳ kheo nhai-lại?938 Ở đây, một Tỳ kheo chưa dẹp bỏ sự ‘tự-ta’ (ngã mạn), chưa cắt bỏ nó tận gốc, chưa làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, chưa xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách này là một Tỳ kheo nhai-lại. - “Theo cách nào là một Tỳ kheo không nhai-lại? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ sự ‘tự-ta’ (ngã mạn), đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách này là một Tỳ kheo không nhai-lại.

256 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

• 257

[Năm Mươi Kinh Thứ Năm]

NHÓM 1. NGƯỜI TỐT

201 (1) Những Giới Luật Tu Hành “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về người xấu và người tệ hơn người xấu; về người tốt và người siêu hơn người tốt. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (1) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói sai, và uống rượu nặng, rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là người xấu. (2) “Và ai là người tệ hơn người xấu? Ở đây, có người tự mình (chủ động) sát-sinh và xúi giục (ủng hộ) người khác sát-sinh; tự mình gian-cắp và xúi giục người khác gian-cắp; tự mình tà-dâm tà dục và xúi giục người khác tà-dâm tà dục; tự mình nói-dối nói sai và xúi giục người khác nói-dối nói sai, và tự mình uống rượu nặng, rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, và xúi giục người khác uống rượu nặng, rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là người tệ hơn người xấu. (3) “Và ai là người tốt? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói sai, và kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là người tốt. (4) “Và ai là người siêu hơn người tốt? Ở đây, có người tự mình kiêng cữ sát-sinh và khuyến khích (ủng hộ, khuyên dạy) người khác kiêng cữ sát-sinh; tự mình kiêng cữ gian-cắp và khuyến khích người khác kiêng

258 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

cữ gian-cắp; tự mình kiêng cữ tà-dâm tà dục và khuyến khích người khác kiêng cữ tà-dâm tà dục; tự mình kiêng cữ nói-dối nói sai và khuyến khích người khác kiêng cữ nói-dối nói sai, và tự mình kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật và khuyến khích người khác kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt."

202 (2) Không Có Niềm Tin [Mở đầu như kinh kế trên 4:201 kế trên.]

(1) "Và, này các Tỳ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người không có niềm-tin, không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, bất-chấp về mặt đạo đức, thiếu học hiểu, lười biếng, có tâm mờ-rối (thất niệm), và vô trí. Đây được gọi là người xấu. (2) "Và ai là người tệ hơn người xấu? Ở đây, có người tự mình không có niềm-tin và xúi giục người khác không có niềm-tin; tự mình không biết xấu-hổ về mặt đạo đức và xúi giục người khác không biết xấu-hổ về mặt đạo đức; tự mình bất-chấp về mặt đạo đức và xúi giục người khác bất-chấp về mặt đạo đức; tự mình thiếu học hiểu và xúi giục người khác không học hiểu; tự mình có tâm mờ-rối và xúi giục người khác để tâm bị mờ-rối, và tự mình vô trí và xúi giục người khác để họ thiếu trí-tuệ. Đây được gọi là người tệ hơn xấu. (3) "Và cái gì là người tốt? Ở đây, có người được phú cho niềm-tin, biết xấu-hổ về mặt đạo đức, biết sợ-hãi về mặt đạo đức, có học hiểu, có sự nỗ-lực (tinh tấn), có chánh-niệm, và có trí. Đây được gọi là người tốt. (4) "Và cái gì là người siêu hơn người tốt? Ở đây, có người tự mình được phú cho niềm-tin và khuyến khích người khác có được niềm-tin; tự mình biết xấu-hổ về mặt đạo đức và khuyến khích người khác biết xấu-hổ về mặt đạo đức; tự mình biết sợ-hãi về mặt đạo đức và khuyến khích người khác biết sợ-hãi về mặt đạo đức; tự mình có học hiểu và khuyến

khích người khác học hiểu; tự mình có sự nỗ lực (tinh tấn) và khuyến khích người khác phát khởi sự nỗ-lực; tự mình có chánh-niệm và khuyến khích người khác thiết lập sự chánh-niệm, và tự mình có trí và khuyến khích người khác thành tựu về về trí-tuệ. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt."

203 (3) Bảy Hành Động [Mở đầu như kinh 4:201 ở trên.]

(1) "Và, này các Tỳ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói sai, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt- gỏng nạt nộ, và nói chuyện tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là người xấu. (2) "Và ai là người tệ hơn người xấu? Ở đây, có người tự mình sát- sinh và xúi giục người khác sát-sinh … tự mình nói chuyện tầm-phào tán dóc và xúi giục người khác nói chuyện tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là người tệ hơn người xấu. (3) "Và ai là người tốt? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh … kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là người tốt. (4) "Và ai là người siêu hơn người tốt? Ở đây, có người tự mình kiêng cữ sát-sinh và khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh … tự mình kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc và khuyến khích người khác kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt."

204 (4) Mười Hành Động [Mở đầu như kinh 4:201 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói sai, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt- gỏng nạt nộ, và nói chuyện tầm-phào tán dóc; người đó đầy tham-muốn,

mang sự ác-ý, và nắm giữ tà-kiến [cách-nhìn sai lạc]. Đây được gọi là người xấu. (2) “Và ai là người tệ hơn người xấu? Ở đây, có người tự mình sát- sinh và xúi giục người khác sát-sinh … tự mình nắm giữ tà-kiến và xúi giục người khác theo tà-kiến. Đây được gọi là người tệ hơn người xấu. (3) “Và ai là người tốt? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh … kiêng cữ nói chuyện tầm-phào tán dóc; người đó không có tham-muốn, có sự thiện- ý, và nắm giữ chánh-kiến [cách-nhìn đúng đắn]. Đây được gọi là người tốt. (4) “Và ai là người siêu hơn người tốt? Ở đây, có người tự mình kiêng cữ sát-sinh và khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh … tự mình nắm giữ chánh-kiến và khuyến khích người khác có chánh-kiến. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt.”

205 (5) Tám Phần Tu (của Bát Thánh Đạo) [Mở đầu như kinh 4:201 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người có tà- kiến, tà tư-duy, tà-ngữ, tà-nghiệp, tà-mạng, tà tinh-tấn, tà-niệm, và tà-định [ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực sai lạc, sự tâm-niệm sai lạc, và sự định-tâm sai lạc]. Đây được gọi là người xấu. (2) “Và ai là người tệ hơn xấu? Ở đây, có người tự mình có tà-kiến và xúi giục người khác theo tà-kiến … tự mình có tà-định và xúi giục người khác theo tà-định. Đây được gọi là người tệ hơn người xấu. (3) “Và ai là người tốt? Ở đây, có chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh- ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh- định [ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu- sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn]. Đây được gọi là người tốt.

(4) “Và ai là người siêu hơn người tốt? Ở đây, có người tự mình có chánh-kiến và khuyến khích người khác có chánh-kiến … tự mình có chánh-định và khuyến khích người khác có chánh-định. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt.”

206 (6) Mười Phần Tu [Mở đầu như kinh 4:201 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người xấu? Ở đây, có người có tà-kiến … tà-định, tà-trí (sự-biết sai lạc), và tà giải-thoát (sự giải-thoát sai lạc, giả). Đây được gọi là người xấu. (2) “Và ai là người tệ hơn người xấu? Ở đây, có người tự mình có tà- kiến và xúi giục người khác theo tà-kiến … tự mình có tà giải-thoát và xúi giục người khác theo sự tà giải-thoát. Đây được gọi là người tệ hơn người xấu. (3) “Và ai là người tốt? Ở đây, có người có chánh-kiến … chánh- định, chánh-trí (sự-biết đúng đắn), và chánh giải-thoát (sự giải-thoát đúng đắn, thật). Đây được gọi là người tốt. (4) “Và ai là người siêu hơn người tốt? Ở đây, có người tự mình có chánh-kiến và khuyến khích người khác có chánh-kiến … tự mình có chánh giải-thoát và khuyến khích người khác có chánh

giải-thoát. Đây được gọi là người siêu hơn người tốt.”

207 (7) Tính Cách Xấu (1) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy cái gì là xấu và cái gì là tệ hơn xấu. Và ta sẽ dạy cho các thầy cái gì là tốt và cái gì là tốt hơn tốt. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.” (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là xấu? Ở đây, có người sát-sinh và nắm giữ tà-kiến. Đây được gọi là điều xấu.

(2) “Và cái gì là tệ hơn xấu? Ở đây, có người tự mình sát-sinh và xúi giục người khác sát-sinh, người đó nắm giữ tà-kiến và xúi giục người khác theo tà-kiến. Đây được gọi là điều tệ hơn xấu. (3) “Và cái gì là tốt? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh và nắm giữ chánh-kiến. Đây được gọi là điều tốt. (4) “Và cái gì là tốt hơn tốt? Ở đây, những chúng sinh người tự mình kiêng cữ sát-sinh và khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh … tự mình nắm giữ chánh-kiến và khuyến khích người khác có chánh-kiến. Đây được gọi là điều tốt hơn tốt.”

208 (8) Tính Cách Xấu (2) [Mở đầu như kinh 4:207 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là xấu? Ở đây, có người có tà-kiến … tà giải-thoát. Đây được gọi là điều xấu. (2) “Và cái gì là tệ hơn xấu? Ở đây, có người tự mình có tà-kiến và xúi giục người khác theo tà-kiến … tự mình có tà giải-thoát và xúi giục người khác theo tà giải-thoát. Đây được gọi là điều tệ hơn xấu. (3) “Và cái gì là tốt? Ở đây, có người có chánh-kiến … chánh giải- thoát. Đây được gọi là điều tốt. (4) “Và cái gì là tốt hơn tốt? Ở đây, có người tự mình có chánh-kiến và khuyến khích người khác có chánh-kiến … tự mình có chánh giải-thoát và khuyến khích người khác có chánh giải-thoát. Đây được gọi là điều tốt hơn tốt.”

209 (9) Tính Cách Xấu (3) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về người có tính cách xấu và người có tính cách còn tệ hơn xấu. Ta sẽ dạy cho các thầy về người có tính cách tốt và người có tính cách còn tốt hơn tốt. Hãy lắng nghe và chú

tâm kỹ càng, ta sẽ nói. (1) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người có tính cách xấu? Ở đây, có người sát-sinh và nắm giữ tà-kiến. Đây là người có tính cách xấu. (2) “Và ai là người có tính cách còn tệ hơn xấu? Ở đây có người tự mình sát-sinh và xúi giục người khác sát-sinh … tự mình nắm giữ tà-kiến và xúi giục người khác theo tà-kiến. Đây được gọi là người có tính cách tệ hơn xấu. (3) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người có tính cách tốt? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh và nắm giữ chánh-kiến. Đây là người có tính cách tốt. (4) “Và ai là người có tính cách còn tốt hơn tốt? Ở đây có người tự mình kiêng cữ sát-sinh và khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh … tự mình nắm giữ chánh-kiến và khuyến khích người khác theo chánh-kiến. Đây được gọi là người có tính cách tốt hơn tốt.”

210 (10) Tính Cách Xấu (4) [Mở đầu như kinh 4:209 kế trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, ai là người có tính cách xấu? Ở đây, có người có tà-kiến … tà giải-thoát. Đây được gọi là người có tính cách xấu. (2) “Và ai là người có tính cách còn tệ hơn xấu? Ở đây, có người tự mình có tà-kiến và xúi giục người khác theo tà-kiến … tự mình có tà giải- thoát và xúi giục người khác theo tà giải-thoát. Đây được gọi là người có tính cách tệ hơn xấu. (3) “Và ai là người có tính cách tốt? Ở đây, có người có chánh-kiến … chánh giải-thoát. Đây được gọi là người có tính cách tốt. (4) “Và ai là người có tính cách còn tốt hơn tốt? Ở đây, có người tự mình có chánh-kiến và khuyến khích người khác có chánh-kiến … tự mình có chánh giải-thoát và khuyến khích người khác theo chánh giải-

thoát. Đây được gọi là là người có tính cách tốt hơn tốt.”

NHÓM 2. LÀM ĐẸP CHO HỘI CHÚNG

211 (1) Hội Chúng “Này các Tỳ kheo, bốn điều này là những vết-nhơ của một hội chúng (đoàn tăng, đoàn ni, hay đoàn đệ tử). Bốn đó là gì? Một Tỳ kheo là thiếu giới-hạnh, có tính cách xấu; một Tỳ kheo ni là thiếu giới-hạnh, có tính cách xấu; một đệ tử tại gia nam là thiếu giới-hạnh, có tính cách xấu; và một đệ tử tại gia nữ là thiếu giới-hạnh, có tính cách xấu. Bốn điều này là vết-nhơ của một hội chúng. “Này các Tỳ kheo, bốn điều này là những sự làm-đẹp (tô điểm) cho một hội chúng. Bốn đó là gì? Một Tỳ kheo là có giới-hạnh, có tính cách tốt; một Tỳ kheo ni là có giới-hạnh, có tính cách tốt; một đệ tử tại gia nam là có giới-hạnh, có tính cách tốt; và một đệ tử tại gia nữ là có giới-hạnh, có tính cách tốt. Bốn điều này là sự làm-đẹp cho một hội chúng.”

212 (2) Cách Nhìn “Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Hành vi thân sai trái, hành vi lời-nói sai trái, hành vi tâm sai trái, và tà-kiến. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Hành vi thân đúng đắn, hành vi lời-nói đúng đắn, hành vi tâm đúng đắn, và tà-kiến. Người có bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

213 (3) Không Biết Ơn “Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Hành vi thân sai trái, hành vi lời-nói sai trái, hành vi tâm sai trái, và sự không biết ơn hay không nhớ ơn. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Hành vi thân đúng đắn, hành vi lời-nói đúng đắn, hành vi tâm đúng đắn, và sự biết ơn hay nhớ ơn. Người có bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

214 (4) Sát Sinh [Các kinh 4:21419 giống khuôn-mẫu kinh 4:213 kế trên, ngoại trừ có thêm 02 dòng những phẩm-chất tương ứng tái sinh trong địa ngục và tái sinh trong cõi

trời.]

“ … Bốn đó là gì? Người sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, và nói-dối nói láo … “ … Bốn đó là gì? Người kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, và nói-dối nói láo …”

215 (5) Đạo (1) “ … Bốn đó là gì? Người có tà-kiến, tà tư-duy, tà-ngữ, tà-nghiệp … “ … Bốn đó là gì? Người có chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp …”

216 (6) Đạo (2)

“ … Bốn đó là gì? Người có tà-hạnh, tà tinh-tấn, tà-niệm, tà-định … “ … Bốn đó là gì? Người có tà-hạnh, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định …”

217 (7) Cách Nói Ra (1) “ … Bốn đó là gì? Người nói (dối) đã nhìn thấy điều mình chưa nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình chưa nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình chưa cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình chưa nhận biết.939 “ … Bốn đó là gì? Người nói (thật) đã nhìn thấy điều mình đã nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình đã nhận biết.”

218 (8) Cách Nói Ra (2) “ … Bốn đó là gì? Người nói (dối) không nhìn thấy điều mình đã nhìn thấy; người nói không nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói không cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói không nhận biết điều mình đã nhận biết. “ … Bốn đó là gì? Người nói (thật) đã nhìn thấy điều mình đã nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình đã nhận biết.”

219 (9) Không Biết Xấu Hổ Về Mặt Đạo Đức “ … Bốn đó là gì? Người thiếu niềm-tin, thiếu giới-hạnh, không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và bất-chấp về mặt đạo đức …

“ … Bốn đó là gì? Người được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, biết biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và biết sợ-hãi về mặt đạo đức …”

220 (10) Không Có Trí “Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Người thiếu niềm-tin, thiếu giới-hạnh, lười-biếng, và không có trí. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Người được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, có sự nỗ-lực (tinh tấn), và có trí. Người có bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

NHÓM 3. HÀNH VI THIỆN

221 (1) Hành Vi Sai “Này các Tỳ kheo, có bốn loại hành vi lời-nói sai trái (tà khẩu hạnh). Bốn đó là gì? Lời nói-dối nói láo, lời nói gây chia-rẽ, lời nói gắt-gỏng nạt nộ, và lời nói tầm-phào tán dóc. Đây là bốn hành vi lời-nói sai trái. “Này các Tỳ kheo, có bốn loại

hành vi lời-nói tốt thiện. Bốn đó là gì? Lời nói-thật nói đúng, lời nói không gây chia-rẽ, lời nói nhẹ-nhàng dễ nghe, và lời nói có suy xét (có nghĩa, có lý, có ích). Đây là bốn hành vi lời-nói tốt thiện.”

222 (2) Cách Nhìn “Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất thì người ngu, dở, xấu duy trì

bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại; người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều thất-phước. Bốn đó là gì? Hành vi thân sai trái, hành vi lời-nói sai trái, hành vi tâm sai trái (tà thân, khẩu, ý hạnh), và tà-kiến. Có bốn phẩm chất này … người đó tạo nhiều thất-phước. “Này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất thì người khôn, giỏi, tốt duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không đáng chê trách (không tội lỗi) và không bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều phước-đức. Bốn đó là gì? Hành vi thân đúng đắn, hành vi lời-nói đúng đắn, hành vi tâm đúng đắn (chánh thân, khẩu, ý hạnh), và chánh-kiến. Có được bốn phẩm chất này … người đó tạo nhiều phước-đức.”

223 (3) Không Biết Ơn “Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất thì người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại; người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều thất-phước. Bốn đó là gì? Hành vi thân sai trái, hành vi lời-nói sai trái, hành vi tâm sai trái, và sự không biết ơn hay không nhớ ơn. Có bốn phẩm chất này … người đó tạo nhiều thất-phước. “Này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất thì người khôn, giỏi, tốt duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không đáng chê trách (không tội lỗi) và không bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều phước-đức. Bốn đó là gì? Hành vi thân đúng đắn, hành vi lời-nói đúng đắn, hành vi tâm đúng đắn, và sự biết ơn hay nhớ ơn. Có được bốn phẩm chất này … người đó tạo nhiều phước-đức.”

224 (4) Sát Sinh …

[Tiếp tục các kinh từ 4:224230 đều giống khuôn-mẫu kinh 4:221222 kế trên.]

“ … Bốn đó là gì? Người đó sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, và nói- dối nói láo … “ … Bốn đó là gì? Người đó kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, và kiêng cữ nói-dối nói láo …”

225 (5) Đạo (1) “ … Bốn đó là gì? Người đó có tà-kiến, tà tư-duy, tà-ngữ, và tà nghiệp … “ … Bốn đó là gì? Người đó có có chánh-kiến, chánh tư-duy, chánhngữ, và chánh nghiệp …”

226 (6) Con Đường (2) “ … Bốn đó là gì? Người đó có tà-mạng, tà tinh-tấn, tà-niệm, và tàđịnh … “ … Bốn đó là gì? Người đó có chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánhniệm, và chánh-định …”

227 (7) Cách Nói Ra (1) “ … Bốn đó là gì? Người nói (dối) đã nhìn thấy điều mình chưa nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình chưa nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình chưa cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình chưa nhận biết. “ … Bốn đó là gì? Người nói (thật) đã nhìn thấy điều mình đã nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình đã nhận

biết.”

228 (8) Cách Nói Ra (2) “ … Bốn đó là gì? Người nói (dối) không nhìn thấy điều mình đã nhìn thấy; người nói không nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói không cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói không nhận biết điều mình đã nhận biết. “ … Bốn đó là gì? Người nói (thật) đã nhìn thấy điều mình đã nhìn thấy; người nói đã nghe thấy điều mình đã nghe thấy; người nói đã cảm thấy điều mình đã cảm thấy; người nói đã nhận biết điều mình đã nhận biết.”

229 (9) Không Biết Xấu Hổ Về Mặt Đạo Đức “ … Bốn đó là gì? Người thiếu niềm-tin, thiếu giới-hạnh, không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và bất-chấp về mặt đạo đức … “ … Bốn đó là gì? Người được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và biết sợ-hãi về mặt đạo đức …”

230 (10) Không Có Trí “Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất thì người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại; người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quở trách bởi những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều thất-phước. Bốn đó là gì? Người thiếu niềm-tin, thiếu giới-hạnh, lười- biếng và không có trí. Có bốn phẩm chất này … người đó tạo nhiều thất- phước. “Này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất thì người khôn, giỏi, tốt duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không đáng chê trách (không tội lỗi) và không bị quở trách bởi

những bậc trí hiền, và người đó tạo nhiều phước-đức. Bốn đó là gì? Người được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, có sự nỗ-lực (tinh tấn), và có trí. Có được bốn phẩm chất này … người đó tạo nhiều phước-đức.”

231 (11) Thi Sĩ “Này các Tỳ kheo, có bốn loại người làm ra thi kệ (thi sĩ). Bốn đó là gì? Người làm thi kệ quán chiếu, người làm thi kệ kể chuyện, người làm thi kệ chỉ dạy, và người làm thi kệ ngẫu hứng.940 Đây là bốn loại người làm ra thi kệ.”

NHÓM 4. NGHIỆP

232 (1) Một Cách Ngắn Gọn “Này các Tỳ kheo, có bốn loại nghiệp này đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp. Bốn đó là gì? (1) Nghiệp tối có quả tối; (2) nghiệp sáng có quả sáng; (3) nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng; (3) và nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp. Đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã

tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp.”

233 (2) Một Cách Chi Tiết 941 “Này các Tỳ kheo, có bốn loại nghiệp này đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp. Bốn đó là gì? (1) Nghiệp tối có quả tối; (2) nghiệp sáng có quả sáng; (3) nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng; (3) và nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp. Đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng

bằng trí-biết trực tiếp. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp tối có quả tối? Ở đây, có người làm sự tạo-tác cố ý của thân gây khổ đau (thân hành khổ), sự tạo-tác cố ý của lời-nói gây khổ đau (khẩu hành khổ), và sự tạo-tác cố ý của tâm gây khổ đau (tâm hành khổ).942 Hệ quả là, người đó bị tái sinh trong một cảnh giới thống khổ. Khi người đó bị tái sinh trong cảnh giới đó, những sự tiếp-xúc thống khổ tiếp xúc người đó. Do bị tiếp xúc với những sự tiếp- xúc thống khổ, người đó cảm nhận những cảm-giác thống khổ, chỉ toàn đau đớn, như trong trường hợp những chúng sinh trong địa ngục. Đây được gọi là nghiệp tối có quả tối. (2) “Và cái gì là nghiệp sáng có quả sáng? Ở đây, có người làm sự tạo-tác cố ý bằng thân không gây khổ đau (thân hành không khổ), sự tạo- tác cố ý bằng lời-nói không gây khổ đau (khẩu hành không khổ), và sự tạo-tác cố ý bằng tâm không gây khổ đau (tâm hành không khổ).943 Hệ quả là, người đó được tái sinh trong một cảnh giới không khổ đau.944 Khi người đó được tái sinh trong cảnh giới đó, những sự tiếp-xúc không khổ đau tiếp xúc người đó. Do tiếp xúc với những sự tiếp-xúc không khổ đau, người đó cảm nhận những cảm-giác không khổ đau, chỉ toàn sướng, như trong trường hợp những thiên-thần trong cõi trời hào quang chói lọi (Biến tịnh thiên).945 Đây được gọi là nghiệp sáng có quả sáng. (3) “Và cái gì là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng? Ở đây, có người làm cả hai loại sự tạo-tác cố ý bằng thân gây khổ đau và không gây khổ đau (thân hành khổ và không khổ), cả hai loại sự tạo-tác cố ý bằng lời-nói gây khổ đau và không gây khổ đau (khẩu hành khổ và không khổ), cả hai loại sự tạo-tác cố ý bằng tâm gây khổ đau và không gây khổ đau (tâm hành khổ và không khổ). Hệ quả là người đó bị tái sinh trong một cảnh giới vừa có khổ đau và không có khổ đau. Khi người đó được tái sinh trong cảnh giới đó, những sự tiếp-xúc khổ đau và không khổ đau tiếp xúc người đó. Do tiếp xúc với những sự tiếp-xúc khổ đau và không khổ đau, người đó cảm nhận những cảm-giác loại khổ đau và loại không khổ đau, như trong trường hợp chúng sinh con-người và một số thiên-thần

trong những cõi thấp hơn (như những quỷ thần a-tu-la, những địa thần). Đây được gọi là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng. (4) “Và cái gì là nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp? Sự cố-ý (tư) để dẹp bỏ loại nghiệp tối có quả tối, sự cố-ý để dẹp bỏ loại nghiệp sáng có quả sáng, và sự cố-ý để dẹp bỏ loại nghiệp sáng và tối có quả tối và sáng (dẹp bỏ ba loại nghiệp thuộc (1), (2), (3) ở trên): đây được gọi là nghiệp không tối cũng không sáng không có

quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp.946 “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp.”

234 (3) Bà-la-môn Soṇakāyana Lúc đó có bà-la-môn tên Sikhāmoggallāna đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Rồi, sau khi ngồi xuống một bên, ông ta nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, trong những ngày trước, đã lâu, có môn sinh bà-la-môn tên là Soṇakāyana đã đến gặp tôi và thưa rằng: ‘Sa-môn Cồ-đàm chỉ định sự dứt bỏ khỏi mọi nghiệp. Nhưng nếu chỉ định sự dứt bỏ nghiệp là sa-môn Cồ-đàm chủ trương sự hủy diệt của thế giới. Thưa ngài, thế giới này có nghiệp là chất liệu của nó, nó liên tục nhờ nhận lãnh nghiệp cơ mà.’” [Đức Thế Tôn nói:] “Này bà-la-môn, ta thậm chí không nhớ có gặp môn sinh bà-la-môn nào tên Soṇakāyana. Vậy làm gì có cuộc thảo luận nào như vậy với anh ta? Này bà-la-môn, có bốn loại nghiệp này đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp. Bốn đó là gì? … ” [Phần còn lại y hệt nội dung kinh 4:233 kế trên.]

235 (4) Những Giới Luật Tu Hành (1) [Mở đầu giống như kinh 4:233 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp tối có quả tối? Ở đây, có người sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ, hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là nghiệp tối có quả tối. (2) “Và cái gì là nghiệp sáng có quả sáng? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ nói-dối nói láo, và kiêng cữ uống rượu mạnh, rượu nhẹ, hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là nghiệp sáng có quả sáng. (3) “Và cái gì là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng? Ở đây, có người làm cả hai loại sự tạo-tác cố ý bằng thân gây khổ đau và không gây khổ đau (thân hành khổ và không khổ), cả hai loại sự tạo-tác cố ý bằng lời-nói gây khổ đau và không gây khổ đau (khẩu hành khổ và không khổ), cả hai loại sự tạo-tác cố ý bằng tâm gây khổ đau và không gây khổ đau (tâm hành khổ và không khổ). Hệ quả là người đó bị tái sinh trong một cảnh giới vừa có khổ đau và không có khổ đau. Khi người đó được tái sinh trong cảnh giới đó, những sự tiếp-xúc khổ đau và không khổ đau tiếp xúc người đó. Do tiếp xúc với những sự tiếp-xúc khổ đau và không khổ đau, người đó cảm nhận những cảm-giác loại khổ đau và loại không khổ đau, như trong trường hợp chúng sinh con-người và một số thiên-thần trong những cõi thấp hơn (như những quỷ thần a-tu-la, những địa thần). Đây được gọi là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng. (4) “Và cái gì là nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp? Sự cố-ý (tư) để dẹp bỏ loại nghiệp tối có quả tối, sự cố-ý để dẹp bỏ loại nghiệp sáng có quả sáng, và sự cố-ý để dẹp bỏ loại nghiệp sáng và tối có quả tối và sáng (dẹp bỏ ba loại nghiệp thuộc (1), (2), (3) ở trên): đây được gọi là nghiệp không tối cũng không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp.”

236 (5) Những Giới Luật Tu Hành (2) [Mở đầu giống như kinh 4:233 ở trên.]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp tối có quả tối? Ở đây, có người giết hại mẹ, giết hại cha, giết hại A-la-hán, với cái tâm thù ghét làm chảy máu Như Lai, hay tạo ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn (hai câu cuối có thể Phật chỉ thầy Đề-bà-đạt-đa). Đây được gọi là nghiệp tối có quả tối. (2) “Và cái gì là nghiệp sáng có quả sáng? Ở đây, có người kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ nói-dối nói láo, kiêng cữ nói lời gây chia-rẽ, kiêng cữ nói lời gắt-gỏng nạt nộ, và kiêng cữ nói lời tầm-phào tán dóc; người đó không có tham-muốn, có đầy sự thiện-ý, và nắm giữ chánh- kiến. Đây được gọi là nghiệp sáng có quả sáng. (3) “Và cái gì là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng? … [Giống đoạn (3) kinh 4:235 kế trên] … Đây được gọi là nghiệp tối và sáng có quả tối và sáng. (4) “Và cái gì là nghiệp không tối không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp? … [Giống đoạn (4) kinh 4:235 kế trên] … Đây được gọi là nghiệp không tối không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp.”

237 (6) Tám Chi Thánh Đạo “Này các Tỳ kheo, có bốn loại nghiệp này đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp. Bốn đó là gì? … [Tiếp tục đoạn (1), (2), (3) giống như kinh 4:233 ở trên, cho đến:]

276 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

(4) “Và cái gì là nghiệp không tối không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp? (Đó là tám chi thánh đạo, bát thánh đạo): chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định: đây được gọi là nghiệp không tối không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp.”

238 (7) Bảy Chi Giác Ngộ “Này các Tỳ kheo, có bốn loại nghiệp này đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp. Bốn đó là gì? … [Tiếp tục đoạn (1), (2), (3) giống như kinh 4:233 ở trên, cho đến:]

(4) “Và cái gì là nghiệp nghiệp không tối không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp? (Đó là bảy chi giác ngộ, thất giác chi): chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm), chi giác-ngộ là sự phân-biệt những hiện-tượng (trạch pháp), chi giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh tấn), chi giác-ngộ là sự hoan-hỷ (hỷ), chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng (khinh an), chi giác-ngộ là sự định-tâm (định), và chi giác-ngộ là sự buông-xả (xả): đây được gọi là nghiệp không tối không sáng không có quả tối hay sáng nào nữa, là nghiệp dẫn tới sự diệt-nghiệp. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại nghiệp đã được ta tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng trí-biết trực tiếp.”

239 (8) Đáng Chê Trách “Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Hành-động thân (thân nghiệp) đáng chê trách (tội lỗi), hành-động lời-nói (khẩu nghiệp) đáng chê trách, hành-động tâm (tâm nghiệp) đáng chê trách, và cách-nhìn đáng chê

• 277

trách (sai lạc; tà kiến). Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Hành-động thân không đáng chê trách (không tội lỗi), hành-động lời-nói không đáng chê trách, hành-động tâm không đáng chê trách, và cách-nhìn không đáng chê trách (đúng đắn; chánh kiến). Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

240 (9) Không Gây khổ đau “Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? Hành-động thân (thân nghiệp) gây khổ đau, hành-động lời-nói (khẩu nghiệp) gây khổ đau, hành- động tâm (tâm nghiệp) gây khổ đau, và cách-nhìn gây khổ đau (sai lạc; tà kiến). Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? Hành-động thân không gây khổ đau, hành-động lời-nói không gây khổ đau, hành- động tâm không gây khổ đau, và cách-nhìn không gây khổ đau (đúng đắn; chánh kiến). Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

241 (10) Những Sa-môn “Này các Tỳ kheo: ‘Chỉ có đây là một sa-môn, đây là một sa-môn thứ hai, đây là một sa-môn thứ ba, đây là một sa-môn thứ tư. Những giáo phái khác không có những sa-môn (đích thực)’.947 Chính theo cách như vầy các thầy nên đúng đắn cất lên tiếng gầm sư tử. (1) Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sa-môn thứ nhất? Ở đây, với sự phá

278 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

sạch ba gông-cùm (đầu tiên), một Tỳ kheo thành bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh] xuống cõi dưới, đã định xong vận mệnh, hướng tới sự giác- ngộ. Đây là sa-môn thứ nhất. (2) “Và cái gì là sa-môn thứ hai? Ở đây, với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên) và cộng với sự giảm thiểu tham, sân, si, một Tỳ kheo thành bậc Nhất-lưu, chỉ còn quay lại thế gian này một lần nữa, sau đó sẽ làm nên sự chấm-dứt khổ. Đây là sa-môn thứ hai. (3) “Và cái gì là sa-môn thứ ba? Ở đây, với sự phá sạch năm gông- cùm (đầu tiên, hạ phần kiết sử), một Tỳ kheo thành bậc tái sinh tự động (trong một trong năm cõi trời trong-sạch, Tịnh cư thiên), và ở đó đến lúc chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) chứ không quay lại thế gian này nữa. Đây là sa-môn thứ ba. (4) “Và cái gì là sa-môn thứ tư? Ở đây, với sự đã tiêu-diệt những ô- nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, một Tỳ kheo tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí- tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú

trong đó. Đây là sa-môn thứ tư. “Này các Tỳ kheo: ‘Chỉ có đây là một sa-môn, đây là một sa-môn thứ hai, đây là một sa-môn thứ ba, đây là một sa-môn thứ tư. Những giáo phái khác không có những sa-môn (đích thực)’. Chính theo cách như vầy các thầy nên đúng đắn cất lên tiếng gầm sư tử.”

242 (11) Những Ích Lợi Của Một Người Tốt “Này các Tỳ kheo, bằng cách dựa vào một người tốt thì có thể trông đợi bốn ích lợi. Bốn đó là gì? (1) Người tăng trưởng về giới-hạnh thánh thiện; (2) người tăng trưởng về sự định-tâm thánh thiện; (3) người tăng trưởng về trí-tuệ thánh thiện, và (4) người tăng trưởng về sự giải-thoát thánh thiện. Bằng cách dựa vào một người tốt thì có thể trông đợi bốn ích lợi này.”

• 279

NHÓM 5. NHỮNG HIỂM HỌA CỦA SỰ PHẠM TỘI

243 (1) Sự Chia Rẽ “Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Ghosita. Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Này Ānanda, những vấn đề về giới luật đã được giải quyết xong chưa?”948 “Thưa Thế Tôn, theo cách nào vấn đề về giới luật đó được giải quyết? Tỳ kheo Bāhiya, học trò của Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha), vẫn đang đầy chủ ý tạo ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn, nhưng thầy A-nậu-lâu-đà lại không hề nghĩ đến việc nói ra một lời nào.” “Nhưng, này Ānanda, có bao giờ A-nậu-lâu-đà tự mình quan tâm đến những vấn đề về giới luật khi đang ngồi giữa Tăng Đoàn đâu? Vậy tại sao thầy, và thầy Mục-kiền-liên, thầy Xá-lợi-phất không giải quyết gì về những vấn đề này khi chúng khởi sinh? “Này Ānanda, sau khi nhìn thấy bốn sự thuận lợi, một Tỳ kheo xấu (ác tăng) vui thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn. Bốn đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo xấu là thiếu giới-hạnh (thất đức), có tính cách xấu, không trong sạch, có hành vi đáng ngờ, lén lút trong hành động của mình, không phải là một tu sĩ (sa-môn) nhưng tuyên bố mình là tu sĩ, không sống độc-thân nhưng tuyên bố là người sống độc-thân, thối nát ở bên trong, hư bại, suy đồi. Người đó hay nghĩ rằng: ‘Nếu các Tỳ kheo mà biết được ta là thiếu giới-hạnh … suy đồi, và họ đoàn kết lại, thì họ sẽ trục xuất ta; nhưng nếu họ bị chia rẽ thành nhiều phe, thì họ sẽ không thể trục xuất ta.’ Sau khi nhìn thấy sự thuận lợi thứ nhất này, một Tỳ kheo xấu vui thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo xấu nắm giữ tà-kiến [cách-nhìn sai lạc]; người đó nương theo một quan-điểm cực đoan. Người đó hay nghĩ rằng: ‘Nếu các Tỳ kheo mà biết được ta nắm giữ tà-kiến, rằng ta dựa theo một quan-điểm cực đoan, và họ đoàn kết lại, thì họ sẽ trục xuất ta; nhưng nếu họ bị chia rẽ thành nhiều phe, thì họ sẽ không thể trục xuất ta.’ Sau khi nhìn thấy sự thuận lợi thứ hai này, một Tỳ kheo xấu vui thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn. (3) “Lại nữa, một Tỳ kheo xấu có sự mưu-sinh sai trái (tà-mạng); người đó kiếm sống bằng sự mưu-sinh sai trái. Người đó hay nghĩ rằng: ‘Nếu các Tỳ kheo mà biết được ta có sự mưu-sinh sai trái, rằng ta kiếm sống bằng sự mưu-sinh sai trái, và họ đoàn kết lại, thì họ sẽ trục xuất ta; nhưng nếu họ bị chia rẽ thành nhiều phe,

thì họ sẽ không thể trục xuất ta.' Sau khi nhìn thấy sự thuận lợi thứ ba này, một Tỳ kheo xấu vui thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn. (4) "Lại nữa, một Tỳ kheo xấu có tham muốn có được lợi, danh, và sự (được) khâm-phục. Người đó hay nghĩ rằng: 'Nếu các Tỳ kheo mà biết được ta có tham muốn có được lợi, danh, và sự khâm-phục, và họ đoàn kết lại, thì họ sẽ không vinh danh, tôn trọng, kính trọng, hay kính thưa ta; nhưng nếu họ bị chia rẽ thành nhiều phe, thì họ sẽ vinh danh, tôn trọng, kính trọng, và kính thưa ta.' Sau khi nhìn thấy sự thuận lợi thứ tư này, một Tỳ kheo xấu vui thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn. "Này Ānanda, sau khi nhìn thấy bốn sự thuận lợi này, một Tỳ kheo vui thích tạo sự chia rẽ trong Tăng Đoàn."

244 (2) Những Sự Phạm Tội "Này các Tỳ kheo, có bốn hiểm-họa của sự phạm tội. Bốn đó là gì? (1) "Này các Tỳ kheo, giả sử họ bắt được một kẻ trộm, một tội phạm, và giải tới chỗ nhà vua, thưa: 'Thưa bệ hạ, đây là một kẻ trộm, một tội phạm. Xin bệ hạ hãy định hình phạt cho hắn ta.' Nhà vua nói với họ: 'Này các thần, hãy lấy dây thừng trói chặt hai tay kẻ này ra sau lưng, cạo đầu

• 281

hắn, và dẫn hắn đi khắp các đường phố, khắp các khu phố, đánh trống ầm ĩ (cho mọi người thấy). Sau đó chặt đầu hắn ở phía nam ngoài kinh thành.' Những quan quân của nhà vua sẽ tuân lệnh và chặt đầu người đó ở phía nam ngoài kinh thành. Một người đứng gần đó có thể nghĩ: 'Đúng thực, người này đã làm một việc xấu ác, đáng chê trách, đáng bị hình phạt chặt đầu, đến mức những quan quân của nhà vua đã dùng dây thừng trói hai tay ông ta ra sau lưng ... và chặt đầu ông ta ở phía nam ngoài kinh thành. Thiệt tình, tôi sẽ không bao giờ làm một việc xấu ác như vậy, đáng bị chê trách, đáng bị hình phạt chặt đầu.' "Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni đã thiết lập một sự nhận-thức nhạy bén như vậy về hiểm-họa đối với những tội lớn nhất [pārājika, ba-la-di; trọng tội lớn nhất] thì có thể trông đợi người đó, nếu đã chưa từng phạm vào một tội lớn nào, sẽ không bao giờ phạm vào một tội lớn nhất nào; và, nếu đã từng phạm vào một tội lớn nhất, sẽ tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp.949 (2) "Này các Tỳ kheo, giả sử một người tự lấy vải đen quấn người mình, xả tóc xuống, mang cây hèo trên vai, và nói với đám đông: 'Thưa quý vị,950 tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt đánh bằng hèo. Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm.' Một người đứng gần đó có thể nghĩ: 'Đúng thực, người này chắc đã làm một việc xấu ác, đáng chê trách, đáng bị hình phạt đánh bằng hèo, đến mức ông ta phải tự lấy vải đen quấn người mình, xả tóc xuống, mang cây hèo trên vai, và nói với đám đông: "Thưa quý vị, tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt đánh bằng hèo. Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm." Thiệt tình, tôi sẽ không bao giờ làm một việc xấu ác như vậy, đáng bị chê trách, đáng bị hình phạt đánh bằng hèo.' "Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni đã thiết lập một sự nhận-thức nhạy bén như vậy về hiểm-họa đối với những tội lớn nhì [saṅghādisesa, tội tăng tàng; trọng tội lớn nhì] thì có thể trông đợi người đó, nếu đã chưa từng phạm vào một tội lớn nhì nào, sẽ không bao giờ phạm vào một tội lớn nhì nào; và, nếu đã từng phạm vào một tội lớn nhì,

sẽ tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp.951 (3) “Này các Tỳ kheo, giả sử một người tự lấy vải đen quấn người mình, xả tóc xuống, vác một bao tro trên vai, và nói với đám đông: ‘Thưa quý vị, tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt bằng một bao tro. 952 Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm.’ Một người đứng gần đó có thể nghĩ: ‘Đúng thực, người này chắc đã làm một việc xấu ác, đáng chê trách, đáng bị hình phạt bằng một bao tro, đến mức ông ta phải tự lấy vải đen quấn người mình, xả tóc xuống, vác một bao tro trên vai, và nói với đám đông: “Thưa quý vị, tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt bằng một bao tro. Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm.” Thiệt tình, tôi sẽ không bao giờ làm một việc xấu ác như vậy, đáng bị chê trách, đáng bị hình phạt bằng một bao tro.’ “Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni đã thiết lập một sự nhận-thức nhạy bén như vậy về hiểm-họa đối với những tội nhẹ [pācittiya, tội ba-dật-đề; tội lớn nhẹ] thì có thể trông đợi người đó, nếu đã chưa từng phạm vào một tội lớn nhẹ nào, sẽ không bao giờ phạm vào một tội lớn nhẹ nào; và, nếu đã từng phạm vào một tội lớn nhẹ, sẽ tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp.953 (4) “Này các Tỳ kheo, giả sử một người tự lấy vải đen quấn người mình, xả tóc xuống, và nói với đám đông: ‘Thưa quý vị, tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị phê phán. Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm.’ Một người đứng gần đó có thể nghĩ: ‘Đúng thực, người này chắc đã làm một việc xấu ác, đáng chê trách, đáng bị phê phán, đến mức ông ta phải tự lấy vải đen quấn người mình, xả tóc xuống, và nói với đám đông: “Thưa quý vị, tôi đã làm một việc xấu ác, đáng bị quở trách, đáng bị phê phán. Quý vị muốn làm gì tôi để vừa lòng thì cứ làm.” Thiệt tình, tôi sẽ không bao giờ làm một việc xấu ác như vậy, đáng bị chê trách, đáng bị phê phán.’ “Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni đã thiết lập một nhận-thức nhạy bén như vậy về hiểm-họa đối với những tội nhỏ nhẹ

[pāṭidesanīya, tội ba-la-đề đề-xá-ni, tội cần phải phát lộ; tội nhỏ nhẹ] thì có thể trông đợi người đó, nếu đã chưa từng phạm vào một tội nhỏ nhẹ nào, sẽ không bao giờ phạm vào một tội nhẹ hơn nào; và, nếu đã từng phạm vào một tội nhẹ hơn, sẽ tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp.954 “Này các Tỳ kheo, đây là bốn hiểm-họa của tội lỗi.”

245 (3) Sự Tu Tập “Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh này được sống với sự tu-tập là ích lợi của nó, với trí-tuệ là người giám sát của nó, với sự giải-thoát là cốt lõi của nó, và với sự chánh-niệm là thẩm quyền của nó.955 (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự tu-tập là ích lợi của nó? Ở đây, sự tu-tập thuộc mảng ‘hành-vi hợp quy’ [tức: phần hạnh-kiểm dựa theo quy định của giới luật; những hành-vi hợp với những điều luật của giới luật của Tăng Đoàn]956 đã được ta chỉ định cho những đệ tử của ta với mục đích để cho những ai không có niềm-tin sẽ đạt được niềm-tin và những ai đã có niềm-tin càng gia tăng [niềm-tin]. Người tu đảm nhận sự tu-tập thuộc mảng ‘hành-vi hợp quy’ này theo cách mà ta đã chỉ định cho những đệ tử của ta, trì giữ nó không bị sứt mẻ, không vết lỗi, không vết nhiễm, và không bị vết đốm, để cho những ai không có niềm-tin thì đạt được niềm-tin và những ai đã có niềm-tin càng gia tăng [niềm-tin]. Sau

khi đã đảm nhận chúng, người tu tu tập theo những giới-luật tu hành đó. “Lại nữa, sự tu-tập (là) ‘nền tảng đối với đời sống tâm linh’957 đã được ta chỉ định cho những đệ tử của ta để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Người tu đảm nhận sự tu-tập ‘nền tảng đối với đời sống tâm linh’ này theo cách mà ta đã chỉ định cho những đệ tử của ta để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ, trì giữ nó không bị sứt mẻ, không vết lỗi, không vết nhiễm, và không bị vết đốm, để cho những ai không có niềm-tin thì đạt được niềm- tin và những ai đã có niềm-tin càng gia tăng [niềm-tin]. Sau khi đã đảm nhận chúng, người tu tu tập theo những giới-luật tu hành đó. Chính theo cách như vậy sự tu-tập là ích lợi của đời sống tâm linh.

(2) “Và theo cách nào trí-tuệ là người giám sát của nó? Ở đây, những giáo lý đã được ta chỉ dạy cho những đệ tử của ta để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Người tu soi xét kỹ những giáo lý đó bằng trí-tuệ theo cách mà ta đã chỉ dạy cho những đệ tử của ta để dẫn đến sự hoàn toàn diệt-khổ. Chính theo cách như vậy trí-tuệ là người giám sát của đời sống tâm linh.958 (3) “Và theo cách nào sự giải-thoát là cốt lõi của nó? Ở đây, những giáo lý đã được ta chỉ dạy cho những đệ tử của ta để dẫn đến sự hoàn toàn diệt-khổ. Thông qua sự giải-thoát người tu chứng nghiệm những giáo lý theo cách mà ta đã chỉ dạy cho những đệ tử của ta để dẫn đến sự hoàn toàn diệt-khổ. Chính theo cách như vậy trí-tuệ là người cốt lõi của của đời sống tâm linh.959 (4) “Và theo cách nào sự chánh-niệm là thẩm quyền của nó? (i) Sự chánh-niệm của người tu được khéo thiết lập ở bên-trong như vầy: ‘Chính theo cách như vậy ta sẽ hoàn thiện sự tu-tập thuộc mảng “hành-vi hợp quy” [phần giới-hạnh dựa theo quy định] mà ta chưa hoàn thiện, hoặc sẽ bằng trí-tuệ trợ giúp về nhiều mặt khác nhau cho sự tu-tập thuộc mảng “hành-vi hợp quy” mà ta đã hoàn thiện.’960 (ii) Và sự chánh-niệm của người tu được khéo thiết lập ở bên-trong như vầy: ‘Chính theo cách như vậy ta sẽ hoàn thiện sự tu-tập (là) “nền tảng đối với đời sống tâm linh” mà ta chưa hoàn thiện, hoặc sẽ bằng trí-tuệ trợ giúp về nhiều mặt khác nhau cho sự tu-tập (là) “nền tảng đối với đời sống tâm linh” mà ta đã hoàn thiện.’ (iii) Và sự chánh-niệm của người tu được khéo thiết lập ở bên- trong như vầy: ‘Chính theo cách như vậy ta sẽ bằng trí-tuệ soi xét kỹ những giáo lý mà ta chưa soi xét kỹ, hoặc bằng trí-tuệ sẽ trợ giúp về nhiều mặt cho những giáo lý mà ta đã soi xét kỹ.’ (iv) Và sự chánh-niệm của người tu khéo được thiết lập ở bên-trong như vầy: ‘Chính theo cách như vậy thông qua sự giải-thoát ta sẽ chứng nghiệm Giáo Pháp mà ta chưa chứng nghiệm, hoặc bằng trí tuệ sẽ trợ giúp về nhiều mặt khác nhau cho Giáo Pháp mà ta đã chứng nghiệm.’ Chính theo cách như vậy sự chánh- niệm là thẩm quyền của đời sống tâm linh.

“Vậy đó, khi điều này được nói: ‘Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh này được sống với sự tu-tập là ích lợi của nó, với trí-tuệ là người giám sát của nó, với sự giải-thoát là cốt lõi của nó, và với sự chánh-niệm là thẩm quyền của nó’, thì chính bởi vì lý lẽ này nên nó đã được nói như vậy.”

246 (4) Tư Thế Nằm “Này các Tỳ kheo, có bốn tư thế nằm này. Bốn đó là gì? Tư thế nằm của tử thi, tư thế nằm của người thích nhục dục, tư thế nằm của sư tử, và tư thế nằm của Như Lai. (1) “Và cái gì là tư thế nằm của tử thi? Những xác chết thường nằm ngửa. Đây được gọi là tư thế nằm của tử thi. (2) “Và cái gì là tư thế nằm của người thích nhục dục? Người nhục dục thường nằm nghiêng bên trái. Đây được gọi là tư thế nằm của người thích nhục dục. (3) “Và cái gì là tư thế nằm của sư tử? Sư tử, vua của muôn thú, nằm nghiêng bên phải, với chân trái để trên chân phải và đuôi để giữa hai đùi. Khi nó thức dậy, nó nâng phần thân trước lên và quay lại nhìn phần thân sau của mình. Nếu sư tử thấy có chỗ nào của thân bị sai lệch hay bị đặt sai thì nó không hài lòng. Nếu sư tử thấy không chỗ nào của thân bị sai lệch hay bị đặt sai thì nó hài lòng. Đây được gọi là tư thế nằm của sư tử. (4) “Và cái gì là tư thế nằm của Như Lai? Ở đây, (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất- thiện, Như Lai chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … (iv) … tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Đây được gọi là tư thế nằm của Như Lai. “Đây là bốn tư thế nằm.”

247 (5) Đáng Được Xây Bảo Tháp

“Này các Tỳ kheo, bốn bậc này là đáng được xây bảo tháp (thūpa; để tưởng niệm dài lâu). Bốn đó là gì? (i) Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác; (ii) Phật Duyên Giác; (iii) đệ tử của Như Lai; và (iv) một vị vua hoàn vũ. Đây là bốn bậc đáng được xây bảo tháp.”961

248 (6) Tăng Trưởng Trí Tuệ “Này các Tỳ kheo, bốn điều này dẫn tới sự tăng trưởng trí-tuệ. Bốn đó là gì? Gặp gỡ những người tốt, nghe Giáo Pháp tốt lành, chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), và thực hành đúng theo Giáo Pháp. Đây là bốn điều dẫn tới sự tăng trưởng trí-tuệ.”962

249 (7) Hữu Ích963 “Này các Tỳ kheo, bốn điều này là hữu ích cho một con người. Bốn đó là gì? Gặp gỡ những người tốt, nghe Giáo Pháp tốt lành, chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), và thực hành đúng theo Giáo Pháp. Đây là bốn điều hữu ích cho một con người.”

250 (8) Những Tuyên Bố (1) “Này các Tỳ kheo, có bốn sự tuyên bố không thánh thiện này. Bốn đó là gì? Nói (dối) mình đã thấy điều mình chưa nhìn thấy; nói mình đã nghe điều mình chưa nghe thấy; nói mình đã cảm nhận điều mình chưa cảm nhận; nói mình đã nhận biết điều mình chưa nhận biết. Đây là bốn sự tuyên bố không thánh thiện.”

251 (9) Những Tuyên Bố (2) “Này các Tỳ kheo, có bốn sự tuyên bố thánh thiện này. Bốn đó là gì? Nói (thật) mình không thấy điều mình không nhìn thấy; nói mình không nghe điều mình không nghe thấy; nói mình không cảm nhận điều mình

không cảm nhận; nói mình không nhận biết điều mình không nhận biết. Đây là bốn sự tuyên bố thánh thiện.”

252 (10) Những Tuyên Bố (3) “Này các Tỳ kheo, có bốn sự tuyên bố không thánh thiện này. Bốn đó là gì? Nói (dối) mình không thấy điều mình đã nhìn thấy; nói mình không nghe điều mình đã nghe thấy; nói mình không cảm nhận điều mình đã cảm nhận; nói mình không nhận biết điều mình đã nhận biết. Đây là bốn sự tuyên bố không thánh thiện.”

253 (11) Những Tuyên Bố (4) “Này các Tỳ kheo, có bốn sự tuyên bố thánh thiện này. Bốn đó là gì? Nói (thật) mình đã thấy điều mình đã nhìn thấy; nói mình đã nghe điều mình đã nghe thấy; nói mình đã cảm nhận điều mình đã cảm nhận; nói mình đã nhận biết điều mình đã nhận biết. Đây là bốn sự tuyên bố thánh thiện.”

NHÓM 6. SỰ HIỂU BIẾT TRỰC TIẾP

254 (1) Sự-Biết Trực Tiếp “Này các Tỳ kheo, có bốn điều này. Bốn đó là gì? (1) Có những thứ được hoàn-toàn hiểu bởi sự-biết trực tiếp. (2) Có những thứ được dẹp bỏ bằng sự-biết trực tiếp. (3) Có những thứ được tu tập bằng sự-biết trực tiếp. (4) Có những thứ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp.964 (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ được hoàn-toàn hiểu bằng sự-biết trực tiếp? Đó là năm-uẩn bị dính-chấp. Đây được gọi là những bốn thứ được hiểu bằng sự-biết trực tiếp.

(2) “Và cái gì là những thứ được dẹp bỏ bằng sự-biết trực tiếp? Đó là vô-minh và dục-vọng. Đây là những thứ được dẹp bỏ bằng sự-biết trực tiếp. (3) “Và cái gì là những thứ được tu tập bằng sự-biết trực tiếp? Đó là sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ). Đây được gọi là những thứ được tu tập bằng sự-biết trực tiếp. (4) “Và cái gì là những thứ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp? Đó là trí-biết đích thực (minh) và sự giải-thoát. Đây được gọi là những thứ được chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn điều.”

255 (2) Những Sự Tìm Kiếm “Này các Tỳ kheo, có bốn sự tìm-kiếm (tầm cầu) không thánh thiện.965 Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người bản chất phải bị già mà cứ đi tìm thứ bị già; (2) người bản chất phải bị bệnh mà cứ đi tìm thứ bị bệnh; (3) người bản chất phải bị chết mà cứ đi tìm thứ bị chết; và (4) người bản chất bị ô-nhiễm mà cứ đi tìm thứ bị ô-nhiễm. Đây là bốn sự tìm-kiếm không thánh thiện. “Này các Tỳ kheo, có bốn sự tìm-kiếm thánh thiện. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, có người bản chất phải bị già, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị già, người đó tìm kiếm sự không-già, là sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, Niết-bàn; (2) có người bản chất phải bị bệnh, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị bệnh, người đó tìm kiếm sự không-bệnh, là sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói- buộc, Niết-bàn; (3) có người bản chất phải bị chết, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị chết, người đó tìm kiếm sự bất-tử, là sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, Niết-bàn; (4) có người bản chất phải bị ô-nhiễm, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ bị ô- nhiễm, người đó tìm kiếm sự không bị ô-nhiễm, là sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, Niết-bàn. Đây là bốn sự tìm-kiếm thánh thiện.”

256 (3) Duy Trì “Này các Tỳ kheo, có bốn phương tiện này để duy trì một mối quan hệ tốt đẹp (hữu hảo). Bốn đó là gì? Quà tặng, lời nói thân ái, hành vi thiện ích (từ thiện), và sự vô tư (không thiên vị). Đây là bốn phương tiện để duy trì một mối quan hệ tốt đẹp.”966

257 (4) Māluṅkyāputta Lúc đó có Ngài Māluṅkyāputta đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa:967 “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ đức Thế Tôn, con sẽ sống một mình, thu mình, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.” “Này Māluṅkyāputta, giờ chúng ta nên nói gì với những Tỳ kheo trẻ trong khi một người già như thầy, đã già yếu và nhiều tuổi tác, lại đi hỏi sự chỉ giáo một cách ngắn gọn từ Như Lai?” “Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn! Mong bậc Phúc Lành chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn! Có lẽ con có thể hiểu được ý nghĩa của lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn; có lẽ con có thể thành một người thừa hưởng được lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn.” “Này Māluṅkyāputta, có bốn nguồn dục-vọng đối với một Tỳ kheo. Bốn đó là gì? Dục-vọng khởi sinh bên trong một Tỳ kheo vì chuyện y- phục, thức-ăn, chỗ-ở, hay vì muốn được sự-sống ở đây hay ở nơi khác. Đây là bốn cách dục-vọng khởi sinh bên trong một Tỳ kheo.” 968 “Đây là bốn nguồn dục-vọng đối với một Tỳ kheo. Này Māluṅkyāputta, khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ dục-vọng, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không

còn không còn khởi sinh trong tương lai, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo là người đã cắt bỏ dục-vọng, đã gỡ bỏ gông-cùm, và bằng cách phá bỏ sự tự-ta (ngã mạn) đã làm nên sự chấm-dứt khổ.” Rồi thầy Māluṅkyāputta, sau khi đã được chỉ giáo như vậy bởi đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải của mình và đi ra. Rồi sau đó, sống một mình, thu mình, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập), thầy Māluṅkyāputta ngay trong kiếp này đã tự mình chứng ngộ đỉnh-cao vô thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, thầy ấy an trú trong đó. Thầy ấy đã hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.” Và thầy Māluṅkyāputta đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

258 (5) Những Gia Đình “Này các Tỳ kheo, những gia đình không (tiếp tục) giàu có nhiều đời sau khi đã có được nhiều của cải, tất cả đều không được dài lâu vì bốn lý do, hay vì một trong bốn lý do đó. Bốn đó là gì? (1) Họ không tìm kiếm thứ đã mất; (2) họ không tu sửa cái đã già cũ; (3) họ mê mải trong sự ăn uống và rượu chè; hay (4) họ chọn trúng người thất-đức [nam hay nữ] làm gia trưởng (người chủ chốt). Những gia đình không giàu có nhiều đời sau khi đã có được nhiều của cải, tất cả đều không được dài lâu vì bốn lý do, hay vì một trong bốn lý do đó.969 “Này các Tỳ kheo, những gia đình (tiếp tục) giàu có nhiều đời sau khi đã có được nhiều của cải, tất cả đều được dài

lâu vì bốn lý do, hay vì một trong bốn lý do đó. Bốn đó là gì? (1) Họ tìm kiếm thứ đã mất; (2) họ tu sửa cái đã già cũ; (3) họ không mê mải trong sự ăn uống và rượu chè; và (4) họ chọn đúng người đức-hạnh [nam hay nữ] làm gia trưởng. Những

• 291

gia đình giàu nhiều đời sau khi đã có được nhiều của cải, tất cả đều được dài lâu vì bốn lý do đó, hay vì một trong bốn lý do đó."

259 (6) Thuần Chủng (1) "Này các Tỳ kheo, có được bốn yếu tố, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua xứng đáng là của nhà vua, là một thứ (công cụ, vật dụng) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều.970 Bốn đó là gì? Ở đây, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua có được vẻ- đẹp, sức-mạnh, tốc-độ, và sự cân-đối đúng đắn. Có được bốn yếu tố này, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua xứng đáng là của nhà vua … được coi là một yếu tố của vương triều. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được vẻ đẹp, sức mạnh, tốc độ, và sự cân đối đúng đắn.

(1) "Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được vẻ-đẹp? Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ kheo), có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu hành theo những điều giới luật đó. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được vẻ-đẹp.

(2) "Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được sức-mạnh? Ở đây, một Tỳ kheo phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và để đạt được những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững chắc trong sự cố-gắng, không lơ là khỏi bổn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được sức-mạnh.

(3) "Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được tốc-độ? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là sự khổ'; người đó hiểu được

292 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

đúng như nó thực là: 'Đây là nguồn-gốc khổ' … 'Đây là sự chấm-dứt khổ' … 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được tốc-độ. (4) "Và theo cách nào một Tỳ kheo có được sự cân-đối đúng đắn? Ở đây, một Tỳ kheo là người có được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được sự cân-đối đúng đắn. "Có được bốn phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian."

260 (7) Thuần Chủng (2) [Tất cả giống kinh 4:259 kế trên, chỉ khác ở đoạn (3) như sau đây:]971

(3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được tốc-độ? Ở đây, một Tỳ kheo với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được tốc-độ.”

261 (8) Những Năng Lực “Này các Tỳ kheo, có bốn năng lực này. Bốn đó là gì? Năng lực nỗ- lực (tinh tấn lực), năng lực chánh-niệm (niệm lực), năng lực định-tâm (định lực), và năng lực trí-tuệ (tuệ lực). Đây là bốn năng lực.”

262 (9) Sống Tu Trong Rừng “Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất, một Tỳ kheo là không phù hợp để về sống tu trong rừng núi xa xôi hẻo lánh. Bốn đó là gì? [Người đó cứ nghĩ] (1) những ý nghĩ tham-dục, (2) những ý nghĩ ác-ý, và (3) những ý

• 293

nghĩ gây-hại; và (4) người đó không có trí, ngu dốt, đần độn. Có bốn phẩm chất này một Tỳ kheo là không phù hợp để về sống tu trong rừng núi xa xôi hẻo lánh. “Có được bốn phẩm chất, một Tỳ kheo là phù hợp để về sống tu trong rừng núi xa xôi hẻo lánh. Bốn đó là gì? [Người đó nghĩ] (1) những ý nghĩ từ-bỏ, (2) những ý nghĩ thiện-ý, và (3) những ý nghĩ vô-hại; và (4) người đó có trí, không ngu dốt hay đần độn. Có được bốn phẩm chất này một Tỳ kheo là phù hợp để về sống tu trong rừng núi xa xôi hẻo lánh.”

263 (10) Hành Động “Này các Tỳ kheo, có bốn phẩm chất, người ngu, dở, xấu duy trì bản thân mình trong tình trạng bị hư hỏng và tổn hại; người đó là đáng chê trách (tội lỗi) và bị quở trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo nhiều thất-phước. Bốn đó là gì? Hành-động của thân đáng chê trách, hành-động của lời-nói đáng chê trách, hành-động của tâm đáng chê trách (thân, khẩu, tâm nghiệp tội lỗi), và cách-nhìn đáng chê trách (tà kiến). Có bốn phẩm chất này … người đó tạo nhiều thất-phước. “Này các Tỳ kheo, có được bốn phẩm chất, người trí, giỏi, tốt thiện giữ bản thân mình không bị hư hỏng và tổn hại; người đó là không bị chê trách (không tội lỗi) và không bị quở trách bởi những bậc hiền trí; và người đó tạo nhiều phước-đức. Bốn đó là gì? Hành-động của thân không đáng chê trách, hành-động của lời-nói không đáng chê trách, hành-động của tâm không đáng chê trách (thân, khẩu, tâm nghiệp phi tội lỗi), và cách-nhìn không đáng chê trách (chánh kiến). Có bốn phẩm chất này … người đó tạo nhiều phước-đức.”

NHÓM 7. NHỮNG ĐƯỜNG NGHIỆP

264 (1) Sát Sinh

294 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

“Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì? (1) Người đó tự mình sát- sinh; (2) người đó xúi giục người khác sát-sinh; (3) người đó đồng tình sự sát-sinh; và (4) người đó nói lời đề cao sự sát-sinh. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất [khác] được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? (1) Người đó tự mình kiêng cữ

sát-sinh; (2) người đó khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh; (3) người đó đồng tình sự kiêng cữ sát-sinh; và (4) người đó nói lời đề cao sự kiêng cữ sát-sinh. Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó."

265 (2)273 (10) Gian Cắp … "Này các Tỳ kheo, người có bốn phẩm chất bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Bốn đó là gì?972 (1) Người đó tự mình gian-cắp … tà-dâm tà dục … nói-dối nói láo … nói lời gây chia-rẽ … nói lời gắt-gỏng nạt nộ … nói lời tầm-phào tán dóc … có đầy sự thèm-muốn … mang đầy sự ác-ý … nắm giữ tà-kiến [cách-nhìn sai lạc]; (2) người đó xúi giục người khác gian-cắp … nắm giữ tà-kiến; (3) người đó đồng tình sự gian-cắp … nắm giữ tà-kiến; và (4) người đó nói lời đề cao sự gian-cắp … nắm giữ tà-kiến. Người có bốn phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. "Này các Tỳ kheo, người có được bốn phẩm chất [khác] được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Bốn đó là gì? (1) Người đó tự mình kiêng cữ gian-cắp … kiêng cữ tà-dâm tà dục … kiêng cữ nói-dối nói láo … kiêng cữ nói lời gây chia-rẽ … kiêng cữ nói lời gắt-gỏng nạt nộ … kiêng cữ nói lời tầm-phào tán dóc … không có sự thèm-muốn … mang đầy sự thiện-ý … nắm giữ chánh-kiến [cách-nhìn đúng đắn]; (2) người đó khuyến khích người khác kiêng cữ gian-cắp … nắm giữ chánh-kiến; (3) người đó đồng tình sự kiêng cữ gian-cắp … nắm giữ chánh-kiến; và (4)

người đó nói lời đề cao sự kiêng cữ gian-cắp … nắm giữ chánh-kiến. Người có được bốn phẩm chất này được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó."

NHÓM 8. NHÓM "THAM" LẶP LẠI & TÓM LƯỢC

274 (1) Bốn Nền Tảng Chánh Niệm (tứ niệm xứ) "Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, bốn điều (bốn pháp) cần được tu tập. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. (2) Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác … (3) tâm là tâm … (4) những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. "Để có sự trực-tiếp biết về tham, bốn pháp này (Tứ niệm xứ) cần được tu tập."

275 (2) Bốn Sự Chuyên-cần tu Đúng Đắn (tứ chánh cần) "Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, bốn điều (bốn pháp) cần được tu tập. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh, người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), ứng dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn dẹp- bỏ những trạng thái bất thiện đã khởi sinh … (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh … (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, ứng dụng tâm,

và chuyên-cần tu. “Để có sự trực-tiếp biết về tham, bốn pháp này (Tứ chánh cần) cần được tu tập.”

276 (3) Bốn Cơ Sở Thần Thông (tứ thần túc) “Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, bốn điều (bốn pháp) cần được tu tập. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo tu tập cơ-sở (tạo ra) thần thông [năng lực tâm linh] gồm có sự định-tâm có được nhờ sự mong-muốn (dục) và sự tạo-tác cố ý của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành); (ii) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ [sự trong sạch của] tâm (tâm) … (iv) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ sự điều-tra tìm hiểu (trạch pháp) và sự tạo-tác cố ý của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). “Để có sự trực-tiếp biết về tham, bốn pháp này (Tứ chánh cần) cần được tu tập.”

277 (4)303 (30) “Này các Tỳ kheo, để có sự hoàn-toàn hiểu về tham … sự phá-sạch tham … sự dẹp-bỏ tham … sự tiêu-diệt tham … sự biến-mất tham … sự phai-biến tham … sự chấm-dứt tham … sự buông-bỏ tham … sự từ-bỏ tham, bốn pháp này (Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ thần túc) cần được tu tập.” [Tiếp tục mỗi “sự” với 03 lần như 03 kinh 274, 275, 276 ở trên, tổng cộng 09 “sự” thành 27 kinh (277-303).] [Vậy tổng cộng có 30 kinh về “tham” (274303).]

304 (31)783 (510) 973

• 297

“Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết … sự hoàn-toàn hiểu … sự phá-sạch … sự dẹp-bỏ … sự tiêu-diệt … sự biến-mất … sự phai-biến … sự chấm-dứt … sự buông-bỏ … sự từ-bỏ sân … si … sự tức-giận … sự hung-bạo … sự hỗn-xược … sự ganh-tỵ … sự ti-tiện … sự lừa-dối … sự mưu-mẹo … sự bướng-bỉnh … sự thái-quá (quá đáng, quá lố, dữ dội) … sự tự-ta (ngã mạn) … sự kiêu-ngạo … sự say-sưa … sự lơ-tâm phóng dật, bốn điều (bốn pháp) cần được tu tập. Bốn đó là gì? [Tứ niệm xứ, như kinh 274]: (1) Ở đây, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. (2) Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác … (3) tâm là tâm … (4) những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. “Để có sự trực-tiếp biết về sân … sự lơ-tâm phóng dật, bốn pháp này (Tứ niệm xứ) cần được tu tập.”

[Tứ chánh cần, như 275]: (1) Ở đây, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh, người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), ứng dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn dẹp- bỏ những trạng thái bất thiện đã khởi sinh … (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh … (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng,

phát khởi sự nỗ-lực, ứng dụng tâm, và chuyên-cần tu. “Để có sự trực-tiếp biết về sân … sự lơ-tâm phóng dật, bốn pháp này (Tứ chánh cần) cần được tu tập.”

[Tứ thần túc, như kinh 276]: (1) Ở đây, một Tỳ kheo tu tập cơ-sở (tạo ra) thần thông [năng lực tâm linh] gồm có sự định-tâm có được nhờ

sự mong-muốn (dục) và sự tạo-tác cố ý của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành); (ii) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iii) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ [sự trong sạch của] tâm (tâm) … (iv) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ sự điều-tra tìm hiểu (trạch pháp) và sự tạo-tác cố ý của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). “Để có sự trực-tiếp biết về sân … sự lơ-tâm phóng dật, bốn pháp này (Tứ thần túc) cần được tu tập.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

HẾT QUYỂN 4

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH: AN Aṅguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi Be: phiên bản tiếng Miến Điện (= Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka, bản điện tử) Ee: phiên bản tiếng Anh (ấn bản PTS) Ce: phiên bản Tích Lan (= Buddha Jayanti Tripitaka Series, bản in giấy) Mp Manorathapūraṇī: Luận Giảng Bộ Kinh AN Mp-ṭ Manorathapūraṇī-ṭīkā: Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN NDB = Nummerical Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của AN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề. SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

Lưu Ý: Khi chữ Be và Ce được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng Mp, là chúng tương ứng chỉ ấn bản Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản Miến Điện và được ấn hành bởi Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri, Ấn Độ) và ấn bản Tích Lan Simon Hewavi- tarne Bequest (1923–31). Nếu chỉ ghi Mp không thôi thì đó là luận giảng Mp thuộc ấn bản điển tử của Chaṭṭha Saṅgāyana.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: Vi Diệu Pháp Tạng

* AN = Aṇguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Dhs

Dhp = Dhammapada: tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Dhp

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: Bộ Pháp Tụ (thuộc Abhi)

* DN = Dīgha Nikāya: Bộ Kinh Dài (Trường Kinh Bộ) It = Itivuttaka: tập Kinh Phật Tự Thuyết (thuộc KN) It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: Chú Giải tập It Ja: = Jātaka: tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật (thuộc KN) Khp = Khuddakapāṭha: tập Kinh Tiểu Tụng

(thuộc KN) * KN = Khuddaka Nikaya: Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ) Mil = Milindapanha: tập kinh Milinda Vấn Đáp (thuộc KN) * MN = Majjhima Nikāya: Bộ Kinh Vừa (Trung Kinh Bộ) Mp = Manorathapūraṇī: Chú Giải bộ AN Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc KN) Nidd I = Mahā-niddesa: tập Đại Diễn Giải (Đại Nghĩa Tích) (thuộc KN) Nidd II = Cūḷa-niddesa: tập Tiểu Diễn Giải (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc KN) Paṭis = Paṭisambhidāmagga: tập Con Đường Phân Biệt (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc KN) Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Patis Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc KN) Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Sn Pp = Puggalapannatti: bộ Phân Định Cá Nhân (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc Abhi) Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Pp Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ MN Pv = Petavatthu: tập Chuyện Quỷ Đói (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc KN) * SN = Saṃyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ưng Kinh Bộ) Sn = Suttanipāta: tập Kinh Tập (thuộc KN) Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): Chú Giải Luật Tạng

Sv = Sumaogalavilāsinī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ kinh DN Sv-pṭ = Sumaogalavilāsinī-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): Tiểu Chú Giải bộ kinh DN (phiên bản Miến Điện) Th = Theragāthā: tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ (thuộc KN) Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Th Thī = Therīgāthā: tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ (thuộc KN) Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): Chú Giải tập Thī (bản 1998) Ud = Udāna: tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy (thuộc KN) Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Ud Vibh = Vibhaṅga: Bộ Phân Tích (thuộc Abhi) Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): Chú Giải bộ Vibh Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): Tiểu Chú Giải tập Vbh (phiên bản Miến Điện) Vin = Vinaya: Luật Tạng (Rỗ Luật) Vism = Visuddhimagga: Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL= Buddhist Legends: Những Huyền Thoại Phật Giáo (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: Cẩm Nang Vi Diệu Pháp (của Tỳ Kheo Bồ-Đề)

EV I = Elders' Verses I: Trưởng Lão Thi Kệ I (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: Trưởng Lão Thi Kệ II (của Norman)

GD = Group of Discourse: tập Kinh Tập II (của Norman)

Germ Tr = Bản dịch SN tiếng Đức (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: Bản dịch tiếng Anh của SN (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của DN (bởi

học giả Walshe) MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của MN (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli và TKBĐ) Ppn = Path of Purification:

bản dịch Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli) SN-Anth = "Saṃyutta Nikāya: An Anthology": Tuyển tập các kinh thuộc SN (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC: CPD = Critical Pāli Dictionary: Tự Điển Pāli Phê Bình (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch) CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ưng A-hàm Hán Tạng (của Enomoto) DPPN: Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli (của Malalasekera) MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: Tự Điển Phạn- Anh (của Monier-William) PED = Pāli-English Dictionary: Tự Điển Pāli-Anh (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC: BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: Chữ Lai Phạn trong Phật giáo BPS = Buddhist Publication Society: Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiến sĩ học giả dịch giả Rhys Davids) PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali) Skt = Sanskrit: tiếng Phạn VĀT = Vanarata Ānanda Thera: Trưởng Lão Vanarata Ānanda

Lưu Ý: Các trích dẫn kinh gốc tiếng Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBĐ) là ghi số quyển và số trang của ấn bản PTS. Các trích dẫn từ Udāna và Itivuttaka thì ghi số kinh theo sau là số

trang của ấn bản PTS. Còn trích dẫn từ Vism cũng được ghi kèm theo bằng số chương và số đoạn trong Ppn.

CHÚ THÍCH

618 [Phần lời kinh ngay sau đây cũng có trong kinh dài Mahāparinibbāna Sut-

ta (Đại Kinh Bát-Niết-Bàn), [DN 16.4.2–3].] (618)

619 [Nguyên văn câu cuối: dīghamaddhānaṃ sandhāvitaṃ saṃsaritaṃ. Chữ

"quãng thời gian dài" lang thang trong vòng luân-hồi (saṃsāra) là xuất phát từ động từ saṃsarati, ở đây là thể quá khứ phân từ saṃsaritaṃ. Mp giải nghĩa chữ dīghamaddhānaṃ là = cirakālaṃ (một thời gian dài) và giải thích chữ sandhāvitaṃ có nghĩa là "trôi giạt bằng cách đi từ trạng thái hiện-hữu này sang trạng thái hiện-hữu khác" (bhavato bhavaṃ gamanava-sena sandhāvitaṃ).] (619)

620 [Bhavanetti: đường dẫn tới hiện-hữu. Mp giải thích đó là: "Sợi dây hiện-

hữu (bhavarajju) là danh từ chỉ dục-vọng. Giống như sợi dây cột cổ con bò, sợi dây hiện-hữu này dẫn dắt chúng sinh từ trạng thái hiện-hữu này sang trạng thái hiện-hữu khác. Do vậy nó được gọi là đường dẫn tới hiện-hữu."] (620)

621 [Cakkhumā parinibbuto: người có tầm-nhìn đã chứng ngộ Niết-bàn cuối

cùng [bát niết-bàn]. Mp giải thích: "(i) Phật chứng ngộ Niết-bàn bằng sự diệt sạch ô-nhiễm. Đây là Niết-bàn (nibbana) thứ nhất, xảy ra gần chỗ gốc cây Bồ-Đề. (ii) Nhưng sau đó, (khi chết) khi Phật nằm giữa hai cây sa-la (long thọ) song sinh ở Kusinārā là Phật chứng Niết-bàn bằng yếu-tố Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y Niết-bàn giới)." (Niết-bàn cuối cùng khi chết được gọi là Bát-niết-bàn (phiên âm của chữ Parinibbana).] (621)

622 [An toàn: dịch từ chữ appatito. Nghĩa gốc của nó là "không bị rớt ngã",

nhưng Mp giảng giải một cách tích cực hơn là patiṭṭho: nghĩa là "đã được thiết lập, đã an ổn" và cho rằng nó chỉ bậc thánh Nhập-lưu và những bậc thánh khác; còn bậc A-la-hán thì dùng chữ "đã hoàn toàn an ổn" (khīṇāsavo ekantapatiṭṭho).] (622)

623 [Thi kệ này cũng có trong Trưởng Lão Kệ Th 63. Luận Giảng về Trưởng

Lão Kệ [Th-a I 155] nói rằng: "Trách-phận đã làm xong (kataṃ kiccaṃ)

nghĩa là: Trách phận gồm 16 phần tu đã được tu xong [16 phần gồm: có 04 thánh đạo X mỗi thánh đạo làm 04 trách vụ là (i) hoàn-toàn hiểu sự khổ, (ii) trừ bỏ nguồn-gốc khổ, (iii) chứng ngộ sự diệt-khổ, và (iv) tu tập con-đường dẫn tới sự diệt-khổ] và không còn gì để làm thêm nữa. "Vui thích điều đáng thích" (rataṃ rammaṃ): điều đáng vui thích là Niết-bàn, là trạng thái không còn bị điều-kiện (vô vi, không còn hữu vi), trạng thái này đã được vui thích bởi những bậc thánh nhân. "Sự hạnh phúc được đạt tới bởi sự hạnh phúc" (sukhenanvāgataṃ sukhaṃ): niềm hạnh-phúc tột cùng là Niết-bàn, được đạt tới bằng niềm hạnh-phúc của thánh quả; hay nói cách khác, hạnh-phúc của thánh quả và Niết-bàn được đạt tới nhờ niềm hạnh-phúc của minh-sát tuệ và của thánh đạo có được nhờ tu tập theo một cách thức lành hạnh, đáng vui thích", [về vấn đề này, coi thêm kinh 4:162, đoạn (3), (4), ở bên dưới].] (623)

624 [Phần thi kệ này có lặp lại ở kinh 10:89 đề cập tới một Tỳ kheo xấu tên là

Kokālika. Câu chuyện này và cả phần thi kệ cũng có ở các kinh SN 6:09–10 (Quyển 1) và kinh Sn 3:10. Nguyên văn nó là: Vicināti mukhena so kaliṃ, kalinā tena sukhaṃ na vindati. Câu này có thể dịch nghĩa là: "Kẻ ngu thu hoạch tai họa do cái miệng của mình." Chữ kali vừa nghĩa là tai họa, vừa có nghĩa là sự thua của cú ném súc sắc.] (624)

625 [Mp giải thích: những sự xui rủi làm mất hết tiền của và cả bản thân …

cũng chỉ là nhỏ nhặt nếu so với sự xui rủi và sự bất hạnh của người đi thù- ghét những bậc thánh. Mp giải nghĩa chữ sugatesu (bậc thánh hiền) bằng chữ = sammaggatesu puggalesu (người đã chứng ngộ một cách chân chính; bậc chân ngộ), tức chỉ tất cả những bậc A-la-hán, không riêng Phật.] (625)

626 [Nguyên văn câu cuối này: Sataṃ sahassānaṃ nirabbudānaṃ/chattiṃsatī

pañca ca abbudāni. Tôi dịch theo Mp, Mp nói về những con số đó là bằng: "100 ngàn nirabbuda, cộng thêm 36 ngàn nirabbud, cộng thêm 5 abbuda" (sataṃ sahassānan ti nirabbudagaṇanāya satasahassaṃ; chattiṃsatī ti aparāni ca chattiṃsati nirabbudāni;

pañca cā ti abbudagaṇanāya ca pañca abbudāni). Tuy nhiên, nhà sư Vanarata thì chắc chắn chữ pañca không thể trực tiếp bổ nghĩa cho chữ abbudānaṃ, và do vậy đã nối tiếp chữ sa- hassānaṃ với chattiṃsatī và pañca luôn, làm nên nghĩa là: thêm 36 ngàn ni- rabbuda và 5 ngàn abbuda. Mp, khi chú giải về kinh AN 10:89, đã giải thích sự đếm số theo Phật giáo như sau: 01 koṭi = 10 triệu; 01 koṭi lần koṭi = 01 pa-

koṭi; 01 koṭi lần pakoṭi = 01 koṭipakoṭi; 1 koṭi lần koṭipakoṭi = 01 nahuta; 01 koṭi lần nahuta = 01 ninnahuta; 01 koṭi lần ninnahuta = 01 abbuda; 20 abbu- da = 01 nirabbuda.] (626)

- (Chỉ để hình dung đôi chút: theo cách tính theo bản dịch của nhà sư Sujato, 436.000 nirabbuda: khoảng hơn 2 triệu năm, và năm abbuda: hơn 25.000 năm nữa).

627[Đoạn kệ cuối cũng có trong kinh 3:31 và 4:63, nhưng ở đây chữ dhammacariyāya (Nhờ sự hành xử chân chính) thay thế chữ paricariyāya (Nhờ những sự phụng sự)] (627)

628 [Nguyên văn câu cuối Pāli: anusotagāmī puggalo, paṭisotagāmī puggalo,

ṭhitatto puggalo, tiṇṇo pāraṅgato thale tiṭṭhati brāhmaṇo.] (628)

629 [Đọc theo Be và Ee là upagāmino, khác với Ce là upagāhino.] (629)

630 [Nguyên văn: Paripuṇṇasekho. Mp diễn dịch: “Là người vững chắc trong

sự hoàn thành việc tu học” (sikkhāpāripūriyā ṭhito). Bậc học nhân (sekha) là những người đã bước vào con đường (thánh đạo) không thể nào đảo ngược được nữa (một chiều) để dẫn tới sự giải-thoát, nhưng cấp bậc này vẫn chưa đạt tới thánh quả A-la-hán. Còn A-la-hán là bậc vô học nhân (asekha), tức không còn tu học nữa, là “người đã vượt trên sự tu học”.] (630)

631 [Nguyên văn Pāli: suttaṃ, geyyaṃ, veyyākaraṇaṇ, gāthā, udānaṃ, itivut-

ta-kaṃ, jātakaṃ, abbhutadhammaṃ, vedallaṃ—(1. Kinh văn; 2. Kinh văn có kệ; 3. Kinh giảng giải; 4. Kinh thi kệ; 5. Phật thuyết như vậy; 6. Kinh trích giảng; 7. Kinh Chuyện Kiếp Trước (tiền thân); 8. Kinh về những lời nói ra trước những sự kiện thần diệu hy hữu diễn ra; 9. Kinh Vấn Đáp). Đây là chỉ những thể loại kinh đã có và đã được sắp xếp và kết tập trong 05 bộ kinh Nikāya.] (361)

632 [Tôi làm theo Be, ghi dòng kệ (pāda) d trong đoạn này là: tassa sampa-

jjate sutaṃ và ghi dòng kệ d trong đoạn sau là: nāssa sampajjate sutaṃ (sự học-hiểu của người đó không thành công). Ce thì ghi dòng này là: nāssa sampajjate sutaṃ và ghi dòng sau là: tassa sampajjate sutaṃ; trong khi đó Ee thì ghi ở cả 02 dòng là nāssa sampajjate sutaṃ. Mp ủng hộ cách ghi của

Be bằng sự chú giải, liên quan tới đoạn kệ này như vầy: “Sự học-hiểu của người đó được nói là đã thành công bởi vì người này đã dùng những điều mình đã học để đạt được cái mục đích học-hiểu của mình.” Và khi chú giải về đoạn kệ sau, Mp nói rằng: “Nó [sự học-hiểu] không thành công bởi vì người đó chưa đạt được cái mục đích học-hiểu của mình.” Những đoạn thi kệ này được trích dẫn trong Vism 48, Ppn 1.136, những có chút ít khác nhau giữa các phiên bản.] (632)

633 [Mp diễn dịch: “trời brahma” (phạm thiên) ở đây, trong bối cảnh Ấn Độ

cổ lúc đó, được cho là biểu tượng “bậc nhất, tối cao, tinh khiết” (seṭṭhaṃ ut- tamaṃ visuddhaṃ) và nhận dạng “chữ bánh xe trời brama” (brahmacakka) là đồng nghĩa = “bánh xe Giáo Pháp” (dhammacakka). (Vậy nghĩa ở đây là sự quay chuyển hay dịch chuyển bánh xe Giáo Pháp; sự truyền dạy Giáo Pháp).] (633)

634 [Coi kinh 3:64, đoạn (3) và chú thích 451 của nó.] (634)

635 [Nhà sư Vanarata đã viết về dòng kệ (pāda) c: “Tôi nghĩ rằng chữ patvā là

một sự sửa đổi sai từ chữ Pāli tiền cổ là pattā, vốn vừa có thể là một tuyệt đối từ vừa là một phân từ. Sau khi tiếng Pāli được định dạng lại thì chữ sai này đã được chọn. Chữ pattā, là quá khứ phân từ, nên được giữ nguyên không đổi” [Đây là lời trao đổi riêng vời tôi]. Tôi đọc dòng kệ d theo Be ghi là: visāradaṃ vādapathātivattaṃ, đây là một cách ghi giống với bản thảo tiếng Sinhala (Tích Lan) cổ. Ce thì ghi: visāradaṃ vādapathātivattīnaṃ, cách ghi này cũng có lý, nhưng Ee ghi: visāradaṃ vādapathāti vuttaṃ thì chắc chắn là sai.] (635)

636 [Nguyên văn: Itthabhāvaññathābhāvaṃ. Mp giải thích: “sự-sống ở đây”

là sự sống này, sự đang hiện-hữu này (ayaṃ attabhāvo); “sự-sống ở nơi khác” là chỉ những sự hiện-hữu trong tương lai (anāgatattabhāvo). (Cả 02 đều là dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái). Lời đoạn này cũng được ghi ở phần đầu kinh 4:257 ở cuối quyển này).] (636)

637 [Bhavānaṃ: trạng thái hiện-hữu. Mp phân biệt chữ kāmayoga là tham-dục

dính với năm đối tượng khoái-lạc giác quan (nhục dục), và chữ bhavayoga là tham-dục và tham-muốn được hiện-hữu trong những cõi sắc giới và vô sắc

giới.] (637)

638 [Chỗ đọc theo Ce và Be là yogātigā munī, khác với Ee là yogātigāmino.]

(638)

639 [Lời kinh này cũng có ghi ở kinh It 110, 115–18.] (639)

640 [(Đây chính là năm chướng-ngại). [Tôi đọc theo Ce ghi là: thīnamiddhaṃ

uddhaccakukkuccaṃ vicikicchā pahīṇā hoti [Ee cũng ghi vầy, chỉ khác chữ honti], khác với Be ghi là: thīnamiddhaṃ vigataṃ hoti uddhaccakukkuccaṃ vigataṃ hoti

vicikicchā pahīṇā hoti. (640)

641 [“Namuci”: một tên gọi khác của Ma Vương [Māra]; các giảng luận ghi

cái tên này có nghĩa là: “Hắn không [na] tha [muci]”.] (641)

642 [Bhaddakaṃ samādhinimittaṃ: đối-tượng thiền đã khởi sinh là nền tảng

rất tốt để đạt sự định-tâm. Sáu đề mục thiền (về đối tượng tử-thi) nằm trong 10 đối tượng thiền về sự ghớm-ghiếc ô-uế (asubha) của thân, như được ghi trong Vism, Chương 6.] (642)

643 [Rāhu là vua của các quỷ thần a-tu-la [asura], được cho là đã bắt cóc mặt

trời và mặt trăng, và giải thích điều đó bằng những (hiện tượng) nhật thực và nguyệt thực. Coi thêm kinh SN 2:09–10 (Quyển 1).] (643)

644 [Là một vị vua khởi thủy, là hậu duệ của Mahāsammata, con trai của

Uposatha, và vị vua này là tổ tông của dòng họ Thích-ca [Sakya] [coi DPPN Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli (của Malalasekera)]. Mp giải thích: “Ông được sinh ra giữa loài người khi tuổi thọ là vô hạn và ông thụ hưởng dục-lạc sung sướng trong thời gian rất lâu, khi thích có thể làm ra cơn mưa vàng. Trong thế giới thiên thần, trong những tuổi thọ của 36 cõi Indra, vị vua này được thụ hưởng những thứ dục-lạc cao siêu nhất.] (644)

645 [Mp giải thích: “Những loại sự tinh-tế [tinh đẹp, tinh vi, tinh tế]: là những

sự-biết (trí, trí biết) có thể thâm nhập những đặc tính vi tế” (sokhummānī ti sukhumalakkhaṇapativijjhanakāni ñāṇāni). Danh từ sokhumma, xuất phát từ tính từ chung là sukhuma, hiếm khi nào thấy được dùng, và trong toàn 5 bộ kinh Nikāya nó chỉ xuất hiện 1 lần ngay chỗ này và 1 lần trong một chữ ghép

trong kinh Th 437. Đối với tôi sự chú giải của Mp dường như rắc rối. Tôi thì nhận dạng sự tinh-tế về thể-sắc chính là thể-sắc được nhận thức trong tầng thiền định thứ tư; sự tinh-tế về cảm-giác chính là cảm-giác trung tính (không sướng không khổ) xảy ra trong tầng thiền định thứ tư và những tầng chứng đắc vô sắc giới; sự tinh-tế về nhận-thức chính là nhận-thức trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì]; và sự tinh-tế về những sự tạo-tác cố ý (hành) chính là những sự tạo-tác cố ý (hành) còn sót lại trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận- thức, tức còn những nhận-thức vi tế].] (645)

646 [Câu này tôi đọc theo Ce và Be ghi là: sa ve sammaddaso bhikkhu. Ee thì

ghi chữ sace thay cho sa ve, điều này rõ ràng là sai.] (646)

647 [Nguyên văn: bhattuddesika. Đó là một Tỳ kheo có trách nhiệm phân chia

những thức-ăn được khất thực và những thức-ăn được thí chủ mang đến mời các tăng thành những phần ăn cho các Tỳ kheo. Về những phẩm chất được chọn hay không

được chọn làm người phân thức-ăn này, mời coi thêm kinh 5:272.] (647)

648 [Chỉ có Be ghì ghi rõ tất cả 04 nguyên nhân (tham, sân, si, và sợ-hãi):

chandā dosā mohā ca bhayā gāmino. Và câu kệ đoạn sau nó ghi đầy đủ là: na chandā na dosā na mohā na bhayā ca gāmino.] (648)

649 [Kinh SN 6:02 (Quyển 1) có ghi lại chuyện kinh này theo cách kể chuyện.

Nó cũng có luôn một yếu tố thứ năm, đó là: sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) của sự giải-thoát. Do chuyện kinh là lúc Phật giác-ngộ cho nên nó không nhắc gì tới Tăng Đoàn; Tăng Đoàn chỉ có sau khi Phật bắt đầu đi truyền đạo.] (649)

650 [Ce ghi là atthakāmena; Be và Ee ghi là: attakāmena (mong muốn bản

thân). Trong dòng kệ (pāda) d, chữ Buddha (Phật) được ghi số nhiều trong tiếng Pāli là buddhānasāsanaṃ. Có lẽ chữ ghép này là do ghi sai từ chữ ghép buddhānusāsanaṃ (sự chỉ dạy của Phật) viết đúng phải là dạng số ít. (Đoạn kệ cuối này giống đoạn kệ cuối của kinh 7:62.)] (650)

651 [Bài kinh này được đặt vào bối cảnh khoảng thời gian ngay sau khi Phật

mới giác-ngộ thì nghe rất lạ thường. Và những điều được nói trong bài kinh

về cách đối xử với những bà-la-môn già … chắc chắn Phật không nói trong khoảng thời gian Phật chưa đi truyền đạo như một vị Sư Thầy. Trong kinh 5:192 bà-la-môn Doṇa cũng vấn hỏi Phật y hệt về điều này. Và coi thêm trong kinh 8:11, trong đó một bà-la-môn tên Verañjā cũng trách cứ Phật về điều y hệt này, nhưng lúc đó Phật đã là một Vị Thầy thành công từ lâu.] (651)

652 [Chỗ này tôi làm theo Ce, coi bài thi kệ là gồm có 03 đoạn kệ, mỗi đoạn

06 dòng kệ (pāda). Be thì phân thành 04 đoạn kệ, đoạn đầu có 06 dòng, 03 đoạn còn lại có 04 dòng.] (652)

653 [Trong dòng kệ (pāda) c, tôi đọc theo Ce là: saññato thiradhammesu (tự-

chủ trong những yếu tố của sự vững-chắc), khác với Be và Ee ghi là: saññato dhīro dhammesu (tự-chủ và vững-chắc giữa những hiện-tượng). Trong đó tôi cũng theo gợi ý của nhà sư Vanarata [bằng cách trao đổi trực tiếp với thầy ấy] rằng: ở đây lời kinh có sự chơi-chữ giữa chữ thira (vững chắc) và thera (trưởng lão). Câu này lần lượt tương ứng chỉ những tầng thiền định (jhāna), còn "những yếu tố của sự vững-chắc" là chỉ sự định-tâm (samādhi). Tiếp theo, Mp chú giải rằng: "người thấy rõ ý nghĩa bằng trí-tuệ" (paññāyatthaṃ vipassati) là nhìn thấy ý nghĩa của Bốn Diệu Đế bằng trí-tuệ của thánh đạo cùng với sự minh-sát. Điều đó giải thích sự "vượt trên tất cả hiện-tượng hay mọi pháp" (pāragū sabbadhammānaṃ) có nghĩa là "vượt trên tất cả những hiện-tượng của năm-uẩn" và "đi đến kết-cuộc của tất cả những phẩm chất [thiện]" bằng 06 phần sự vượt-thoát (chabbidhena pāragamanena): đó là sự trực-tiếp biết, sự hoàn-toàn hiểu, sự từ-bỏ, sự tu-tập, sự chứng-thiền. Mp không luận giải gì về sự lặp lại 02 lần chữ

paṭibhānavā (nhận biết, thấy biết, sáng suốt) trong bài thi kệ này, điều này thấy cũng lạ.] (653)

654 [Kinh này giống kinh It 112.] (654)

655 [Mp nhận dạng chữ "thế giới" (loka) ở đây là đồng nghĩa sự thật về khổ

(Diệu đế 1). Bốn trách phận (việc phải làm, phải tu; bổn phận) Như Lai đã hoàn thiện ở đây là tương ứng với bốn trách phận đối với Bốn Diệu Đế, đó là—hoàn-toàn hiểu sự thật về khổ, dẹp-bỏ sự thật về nguồn-gốc khổ, chứng ngộ sự thật về sự chấm-dứt khổ, và tu tập con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ—nhưng ở đây chữ "hoàn toàn tỉnh thức" (abhisambuddha) đã được dùng để thay thế chữ "hoàn-toàn hiểu" (pariññāta) đối với Diệu đế 1. Coi

thêm kinh SN 56:11 (Quyển 5).] (655)

656 [Mp, giống như những luận giảng khác, đã giải thích thứ được nhìn thấy

(diṭṭha) là cơ sở hình-sắc nhìn thấy được (sắc xứ); thứ được nghe thấy (suta) là cơ sở âm-thanh (thanh xứ); thứ được cảm thấy hay cảm nhận (muta) là những cơ sở mùi-hương, mùi-vị, và những cảm-nhận chạm xúc; và thứ được nhận biết hay nhận thức (viññātaṃ) là cơ sở những hiện-tượng thuộc tâm (pháp xứ). Ba chữ "được đạt đến, được tìm cầu, được suy xét bởi cái tâm" (pattaṃ pariyesitaṃ anuvicaritaṃ manasā) chỉ đơn giản là lặp lại đồng nghĩa với chữ "được nhận biết" mà thôi. Mp cũng giải thích đuôi chữ –gata [nghĩa gốc là "đã đi"] trong chữ "Tathāgata" trong kinh này là đồng nghĩa với chữ "đã hoàn toàn tỉnh thức hay giác ngộ" (abhisambuddha).] (656)

657 [Ce và Ee chỉ ghi: parinibbāyati: chứng Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-

bàn); Be thì khác, nó ghi đầy đủ là: anupādisesāya nibbānadhātuyā pa- rinibbāyati: chứng Niết-bàn cuối cùng bằng yếu tố Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y Niết-bàn giới). Cách ghi sau có lẽ được du nhập vào Be từ các kinh It 112, 121.] (657)

658 [Nguyên văn: Sabbaṃ taṃ tath'eva hoti, no aññathā. Tasmā 'tathāgato' ti

vuccati.] (658)

659 [Nguyên văn: Yathāvādītathākārī,yathākārī tathāvādī. Tasmā 'tathā-gato'

ti vuccati.] (659)

660 [Ce bỏ câu này trong ngoặc. Be và Ee thì không ghi câu này.] (660)

661 [Theo Mp, gia chủ Kāḷaka là một nhà tài trợ giàu có và là xui gia của gia

chủ Cấp Cô Độc [cha chồng của con gái Cūḷasubhaddā của ông]. Vào lúc cô cưới chồng, ông ta là một người ủng hộ theo phái những khổ sĩ lõa thể và không biết gì về Đức Phật hay giáo lý của Phật. Cūḷasubhaddā đã khuyên ông ta thỉnh mời Đức Phật và các đến nhà để cúng dường bữa ăn. Sau bữa ăn Phật đã giảng cho ông một bài thuyết giảng và ông chứng được quả Nhập-lưu. Sau đó ông đã cho xây một Tịnh Xá trong khu vườn

(trang viên) của mình và đã cúng dường cả tịnh xá và khu vườn cho Đức Phật. Một ngày nọ, khi những Tỳ kheo là dân bản địa xứ Sāketa đang ngồi thảo luận về sự thành công của Đức Phật trong việc chuyển hóa gia chủ Kāḷaka, Phật đã đọc được tâm của họ

và biết được họ đang sẵn sàng cho một bài thuyết giảng để đưa họ đến thánh quả A-la-hán. Sự việc này cũng tạo nên sự rung chuyển mặt đất tới tận những bờ cõi. Và như vậy Phật đã bắt đầu nói cho các Tỳ kheo.] (661)

662 [Mp chú giải: "Bằng 03 thuật ngữ này (jānāmi, abbhaññāsiṃ, viditaṃ)

lãnh địa hay cảnh giới toàn-trí (sabbaññutabhūmi) đã được chỉ ra." Trong lịch sử Phật giáo, cũng như trong ngành học thuật hiện đại, câu hỏi "liệu Đức Phật có tuyên bố về sự toàn-trí hay không" đã là một chủ-đề bàn luận xưa nay. Đức Phật chắc chắn đã từ chối và không tuyên bố rằng một người có thể biết tất-cả mọi thứ trong tất-cả mọi lúc [coi kinh MN 71, mục 5] hay một người có thể biết tất-cả mọi thứ cùng một lúc [coi kinh MN 90, mục 8]. Nhưng Phật cũng lại nói nếu ai chấp rằng Phật hoàn toàn bác bỏ khả năng của sự toàn-trí thì người đó diễn dịch sai ý Phật [coi kinh MN 90, mục 5]. Như vậy có lẽ phải suy ra rằng, cái Phật từ chối là khả năng có 'sự-biết về mọi thứ (một cách) liên-tục và đồng-thời', chứ không phải là 'sự-biết riêng- biệt và cố-ý' về bất cứ thứ thì có thể được biết [điều này có lẽ loại trừ hầu hết những sự việc thuộc tương lai, vì tương lai là không được định trước]. (662)

- (Nói nôm na cách khác: (i) Phật từ chối khả năng có 'sự-biết tất-cả cùng lúc' và 'sự-biết tất-cả liên tục'; (ii) Phật chỉ công nhận có 'sự-biết tất-cả mọi điều riêng biệt nếu cố-ý biết. Tức là: Phật không phải cùng-lúc và liên-tục biết tất-cả mọi thứ, nhưng tất-cả mọi sự và mọi hiện-tượng, Phật đều có thể biết nếu Phật để ý tới sự đó hay hiện-tượng đó. Ví dụ, Phật không cùng-lúc và liên-tục biết tất-cả mọi điểm trên thân mình; nhưng đối với tất-cả chúng, nếu cần biết điểm nào trong thân, thì Phật có thể biết về nó khi cố-ý (chủ tâm, chú tâm) biết nó.)

663 [Nguyên văn câu này: Taṃ tathāgato na upaṭṭhāsi. Mp giải nghĩa là:

"Như Lai đã không còn lệ thuộc (đối đãi) theo bất cứ đối-tượng nào ở sáu cửa giác-quan, nghĩa là, Như Lai đã không tiếp nhận chúng (na upagañchi) thông qua dục-vọng (ái) hay những quan-điểm này nọ (tà kiến). Bởi vì điều này đã được nói: 'Đức Thế Tôn nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, nhưng bậc ấy không có tham-muốn và nhục-dục đối với nó; đức Thế Tôn đã hoàn toàn giải- thoát trong tâm ... Đức Thế Tôn nhận biết những hiện-tượng bằng tâm, nhưng bậc ấy không có tham-muốn và nhục-dục đối với nó; đức Thế Tôn đã hoàn toàn giải-thoát trong tâm.' [coi kinh SN 35:232 (Quyển 4)]. Chỗ này chỉ

lãnh địa hay cảnh giới của A-la-hán (khīṇāsavabhūmi)."] (663)

664 [Nguyên văn câu này: Taṃ p'assa tādisameva. Mp giải nghĩa là: "Câu đó

cũng là sự nói sai." (như câu trên).] (664)

665 [Nguyên văn này: Taṃ mam'assa kali. Mp: "Câu đó là một lỗi sai của

ta."—Bằng 03 câu nói vậy, cảnh giới của sự-thật (saccabhūmi) đã được chỉ ra."] (665)

666 [Mp giải thích nghĩa câu này là: "Phật không nhận lầm (na maññati) hình-

sắc được nhìn thấy theo cách của dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn) hay quan- điểm này nọ (tà-kiến) … và tương tự đối với những đối-tượng giác quan khác. Bằng đoạn này là giải thích về cảnh giới của sự trống-không (suññatābhūmi)."] (666)

667 ["Tự tại" (ổn định, vẫn vậy, bình ổn, bình tâm, vững chắc) là dịch ý nghĩa

chữ tādī, nghĩa gốc của nó là "vẫn người đó, bậc đó", là nghĩa đặc biệt được dùng để chỉ Phật hay một vị A-la-hán. Nidd I 114–15 đã giải thích rằng một A-la-hán được gọi là tādī bởi vì bậc ấy đã vượt khỏi mọi sự thích-ghét, đã từ bỏ (catto) những ô-nhiễm, đã vượt qua (tiṇṇo) những dòng-lũ, và đã có một cái tâm được giải-thoát (mutto). Mp chú giải rằng: "(Về câu) Luôn tự tại … là một bậc tự tại (tādīyeva tādī): 'Tự tại' có nghĩa là vẫn y như vậy (ekasadi- satā). Như Lai là vẫn y như vậy đối với mọi sự 'được-mất, thanh danh-ô danh, khen-chê, và sướng-khổ' … Bằng lời kinh này là đã giải thích cảnh giới của bậc tự tại (tādibhūmi). Khi Phật đã kết luận giáo lý bằng 05 cảnh giới đó, mỗi lần nói về một cảnh giới thì mặt đất đều rung chuyển như sự chứng minh.".] (667)

668 [Tôi dịch nghĩa sự chú-giải của Mp về phần thi kệ này: "Bậc ấy thậm chí

không nhận lấy một điều tuyên bố nào của những người triết lý do suy đoán (diṭṭhigatikā)—đó là những người là 'tự ép buộc mình' (sayasaṃvutesu) theo cái nghĩa rằng họ bị nài ép hoặc bị nhốt chặn bởi những khái-niệm này nọ của họ—là rõ rệt hay tối cao và tin tưởng điều đó, tin vào nó, cứ coi nó là đúng hoặc sai (evaṃ saccaṃ musā vāpi paraṃ uttamaṃ katvā na odaheyya, na saddaheyya, na pattiyāyeyya), nghĩ rằng: 'Chỉ đây là đúng và mọi sự khác đều sai.'" Sự chú-giải này rất hài hòa kết nối bài thi kệ với câu kinh trong

phần văn xuôi là "Như Lai đã không lệ thuộc theo nó."] (668)

669 [Mp nhận dạng "mũi tên" ở đây là mũi tên tà-kiến (diṭṭhisalla). Trong

kinh khác thì mũi tên được cho là dục-vọng (ái), như trong kinh MN 105, mục 18, và SN 1:40 (Quyển 1); còn có trong kinh khác của AN lại cho mũi tên là "sự sầu não, sự buồn sầu", như trong 5:48, 5:50.] (669)

670 [Nguyên văn: Saṃvaratthaṃ pahānatthaṃ virāgatthaṃ nirodhatthaṃ. Đây là 04 mục-tiêu của đời sống tâm linh (đời tu); có lẽ do "04" này nên bài kinh đã được kết tập vào Quyển "Bốn" này.] (670)

671 Mp giải thích chữ toàn chữ nibbānogadhagāminaṃ là đồng nghĩa nibbānassa antogāminaṃ (dẫn tới Niết-bàn).] (671)

672 [Cả 3 phiên bản kinh mà tôi đã tham vấn đều có ghi mahantehi, nhưng tôi

thích cách ghi như trong kinh It 35, 28,17 là mahattehi, được luận giải trong It-a I 112,25 là: mahāātumehi uḷārajjhāsayehi nghĩa là: "bởi những tinh thần vĩ đại, bởi những người có khuynh hướng cao thượng.] (672)

673 [Kinh này cũng lặp lại trong kinh It 108, 112–13. Tôi phân kinh này thành

04 phần là theo giả thuyết của tôi, bởi vì nếu không làm vậy thì không nhìn thấy rõ khuôn mẫu "04 điều" của bài kinh để nó được kết tập vào Quyển "Bốn" này.] (673)

674 [Nguyên văn câu này: Na me te bhikkhave bhikkhū māmakā. Mp chú giải:

"Họ không phải là những Tỳ kheo của ta; họ không thuộc về ta" (te mayhaṃ bhikkhū mama santakā na honti).] (674)

675 [Nguyên văn: pūtimuttaṃ. Y học cổ truyền thời đó tin rằng nước tiểu của

bò nếu ngâm với hạt mật sẽ có được nhiều dược tính để trị liệu một số bệnh tật.] (675)

676 [Nguyên văn dòng kệ này: Disā na paṭihaññati. Nghĩa chữ là "Vùng miền

[hay phương, xứ] không bị cản trở." Nhưng chữ disā có thể là chữ công cụ bị cắt ngắn, với chữ paṭihaññati đề cập vị Tỳ kheo đó. Như vậy nên có nghĩa là "người đó không bị cản trở bởi [hoặc 'trong'] phương (vùng, xứ, nơi ở) nào."] (676)

316 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

677 [Chỗ này đọc theo Ce là bhikkhuno (Tỳ kheo), khác với trong Be và Ee

ghi là sikkhato (người đang tu học, học nhân).] (677)

678 [Đây là một trong những bài kinh phổ biến nhất của truyền thống Phật

giáo Nguyên thủy (Theravāda). Ở Tích Lan, suốt thời kỳ Anurādhapura, nó thường được dùng làm chủ-đề cho những bài kinh dài tôn vinh một lễ hội; đọc thêm nhà sư Rahula 1956: trang 268–273. Mp giải thích "những truyền thống thánh thiện" (ariyavaṃsā) là những truyền thống của những bậc thánh gồm: tất cả những vị Phật, những vị Phật Duyên Giác (paccekabuddha), và những vị đệ tử của Phật.] (678)

679 [Coi thêm kinh 1:65.] (679)

680 [Mp diễn dịch: "Tìm thấy niềm vui thích trong sự thiền-tập hay tu-thiền

(bhāvanārāmo) nghĩa là: người đó vui thích tu tập bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ), bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn (tứ chánh cần), bốn cơ-sở (tạo ra) thần thông (tứ thần túc), năm căn (ngũ căn), năm năng-lực (ngũ lực), bảy chi giác-ngộ (thất giác chi), bảy sự thiền-quán, mười tám sự minh-sát lớn, ba mươi bảy sự trợ-giúp giác-ngộ (37 bồ đề phần), và ba mươi tám đối-tượng thiền. "Tìm thấy niềm vui thích trong sự dẹp-bỏ hay trừ-bỏ (pahānārāmo) nghĩa là: người đó vui thích việc trừ bỏ những ô-nhiễm như tham, sân …] (680)

681 [Chỗ này đọc theo Be và Ee là dhīraṃ. Ce ghi chữ vīraṃ trong các dòng

kệ (pāda) a và b, nhưng lại ghi dhīro trong các dòng c và d.] (681)

682 [Mp nói rằng dòng kệ b giải thích cho dòng kệ a. Bởi vì sự bất mãn thì

không khả năng chiến thắng bậc kiên trung, không thể chinh phục bậc ấy, do vậy nên sự bất mãn không thắng bậc kiên trung.] (682)

683 [Nguyên văn: Dhammapadāni: những yếu tố Giáo Pháp. Mp giải nghĩa

đó là: những phần của Giáo Pháp (dhammakoṭṭhāsā).] (683)

684 [Chỗ này, mời coi thêm chú thích số 416, kinh 3:57.] (684)

685 [02 đạo sĩ này cũng được nói đến trong kinh MN 117, mục 38, và kinh SN

22:62 (Quyển 3). Ngoài đó ra chúng ta không có thông tin gì khác về họ.]

Chú Thích • 317

(685)

686 [03 trong 04 "bánh xe" (cakkāni) này đã được nói trong kinh Sn 260.

Bánh xe còn lại là "dựa hay nhờ vào những người tốt" là tương ứng đồng nghĩa = câu "giao lưu với người có trí" hay "gặp gỡ người trí hiền" (paṇḍitānañca sevanā) như được ghi trong kinh Sn 259 (và trong nhiều kinh khác, như kinh Điềm Lành ...).] (686)

687 ["Duy trì một mối quan hệ" là tạm dịch nghĩa của chữ saṅgaha, vốn có

nghĩa gốc là "bao gồm, hợp lại với nhau, giữ nhau"; đó xuất phát từ đuôi chữ saṃ + gaha: "giữ, nắm giữ". Danh từ này xuất phát từ động từ saṅgaṇhāti, động từ này xuất phát từ saṃ (cùng nhau) và gaṇhāti (nắm giữ, giữ). Bốn saṅgahavatthu có nghĩa là 04 phương tiện người có thể dùng để hấp dẫn người khác và duy trì một mối quan hệ với họ bằng sự giao hữu và sự tôn trọng. 04 phương tiện đó trong tiếng Pāli là: dāna, peyyavajja, atthacariyā, samānattatā. Nếu dịch cho đủ 02 ý nghĩa gốc của chữ saṅgaha thì có lẽ phải dùng tới 02 chữ để dịch là "hấp dẫn và duy trì".

- Mp chú giải rằng: "Một số người được duy trì (quan hệ) bằng cách cho tặng, vậy nên tặng quà hay bố thí cho họ. Một số người khác cần nghe lời nói thân ái, vậy nên nói với họ bằng những lời thân ái. Hành vi thiện ích là cách nói chuyện để tăng sự tốt lành; những người đó nên được nói hay khuyên 'Anh nên làm như vầy. Anh không nên làm như vậy. Anh nên giao lưu với người này, không nên giao lưu với người kia'. Sự vô tư (không thiên vị) là sự vô tư trước những sự sướng-khổ (hơi giống nghĩa buông xả). Điều này có nghĩa là luôn ngồi với nhau, khi sống với nhau, và ăn với nhau." Trong phiên bản tiếng Phạn thì yếu tố thứ tư này là "có cùng mục đích", "có chung ích lợi" (samānārtha; là chữ đồng nghĩa với chữ samānattha tiếng Pāli).] (687)

688 ["Sự hiện hữu cá thể" (sakkāya, danh tính) được thể hiện bằng 'thân này'

của mỗi 'con người', đó chính là năm-uẩn bị dính chấp. Coi thêm kinh MN 44.2; SN 22:105 (Quyển 3).] (688)

689 [Mp: "'Hầu hết' (yebhuyyena) nghĩa là không phải tất cả, vì ngoại trừ

những thiên thần là những thánh đệ tử (ví dụ những bậc thánh Bất lai đang ở trong những cõi Tịnh cư thiên ...).]

690 [Mp: "bị bao gồm trong sự hiện-hữu cá thể" hay "bị nằm trong danh tính"

(sakkāyapariyāpannā): nghĩa là còn nằm trong năm-uẩn. Do vậy, khi Phật dạy Giáo Pháp được ấn chứng bằng ba 03 đặc tính (vô thường, khổ, vô ngã), chỉ ra những nhược-điểm và sự nguy-hại trong vòng luân-hồi hiện-hữu, thì sự sợ-hãi đã khởi sinh trong họ sau khi họ nhận ra những lẽ-thực đó.] (690)

691 [Nguyên văn câu này: Yāvatā bhikkhave dhammā saṅkhatā vā asaṅkhatā

vā. Trong các kinh bộ Nikāya, trạng thái (pháp, dhama) duy nhất được gọi là không còn điều-kiện (vô vi) là Niết-bàn. Còn tất cả những trạng thái và hiện tượng (những pháp) khác đều là có điều-kiện (hữu vi). Như vậy những pháp hữu-vi tốt nhất là Bát Thánh Đạo vì chúng dẫn tới trạng thái vô-vi là mục tiêu của chúng.] (691)

692 [Nguyên văn là: Aggassa dātā. Luận giảng It-a II 111,5–7, giải thích chữ

aggassa, loại từ vừa chỉ-danh vừa thuộc-cách, có thể được hiểu là chỉ người- nhận những thứ cúng dường hoặc chỉ vật-phẩm được cúng dường: "Một người cúng dường cho chỗ bậc nhất: là = một người cúng dường cho Tam Bảo, vốn là chỗ bậc nhất hoặc = người tạo công-đức bằng cách thực hiện một món quà cao quý thuộc loại bậc nhất" (aggassa ratanattayassa dātā, atha vā aggassa deyya hammassa dānaṃ uḷāraṃ katvā tattha puññaṃ pavattetā).] (692)

693 [Mp chú giải: phương pháp thánh thiện (ariyañāya) là = đạo cùng với sự

minh-sát, và sự tốt đẹp của Giáo Pháp (kalyāṇadhammatā) và sự thiện lành của Giáo Pháp (kusaladhammatā) thì có nghĩa như chữ rồi.] (693)

694 [Về câu này, coi chú thích 428 ở kinh 3:60.] (694)

695 [Đây chỉ 01 trong 32 tướng tốt của một bậc vĩ-nhân, được cho là hệ quả

tốt của của nghiệp vì đã sống vì hạnh-phúc của nhiều người, vì sự xua tan sự sợ-hãi và khủng-khiếp, mang lại sự bảo-hộ và nơi nương-tựa hợp pháp, và chu cấp mọi thứ thiết yếu (cho nhiều người). Coi thêm kinh dài DN 30, mục 1.7.] (695)

696 [Mp đã diễn dịch phần đối thoại này về cả 02 phía đều là đề cập tới tương

lai: bà-la-môn đã hỏi về sự tái sinh của Đức Phật và Phật đã trả lời về phương diện là sự tái sinh tương lai của Phật. Tuy nhiên, như tôi đọc thấy từ sự đối

thoại có một sự chơi chữ tế nhị ở đây. Bà-la-môn đã dùng chữ ở thì tương lai bhavissati là một phép lịch sự để hỏi về hiện tại, mà tôi đã dịch ở đây là "Liệu có phải ngài là?"

[Chữ bhavissanti đã được dùng đơn giản là theo cách như vậy, một cách phủ định, trong câu hỏi: na vat'imāni manussabhūtassa padāni bhavissanti ("Liệu những điều này có thể là …]. Nhưng Phật thì dùng chữ ở thì tương lai một cách đúng theo nghĩa chữ và do vậy trong mỗi trường hợp đều trả lời là "Ta sẽ không phải là" (na bhavissāmi) để đề cập tới nơi-đến trong một kiếp tương lai. Có 02 phiên bản Hán tạng của kinh này, SĀ 101 [ở T II 28a19–28b17] và EĀ 38.3 [ở T II 717c18–718a12], đã dịch toàn bộ đối thoại này đều thuộc thì hiện tại. Bà-la-môn hỏi Phật liệu Phật có phải là () một thiên thần, một rồng nāga … hay một con người, và Phật đơn giản từ chối () rằng mình không phải là loại gì trong số đó. Không có gì đề cập tới tương lai.] (696)

697 [Càn-thát-bà (gandhabba) là những chúng sinh cõi trời nhiều lúc được mô

tả là những nhạc công của những thiên thần. Dạ-xoa (yakkha) là những linh lồn hay quỷ dữ nổi tiếng vì sự hủy diệt tàn bạo của chúng.] (697)

698 [Động từ abbaje ở đây thể nguyện vọng từ của abbajati [Phạn: āvrajati).

Coi thêm DOP sv abbajati.] (698)

699 [Theo Mp chú giải rằng: "Khi kết thúc bài kinh này, bà-la-môn đó đã

chứng được 03 thánh đạo và 03 thánh quả, và, bằng 12.000 cụm chữ, ông đã nói lời ca ngợi được đặt tên là 'Tiếng Sấm của Doṇa'. Ngay sau khi Phật mất đã xảy ra cuộc tranh giành lớn về phân chia xá lợi của Phật, chính bà-la-môn Doṇa này là người đã đứng ra phân xử và phân phát những phần chia (cho 08 nước tranh giành đó)." [như trong kinh dài DN 16, mục 6.25 có ghi].] (699)

700 [Nghĩa là làm hết cảm-giác khó chịu là đói, mà cũng không tạo ra cảm-

giác mới là khó chịu do ăn quá nhiều (như tức bụng, mệt, buồn ngủ…).

- (Và câu cuối đoạn "sống được an ổn" ở đây có thể gồm cả 02 nghĩa: (1) trước tiên là: được dễ chịu: sau bữa ăn uống đúng mực, không quá no thì sẽ thấy người dễ chịu, ở dễ chịu (vì không bị tức bụng, mệt, buồn ngủ, khó thở …); (2) sau đó là: tốt cho ngày tu: ăn nhiều cơ thể sẽ mệt, đòi nghỉ ngơi, bị sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hồn trầm thụy miên) là sự cản trở cho việc thiền tập

320 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

buổi xế chiều và buổi tối; (3) về lâu dài: không bị mập và khổ sở: nếu ăn uống quá mực sẽ bị mập, (i) người bị mập ăn nhiều thì khổ sở, vì mỗi ngày bị những lúc quá-đói và lúc quá-no đều khổ sở; (ii) người mập thì khổ sở trong mọi sự đi lại, làm việc, thiền tập, và nhiều thứ bệnh do mập gây ra … Do vậy, nếu ăn uống quá độ sẽ dẫn tới sự ở không được dễ chịu và sự sống không được an ổn thư thái.)] (700)

701 [Tôi coi chữ dhammaṃ ở đây là thể hiện chữ dhammān trong tiếng Phạn ở

thể đối cách số nhiều. Cách dùng như vầy không phải là hiếm thấy trong những thi kệ Pāli.] (701)

702 [Bài kệ này giống hệt bài Pháp Cú 32.] (702)

703 [Patilīno: lui về: thu mình, rút lui khỏi cái 'ta-là' (tự ngã), nghĩa là: ẩn dật,

ẩn tu, lánh trần. Mp chú giải: đó là "ẩn, ẩn náu, đi vào sự sống độc cư" (nilīno ekībhāvaṃ upagato). (Hành-vi của thân ở đây là = sự tạo-tác của thân = thân hành).] (703)

704 [Nguyên văn: panuṇṇapaccekasacco. Mp diễn dịch đây là "những sự thật

về cách-nhìn" (diṭṭhisaccāni), được gọi là "thuộc cá nhân" bởi vì mỗi cá nhân nắm giữ những cách-nhìn (tà kiến, quan điểm này nọ) theo cách của mình, ai cũng chấp 'Chỉ điều này là đúng; vầy mới đúng; đây là sự thật'" (tức ai cũng tin sự thật theo cách-nhìn của mình, nên mới nói đó là "những sự-thật thuộc cá nhân", chúng không thuộc phổ quát, không phải là chân lý, không thuộc diệu đế.) [704]

705 [Nguyên văn cum chữ này trong Be là: sabbāni nuṇṇāni honti panuṇṇāni

honti cattāni vantāni muttāni pahīnāni, paṭinissaṭṭhāni. Trong kinh 10:20, Ce và Ee cũng ghi y hệt cụm chữ này.] (705)

706 [Mp: brahmacariyesanā: sự tìm-kiếm một đời sống tâm linh (đời sống

phạm hạnh, trạng thái thánh thiện) gồm có khát nguyện xảy ra như vầy: 'Tôi sẽ tìm ra, tôi sẽ tìm kiếm, một đời sống tâm linh'. Khát nguyện này sẽ lặn mất và được làm tĩnh lặng bởi thánh đạo A-la-hán. Nhưng sự tìm-kiếm một đời sống tâm linh theo dạng là những quan-điểm hay kiến chấp (diṭṭhibrahmac- ariyesanā) thì sự kiến chấp này sẽ lặn mất khi người tu bước vào thánh đạo Nhập-lưu."] (706)

Chú Thích • 321

707 [Những hành-vi của thân = những sự tạo-tác của thân hay thân hành

(kāya-saṅkhāra) ở đây được nhận dạng trong những kinh khác chính là "sự thở-vào và thở-ra", và sự thở vào-ra sẽ "ngưng lặn" trong trạng thái chứng đắc tầng thiền định thứ tư (tứ thiền). Coi thêm kinh 9:31, đoạn (4). Các kinh MN 44, mục 15 và SN 41:06 (Quyển 4), đoạn (2) cũng nói sự tạo-tác của thân (thân hành) chính là "sự thở-vào và thở-ra".] (707)

708 [Mp: "Sự chấp chặt (nắm chặt, cố chấp): 'Như vầy mới là sự-thật' (iti

saccaparāmāso) là nắm giữ những quan-niệm như "Đây mới là sự-thật, vầy mới đúng sự-thật". Những quan-điểm hay kiến-chấp (diṭṭhiṭṭhānā) này nọ cũng chỉ là những quan-điểm mà thôi, chúng được gọi là "những sự thổi phồng lên" (samussayā) vì do sự phồng lên (samussitattā) chúng, vì do chúng phát lên và có (và được người ta tin lấy và chấp vào chúng).] (708)

709 [Niccadānaṃ anukulayaññaṃ (sự dâng cúng theo phong tục gia đình, sự

cúng giỗ theo truyền thống gia phong). Mp chú giải chữ anukulayaññaṃ là một sự cúng-tế hay hiến-tế nên được làm để duy trì phng tục gia đình, dựa trên những nền tảng đã được giao truyền bởi cha ông, tổ tiên. Về sự dâng cúng theo phong tục gia đình (niccadānaṃ anukulayaññaṃ) là tốt hơn sự giết tế súc vật, mời coi thêm đặc biệt trong

kinh DN 5, mục 22–23, hầu hết các đoạn đó có thể được sự lặp lại của kinh này.] (709)

710 [Tôi tự phân thành 04 đoạn như vậy, vì ngoài ra tôi không thấy căn cứ nào

khác để kinh này được kết tập trong quyển "Bốn" này.] (710)

711 [Những chữ cúng tế này trong kinh Vệ-đà.] (711)

712 [Tôi làm theo Ce và Be, ghi chữ niraggaḷaṃ trong ở dòng kệ b và có chữ

mahāyaññā ở dòng kệ c. Ee ghi thiếu chữ mahāyaññā, nhưng 02 phiên bản Hán tạng của kinh thì có chữ ghép tương ứng với chữ này: SĀ 89 [ở T II 22c19] có chữ , theo nghĩa chữ là "đại tụ tập" và SĀ2 89 [ở T II 404b4] có ghi chữ, trong đó có nghĩa là "hiến tế cho các thần tnành hay tổ tiên". Mp chú giải chữ mahārambhā là: "Với những trọng trách lớn, những công việc lớn; hơn nữa, chúng thuộc loại (những việc) 'đại bạo lực' bởi vì quy mô sát-sinh (hàng loạt) của chúng."] (712)

322 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

713 [Những cách ghi thuật ngữ bí ẩn huyền nghĩa này là khác nhau ở đây và

trong các kinh khác trong khắp các bộ kinh Nikāya. Ở đây, Ce ghi: vivattac- chaddā; Be: vivaṭacchadā; Ee: vivattacchadā. Lời diễn đạt thường thấy trong những "đoạn-mẫu" nói về 02 đường hướng có thể xảy ra đối với một người có 32 tướng tốt của một bậc vĩ-nhân: (i) nếu vẫn ở tại gia, người đó sẽ trở thành vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), nhưng (ii) nếu xuất gia thì người đó sẽ trở thành vị Phật toàn-giác, như đã được mô tả trong câu "Người trong thế gian là vivaṭacchado" [chữ này có thể biến thể là: vivaṭṭac- chado, vivaṭṭacchaddo, vivattacchaddo]. Về vấn đề này, mời coi thêm kinh dài DN 3.1.5; DN 14.1.31; DN 30.1.1; MN 91.5; Sn 106.

- Mặc dù những nguồn gốc của thuật ngữ này và nghĩa chính xác của nó là rắc rối nan giải, nhưng lạ thay là những luận giảng đã phân tích và chú giải nó một cách nhất quán y kiểu như nhau.

- Do Mp [khi luận giải về kinh này] đã không đưa ra lời chú giải về thuật ngữ này, cho nên tôi phải dựa vào luận giảng về bộ kinh dài DN (Trường kinh bộ) là Sv I 250,34–251,3 có ghi như vầy: "Vivaṭṭacchado (nghĩa là): Ở đây, sau khi đã sinh vào thế gian, người đó đó sống sau khi đã hoàn toàn loại bỏ sự che-phủ trong thế gian (loke taṃ chadanaṃ vivaṭṭetvā), trong bóng tối của những ô-nhiễm được bao bọc bởi 07 sự che-phủ (chadanehi, sự ngăn che, màn bọc) đó là: tham, sân, si, ngã-mạn, tà-kiến, vô-minh, và tà-hạnh."

- Luận giảng kinh điển cổ xưa là Cūḷaniddesa (Tiểu Diễn Giải), khi chú giải về kinh Sn 1147, có ghi: "Vivaṭacchado: Có 05 sự che-phủ (chadanāni) đó là: dục-vọng, tà-kiến, những ô-nhiễm (lậu hoặc), tà-hạnh, vô-minh. Những sự che-phủ đã được loại bỏ (vivaṭāni) bởi Đức Phật; chúng đã bị xua tan, bị bứng bỏ, bị trừ bỏ, bị tẩy bỏ, được giải quyết, được làm lắng-lặn, bị thiêu cháy bởi lửa của trí-biết cho nên chúng không còn khả năng khởi sinh. Do vậy Đức Phật là bậc đã loại bỏ những sự che-phủ." (Nidd II 251,18–22; bản in VRI 204).

- Dịch giả Norman (1991: 71–76) đã cho rằng sự diễn đạt tiếng Pāli này là xuất phát từ dạng BHS là vighuṣṭaśabda và do vậy có nghĩa là "người có tên [hoạc danh] đã lăn qua khắp mọi phương" hay "người có danh tiếng rộng khắp". Trong quyển sách sau đó [2006b: 228–29] ông đã thay đổi lập trường

Chú Thích • 323

của mình, ghi rằng: "Mặc dù tôi đã đúng khi nhìn thấy sự kết nối giữa các chữ Pāli và Phạn, nhưng hướng triển khai thì bị lộn chiều, và chắc hẳn phải trình bày sự siêu Phạn-hóa từ chữ vivattacchadda." Trong kinh Sn 372 và kinh khác ông đã dịch cụm chữ này là "với sự tự-ta (ngã mạn) đã bị loại bỏ".

- Những nhà Hán dịch các bộ kinh A-hàm (Āgama) chắc hẳn đã dịch với lời kinh có ghi là vighuṣṭaśabda hay biến thể khác có cùng nghĩa như vậy. Do vậy một phiên bản tương ứng của kinh AN 4:40 này là SĀ2 90 [ở T II 404c6] có ghi (tên người đó được nghe từ cách xa cực kỳ). Bản tương ứng của kinh DN 30 là MĀ 59 [ở T I 493b7–8] có ghi: (người đó nhất thiết sẽ trở thành một Như Lai, không còn ràng-buộc [= A-la-hán], đã giác-ngộ toàn thiện, tên của người đó lan truyền xung quanh và được nghe khắp mười phương". Kinh MĀ 161, là kinh tương ứng với MN 91, cũng ghi y hệt như vậy [ở T I 685b2–4].

- Mặc dù có nhiều sự phán đoán khác nhau về cách ghi nguyên thủy và ý nghĩa chính xác của cụm chữ thuật ngữ này, với sự khó khăn trong việc giải quyết những câu hỏi này cho dù đã tìm hết những nguồn kinh điển gốc truyền thống của Phật giáo, nhưng đây là đường hướng tiện lợi khả dĩ nhất đã mở ra cho tôi để tôi dịch thuật ngữ này như nó đã được bảo tồn và diễn dịch trong truyền thống Pāli.] (713)

714 [Những cách ghi chỗ này trong các phiên bản khác nhau đáng kể. Ce và

Be ghi là: vītivattā kulaṃ gatiṃ (người đã vượt trên (thoát khỏi) gia đình và nơi-đến (tái sinh)); Ee ghi thành chữ ghép bahubbīhi (chữ ghép tương quan) là: vītivattakālaṃgatī, và vẫn còn những biến thể khác trong phần ghi chú của nó. Mp (của Be) ghi cụm chữ là kulaṃ gatiṃ trong một bổ đề, nhưng Mp (của Ce) thì ghi là kālaṃ gatiṃ. Cách dịch của tôi là theo Ee. Lưu ý rằng trong kinh 5:55, chữ kālaṃ và gatiṃ là nằm kế cận lập tức nhau, điều này ủng hộ giả thiết rănhf chỗ này chúng ta nên đọc là kāla-/kālaṃ.] (714)

715 [Tôi đọc theo Be là yaññassa kovidā, khác với Ce và Ee là puññassa

kovidā (thành thạo, rành rõ về công đức). Mp (của Be) và Mp (của Ce) đã chỉ ra sự khác nhau về những bổ đề và những sự giải nghĩa. Hai phiên bản Hán tạng tương ứng với phiên bản của Be là SĀ 90 [ở T II 23a11] đã ghi:

 (Phật là người thiện khéo về sự (vấn đề) cúng tế) và SĀ2 90 [ở T II 404c8] ghi: (đây là sự dâng cúng tốt và đạo của sự dâng cúng được khen ngợi bởi những vị Phật).] (715)

716 [Chữ Pāli ghi là: atthi bhikkhave samādhibhāvanā bhāvitā bahulīkatā

diṭṭhadhammasukhavihārāya saṃvattati, nghĩa nguyên chữ là "Này các Tỳ kheo, có một sự tu tập sự định-tâm, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự an trú một cách hạnh-phúc ngay trong kiếp này". Nhưng do cụm chữ "khi được tu tập và tu dưỡng" nghe bị thừa nên tôi đã bỏ đi trong lời dịch để cho cách diễn tả được tự nhiên hơn (vì cái "sự tu tập" đã được nói ngay đầu câu rồi). Tôi cũng áp dụng sự lược bỏ tương tự cho 03 sự tu tập sự định-tâm còn lại.] (716)

717 [Rõ ràng, toàn bộ đoạn (1) này nói về sự chứng đắc 04 tầng thiền định sắc

giới (jhāna) bởi (a) một người tu thiền định nhưng không dùng chúng để tu tập sự minh-sát (quán, tuệ), hoặc bởi (b) một vị A-la-hán, vị ấy chứng nhập trong tầng thiền định chỉ để an trú trong đó một cách thư thái mà thôi. Ở chỗ khác (như đoạn (4) bên dưới) thì các tầng thiền định này được nói là dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Ce dùng chữ vuccati trong đoạn này, nhưng không có chữ này trong những câu tương ứng trong 03 đoạn tiếp theo. Ee thì đảo ngược lại, nó không có chữ vuccati trong đoạn này, nhưng lại có trong 03 đoạn sau. Còn Be thì không có chữ vuccati này trong tất cả 04 đoạn.] (717)

718 [Mp chú giải: "sự-biết và sự-thấy" (trí-biết và tầm-nhìn) trong ngữ cảnh

này là mắt thiên thánh (thiên nhãn minh) (dibbacakkhuñāṇadassanassa paṭilābhāya). Ở trong kinh khác thì nó được dùng với nghĩa là sự-biết của sự minh-sát (trí-biết minh-sát) hay thậm chí là sự giác-ngộ toàn thiện.] (718)

719 [Nguyên văn: 'Yathā divā tathā rattiṃ, yathā rattiṃ tathā divā.' Mp giải

thích nghĩa là: "Người đó chú tâm tới nhận-thức về ánh sáng ban ngày ra sao, thì người đó chú tâm tới sự nhận-thức về ánh sáng ban đêm như vậy; và đảo ngược lại, đêm sao ngày vậy."] (719)

720 [Mp chú giải: "Cách những cảm-giác (thọ) được biết khi chúng khởi sinh

… vân vân? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu biết cơ-sở (vatthu, xứ = giác quan) và

đối-tượng (ārammaṇa). Bằng sự hiểu rõ cơ-sở và đối-tượng người đó biết: 'Những cảm-giác đó đã khởi sinh (sinh) như vậy; những cảm-giác đó có mặt (trụ) như vậy; những cảm-giác đó chấm dứt (diệt) như vậy.' Phương pháp này cũng áp dụng tương tự cho những nhận-thức (tưởng) và những ý-nghĩ (hành)."] (720)

721 [Bài kệ này cũng có trong kinh Sn 1048, nó cũng được lặp lại trong kinh

AN 3:32. Chương "Pārāyana" (Đáo Bỉ Ngạn) là chương thứ năm và cuối cùng của quyển Kinh Tập, thuộc Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ). (Chữ 'hiền dịu' là tạm dịch từ nguyên văn là "không còn bốc khói = không còn sân giận").] (721)

722 [Chỗ này nên coi thêm kinh 3:67, đoạn (2) và chú thích ở đó.] (722)

723 [Kinh này giống kinh SN 2:26 (Quyển 1).] (723)

724 [Nguyên chữ là: daḷhadhammā. Đuôi chữ -dhamma ở đây là tiếng Pali,

tương đương như trong chữ Phạn là dhanvan (có một thanh cung). Mp diễn dịch: "Dùng cung cứng lớn nghĩa là có được một thanh cung cỡ lớn nhất" (daḷhadhanu uttamappamāṇena dhanunā samannāgato).] (724)

725 [Nguyên văn cụm chữ này: dhanuggaho sikkhito katahattho katūpāsano.

Mp giải thích dhanuggaho nghĩa là: một bậc thầy về cung tên xạ thủ; sikkhito là: người đã thao luyện về cung tên 12 năm; katahattho là: người thiện thạo đến mức có thể bắn tên chẻ đôi cọng tóc từ một khoảng cách bằng một usa- bha, và katūpasāno là: người có kinh nghiệm trong việc bắn những mũi tên thể hiện kỹ thuật tài bắn của mình. Coi thêm chú thích 1935 trong kinh 9:38; coi tương tự chú thích 365 trong kinh SN 20:06 (Quyển 2).] (725)

726 [Mp diễn dịch: "Giáo lý của người thiện là 37 phần trợ giúp giác-ngộ của

đạo Phật. Còn giáo lý của người xấu ác là loại 62 tà-kiến do suy đoán.] (726)

727 [Lời bài kinh này giống hệt kinh SN 21:07 (Quyển 2), chỉ khác nhau về

nơi chốn. Tôi không nhìn thấy có khuôn mẫu "04-điều" hay "04-pháp" trong bài kinh này, nên không hiểu tại sao nó được kết tập trong quyển "Bốn" này của AN.] (727)

326 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

728 [Tôi đọc (kinh này) theo Be và Ee ghi là nābhāsamānaṃ jānanti, khác với

Ce ghi là na bhāsamānaṃ jānanti. Ngữ cảnh bài kinh rõ ràng yêu cầu cách ghi như Be và Ee thì mới đúng. Bản Hán tạng tương đương của kinh này là SĀ 1069 (at T II 277c12) cũng ủng hộ nghĩa này bằng câu (Nếu người đó không thuyết giảng Giáo Pháp).
(Coi thêm chú thích về câu này trong kinh giống hệt là SN 21:07 (Quyển 2) chú thích về câu này trong những phiên bản khác nhau, chú thích số đuôi (392).).] (728)

729 [Nguyên văn ba chữ này: saññāvipallāso, cittavipallāso, diṭṭhivipallāso.

Chữ vipallāsa là từ vi + pari + āsa, nghĩa là "bị đảo lộn, bị điên đảo, bị lệch lạc". Những chữ này được giảng giải trong những phần nói về "sự dẹp-bỏ" và "sự không dẹp-bỏ" của luận giảng Paṭis II 80–81. (729)

730 [Chỗ này tôi dịch theo theo Ce và Be ghi là dukkhe bhikkhave sukhan ti

saññāvipallāso, khác với Ee ghi là adukkhe bhikkhave dukkhan ti saññāvi- pallāso.] (730)

731 [Chỗ này tôi dịch theo Ce và Ee ghi là micchādiṭṭhigatā, khác với Be ghi

là micchādiṭṭhihatā. Nhưng cách phân những câu kệ thì tôi làm theo Be hơn là Ce.] (731)

732 [Mp giải nghĩa chữ mahikā là himaṃ (tuyết), nhưng PED thì nói đó là

"sương mù" nghe có vẻ đúng hơn.] (732)

733 [Trong 04 sự ô-nhiễm (upakkilesa): (i) sự uống rượu bia bởi các Tỳ kheo

là bị nghiêm cấm bởi điều luật Pācittiya 51; (ii) dâm dục là bị nghiêm cấm bởi điều luật Pārājika 1; (iii) nhận lấy vàng bạc [cũng như tiền, phương tiện trao đổi mua bán] là bị nghiêm cấm bởi điều luật Nissaggiya-pācittiya 18. (iv) Nhiều sự mưu-sinh khác nhau là sai trái bị cấm đối với những tu sĩ Phật giáo đã được liệt kê trong kinh dài DN 2, mục 1.21–27. Coi thêm kinh trung MN 117, mục 29.] (733)

734 [Câu này tôi đọc theo Be ghi là: asuddhā sarajā magā.] (734)

735 [Ở đây, 'bốn dòng chảy phước-đức hay công-đức" được giải thích theo 04

phương tiện thiết yếu được cúng dường cho những tăng ni, đó là: y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang.] (735)

Chú Thích • 327

736 [Sự định-tâm vô lượng của tâm: appamāṇaṃ cetosamādhiṃ. Mp giải nghĩa đó chính là: "sự định-tâm của thánh quả A-la-hán" (arahattaphalas- amādhi).] (736)

737 [Lời bài kinh 4:52 này cũng giống như kinh SN 55:31 (Quyển 5), chỉ khác

trong kinh SN 55:31 không có phần thi kệ, và cũng giống như kinh SN 55:41 (Quyển 5), chỉ khác trong kinh SN 55:41 có phần thi kệ giống hệt thi kệ trong kinh 4:51 kế trên.] (737)

738 [Phần thi kệ này cũng có trong kinh 5:47; và cũng có ở các kinh SN 11:14

(Quyển 1); SN 55:26 và SN 55:51 (Quyển 5).] (738)

739 ["Kẻ bất hạnh, kẻ bạc phận" là dịch chữ "chava": nghĩa gốc là "xác chết".

Mp diễn dịch: "Người như vậy được coi như xác chết vì người đó đã chết vì những phẩm chất đức hạnh của họ đã chết."] (739)

740 [Gia chủ Nakulapitā (nghĩa: cha của Nakula) và nữ gia chủ Nakulamātā

(nghĩa: mẹ của Nakula) là hai người đệ tử tại gia ưu tú của Đức Phật, họ nổi bật vì niềm-tin vào Đức Phật. Đọc thêm quyển "Những Vị Đại Đệ tử của Đức Phật" bởi nhà sư Nyanaponika và học giả Hecker, trang 375–378. Về hai vợ chồng này, mời coi thêm các kinh 1:257, 1:266, 6:16.] (740)

741 [Trong kinh 1:263 nữ đệ tử này được Phật khen là đệ nhất trong những

người cúng dường những vật phẩm tốt nhất cho người nhận.] (741)

742 [Mp nhận dạng chữ "những bậc hiểu-biết thế giới" (lokavidūna) chính là

những vị Phật.] (742)

743 [Ee có vẻ đã lầm ở chỗ này. Thứ nhất nó đánh dấu phẩy không đúng, và

rồi ghi thêm chữ paccupaṭṭhito hoti ở cuối. Sự đánh dấu phẩy của Ce và Be hàm chỉ rằng đối-tượng gián tiếp [thứ được cúng dường] là thuộc về chữ pac- cupaṭṭhito đặt

trước đó, và cả Ce và Be đều thiếu chữ paccupaṭṭhito hoti ở cuối câu. Như vậy là trong Ce và Be không có cụm chữ riêng biệt chỉ ra rằng người đệ tử tại gia chỉ đơn giản phục vụ Tăng Đoàn mà không đề cập gì tới một vật phẩm được dâng cúng.] (743)

744 [Nguyên văn câu này: saha ñātīhi saha upajjhāyehi. Trong văn hóa Tăng

Đoàn Phật giáo, upajjhāya (thầy thụ giới; y chỉ sư) là vị thầy chủ trì sự thụ giới cho một người nào đó. Như vậy việc dùng chữ này ở đây là bất thường trong bối cảnh không phải nói về Tăng Đoàn. Mp chú giải chữ này trong đoạn kinh này như có nghĩa chỉ "các bạn hữu", lý do: "bởi vì bạn hữu (tốt) thì quan tâm đến hạnh phúc và khổ đau của mình" (sukhadukkhesu upanijjhāyitabbattā), nhưng sự chú giải này chỉ dựa vào sự chơi chữ chứ không thực sự thuyết phục. Chẳng hạn, chữ upajjhāya là không liên quan đến động từ upanijjhāyati (Phạn: upanidhyāyati) nghĩa là: "suy nghĩ, suy xét", nhưng chỉ liên quan đến chữ ajjheti (Phạn: adhyeti) nghĩa là: "học, học hỏi [từ một vị thầy]".] (744)

745 ["Nhìn thấy tầm cỡ" (tức tầm hiểu biết, phạm vi hiểu biết) là dịch chữ

āpāthadaso theo Ce và Ee; trong Be ghi là āpātadaso. Mp [của Ce] giải thích nghĩa là: "Người đó nhìn thấy mọi thứ đi vào trong tầm (hiểu biết), ngay cả một thứ vi tế đi vào trong tầm" (taṃ taṃ atthaṃ āpātheti tameva passati, sukhumampissa atthajātaṃ āpāthaṃ āgacchatiyevā ti attho). (Chỗ này thầy Thích Minh Châu dịch (HV) là "bước vào giới ức minh kiến", thầy Sujato dịch rõ hơn là "nhìn thấy những thứ quan trọng, những thứ có vấn đề").] (475)

746 [Ở đây Mp đã chính xác khi chỉ ra chữ sovaggika là xuất thân từ chữ sag-

ga, nó chú giải như vầy: Saggassa hitā ti tatr'upapattijananato sovaggikā.] (746)

747 [Ngay chỗ này tôi đã chia đoạn kệ này với đoạn kệ sau cho giống với các

đoạn kệ trong kinh 5:51. Vì phiên bản Ce được biên tập bởi nhiều người biên tập và họ rõ ràng đa không phối hợp với nhau, cũng những đoạn kệ giống nhau này nhưng trong những chương hay quyển khác nhau nhiều lúc đã được phân đoạn khác nhau. Cách phân đoạn được dùng trong kinh 5:51, nó gom lại mấy cách tiêu dùng tài sản, có vẻ tương ứng tốt hơn với nghĩa của bài kinh.] (747)

748 [Nguyên văn Pāli là: atthisukha, bhogasukha, anaṇasukha, anavajjasukha.

Mp: "Thứ nhất là sự hạnh phúc đã khởi sinh ở ý-nghĩ là 'Có [atthi, như sự giàu có, của cải])'; thứ hai là sự hạnh phúc đã khởi sinh trong sự giàu có; thứ ba là sự hạnh phúc đã khởi sinh ở ý-nghĩ 'Ta không có nợ nần'; thứ tư sự

hạnh phúc đã khởi sinh ở ý-nghĩ 'Ta không tội lỗi, không bị chê trách'."] (748)

749 [Chữ này tôi đọc theo Ce và Ee là sare, khác với Be ghi là paraṃ] (749)

750 [Chữ này đọc theo Ce và Be là bhāge, khác với Be ghi là bhoge.] (750)

751 [Mp: “Phật đã chia những loại hạnh-phúc thành 02 phần. Ba loại đầu làm

01 phần, và loại hạnh-phúc vì không tội lỗi là 01 phần. Rồi Phật nhìn thấy bằng trí-tuệ và biết được 03 loại đầu cộng lại cũng không đáng bằng 1/16 của loại hạnh-phúc vì không tội lỗi.”] (751)

752 [Kinh này như một kinh song hành được mở rộng thêm của kinh 3:31, chỉ

thêm điều (3) thành 4 điều. Một kinh song hành khác là It 106.] (752)

753 [Số kinh này không thấy có trong Ee (chỉ có lời kinh), điều này làm chúng

ta có cảm giác kinh này là phần liên tục của kinh kế trên.] (753)

754 [Ý nghĩa ở đây là chỉ về sự suy xét và niềm tin của một người tu về vị

thầy tâm linh (đạo sư, sư phụ) của mình. (i) Loại người đầu tiên đặt niềm-tin vào vị thầy dựa trên cảm nhận về sắc-thân (rūpa) (tướng mạo, thân tướng của ông ta) ví dụ như vẻ đẹp tướng tá, uy nghi, phong độ của ông ta. (ii) Loại thứ hai có niềm tin người thầy dựa theo lời-nói (hay giọng nói, giọng điệu hay hoặc dở của ông ta) [ghosa: có lẽ là giọng nói êm dịu và hay ho]; (iii) loại thứ ba là người có niềm tin vào người thầy dựa theo sự tiết độ hay sự thanh bần khổ hạnh của ông ta [chữ lūkha: Mp chú giải như vậy và đã đưa ra ví dụ như cách vị đó dùng áo cà-sa và bình bát thô sơ]; và (iv) loại thứ tư là người có niềm tin vào người thầy vì giáo pháp (dhamma) mà ông ta đã chỉ dạy. Mp nói rằng: (trong đời) chỉ có 1 trong 100.000 người là biết đặt niềm-tin dựa trên Giáo Pháp của người thầy chỉ dạy (hơn là 03 điều đầu; đó là người đệ tử đúng đắn).] (754)

755 [Câu này đọc theo Be là nābhijānanti te janā.] (755)

756 [Tôi đọc câu này theo Ce là mohena adhamā sattā, khác với Be ghi là

mohena āvutā sattā. Ee ghi là mohena adhamasattā là đồng nghĩa như Ce.] (756)

330 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

757 [Tôi đọc đoạn thi thứ hai theo Be và Ee là: yathādhammā tathāsantā, na

tass’evan ti maññare. Ce thì ghi là câu sau là: nassevanti na maññare. Mp diễn dịch: “Đúng theo bản chất của chúng” nghĩa là: ‘chúng đều có chứa những bản chất tham, sân, si’. Câu “[Họ] không nghĩ suy về mỗi sự theo cách như vậy” có nghĩa là: ‘Nó hiện hữu theo cách như vậy, nó có bản chất như vậy.’” (yathādhammā tathāsantā ti yathā rāgādayo dhammā ṭhitā, tathā sa- bhāvā’va hutvā; na tass’evan ti maññare ti mayaṃ evaṃsantā evaṃsabhāvā ti tassa na maññare, na maññantī ti attho).] (757)

758 [Sự kiện này cũng được ghi lại trong luật tạng Vin II 109–10.] (758)

759 [Nguyên văn câu cuối này: Imāni cattāri ahirājakulāni. Mp giải thích:

“Phật nói điều này là chỉ chung những loại rắn có nọc độc sát hại. Bởi tất cả những loại rắn có nọc độc đều thuộc bốn họ rắn vua.”] (759)

760 [Be ghi đoạn văn tụng cuối này ở dạng thi kệ, nhưng tôi làm theo Ce và

Ee ghi nó dạng văn xuôi. Đây là lời quả quyết về sự-thật (saccakiriya) … Lời này thường được tụng đọc bởi những nhà sư sống trong rừng để phòng hộ khỏi bị rắn cắn. Lời tụng hộ phòng này thường được đưa vào trong những kinh nhật tụng của họ mỗi ngày.] (760)

761 [Kinh này và thi kệ giống kinh SN 17:35 (Quyển 2). Coi thêm Luật tạng

Vin II 187–88.] (761)

762 [Tôi không thể thấy lý do tại sao kinh này lại được kết tập trong quyển

"Bốn" này. Tôi đoán lời giải thích có thể nằm ở chỗ 04 nhóm người bị lệch lạc khỏi sự chân chính, đó là: vua chúa; các quan thần; các bà-la-môn và các gia chủ; và những người ở những thành thị và miền quê.] (762)

763 [Cụm chữ này là: adhammikā honti. Mp chú giải nó có nghĩa là: "Do

không thực hiện '10 sự dâng cúng bởi những vị vua' và không phân định hình phạt tương xứng với tội phạm, họ thực hiện những sự dâng cúng quá đáng và phân định những hình phạt quá đáng." Thuật ngữ '10 sự dâng cúng' (dasabhāgabali) chỉ thấy được nói duy nhất ở đây trong kinh này (không thấy có trong những kinh khác trong Kinh Tạng).] (763)

764 [Để ủng hộ cho cách dịch của tôi coi cụm chữ brāhmaṇagahapatikā là

một chữ ghép đẳng lập (chính chính; dvanda) chứ không chỉ là một kammadhāraya (những gia chủ bà-la-môn), coi luận giảng It-a II 162,7–9 có ghi: Brāhmaṇagahapatikā ti brāhmaṇā c'eva gahapatikā ca. Ṭhapetvā brāhmaṇe ye keci agāraṃ ajjhāvasantā idha gahapatikā ti veditabbā.] (764)

765 [Sự bỏ mất chữ dubbalā trong phiên bản VRI cho thấy là một sai sót.

Những phiên bản khác, gồm cả phiên bản in giấy của Be, đều có chữ này.] (765)

766 [Coi lời tương tự ở đầu kinh 3:16.] (766)

767 [Cách-nhìn đúng đắn hay chánh kiến (sammādiṭṭhi) là chi phần đầu tiên

của Bát thánh đạo, và 03 loại ý-nghĩ thiện gộp chung chính là chi phần ý-định đúng đắn hay chánh tư duy (sammāsaṅkappa), là chi phần thứ hai của Bát thánh đạo.] (767)

768 [Ee tách đoạn kinh (III) này thành 01 kinh riêng và đánh số kinh là 4:74;

trong khi đó Ce và Be thì coi đây là đoạn thứ ba của kinh 4:73 này, như bản dịch này. Mp cũng ủng hộ Ce và Be, chỉ ra rằng ví dụ 'cô dâu' được đưa vào để chỉ tính cách của người xấu.] (768)

769 [Bên phiên bản Ee thì tính gộp hai kinh 4:74 và 4:75 (của/theo bản dịch

này) thành một kinh duy nhất, ngược lại với Ce và Be tách ra thành hai kinh khác nhau, (bản dịch nàyl àm theo cách Ce và Be).] (769)

770[Từ câu này trở đi lời kinh cũng giống trong Đại Kinh Bát-niết-bàn (Mahāparinibbāna Sutta), tức kinh dài DN 16, mục 6.5.] (770)

771 [Không thể nghĩ bàn, không thể nghĩ tới (acinteyyāni). Mp chỉ giải thích

đó là "không phù hợp để nghĩ tới" (cintetuṃ ayuttāni).] (771)

772 [Mp giải thích bốn trú-xứ (lãnh địa, cảnh giới) như sau: "Trú xứ của

những vị Phật" (buddha-visaya) là phương pháp và sức mạnh tâm linh (pavatti ca ānubhāvo ca) của những phẩm-hạnh của vị Phật, ví dụ như sự- biết toàn diện (toàn trí) của một vị Phật Phật … và vân vân. "Trú xứ của người tu trong (trạng thái) tầng thiền định" (jhāna-visaya) chính là những trí-biết trực tiếp (tự trí) và những tầng thiền định (jhāna). "Quả của nghiệp"

hay "nghiệp quả" (kamma-vipāka) là kết quả của nghiệp được nếm trải trong kiếp này và kiếp sau. "Sự suy đoán về thế giới" (lokacintā) là những sự phán đoán thuộc thế tục, ví dụ như suy đoán: "Ai làm ra mặt trăng và mặt trời? Ai làm ra trái đất và biển cả? Ai tạo ra chúng sinh? Ai làm ra núi non, trái xoài, trái, trái dừa?"".] (772)

773 [Kinh này giống kinh MN 142, mục 9–13.] (773)

774 [Mp: Họ "không ngồi trong hội đồng" (n'eva sabhāyaṃ nisīdati) nghĩa là

không ngồi trong những nơi xử án để tham gia việc xét xử. Họ "không tham gia công việc làm ăn kinh doanh" (na kammantaṃ payojeti) nghĩa là không tham gia vào những ngành nghề chính vào thời đó như nông nghiệp, thương mại, vân vân. Họ "không đi đến Kamboja" (na kambojaṃ gacchati) nghĩa là họ không đi buôn bán hàng hóa tới xứ Kamboja. Câu này chỉ là một cách nói thông dụng. Nghĩa rộng của nó là họ không đi tới xứ sở khác và lân bang khác."] (774)

775 [Kinh này, cùng với phần ví dụ và thi kệ, là giống kinh SN 3:21 (Quyển

1); coi thêm Pp 51–52. Mp giải thích như vầy: "Người ở trong bóng tối (tamo) là do người đó dính trong sự tăm tối vì bị tái sinh trong một gia đình thấp kém; và "người hướng tới tối (tamoparāyaṇa) là do người đó đang đến chỗ tăm tối của địa ngục vì những ác tà nghiệp của thân, lời-nói, và tâm. "Người ở trong ánh sáng (joti) là do người đó dính trong ánh sáng vì được tái sinh trong một gia đình cao quý; và "người hướng tới sáng (jotiparāyaṇa) là do người đó đang đến chỗ ánh sáng của sự tái sinh ở cõi trời nhờ những thiện chánh nghiệp của thân, lời-nói, và tâm."] (775)

776 [Đoạn mô tả này giống lời trong kinh 3:13 và 6:57. Ở đây, tôi đọc theo Ce

và Be là veṇakule vā nesādakule; khác với Ee ghi là nesādakule vā veṇakule. (Nhưng trong kinh 6:57 và trong tất cả 03 phiên bản đều đặt chữ nesādakule trước chữ veṇakule. Coi chú thích về đoạn này ở kinh 6:57.)] (776)

777 [Ce định nghĩa 04 loại người này lần lượt giống nghĩa 04 loại người trong

kinh 4:85 kế trên. Tuy nhiên Be và Ee thì không chú thích gì cả.] (777)

778 [Mp chỉnh chữ samaṇamacalo thành samaṇa-acalo, chỉ khác chỗ phụ âm

kết hợp –m–. Mp nhận định hình tượng "sa-môn bất lay động" là chỉ 01

trong 07 hạng bậc học-nhân (sattavidhampi sekhaṃ dasseti). Về 02 hạng sa- môn tiếp theo, Mp nói: "Sa-môn hoa sen trắng (samaṇapuṇḍarīka) là một sa- môn giống một bông sen trắng (puṇḍarīka), có dưới 100 cánh. Đây là một danh từ Phật dùng để chỉ một A-la-hán chỉ tu thiền minh-sát khô (sukkhavipassakakhīṇāsavaṃ dasseti), (tức chỉ tu thiền quán, không tu thiền định, không bị dính ướt bởi thiền định), được gọi là sa-môn sen trắng bởi vì những đức-hạnh của người đó là chưa toàn thiện, do người đó còn thiếu những tầng thiền định (jhāna) và những trí-biết trực tiếp (tự trí). Sa-môn sen đỏ hay sen hồng (samaṇapaduma) là một sa-môn giống như một bông sen hồng (paduma), có đầy đủ 100 cánh. Đây là danh từ để chỉ một A-la-hán đã được giải-thoát về cả hai phương diện (ubhatobhāgavimuttaṃ khīṇāsavaṃ dasseti), (đó là sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ), được gọi là sa-môn sen hồng bởi vì những đức-hạnh của người đó là toàn thiện, do người đó đã có được những tầng thiền định (jhāna) và những trí- biết trực tiếp (tự trí)." [] Về màu sắc của 02 loại sen, puṇḍarīka và paduma, chữ nào là chỉ sen trắng, chữ nào chỉ sen hồng, mời coi lại thêm chú thích 389 ở kinh 3:39! Còn "sa-môn tinh tế trong số những sa-môn" (samaṇesu samaṇasukhumālo) là: "người có tâm và thân mềm mại, người chỉ trải nghiệm sự sướng, không còn sự khổ đau của thân và tâm" (muducittasarīro kāyikacetasikadukkharahito ekantasukhī).] (778)

779 [Mp giải thích một tràng như vầy: "Macalappatto ti rañño khattiyassa

muddhāvasittassa putta- bhāvena ceva puttesu jeṭṭhakabhāvena ca na tāva abhisittabhāvena ca abhisekappatti-atthāya acalappatto niccalapatto". Nhưng đại ý là vị thái tử đó coi như "đã đạt được sự bất lay động" (tức sự chắc chắn, vững chãi) vì anh ta đã được định đoạt kế thành một vị vua được phong vương. Về nghĩa sự "bất lay động" hay "vững chãi", mời coi lại thêm chú thích 345 ở kinh 3:13.] (779)

780 [Nguyên văn câu cuối: Anuttaraṃ yogakkhemaṃ patthayamāno viharati.

Mp giải nghĩa là: "Người đó sống khát nguyện đạt tới thánh quả A-la-hán", (tức là, 'sự an-toàn thoát khỏi sự trói-buộc' ở đây là đồng nghĩa = thánh quả A-la-hán).] (780)

781 [Trái với cách luận giải của Mp, định nghĩa được ghi ở đây về sa-môn sen

trắng còn mơ hồ; vì cách diễn đạt của lời kinh "nhưng người đó vẫn chưa an

trú (trong trạng thái sau khi) đã bằng thân tiếp xúc tám sự giải-thoát" (no ca kho aṭṭha vimokkhe kāyena phusitvā viharati) thì có thể biểu thị về 01 trong 02: (1) người đó vẫn

chưa chứng đắc sự giải-thoát nào trong 08 sự giải-thoát đó, điều đó có thể chỉ người tu là một A-la-hán tu thiền minh-sát khô (tức không có tu thiền định) [như Mp cũng đã khẳng định], hoặc (2) người đó đã chứng đắc một số sự giải-thoát trong 08 sự giải-thoát đó, nhưng chưa đầy đủ 08, có thể chỉ mới chứng được 03 sự giải-thoát trên cơ sở sắc-giới nhưng chưa chứng được những tầng chứng đắc vô-sắc giới và sự chấm-dứt (sự diệt, trạng thái diệt thọ tưởng). Trong trường hợp đó, người tu thiền ở đây là phù hợp hơn với định nghĩa tiêu chuẩn về một A-la-hán được giải thoát nhờ trí- tuệ (paññāvimutta), là người được cho là đã loại bỏ mọi ô-nhiễm nhưng chưa chứng đắc những tầng chứng đắc vô-sắc giới đầy bình-an [coi thêm kinh MN 70, mục 16]. Những luận sư thì cho rằng một A-la-hán paññāvimutta thì có thể sở hữu (đã chứng đắc) 1, 2, 3, hay 4 tầng thiền định sắc-giới (jhāna), hoặc cũng có thể không đắc tầng thiền định nào; và trong số này chỉ có loại không đắc tầng thiền định nào mới được gọi là loại A-la-hán tu thiền minh-sát khô. Loại A-la-hán chỉ tu thiền minh-sát khô (sukkhavipassakakhīṇāsava) đã chưa từng được nói rõ trong 05 bộ kinh Nikaya, mà chỉ được đề cập và công nhận lần đầu trong những quyển luận giảng sau kinh mà thôho dù là gì đi nữa, sự khác biệt của các định nghĩa giữa A-la-hán được giải thoát nhờ trí-tuệ và A-la-hán hoa sen trắng đã gợi ý rằng: tại một thời điểm nào đó có một sự chuyển-dịch đã xảy ra trong bậc thang của các tầng thiền định và tại chỗ đó một loại A-la-hán. Loại A-la-hán được giải-thoát nhờ trí-tuệ thì chỉ thiếu những tầng chứng đắc vô-sắc giới, còn loại A-la-hán hoa sen trắng, theo những diễn dịch của các luận sư trước giờ, thì thiếu luôn cả những tầng thiền định sắc-giới (jhāna), tức phi thiền định.

- 08 sự giải-thoát (aṭṭha vimokkhā), như đã được định nghĩa trong kinh AN 8:66, thì cũng không hoàn toàn đồng nhất với 04 tầng thiền định sắc-giới (jhāna) và 04 tầng chứng đắc vô-sắc-giới. Dường như 03 sự giải-thoát đầu tiên là tương ứng với 04 tầng thiền định sắc-giới (jhāna), nhưng lại phân biệt chúng dựa theo những đối-tượng (thiền) hơn là những yếu-tố thuộc tâm.] (781)

782 [Lại nữa, ở đây cũng có sự mơ hồ trong định nghĩa về sa-môn hoa sen đỏ

(hồng). Câu hỏi là: để thành một sa-môn sen đỏ thì người tu đó phải có đủ tất

cả 08 sự giải-thoát hay chỉ cần một số sự giải-thoát trong đó cũng đủ? Theo như giải thích của các luận giảng, là so sánh sa-môn sen đỏ với đầy đủ 100 cánh sen, thì dường như sa-môn sen đỏ là phải có đủ 08 sự giải-thoát. Nhưng định nghĩa về A-la-hán được giải-thoát về cả hai phương diện (ubhato- bhāgavimutta) bởi các luận giảng thì lại nói người tu chỉ cần sở hữu bất kỳ một tầng chứng đắc vô-sắc giới nào thì có thể được coi là "được giải-thoát về cả hai phương diện" (tức sự giải-thoát của tâm nhờ tâm không còn ô-nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ). Điều này cũng thể hiện sự hạ thấp một tiêu-chuẩn nghiêm ngặt vốn hạn chế sự chỉ định mô tả về một A-la-hán sở hữu tất cả 08 sự giải-thoát.] (782)

783 [Nói rõ nghĩa là: "Người đó thường dùng y-phục được (thí chủ) mời nhận,

hiếm khi dùng thứ mà vị ấy không được mời nhận.” Tương tự đối với những thức-ăn, chỗ-ở, thuốc-thang.] (783)

784 [Khi luận giải về chữ sannipātikāni, Mp-ṭ có ghi: “đó được tạo ra từ sự

kết hợp của ba thứ—mật, đờm, gió (trong thân)—bị mất cân bằng” (pittādīnaṃ tiṇṇampi visamānaṃ sannipātena jātāni). Còn luận giảng Spk III 81,22–23, khi luận giải về chữ này trong kinh SN [IV 230,29 (?)] thì ghi: “phát sinh từ sự xáo trộn của ba thứ (mật, đờm, gió)” (tiṇṇampi pittādīnaṃ kopena samuṭṭhitāni).] (784)

785 [Đoạn này là chỉ về 08 loại cảm-giác (thọ), cũng được nói trong kinh SN

36:21 (Quyển 4).] (785)

786 [Mp nói rằng: đoạn (1) nói về 07 bậc học-nhân; đoạn (2) nói về A-la-hán

tu thiền minh-sát khô; đoạn (3) nói về A-la-hán được giải-thoát về cả hai phương diện; và đoạn (4) nói về Như Lai và những bậc A-la-hán giống Như Lai.] (786)

787 [Mp giải thích: “sự tĩnh-lặng bên trong của tâm” (ajjhattaṃ cetosamatha)

là sự đạt-định của tâm ở mức độ sự hấp thu sâu (niyakajjhatte appanācittasamādhi). Trí-tuệ bậc cao của sự minh-sát nhìn thấu những hiện- tượng (adhipaññādhammavipassanā) là sự-biết của minh-sát (thiền quán) hiểu thấu những hiện-tượng có điều-kiện (những pháp hữu vi) (saṅkhārapariggā-hakavipassanāñāṇa). Đây là trí-tuệ bậc cao gồm có sự

minh-sát nhìn thấu những hiện-tượng, đó là, nhìn thấu năm uẩn.

- (Chữ “phần định” và “phần tuệ” là do người dịch Việt đặt ra để viết gọn cho cụm chữ gốc được ghi trong ngoặc).] (787)

788 [Mp diễn dịch là: “Những hiện-tượng có điều-kiện nên được nhìn thấy là

vô thường, nên được phám phá là vô thường, và nên được nhận biết bằng sự minh-sát là vô thường; và tương tự là khổ và vô ngã.”] (788)

789 [Mp giải nghĩa là: “Tâm nên được (làm cho) ổn định, được bình tĩnh, và

được đạt định theo cách của tầng thiền định thứ nhất; và tương tự ... theo cách của tầng thiền định thứ hai ... ba ... tư.] (789)

790 [Chỗ này trong kinh gốc ông du sĩ cũng lặp lại từng mỗi loại người như

Phật đã làm. Nhưng tôi đã lược bỏ bớt cho gọn.] (790)

791 [Nguyên văn câu cuối: Abhikkantā h’esā potaliya yadidaṃ tattha tattha

kālaññutā. Mp diễn giải: “Đó là phẩm chất của người hiền trí, khi nào họ biết chắc là lúc thích hợp để nói lời chê trách người đáng bị chê trách và nói lời khen ngợi người đáng được khen ngợi.”] (791)

792 [Nguyên văn Pāli: suttaṃ, geyyaṃ, veyyākaraṇaṇ, gāthā, udānaṃ, itivutt-

akaṃ, jātakaṃ, abbhutadhammaṃ, vedallaṃ. Đây là chỉ những thể loại kinh đã được sắp xếp và kết tập trong 5 bộ kinh Nikāya. Giống chú thích ở kinh 4:06, chú thích (631).] (790)

793 [Phiên bản Ee kết thúc kinh 4:104 ngay chỗ đây, coi như kinh 4:104 chỉ

có mấy câu này. Và sau đó chuyển qua kinh 4:105 thì lại lấy những câu này làm phần mở đầu, và tiếp tục theo phần lời kinh kế tiếp. Như vậy, kinh 4:105 trong phiên bản Ee là giống hệt kinh 4:104 trong bản dịch này. Ee ghi dựa theo phần thi kệ tóm tắt (uddāna) có ghi là "có hai (kinh) hồ nước", nhưng bản gốc thì chỉ thấy có 01 kinh nói về hồ nước. Trong phần thi kệ, chữ dve honti có thể được hiểu như udakarahadā hay ambāni. Tôi làm theo Ce và Be, chọn theo cách hiểu thứ hai, và do vậy chỉ có 01 kinh hồ nước là kinh 4:104, và kinh 4:106 thì bỏ trống, không có lời kinh.] (793)

794 [Chữ này tôi đọc theo Ce và Be là kiṃ nu, khắc với Ee ghi là kathan nu.]

(794)

795 [Nguyên văn câu này: Pahitatto kāyena c'eva paramasaccaṃ sacchikaroti, paññāya ca ativijjha passati. Mp giải nghĩa: "thân" là thân của tâm, tâm-thân (nāmakāyena) (chứ không phải thân thể); "sự thật tối thượng" ở đây là Niết-bàn, và "trí-tuệ" ở đây là trí-tuệ của thánh đạo cùng với sự minh-sát.] (795)

796 [Tiếng Pāli chữ ṭhāna có thể có nghĩa là nơi, khả năng, trường hợp, tình

huống, nguyên nhân, trường hợp … Mp nói nó có nghĩa như chữ kāraṇa. Để chuyển tải ý nghĩa thích hợp, tôi diễn dịch nó là "trường hợp của những việc (mình làm)" và nhiều lúc chỉ đơn giản dịch là "việc mình làm, điều mình làm"] (796)

797 [Nguyên văn câu này: So na bhāyati samparāyikassa maraṇassa. Mp chú

giải rằng: "Những A-la-hán không sợ cái chết dù trong tương lai hay trong hiện tại. Ý lời kinh là chỉ riêng những bậc A-la-hán mà thôi. Tuy nhiên, một số người cho rằng, vì lời kinh có câu "đã tu tập chánh-kiến", cho nên ý lời kinh là chỉ tất cả những bậc thánh tư Nhập-lưu trở lên (chứ không riêng A-la- hán)." Tôi không chắc rằng cụm chữ samparāyikassa maraṇassa có nghĩa là cái chết trong một kiếp tương lai, như cách mà Mp đã ngầm hiểu như vậy. Tôi chỉ coi đó đơn giản có nghĩa là "cái chết trong tương lai", chủ yếu đề cập tới thời tương lai của một người trong kiếp này (và do vậy có thể đơn giản dịch là "cái chết sau này".] (797)

798 ["Chú trọng tới phúc lợi của chính mình" là dịch nghĩa chữ attarūpena.

Mp giải nghĩa là: "Thứ gì phù hợp với bản thân mình, thứ gì thích hợp, nghĩa là thứ người đó mong muốn cho phúc lợi của mình" (attano anurūpena anucchavikena, hitakāmenā ti attho).] (798)

799 [Chúng ta thấy có 03 loại sự say-sưa (mada) (tức làm say mê tâm trí)

trong kinh 3:39: là sự say-sưa (ỷ lại) với tuổi trẻ, sự say-sưa với sức khỏe, và sự say-sưa với sự sống. Vibh 345 [Be §832] còn đề cập tới những thứ khác làm say-sưa (đầu độc) cái tâm là: gia thế sinh ra, họ tộc, lợi lộc, sự được tôn trọng, sự giàu có, sắc đẹp, sự học thức … (đều làm cho con người say sưa (mê mải, mê muội) chạy theo đó mà bỏ lơ những sự thật 'vô thường, khổ, vô

ngã' hay cái thực trạng phũ phàng dễ thấy là 'sinh, lão, bệnh, tử'). Chữ mada này được lặp lại trong Vibh 350 [Be §§843–45] có liên kết với mada với chữ māna có nghĩa là: sự tự-ta (ngã mạn) và với chữ unnati có nghĩa là sự tự-tôn (tự đề cao mình, tự nâng hạng mình, tự cao).] (799)

800 [Nguyên văn câu cuối: Na ca pana samaṇavacanahetupi gacchati. Mp

diễn dịch: "Người đó không còn bị phất phơ nghiêng ngã bởi những lời nói của những tu sĩ khác đạo muốn đề cao những giáo thuyết của họ, muốn người đó dẹp bỏ cách-nhìn (chánh kiến) của mình và nghe theo những cách-nhìn (tà kiến) của họ. Ở đây (câu này) thực ra là chỉ (phẩm chất của) những bậc A-la- hán."] (800)

801 [Lời kinh này cũng có trong Đại Kinh Bát-niết-bàn (Mahāparinibbāna

Sutta), DN 16, mục 5.8. Tính từ "truyền cảm hứng" (thúc giục, gợi ý, làm xúc động cái tâm) là dịch chữ saṃvejanīya, được Mp cho là đồng nghĩa với chữ saṃvegajanaka (truyền cảm hứng một cảm-nhận về sự cấp-bách). Nhưng trong ngữ cảnh bài kinh này, nếu dịch là "truyền cảm hứng một cảm- nhận về sự cấp-bách" thì không hợp. Thay vì vậy, nghĩa lời kinh chỗ này là truyền cảm hứng về niềm-tin và sự kính-đạo.] (801)

802 [Bốn nơi (địa danh) đó lần lượt là: Lumbini, Bodhgaya, Isipatana (Sarnath), và Kusinārā: nơi Phật đản sinh, nơi Phật giác-ngộ, nơi Phật khai giảng Giáo Pháp, và nơi Phật bát niết-bàn.] (802)

803 [Nguyên đoạn (3) này mô tả về những hình phạt là giống hệt như đoạn (1)

trong kinh 2:01, mời coi thêm chú thích 216 trong kinh đó.] (803)

804 [Đoạn nói về hậu quả trong những kiếp sau này cũng giống hệt đoạn (2)

của kinh 2:01, chỉ khác là kinh này chỉ ghi "hậu quả xấu" (pāpako vipāko) còn kinh 2:01 thì ghi "hậu quả xấu và khổ đau" (pāpako dukkho vipāko). Do kinh 2:11 cũng thiếu tính từ "khổ đau" (dukkho) nên có thể là chữ "dukkho" chỉ là chữ một luận sư dùng để giải nghĩa chữ "xấu" (pāpako), rồi dần dà nó bị đưa luôn vào trong kinh 2:01.] (804)

805 [Mp chú giải: "Trong số những hiểm-họa này, (1) đối với người suy xét

về 'hiểm-họa phải tự trách mình', thì một [cảm-nhận] 'sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức' (lương tâm) được thiết lập ở bên trong (mình). Điều này sản sinh

bên trong người đó sự kiềm-chế ở 03 cửa (thân, miệng, tâm), và sự kiềm-chế đó chính là = giới-hạnh bốn phần. Dựa trên giới-hạnh đó, người đó tu tập sự minh-sát và đạt tới tới đạo quả cao nhất. (2) Đối với người suy xét về 'hiểm- họa bị quở trách bởi người khác', thì 'sự biết sợ-hãi việc làm sai trái' được thiết lập đối với bên ngoài (người khác). Điều này sản sinh bên trong người đó sự kiềm-chế ở 03 cửa, và sự kiềm-chế đó chính là = giới-hạnh bốn phần đã được thanh lọc. Dựa trên giới-hạnh đó, người đó tu tập sự minh-sát và đạt tới tới đạo quả cao nhất. (4) Đối với người suy xét về 'hiểm-họa của một nơi- đến xấu dữ', thì một 'cảm-nhận biết xấu hổ' được thiết lập đối với bên ngoài (người khác). Điều này sản sinh bên trong người đó sự kiềm-chế ở 03 cửa, và sự kiềm-chế đó chính là = giới-hạnh bốn phần đã được thanh lọc. Dựa trên giới-hạnh đó, người đó tu tập sự minh-sát và đạt tới tới đạo quả cao nhất." Riêng trường hợp thứ (3) thì không dẫn trực tiếp tới đạo quả cao nhất mà chỉ dẫn tới sự kiêng-cữ phạm vào năm-giới.] (805)

806 [Lời bài kinh này cũng có trong kinh MN 67, mục 14–20; (trong đó cách

dùng từ của Tỳ kheo Nanamoli có khác ít nhiều, ví dụ như trong MN thầy ấy dịch là: (đối với người lội xuống nước) (i) Sự sợ sóng nước, sự sợ cá sấu, sự sợ nước xoáy, và sự sợ cá mập, và (đối với những Tỳ kheo) (ii) Sự sợ-hãi như sợ sóng nước, sự sợ-hãi như sợ cá sấu, sự sợ-hãi như sợ nước xoáy, và sự sợ- hãi như sợ cá mập).] (806)

807 [Tiếng Pāli phân biệt 02 loại nhóm thức ăn: nhóm khādanīya và nhóm

bhojanīya. Nhóm sau gồm có cơm, cháo, những thứ từ các ngũ cốc khác, cá, và thịt; nhóm đầu gồm tất cả những thứ 'có thể dùng được để ăn' khác. Như vậy là, tương tưungs với 02 loại nhóm thức ăn này, có 02 động từ thuộc tiến hành cách đã được dùng để chỉ định thứ gì có thể ưn được, đó là: khāditabba và bhunjitabba, mà tôi đã dịch ở đây tương ứng là "những thứ có thể dùng được" (tính cả những thứ ăn sống được, chưa nấu chín, và đã nấu chín?) và "những thứ có thể ăn được" (đã nấu chín?).] (807)

808 [Mp chú giải: "Tầng thiền định thứ nhất có ba hạng: hạng thấp, hạng

trung, và hạng thượng. Đối với người được tái sinh thông qua (tầng thiền định) hạng thấp, tuổi thọ là 1/3 đại kiếp; đối với người được tái sinh thông qua hạng trung, tuổi thọ là 1/2 đại kiếp; và đối với người được tái sinh thông qua hạng thượng, tuổi thọ là 1 đại kiếp. Như vậy câu kinh này là chỉ (tầng

thiền định) hạng thượng." Về chi tiết những tuổi thọ trong các cõi theo mô hình được đưa ra bởi Phật giáo Trưởng Lão Bộ (Theravāda), mời coi thêm Vibh 422–26 (Be §§1022–28); CMA 196–99.] (808)

809 [Mp chú giải là: "Người đó 'đi xuống địa ngục' trong kiếp kế tiếp, theo

cái nghĩa chung là hiện thời người đó vẫn chưa trừ bỏ hết nghiệp dẫn xuống địa ngục; chứ không phải theo nghĩa là người đó phải bị tái sinh xuống địa ngục lập tức trong kiếp kế tiếp." Theo Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), một người chết đi từ cõi sắc-giới thì

không lập tức bị tái sinh trong một trong 03 cõi xấu dữ đày đọa đó; coi thêm CMA 226–27.] (809)

810 [Nguyên văn câu cuối này: Tasmiṃyeva bhave parinibbāyati. Mp nói: “Vị

đó chứng luôn Niết-bàn cuối cùng trong khi đang hiện hữu trong cõi sắc-giới đó; không bị rớt xuống cảnh giới nào thấp hơn.” (tức từ thiên thần chứng luôn bát niết-bàn).] (810)

811 [Chỗ này mời coi lại chú thích dài số 581 của kinh 3:116.] (811)

812 [Những thiên thần phóng quang thành dòng (devā ābhassarā; quang âm

thiên) là hạng thiên thần cao nhất trong 03 hạng cảnh giới của tầng thiền định thứ hai. Mp nói: “Tầng thiền định thứ hai có 03 hạng [cũng tương tự như cách 03 hạng của tầng thiền định thứ nhất đã nói trong chú thích 808 kế trên]. Đối với người được tái sinh thông qua (tầng thiền định) hạng thượng, tuổi thọ sẽ là 08 đại kiếp; hạng trung là 04 đại kiếp; và hạng thấp là 02 đại kiếp. Như vậy lời kinh ở đây chỉ (tầng thiền định) hạng thấp.”] (812)

813 [Những thiên thần hào quang chói lọi (devā subhakiṇhā) là hạng thiên

thần cao nhất trong 03 hạng cảnh giới của tầng thiền định thứ ba. Theo hệ thống Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), những tuổi thọ của 03 hạng thấp, trung, và thượng là 16, 32 và 64 đại kiếp. Do định nghĩa này bị mâu thuẫn với lời kinh chỗ này, Mp đã giải thích lời kinh ở đây là chỉ hạng thấp trong 03 hạng cảnh giới của tầng thiền định thứ ba. Tuy nhiên, cũng theo Mp, những thiên thần hào quang chói lọi thực ra lại là cao nhất trong 03 cõi thiên thần này, với tuổi thọ là 64 đại kiếp. Như vậy, ở đây dường như có một sự mâu-thuẫn giữa bài kinh và định nghĩa tuổi thọ của các hạng thiên thần theo hệ thông Phật giáo Trưởng Lão Bộ (Theravāda).”] (813)

814 [Những thiên thần phúc quả lớn (devā vehapphalā) là một hạng cảnh giới

tái sinh duy nhất tương ứng với tầng thiền định thứ tư. Con số tuổi thọ 500 đại kiếp là đúng theo định nghĩa của hệ thống Vi Diệu Pháp (Abhidhamma).] (814)

815 [Nguyên câu tả thực về năm uẩn là: Te dhamme aniccato dukkhato rogato

gaṇḍato sallato aghato ābādhato parato palokato suññato anattato samanupassati. Mp nói: “Trong 11 tính từ này, 2 tính từ—vô-thường và đang tan rã—chỉ đặc tính vô-thường. Tiếp theo, 2 tính từ—trống rỗng và vô ngã— chỉ về đặc tính vô-ngã. Và 7 tính từ còn lại chỉ đặc tính khổ. Bằng cách gán 03 đặc-tính này cho năm uẩn và nhìn thấy chúng như vậy, người đó đạt tới 03 thánh đạo và thánh quả. Sau khi tu tập tầng thiền định thứ tư, được vững chắc trong (cảnh giới) đó, thì ‘người đó được tái sinh trong số những thiên thần ở một cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên)’.”.] (815)

816 [Những cõi trong-sạch hay Tịnh cư thiên (suddhāvāsā) là 05 cảnh giới

hiện-hữu thuộc cảnh trời sắc-giới mà bậc thánh Bất-lai được tái sinh trong đó. Những bậc Bất-lai sẽ từ chỗ đó chứng luôn thánh quả A-la-hán chứ không quay xuống cõi nào thấp hơn. Coi thêm CMA 192–93.] (816)

817 [Trong kinh này, tâm-từ là tương ứng với tầng thiền định thứ nhất, tâm-bi

với tầng thiền định thứ hai, tâm-(tùy) hỷ với tầng thiền định thứ ba, và tâm-xả với tầng thiền định thứ tư. Tuy nhiên, theo hệ thống Phật giáo Trưởng Lão Bộ (Theravāda) thì cả 03 tâm từ, bi, hỷ vô lượng đầu tiên đều có thể dẫn tới tất cả 03 tầng thiền định đầu, chỉ trừ tầng thiền định thứ tư; và chỉ có tâm-xả vô lượng mới có thể dẫn tới tầng thiền định thứ tư. Coi thêm Vism 322,5–12, Ppn 9.111.] (817)

818 [Về những điều thần diệu khác nhau đã xảy ra từ lúc vị Bồ-tát (tức Phật)

nhập thai và sinh ra, coi thêm kinh MN 123.] (818)

819 [Mp giải thích: "Giữa mỗi hệ ba thế giới có một thế giới có khoảng trống

nằm giữa, giống như khoảng trống ở giữa ba bánh xe tiếp xúc nhau. Đây là vùng 'địa ngục nằm giữa những thế giới' (lokantarikanirayo), được cho là (có đường kính) lớn bằng 08 ngàn do-tuần (yojana, dặm Ấn)."] (819)

820 [Mp chú giải: "Những chúng sinh đó đã (bị) tái sinh trong cõi đó: Vì

những nghiệp gì mà những chúng sinh đó bị tái sinh trong cõi u minh địa ngục tối đen nằm giữa những thế giới? Họ tái sinh trong đó do họ đã gây ra những tội ác kinh khủng đối với cha mẹ, đối với những tu sĩ và bà-la-môn, và do những nghiệp ác như sát-sinh liên tục hàng ngày ... Nhưng những nhà truyền tụng bộ kinh dài DN thì nói rằng, sự chiếu sáng hào quang nhanh như một tia chớp chỉ trong khoảng thời gian bằng cái búng ngón tay rồi tắt, nhưng trong khoảng khắc đó họ vẫn kịp nhìn thấy (những chúng sinh khác) xung quanh mình, và họ thốt lên: 'Đó là gì vậy?'".] (820)

821 [Ālaya: tạm dịch là sự dính-mắc, sự ràng-buộc. Mp đã chú giải chữ này

theo nghĩa hẹp là chỉ năm đối-tượng khoái lạc giác quan (năm thứ dục-lạc), hoặc theo nghĩa rộng là chỉ toàn bộ vòng luân-hồi (saṃsāra).] (821)

822 [Anālaye dhamme: Giáo Pháp về sự không dính-mắc. Mp chú giải: đó

chính là "Giáo Pháp thánh thiện đối ngược với sự dính-mắc, dựa trên sự chấm-dứt vòng luân-hồi."] (822)

823 [Anupasama: sự phấn khích, sự khích động, tức sự bất an. Nghĩa gốc chữ

này là "thiếu bình-an, bất-an".] (823)

824 [Nguyên văn câu này: Avijjāgatā, bhikkhave, pajā aṇḍabhūtā pariyonaddhā. Ce và Be ghi như vầy, nhưng Ee có ghi thêm chữ andhabhūtā (trở thành bị mù, bị đui mù). Cách ghi của Ee mới nhìn có vẻ là lời kinh nguyên gốc hơn, nhưng ví dụ về con gà mái trong kinh 8:11 lại cho đó là chữ aṇḍabhūtā (trở thành như cái trứng) thì mới đúng. Mp

cũng chấp nhận chữ này và luận giải rằng: "bị bịt kín trong vỏ trứng của sự vô-minh, nó trở thành như (trong) một cái trứng" (avijjaṇḍakosena pariyonaddhattā aṇḍaṃ viya bhūtā ti aṇḍabhūtā). (Người dịch ghi luôn chữ "trong" cho dễ hiểu trong tiếng Việt).] (824)

825 [Coi thêm kinh dài DN 16, mục 5.16.] (825)

826 [Trong tiếng Pāli, 03 loại gông-cùm (kiết sử) đó lần lượt là: orambhāgiyāni saṃyojanāni, upapattipaṭilābhiyāni saṃyojanāni, bhavapaṭilābhiyāni saṃyojanāni. Mp phân biệt 02 loại sau với nguyên văn như vầy: "những gông-cùm để đạt được sự tái-sinh" là do nó một người đạt được sự tái-sinh kiếp sau (yehi anantarā upapattiṃ paṭilabhati); "những

gông-cùm để đạt được sự hiện-hữu" là những điều-kiện (duyên) để đạt được sự tái-sinhsự hiện-hữu (upapattibhavassa paṭilābhāya paccayāni). Rõ ràng nghĩa có khác nhau, theo những luận giảng, thì gông-cùm thứ 2 chỉ trói buộc một người bị tái-sinh ngay kiếp sau, còn gông-cùm thứ 3 thì trói buộc một người bị nhiều tái-sinh liên tục nhiều kiếp sau nữa. Nhưng quý vị cũng nên coi thêm chú thích 829 bên dưới Mp lại diễn dịch theo một cách khác nữa.] (826)

827 [Trước hết, tính luôn bậc Nhập-lưu thì cũng chưa dẹp bỏ hết những gông-

cùm (kiết sử) này, cho nên Mp đã giải thích rằng: "Bậc thánh Nhất-lai được nói ra ở đây là để chỉ bậc cao nhất trong số những bậc thánh chưa dẹp bỏ được gông-cùm nào." Mp-ṭ nói thêm: "Đó là những người chưa dẹp bỏ những gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử). Bởi vì trên bậc Nhất-lai thì không có bậc thánh nào chưa dẹp bỏ hết năm gông-cùm thấp hơn. Nhưng liệu có phải rằng những bậc Nhất-lai đã dẹp bỏ [một số] gông-cùm thấp hơn hay không, vì họ rõ ràng đã dẹp bỏ những gông-cùm là những tà-kiến, sự nghi- ngờ, và giới-cấm thủ? Nếu đúng là vậy thì tại sao lại nói rằng họ chưa dẹp bỏ những gông-cùm thấp hơn? Bởi vì những bậc Nhất-lai chưa dẹp bỏ những gông-cùm là tham-dục và sự ác-ý; do vậy nên câu nói rằng 'họ chưa dẹp bỏ những gông-cùm thấp hơn' là được nói với hàm ý chỉ những gông-cùm mà họ chưa dẹp bỏ. Câu đó không có nghĩa là họ chưa dẹp bỏ được gông-cùm nào."] (827)

828 [[Nguyên văn câu cuối chỗ này: Uddhaṃsotassa akaniṭṭhagāmino puggalassa. Chỗ này là chỉ hạng chậm-trễ nhất trong 05 hạng thánh Bất-lai; đây là người đang tiến dần dần từ cõi thấp đến cõi cao hơn trong 05 cõi trời trong-sạch (05 Tịnh cư thiên) và đang hướng thượng tới cõi cao nhất trong số đó là cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên). Loại người này cũng được nói ra để chỉ hạng còn thô tế nhất (trong 05 hạng thánh Bất-lai) là người vẫn còn dính những gông-cùm bị tái-sinh, mặc dù những hạng tinh tế nhạy bén hơn hơn của bậc Bất-lai cũng còn dính những gông-cùm này. (Tái-sinh ở đây là họ tái-sinh từ cõi thấp tới cõi cao trong 05 cõi trời trong-sạch đó, chứ không còn tái sinh lại cõi nào thấp hơn).] (828)

829 [Nguyên văn chữ này là "antarāparinibbāyī", có nghĩa là: chứng Bát-

Niết-bàn ở thời trung-gian (giữa hai khoảng thời gian). Lời tuyên bố này đã

gây ra sự khó-xử cho sự diễn-dịch truyền thống xưa giờ của Phật giáo nguyên thủy Trưởng Lão Bộ (Theravāda) về 05 hạng của bậc thánh Bất-lai, vốn dựa trên Pp 16–17 và phần luận giảng của nó là Pp-a 198–201. Cốt yếu của sự diễn-dịch này là sự từ-chối có một trạng thái trung-chuyển hay trung-hữu (antarābhava), (hay thân trung-ấm, trạng thái trung-hữu), nằm giữa 02 kiếp trước và sau. Sự từ-chối này làm phát sinh sự cần thiết phải diễn dịch chữ antarāparinibbāyī là một bậc Bất-lai đã chứng thánh quả A-la-hán trong nửa- đầu kiếp sau. Tuy nhiên, chữ antarāparinibbāyī nghĩa gốc như đã nói là "người chứng ngộ bát-Niết-bàn ở thời trung-gian", và dường như không có lý do chính đáng nào, dựa theo bài kinh, để từ chối một khả năng là có thể có những bậc Bất-lai, sau khi làm người và khi chết đi, đã chứng nhập trong một trạng thái trung-gian và chứng ngộ bát Niết-bàn từ trạng thái trung-gian đó, và nhờ vậy không cần [tránh được] sự tái-sinh lần nữa (trước khi bát-Niết- bàn). Điều này có lẽ chính là ý-nghĩa của câu kinh này, theo đó mới nói bậc thánh "antarāparinibbāyī" đã loại bỏ những "gông-cùm tái-sinh" nhưng vẫn chưa loại bỏ "gông-cùm hiện-hữu".

- Tôi có thảo luận một cách chi tiết về 05 hạng của bậc Bất-lai trong phần chú thích số 65 ở kinh SN 46:04 (Quyển 5)!

- Thêm nữa, quý vị có thể coi thêm các chú thích từ số (1535)(1538) ở kinh AN 7:55.

- Hoặc thêm nữa, quý vị có thể coi thêm "sự phân tích về lời kinh này" bởi học giả Harvey, trong Harvey 1995: trang 98–108.] (829)

830 [Nguyên văn câu này: Yuttappaṭibhāno no muttappaṭibhāno. Mp giải thích nghĩa là: "Khi trả lời một câu hỏi, người đó trả lời một cách đúng (yuttameva), nhưng không trả lời một cách nhanh chóng (sīghaṃ pana na katheti). Nghĩa nôm na là người đó trả lời một cách chậm chạp. Tương tự suy ra cách giải thích cho những trường hợp còn lại." Pp 42 [Be §152] định nghĩa giống nghĩa như vầy: "Một người khi được hỏi thì nói đúng nhưng nói không được nhanh thì được gọi là người có sự nhận định sáng suốt nhưng không trôi chảy" (idh'ekacco puggalo pañhaṃ puṭṭho samāno yuttaṃ vadati no sīghaṃ, ayaṃ vuccati puggalo yuttappaṭibhāno no muttappaṭibhāno).] (830)

831 [04 cụm chữ này là: ugghaṭitaññū, vipacitaññū [trong Ce và Ee; Be ghi:

vipañcitaññū], neyyo, padaparamo. Sự khác nhau về cách ghi đã cho ra sự chọn lựa giữa nghĩa dịch là "người hiểu được khi đã chín muồi" [dựa theo cách ghi của Ce và Be] và "người hiểu được sau khi đã được lặp lại" [dựa theo cách ghi của Be]. Đối với tôi cách ghi của Be có lẽ phù hợp đúng hơn với định nghĩa chính thức về loại người này trong những nguồn kinh luận khác. Tôi trích dẫn những định nghĩa trong Pp 41 [Be §§148–51] cùng với những sự giảng-nghĩa bởi luận giảng Pp-a 223: (1) "Người có sự hiểu liền là người đối với người đó sự đột-phát vào (sự hiểu thấu) Giáo Pháp (dhammābhisamaya) xảy ra cùng lúc lời nói được thốt ra. [Pp-a chú giải thêm: chữ

ugghaṭita có nghĩa là sự mở-ra hay sự mở-mang của sự-biết (ñāṇugghāṭana); nghĩa là người đó biết lập tức ngay khi sự-biết mở ra. Cùng lúc lời nói được thốt ra có nghĩa là: ngay khi [một câu nói về Giáo Pháp] được nói ra. Sự đột-phá (sự hiểu thấu) xảy ra cùng lúc với sự-biết về Giáo Pháp về Bốn Diệu Đế.]" (2) "Người hiểu được nhờ có sự lặp lại" là người đối với người đó sự đột-phát vào Giáo Pháp xảy ra sau khi ý nghĩa của điều được nói ra một cách vắn tắt được phân giải một cách chi tiết. [Pp-a chú giải thêm: Đây là người có khả năng chứng ngộ A-la-hán khi mà, sau khi một một lời đề-cương (toát yếu, matika) của Giáo Pháp đã được lập ra, ý nghĩa của nó được phân giải một cách chi tiết.]" (3) "Người cần được chỉ dẫn là người đối với người đó sự đột-phá vào Giáo Pháp xảy ra từ từ dần dà, thông qua sự chỉ dạy, sự vấn hỏi, sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), và sự dựa vào những đạo- hữu tốt." Và (4) "Người đối với người đó lời-nói là sự tối đa (chứ không đi xa hơn; là người học vẹc chứ không hiểu gì) là người—cho dù có nghe nhiều, tụng đọc nhiều, lưu nhớ nhiều trong tâm, và có chỉ dạy nhiều—cũng không đạt tới sự đột-phá nào vào Giáo Pháp trong kiếp đó."

- Nett 125 [Be §88] đã kết nối 04 loại người này với 04 loại sự thực-hành [coi thêm các kinh 4:161–162]: (1) Loại người đầu (ugghaṭitaññū puggala) với người được giải thoát bởi sự thực-hành dễ chịu + sự-biết trực tiếp nhanh chóng; (2) loại người thứ hai (vipañcitaññū puggala) với người được giải thoát bởi (i) sự thực-hành khổ + sự-biết trực tiếp nhanh chóng, hoặc bởi sự thực-hành dễ chịu + sự-biết trực tiếp chậm chạp, và (3) loại người thứ ba (neyya puggala) với người được giải thoát bởi sự thực-hành khổ + sự-biết trực tiếp chậm chạp. (4) Còn loại người thứ tư (padaparama puggala) là

không được giải thoát và do vậy 04 trường hợp thay thế như trên không áp dụng được.] (831)

832 [Mp: "Người sống nhờ kết quả của cố-gắng, không nhờ kết quả của nghiệp" nghĩa là: sống nhờ kết quả của sự cố gắng nỗ lực hàng ngày, nhưng không tích được phước quả gì từ cố gắng nỗ lực đó. "Người sống nhờ kết quả của nghiệp (nghiệp quả) chứ không sống nhờ kết quả của cố-gắng": đây là chỉ tất cả những thiên thần, họ đều sống hưởng phước-quả (ở cõi trời) chứ không cần bỏ công sức cố-gắng hay nỗ-lực gì cả. "Người sống nhờ kết quả của cố-gắng và kết quả của nghiệp": đây là chỉ những vua chúa, quan thần … và "Người sống không nhờ kết quả của sự cố-gắng cũng không nhờ kết quả của nghiệp": đây là chỉ những chúng sinh trong địa ngục (sống chỉ chịu đày đọa như chết liên tục chứ không có cơ hội nào để cố-gắng hay nỗ-lực, cũng không có phước quả gì để nhờ. Trong bài kinh này, chữ "kết quả của nghiệp" hay "nghiệp quả" là chỉ riêng phước-quả (quả của phước-đức) hay công-quả (quả của công-đức) mà thôi."] (832)

833 [Mp chú giải: "Ở đây, loại (1) là người phàm phu ngu dốt vô minh; loại

(2) là người phàm phu liên tục làm những điều bất thiện; loại (3) là những bậc học-nhân [Nhập-lưu, Nhất-lai, Bất-lai]; và loại (4) là những A-la-hán.] (833)

834 [Mp chú giải: "Ở đây, loại (1) là số đông người phàm phu; loại (2) là bậc

Nhập-lưu và Nhất-lai nhờ chỉ tu thiền minh-sát (minh-sát khô); loại (3) là bậc Bất-lai. Vì người chỉ tu thiền minh-sát khô cũng chứng đắc tầng thiền định tức-thời (sát-na định) khởi sinh dựa trên đối-tượng (thiền quán) của người đó (taṅkhaṇikampi upapattinimittakaṃ jhānaṃ paṭilabhati yeva), nên người đó cũng đạt sự định-tâm; đó là những bậc học-nhân [Nhập-lưu, Nhất-lai, Bất- lai]; và loại (4) là những A-la-hán. Bài kinh kế tiếp cũng được hiểu theo cách hiểu tương tự như vầy.] (834)

835 [Về 04 loại trí-biết (mang tính) phân tích (paṭisambhidā; vô ngại giải trí),

mời coi chú thích 875 ở kinh 4:172 bên dưới.] (835)

836 [“Sự vắng-lặng”: ngay chỗ này, và cả trong kinh kế tiếp, tôi đọc theo Ce

và Ee ghi là samatho; khác với Be ghi là sammasanā.] (836)

Chú Thích • 347

837 [Thông thường thì danh sách của các căn (indriya) và các năng-lực (bala)

gồm 05 thứ, với trí-tuệ (paññā) là cái thứ năm. Về các định nghĩa về năm căn, coi thêm các kinh SN 48:9–10. Về năm năng-lực, coi thêm kinh AN 5:14.] (837)

838 [Nguyên văn câu này: Cattāri kappassa asaṅkheyyānī. Mặc dù là “không

thể tính được” [Ce và Ee ghi asaṅkheyya; Be ghi asaṅkhyeyya], nhưng độ dài của thời kỳ này thực ra là hữu lượng. Về những ví dụ (rất hay của Phật) để minh họa độ dài của một đại kiếp—được nói là khó mà tính được bằng con số—mời quý vị coi thêm các kinh SN 15:05, SN 15:06 (Quyển 2). Và, về số lượng đại kiếp đã “trôi qua”, mời quý vị coi thêm các kinh SN 15:07, SN 15: 08 (Quyển 2).] (838)

839 [Mp giải thích có 03 cách tan-hoại mà một đại kiếp xảy ra: bằng nước,

bằng lửa, và bằng gió. Khi một đại kiếp bị hủy diệt bởi lửa, nó tốn thời gian bằng tuổi thọ của những thiên thần phóng quang thành dòng (Quang âm thiên; 02 đại kiếp vũ trụ). Khi một đại kiếp bị hủy diệt bởi nước, nó tốn thời gian bằng tuổi thọ của những thiên thần hào quang chói lọi (Biến tịnh thiên; 04 đại kiếp). Khi một đại kiếp bị hủy diệt bởi gió, nó tốn thời gian bằng tuổi thọ của những thiên thần có phước quả lớn (Quảng quả thiên; 500 đại kiếp).] (839)

840 [Mp giải nghĩa là: “Người đó không biết hài lòng bởi 04 thứ thiết-yếu theo

cách của 03 loại sự biết hài-lòng.” Coi lại chú thích số 55 ở kinh 1:65.] (840)

841 [Chữ “đầy toan tính” (có mưu mô) là dịch chữ saṅkhāya: nghĩa gốc là “đã

có tính toán”. Mp nói chữ này chỉ một người cố gắng làm ra vẻ để cho những gia đình có ấn tượng tốt về người đó [để họ cúng dường tốt cho người đó]. Câu cuối cùng của đoạn (4) nghe giống nghĩa một câu tiếng lóng của người Anh (để chỉ số người dân của họ đầy mưu tính và giả tạo).] (841)

842 [Ee ghi là: gambhīresu … ṭhānaṭṭhānesu, có thể dịch là: “nhiều vấn đề

sâu sắc khác nhau" (giống cách dịch của thầy Sujato). Có thể rằng chữ ṭhānaṭṭhānesu là cách ghi nguyên gốc hơn, rồi sau đó nó bị đổi thành chữ ṭhānāṭṭhānesu do sự ảnh hưởng bởi cách ghi sau là phổ biến hơn. Nhưng vì Mp đã chú giải như thể chữ sau là cách ghi đúng, dễ thấy rõ rằng chữ

ṭhānāṭṭhānesu đã có ít nhất vào thời của luận sư của Mp. Trong kinh MN 115, mục 12–19, Phật cũng có giảng giải cách mà một Tỳ kheo là "thiện khéo về điều có thể và điều không thể" (ṭhānāṭhānakusalo).] (842)

843 [Thật là khó hiểu rằng thầy Ānanda đã đi đến chỗ Tỳ kheo ni đó mà đi

một mình, không có một Tỳ kheo khác đi theo thầy. Vì hầu như luôn luôn rằng, khi một Tỳ kheo đến thăm một người xuất gia hay đệ tử tại gia, cho dù người đó là nam hay nữ, thì Tỳ kheo phải luôn đi chung với Tỳ kheo khác, chứ không đi một mình. - Theo như bản Hán tạng của kinh này [SĀ 564 (T II 148a13–148c10)] thì khi thầy Ānanda đi đến từ xa, Tỳ kheo ni đó đã cởi đồ để lộ thân thể. Khi thầy Ānanda nhìn thấy ni ấy lộ thể, thầy ấy đã kiềm chế các giác-quan và quay mặt chỗ khác. Ni đó cảm thấy xấu hổ và mặc áo lại. Rồi ni ấy mời thầy Ānanda chỗ ngồi, kính lễ thầy, và ngồi xuống một bên. Chỉ riêng tình tiết này là khác, còn lại nội dung là giống hệt như kinh của bản Pāli (đang dịch ở đây).] (843)

844 ["Sự phá bỏ cây cầu" hay "sự cắt cầu" (setughāto vutto bhagavatā). Mp

giải thích: "sự phá bỏ cây cầu (setughātaṃ): là (gồm 02 việc) phá bỏ tình trạng đó và phá bỏ điều-kiện (phá duyên) tạo ra nó (padaghātaṃ paccaya- ghātaṃ)." Cách nói này cũng có trong kinh 3:74, và coi thêm chú thích 496 ở kinh đó.] (844)

845 [Mp giải thích câu này nghĩa là: "Dựa vào (nguồn) dưỡng-chất hiện tại từ

những thức-ăn, người đó dùng nó một cách kỹ càng (như lý tác ý: ăn một cách có suy xét lợi và hại đối với tâm và nghiệp của mình), người đó dẹp bỏ (nguồn) dưỡng-chất có trong nghiệp quá khứ; nhưng dục-vọng đối với những thức-ăn hiện tại thì nên bị dẹp bỏ; (tức là ăn mà không tham ăn, ăn để nuôi thân chứ không phải vì ham thích ăn uống, khoái sướng).] (845)

- (Nhân tiện, khi nói về "cảm-giác cũ" kế trên, trong kinh khác có chú thích là: "cảm-giác cũ": cảm giác đói khát; "cảm-giác mới": cảm giác (trong tâm) thèm khát, khoái thích, mê ghiền những món ăn đó; "sống (an trú) được an ổn": là sau khi ăn không bị khó chịu, mệt mỏi, buồn ngủ, không bị hôn trầm (khi thiền tập vào buổi chiều hay tối), và không bị chê trách do ham ăn ham uống.)

846 [Bản Hán tạng của kinh này ghi chỗ này là: "Này ni, bằng cách không thả

mình phóng túng, một người dẹp bỏ và cắt đứt ham muốn dâm-dục, là cầu nối ()." Dường như chữ setughāto chắc hẳn là một thành ngữ có nghĩa là mọi thứ kết nối hay cầu nối với một trạng thái nào đó nên bị phá hủy. Mp nói rằng khi thầy Ānanda nói

những lời cuối trong bài kinh thì sự ái-tình của Tỳ kheo ni đó đối với thầy ấy đã biến mất luôn.] (846)

847 [“Bậc Phúc Lành” là cách dịch chữ “Sugata” (bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề); chữ

này có nghĩa gốc: “đã đi một cách thiện khéo; thiện thệ” (nên thường được dịch (HV) là bậc Thiện Thệ). Đây là một danh từ mô tả đặc tính (danh tính từ) thường được dùng nhiều nhất để chỉ Đức Phật, đôi khi cũng được dùng để chỉ một đệ tử là A-la-hán.] (847)

848 [Nguyên văn câu này: Bhikkhū duggahitaṃ suttantaṃ pariyāpuṇanti dunnikkhittehi padabyañjanehi. Coi thêm kinh 2:20, (và kinh 5:156). Tôi làm theo sự gợi ý của nhà sư Brahmāli là chữ suttantaṃ ở đây có một hàm nghĩa số nhiều; ví dụ, coi Vin III 159,12, và Vin IV 344,21.] (848)

849 [Ce thiếu phần thi kệ tóm tắt (uddāna) ở cuối NHÓM này. Do vậy tôi đặt

các tên kinh dựa theo Be.] (849)

850 [Nguyên văn Pāli: dukkhā paṭipadā dandhābhiññā, dukkhā paṭipadā khippābhiññā, sukhā paṭipadā dandhābhiññā, sukhā paṭipadā khippābhiññā.] (850)

851 [Nguyên văn câu cuối này: anantariyaṃ pāpuṇāti āsavānaṃ khayāya. Chữ ānantariya là hiếm thấy trong các bộ kinh, vì vậy nghĩa thực của nó ở đây phải được xác định theo cách suy luận. Một manh mối là kinh Châu Báu (Ratana Sutta, Sn 226) có nói: yam buddhaseṭṭho parivaṇṇayī suciṃ samādhim ānantarikañña̧m āhu. Sự khác nhau giữa chữ ānantarika và ānantariya là không đáng kể, vì những tiếp vĩ ngữ -iya và -ika thường được dùng hoán đổi lẫn nhau. Một manh mối khác là kinh SN 22:81 (Quyển 3), trong đó Phật đã nói câu hỏi như vầy: “Theo cách nào một người biết và thấy để chứng ngộ sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm?” (evaṃ … jānato evaṃ passato anantarā āsavānaṃ khayo hoti); [“lập tức” theo nghĩa gốc là “không qua trung gian”]. Một manh mối khác khác trong kinh AN—3:102 và 5:23—có

nói về cái tâm được “đạt định một cách đúng đắn (thích hợp) để đạt tới sự tiêu-diệt ô-nhiễm” (sammā samādhiyati āsavānaṃ khayāya). Cũng coi thêm kinh 5:170, nói về một số điều-kiện “như vậy để ngay lập tức sau đó xảy ra sự tiêu-diệt ô-nhiễm” (anantarā āsavānaṃ khayo hoti). Như vậy, chữ “‘điều- kiện tức thì’” được dịch ở đây dường như là một trạng thái trong đó tâm được đạt-định một cách đúng đắn (thích hợp) và nó, cùng lúc, đạt được trí-tuệ dẫn đến sự diệt sạch ô-nhiễm. Mp có chú giải chữ ānantariya bằng cách đề cập đến khái niệm trong Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) về sự kế tục lập-tức từ thánh đạo qua thánh quả, như vầy: “Cái “điều-kiện tức thì” là sự định-tâm của đạo, nó lập tức tạo ra đạo quả” (anantaravipākadāyakaṃ maggasamādhiṃ). Mặc dù các kinh không dung cái ‘khuôn-mẫu’ của tiến trình nhận-biết vốn nằm ẩn dưới khái-niệm về những khoảng-khắc (sát-na) của đạo và quả, nhưng lời diễn đạt “điều-kiện lập tức” đã gợi ý có một trạng thái của sự chín-muồi hoàn toàn để đột phá tới thánh quả A-la-hán.] (851)

852 [05 năng-lực của bậc học-nhân (sekhabalāni) này được định nghĩa trong

kinh 5:2, chúng có phần khác với 05 năng-lực nằm trong 37 phần tu trợ giúp giác-ngộ (37 phần trợ đạo, 37 bồ-đề phần).] (852)

853 [Ở đây, chữ sameti (làm tĩnh lặn, làm lắng lặn) là một sự bổ sung vào

công-thức thông thường, với mục đích đưa thêm sự tu tập này dưới chủ đề "sự tu-tập làm lắng lặn", (ví dụ như làm lắng lặn các hành tạo-tác).] (853)

854 [Mp nói rằng, đối với Ngài Mục-kiền-liên, 03 thánh đạo đầu tiên thành

tựu được là nhờ 'cách tu sướng mà chậm tới trí-biết trực tiếp', nhưng thánh đạo A-la-hán thì được chứng ngộ nhờ 'cách tu khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp'. Trong kinh 7:61 chúng ta đọc thấy thầy Mục-kiền-liên thường phải vật lộn với sự buồn-ngủ (hôn trầm) trong khi tu tập để chứng đắc A-la-hán. Thầy ấy thường bị tụt lùi và cần sự giúp đỡ của Phật để tiến bộ hơn, như được kể lại trong dãy kinh SN 40:01–09 (Quyển 4).] (854)

855 [Trong kinh này, cụm chữ kāyassa bhedā (khi thân tan rã, hay với sự tan

rã của thân) không được theo sau bởi cụm chữ paraṃ maraṇā (sau khi chết) như chúng ta thường thấy trong rất nhiều kinh khác. Sự bỏ bớt này dường như do cố ý. Có lẽ mục đích để chỉ rằng người được mô tả như vậy có thể chứng ngộ Niết-bàn ngay thời khắc chết, chứ không phải (sau khi 'chết rồi'

và) tiếp tục qua một sự hiện-hữu khác thì mới Niết-bàn.] (855)

856 [Theo như nội dung của bài kinh này, sự phân biệt giữa việc dùng 'những

đối-tượng đáng ghê-tởm' và 'những tầng thiền định' sẽ quyết định người tu sẽ chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm (sasaṅkhāraparinibbāyī) hay không cần sự cố-gắng thêm (asaṅkhāraparinibbāyī). Sự phân biệt giữa 'năm- căn là yếu ớt' và 'năm-căn là nổi trội' sẽ quyết định người tu chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này (diṭṭh'eva dhamme) hay khi thân tan rã (kāyassa bhedā). Mp nói rằng: loại người (1) và (2) là những người tu thiền minh-sát khô (sukkhavipassakā) (tức không tu thiền định), là những người lấy 'những hiện-tượng có điều-kiện' (pháp hữu vi) làm đối-tượng thiền (saṅkhāranimittaṃ upaṭṭhapenti) để chú-tâm vào đó (thiền quán). Chữ sasaṅkhārena được giải nghĩa là = sappayogena, điều này cũng ủng hộ cách diễn dịch của tôi là: "nhờ sự cố-gắng, thông qua sự cố-gắng". Hai loại người còn lại (3) và (4) là những người chọn 'thiền-định là cỗ xe tu tập (tu thừa)' (samathayānikā) của họ. (Tương tự giống 04 loại người được nói trong kinh 4:163 ở trên).] (856)

857 [Tôi đọc theo Ce và Be ghi chữ maggehi, khác với Ee ghi aṅgehi. Chữ sau

có lẽ sai do lỗi biên tập. Mặc dù Mp không chú giải về chỗ này, nhưng đoạn văn được đọc trong Paṭis II 92,9, và được chú giải trong Paṭis-a III 584,24– 25, theo một cách cần chữ maggehi là cần phải có, như vầy: Catūhi maggehī ti upari vuccamānehi catūhi

paṭipadāmaggehi, na ariya-maggehi (Bằng bốn con-đường: bằng bốn con-đường (cách thức) tu tập được trình bày tiếp theo trong bài kinh, chứ không phải bằng (bát thánh đạo).).] (857)

858 [Mp giải thích đây chính là con-đường vượt trên thế gian (đạo siêu thế),

nhưng Mp-ṭ thì nói rằng: "Đây được nói với sự tham chiếu tới thánh đạo Nhập-lưu (sotāpattimagga), nhưng nghĩa của đoạn này có thể được hiểu một cách đơn giản theo cách là phần đạo thế tục [thuộc bước chuẩn bị]" (lokiyamaggavasen'eva).].] (858)

859 [Mp và Mp-ṭ đều nói rằng bởi do không có sự tu tập và tu dưỡng [con-

đường] đạo siêu thế [nó chỉ kéo dài trong một khoảng-khắc (sát-na) tâm] nên người đó tu tập và tu dưỡng phần đạo thế tục [thuộc bước chuẩn bị] (pubbabhāgiyo lokiyamaggo) cho mục đích chứng đắc những phần đạo siêu

thế cao hơn. Rồi những gông-cùm được dẹp bỏ và những khuynh-hướng tiềm- ẩn được bứng bỏ lần lượt bằng những chặng thánh đạo (maggappaṭipāṭiya pahīyanti byantī honti).] (859)

860 [Mp: "Đây là một người một cách tự nhiên đạt được sự minh-sát (tuệ).

Dựa trên sự minh-sát, người đó tạo ra sự định-tâm (định)."] (860)

861 [Nguyên văn cụm chữ này: Yuganaddhaṃ bhāveti. Mp nói rằng mỗi lần

người tu chứng định (samāpatti), người đó khám phá nó theo cách của hiện- tượng hữu vi [có điều-kiện] của nó. Và sau khi khám phá hiện-tượng hữu vi của nó, người đó chứng nhập trong tầng chứng định kế tiếp. Như vậy là: sau khi (1) chứng đắc tầng thiền định thứ nhất, người đó thoát ra và khám phá hiện-tượng hữu vi của nó là 'vô-thường, khổ, vô-ngã'. Sau đó (2) chứng nhập tầng thiền định thứ hai, và thoát ra, và khám phá hiện-tượng hữu vi của nó … (và tiếp tục như vậy) … (8) chứng nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ. Tuy nhiên, vì chữ yuganaddha có nghĩa gốc là "được gông với nhau, trói với nhau" cho nên có một số người đã dịch thuật ngữ này theo nghĩa rằng: trong cách tu này thì sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ) xảy ra đồng lúc với nhau. Hệ thống các luận giảng không công nhận có khả năng này, nhưng một số kinh có lời kinh gợi ý và được hiểu như thể rằng sự minh-sát (tuệ, quán) có thể xảy ra bên trong tầng thiền định (jhāna) và không đòi hỏi người thiền phải thoát-ra trước bắt đầu khi thiền quán. Đặc biệt coi kinh AN 9:36; cũng coi thêm kinh MN 52, mục 4–14, MN 64, mục 9–15.] (861)

862 [Chỗ này các phiên bản kinh ghi khác nhau. Ee ghi là dhammuddhacca-

viggahītamanā; đuôi chữ -manā nghĩa là ngờ vực, hoài nghi. Be ghi là - viggahītaṃ mānasaṃ. Ce ghi là -viggahītaṃ mānaṃ. Chữ manā và mānasaṃ đều có thể được dịch là "tâm", nhưng chữ mānaṃ thì thường có nghĩa là "sự tự-ta" (ngã mạn). Bản dịch tiếng Sinhala (Tích Lan cổ) hình như cũng ủng hộ nghĩa này, vì nó không dịch mānaṃ là "tâm" mà nó diễn dịch mānaṃ là adhimānaya (Pāli: adhimāna) có nghĩa là "sự đánh giá quá cao bản thân, sự tự cao, tự đắc" như để nói về cái "sự tự-ta" (ngã mạn)—là

ngược lại với cái "tâm"—đang "bị nắm giữ bởi sự bất-an" thì không hữu lý hữu nghĩa cho lắm. Mp giải nghĩa thuật ngữ này mà không xác định chủ-thể là gì: "Bị nắm giữ, bị nắm giữ hoàn toàn, bởi sự bất-an, đó là nằm trong 10 sự sa-sút của sự minh-sát (dasa vipassan'upakkilesā; coi thêm Vism 633–38, Ppn 20.105–28

nói về các pháp (dhamma) là sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ)." Bản thân lời kinh ở đây thì không có chữ nào nói về thứ gì dính tới những sự sa- sút của sự minh-sát. Tôi thì hiểu người được mô tả ở đây là một người tu có suy xét (quán chiếu) một cách sâu sắc về Giáo Pháp, có được một cảm-nhận về sự cấp-bách, và rồi cuối cùng đã ổn định và đạt được sự minh-sát (tuệ) sau khi đã gặp được những điều-kiện hỗ trợ (trợ duyên). Trong câu kế tiếp của lời kinh, chữ được dịch là "tâm" là chữ cittaṃ.] (862)

863 [Phần (I) của kinh này là giống phần [iii] của kinh SN 12:25 (Quyển 2),

trong kinh đó Ngài Bhūmija nói với Ngài Ānanda.] (863)

864 [Mp đã chú giải chiếu dựa theo khuôn-mẫu của Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) về các loại tâm thức (citta); coi thêm CMA 32–40, 46–64. Tôi tóm lược sự chú giải của Mp như vầy: Sự cố-ý của thân (thân tư) là thuộc 20 loại theo cách của 08 loại tâm thức (citta) thiện và 12 loại tâm thức bất thiện thuộc dục giới. Cũng tương tự vậy đối với sự cố-ý của lời-nói (khẩu tư). Nhưng sự cố-ý của tâm thì gồm có những loại tâm thức này cộng với 09 loại sự cố-ý siêu vời (mahaggata) (các người dịch trước dịch là đại-hành vì nghĩ từ maha- là mahā-)—đó là sự cố-ý có nối kết với 05 tầng thiền định sắc giới (jhāna) [theo định nghĩa của Vi Diệu Pháp] và 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới.

- Do có sự cố-ý của thân (thân tư) nên ở đó khởi sinh sự sướng do điều-kiện (duyên) bởi 08 loại nghiệp thiện, và sự khổ do điều-kiện (duyên) bởi 12 loại nghiệp thiện, đó chính là nghiệp được tạo ra ứng với những loại chủ-động của thức. Cũng tương tự cách như vậy đối với 02 cửa kia (lời-nói và tâm). Vô-minh là một điều-kiện (duyên) (avijjāpaccayā va) bởi vì: hễ khi có vô- minh thì có sự cố-ý (tư) xảy ra trong 03 cửa làm điều-kiện (duyên) tạo ra sự sướng và sự khổ. Do vậy lời tuyên bố của kinh này muốn chỉ ra chính vô- minh là nguyên nhân gốc rễ. Sự sướng và khổ khởi sinh "ở bên trong" (ajjhattaṃ) là khi chúng khởi sinh bên trong một người. Chữ này dường như muốn nhấn mạnh khía cạnh báo ứng (chịu trách nhiệm, thưởng phạt) của nghiệp (kamma).

- (Mời coi thêm các chú thích quan trọng trong đoạn kinh song hành là SN 12:25 (Quyển 2), phần [iii].).] (864)

865 [Mp chú giải 04 hành-động này là: "(i) Một người hành động do tự-phát

(sāmaṃ) là người đó phát khởi hành-động không do sự kích giục từ người khác. (ii) Một người hành động do bị kích-giục của người khác là do có người khác xúi giục, khuyến khích hay ra lệnh mà làm. (iii) Người hành động do cố-ý là hành động với sự rõ-biết (sampajāno, sự tỉnh-giác), là người đó biết rõ điều thiện và điều bất thiện là ra sao và

những kết quả tương ứng là ra sao. (iv) Nếu một người hành động do vô-ý là do không hiểu được những điều trên, tức hành động mà không có sự rõ-biết.”] (865)

866 [Nguyên văn: Imesu bhikkhave dhammesu avijjā anupatitā. Mp chú giải

rằng: “Vô-minh nằm trong những trạng thái cố-ý mới được phân tích ở trên, nó có chức năng vừa là điều-kiện cùng tồn tại (duyên đồng hữu) vừa là điều- kiện hỗ trợ và định đoạt (duyên trợ quyết) (sahajātavasena ca upanissayavasena ca). Do vậy ở đây đã chỉ ra vòng luân-hồi hiện-hữu và gốc rễ của nó, chính là vô-minh.”] (866)

867 [Mp nói: “Chúng ta thấy những A-la-hán hành động bằng thân. Thấy họ

vẫn quét sân đền, quét lá bồ-đề, đi và về, làm những công việc phận sự … vân vân, nhưng trong trường hợp của họ thì 20 sự cố-ý (tư) xảy ra ở cửa thân đã không còn tạo ra những nghiệp quả (avipākadhammataṃ āpajjanti). Ở đây là chủ ý muốn chỉ sự cố-ý xảy ra ở của thân bằng từ “thân”—Cách chú giải tương tự cho 02 cửa kia.” Mp-ṭ thì chú giải: “Khi những A-la-hán thực hiện những hành-động, thì theo cách nào là họ không tạo thân nghiệp hay những loại nghiệp khác? Là theo cái nghĩa những hành-động này không mang những quả, vì một hành-động (nghiệp) được làm bởi một A-la-hán là không còn thiện hay bất thiện, mà chỉ đơn thuần là một hoạt-động (kiriyamatta) mà thôi cho nên nó không tạo ra những quả.”.] (867)

868 [Mp diễn dịch: “‘ruộng đất’, ‘căn cứ’ … là danh từ để chỉ những nghiệp

thiện và nghiệp bất thiện. Bởi vì đó là ruộng-đất (khetta) theo nghĩa là một nơi kết quả phát sinh; căn-cứ (vatthu) theo nghĩa là nền tảng; cơ-sở (āyatana) theo nghĩa là nguyên nhân; nơi-chốn hay địa-chỉ (adhikaraṇa) theo nghĩa là nơi xảy ra.” (So sánh với chú thích tương tự nhưng hơi khác bởi luận giảng Spk ở kinh SN 12:25 (Quyển 2).] (868)

869 [Phần (II) này thì Ee coi là một kinh mới, và do vậy sự đánh số kinh của

Ee lúc này là nhiều hơn sự đánh số kinh của tôi là 01 số. Cả Ce và Be, cũng đồng tình với Mp, đã coi phần (I) và phần (II) là 01 kinh duy nhất.Trong khi đoạn này chắc chắn giống như sự bắt đầu của một kinh riêng mới, và có lẽ do ban đầu Mp đã coi nó là phần liên tục khi nó chú giải phân-tích về sự cố-ý như được ghi ở trên. Mp đã nói rằng cho tới chỗ này Phật đã chỉ ra nghiệp được tích lũy ở 03 cửa; và giờ Phật bắt đầu chỉ ra những nơi mà nghiệp chín muồi.

- “Sự thu-nạp sự hiện-hữu cá thể” (danh-tánh sanh y) là tạm dịch chữ attabhāvappaṭilābha, chính là một sự hiện-hữu cá thể (danh tánh), là sự kết- hợp của thân và tâm cấu thành một sự-sống riêng biệt. (Chữ này HT. Thích Minh Châu dịch là “cách được ngã tánh”).] (869)

870 [Mp nhận dạng những chúng sinh ở đây chính là những thiên-thần bị suy

đồi do ham vui chơi (khiḍḍāpadosikā devā). Trong khi họ đang thụ hưởng những dục-lạc cõi trời trong cõi tiên bồng của họ, nhiều lúc họ quên cả ăn uống, và do họ thường bỏ ăn bỏ uống nên họ bị gầy héo như cành hoa phơi dưới nắng. Coi thêm giải

thích trong Bodhi 2007: 159–60.] (870)

871 [Mp chú giải rằng: đây chính là những thiên-thần bị suy đồi do tâm trí

(manopadosika devā), là những thiên thần sống trong cõi trời Tứ Đại Thiên Vương. Khi họ tức giận với nhau, thì sự tức giận lẫn nhau của họ trở thành nguyên nhân cả hai bên đều qua đời. Coi thêm giải thích trong Bodhi 2007: 160–61.] (871)

872 [Mp chú giải rằng: đây chính là chúng sinh con người. Vì người đời có

khi tự giết mình, có khi người khác giết họ. Do vậy họ cứ chết do chính sự cố-ý của mình hay do sự cố-ý của người khác.] (872)

873 [Mp: "[Hỏi:] Tại sao thầy Xá-lợi-phất đặt ra câu hỏi này? Có phải do thầy

ấy không thể tự trả lời? [Đáp:] Thầy ấy có thể tự trả lời, nhưng thầy ấy không nói ra vì thầy ấy nghĩ 'Vấn đề này thuộc lãnh địa của Phật'." (tức để Phật trả lời thì phải lý phải đạo hơn).] (873)

874 [Mp nói: "Trong nhóm (loại (4) này): những người quay-lại trạng thái

hiện-hữu này (āgantāro itthattaṃ) là những người trở lại năm-uẩn trong những cõi dục-giới (như người, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục); họ không tái

sinh lại trong cõi trời đó [cõi trời họ đang ở và qua đời] hay cõi trời cao hơn nào khác. Còn những người không quay-lại trạng thái hiện-hữu này (āgantāro itthattaṃ) là những người không trở lại năm-uẩn cũng không tái sinh trong những cõi thấp hơn; có thể họ tái sinh lại ngay trong cõi trời đó hoặc trong một cõi trời cao hơn đó, hoặc chứng luôn Niết-bàn cuối cùng ở đó. Khi nói họ có thể 'được tái sinh trong cõi trời cao hơn cõi đó' là nói cho những thiên-thần đang hiện-hữu trong những cõi trời thấp hơn. Nhưng từ cảnh phi tưởng phi phi tưởng xứ thì không còn sự tái sinh trong cõi trời nào cao hơn nữa.]

- (Nhân tiện, từ câu cuối đoạn (b) bên dưới cho thấy, ý Phật nói: khi người tu đã trừ bỏ được năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), thì người đó sẽ thành bậc thánh Bất-lai trở lên, tức không còn bị tái sinh lại thành 'cá thể hiện hữu' trong những cõi dục-giới đầy khổ đau như cõi người, súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục!) (874)

875 [Nguyên văn 02 chữ cuối là: odhiso vyañjanaso tạm dịch là: theo cách

những sự phân-chia và sự hình-thành của nó. Mp đã giải nghĩa 02 chữ này lần lượt là = kāraṇaso akkharaso (theo cách của những lý-do [hay những trường-hợp] và theo cách của câu chữ). Nghĩa ở đây là không hoàn toàn rõ đối với tôi và luận giảng Mp-ṭ cũng không giải thích như vậy.

- (A) Những trí-biết mang tính phân tích (paṭisambhidā) đã được giảng giải trong Vism 440–43, Ppn 14.21–31, dựa trên cơ sở của Vibh 292–94 (Be §§718–24), trong đó phân tích chúng theo mấy góc độ khác nhau. Tóm tắt là: (i) Trí-biết về ý-nghĩa là loại trí-biết mang tính phân tích về ý-nghĩa (atthapaṭisambhidā); (ii) trí-biết về Giáo Pháp là trí-biết

mang tính phân tích về Giáo Pháp (dhammapaṭisambhidā); (iii) trí-biết về cách biểu đạt và trình bày về Giáo Pháp là trí-biết mang tính phân tích về ngôn-ngữ (niruttipaṭisambhidā); và (iv) trí-biết về những sự-biết về sự nhận-biết (paṭibhānapaṭisambhidā). Loại trí-biết mang tính phân tích thứ tư này có lẽ là chỉ cái năng-lực có thể áp dụng cùng-lúc 03 loại trí-biết trên để có thể thuyết trình và truyền đạt Giáo Pháp một cách tường tận.

- (B) Theo một cách nhìn về mặt triết học hơn, thì attha được coi là quả của một nhân (hetuphala) và dhamma là một nhân (hetu) tạo một hiệu quả. Vì

vậy loại (i) trí-biết mang tính phân tích về ý-nghĩa đã được coi là tương quan với trí-biết về diệu đế 1 và diệu đế 3; (ii) trí-biết mang tính phân tích về Giáo Pháp thì được coi là tương quan diệu đế 2 và diệu đế 4. (i) Trí-biết mang tính phân tích về ý-nghĩa là sự-biết về mỗi yếu-tố của 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (vòng duyên khởi) trong vai trò của nó là một quả vốn đã khởi sinh từ một điều-kiện (duyên), {ví dụ sự sinh-ra là quả khởi sinh từ điều-kiện (duyên) là sự hiện-hữu kế trước nó}, và (ii) trí-biết mang tính phân tích về Giáo Pháp là sự-biết về mỗi yếu-tố đó trong vai trò của nó là một điều-kiện (duyên) tạo ra sự khởi sinh của một quả, {ví dụ sự hiện-hữu là một điều-kiện (duyên) làm khởi sinh sự-sinh kế sau nó}.] (875)

876 [Chỗ này Ee có ghi chữ pakāsemi, là động từ thứ ba; trong Ce và Be

không có. Chữ pakāseti không có trong chuỗi động từ tương tự như trong kinh 3:136, cũng không có trong Ee.] (876)

877 [Lời kinh chỗ này rất khó hiểu và có lẽ nó đã bị cắt xén trong quá trình

truyền thừa. Mp đưa vào một động từ ở phần đầu của câu, là upagacchatu, tôi cũng đưa nó vào và dịch nó trong ngoặc […]. Mp thay câu ahaṃ veyyākaraṇena bằng câu ahamassa pañhakathanena cittaṃ ārādhessāmi (Tôi sẽ làm thỏa mãn tâm người đó bằng sự trả lời cho câu hỏi). Tôi cũng để câu này trong ngoặc […].] (877)

878 [Mp giải thích câu này có nghĩa là: "'Vị Thầy của chúng ta, người rất

thiện thạo về những giáo lý mà chúng ta đã chứng ngộ, đang có mặt ở đây. Nếu tôi chưa chứng ngộ trí-biết mang tính phân tích về ý-nghĩa, thì có lẽ Vị Thầy sẽ đuổi tôi đi, bảo tôi hãy lo mà tu chứng (trước khi chỉ dạy cho người khác).' Ngay cả khi đang ngồi trước mặt Phật, thầy Xá-lợi-phất vẫn dõng dạc cất lên tiếng gầm sư tử như vậy."] (878)

879 [Sự đối thoại ở đây dường như là liên quan tới "tình trạng bản thể" (bản

thể: về bản chất của chúng sinh) của bậc A-la-hán là người đã chứng ngộ yếu-tố Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y Niết-bàn giới), nghĩa là, câu hỏi liệu một người đã giải-thoát có hiện-hữu hay không còn hiện-hữu sau khi chết.] (879)

880 [Mp giải nghĩa mā h'evaṃ là = evaṃ mā bhaṇi (Đừng nói như vậy), và

giải thích rằng 04 câu hỏi được hỏi lần lượt theo cách của (i) tư tưởng bất- diệt (thường kiến), (ii) tư tưởng diệt-vong (đoạn kiến), (iii) tư tưởng bất-diệt từng phần, và tư tưởng vặn-vẹo (sassata-uccheda-ekaccasassata amarāvikkhepa). Như vậy là thầy Xá-lợi-phất đã từ chối từng câu hỏi. Sự "vặn vẹo" hay sự "lươn lẹo" là chủ nghĩa bất khả tri (không thể biết được), là chủ nghĩa hoài-nghi, hay sự thối-thác (lẫn tránh) về mặt hiểu biết.] (880)

881 [Nguyên văn cụm chữ cuối: appapañcaṃ papañceti. Mp giải thích nghĩa

là: "Người đó tạo ra sự phóng đại [suy đoán, đoán mò] liên quan đến thứ không nên được phóng đại [được suy đoán]. Người đó đi theo con đường mà người ta không nên đi." Chữ papañca trong tiếng Pāli gợi tả sự tự-chế của tâm, sự dựng-lên một cách ám muội của tâm, và sự quan-niệm một cách ngu mờ, mà những luận giảng nói chúng khởi sinh từ dục-vọng, sự tự-ta, và những quan-điểm này nọ (taṇhā, māna, diṭṭhi; ái, ngã mạn, tà kiến). Đối với tôi dường như Mp hiểu chữ appapañcaṃ là một dạng rút ngắn của chữ appapañciyaṃ.

- Luận giảng bên Hán tạng, là SĀ 249 [ở T II 60a16–20] rằng: "Nếu một người [khẳng định điều gì như vậy về sáu cơ-sở tiếp-xúc], thì đó chỉ là những lời sáo rỗng (). Với sự biến đi, sự phai biến, sự chấm dứt, và sự làm lắng lặn sáu cơ-sở tiếp-xúc, thì người tu đã từ bỏ cái sự giả-lập trống không () và chứng ngộ Niết-bàn."] (881)

882 [Nguyên văn: tāvatā papañcassa gati. Mp giải nghĩa là: "Sáu cơ-sở tiếp-

xúc vươn xa tới đâu, thì tầm phóng đại [suy đoán] sẽ vương xa tới đó, được phân biệt theo cách của dục-vọng, những quan-điểm, và sự tự-ta."] (882)

883 [Ee coi kinh này là sự liên-tục của kinh kế trên nên không tính thành 01

kinh riêng. Như vậy tới chỗ này, sự đánh số kinh của Ee trùng lại với sự đánh số của Ce và Be.] (883)

884 [Theo Mp: lời đối thoại ở đây là đề cập tới sự chấm-dứt vòng luân-hồi

(saṃsāra), toàn bộ cái vòng khổ đau (vaṭṭadukkhassa antakaro hoti, sakalaṃ vaṭṭadukkhaṃ paricchinnaṃ parivaṭumaṃ katvā tiṭṭhati).] (884)

885 [Nguyên văn câu cuối: Caraṇasampanno yathābhūtaṃ jānāti passati.

Yathābhūtaṃ jānaṃ passaṃ antakaro hoti. Câu cuối này khác với câu tuyên bố trước [rằng người tu không thể trở thành người làm nên sự chấm-dứt nhờ phương tiện là sự-biết và đức hạnh], khác ở chỗ là nó nhấn mạnh sự-biết và sự-thấy [cộng với đức-hạnh] là những chức-năng năng động chứ không nhấn mạnh những sự sở-đắc chủ quan (có này, có nọ) còn nhuốm màu sự dính- chấp (còn chấp thủ thì không thể diệt khổ hay giải thoát).] (885)

886 [Kinh này thực ra là sự sát nhập của 04 kinh AN 2:130133. So sánh

thêm với 02 kinh SN 17:2324 (Quyển 2).] (886)

887 [Phần lớn nội dung kinh này cũng có trong kinh MN 62, mục 8–11. Coi

thêm kinh MN 28 và MN 140 cũng có lặp lại chủ đề của kinh này.] (887)

888 [Ee ghi câu paññāya cittaṃ virājeti là bị sai. Trong mỗi đoạn của 04 đoạn,

chữ paññāya ở đây nên được thay thế bằng tên của mỗi yếu-tố (đất, nước, khí, nhiệt).] (888)

889 [“Sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá thể” là dịch chữ “sakkāyanirodhaṃ”: có

nghĩa gốc là sự chấm-dứt “thân-này’, sự chấm-dứt cái ‘danh tính’ này (của mình); (có nghĩa rốt ráo luôn là sự chấm-dứt sự hiện-hữu, sự không còn hiện- hữu nữa). Mp: nói: “Sự chấm-dứt sự hiện-hữu cá thể, đó là, chấm dứt vòng luân hồi hiện-hữu trong ba cõi; nghĩa là Niết-bàn.”] (889)

890 [Ý nghĩa lời kinh ở đây đã được giảng giải trong Vibh 330–31 [Be §799],

mặc dù trong đó đã giảng giải dựa theo cơ sở là trí-tuệ (paññā). Tôi chỉ trích ra ở đây phần nói về tầng thiền định thứ nhất: “(i) Khi nhận-thức và sự chú- tâm có đi kèm bởi tham-dục trong một người tu chứng đắc tầng thiền định thứ nhất, thì trí-tuệ là thuộc về sự suy-đồi; (ii) khi sự chánh-niệm được ổn định đúng theo bản chất của nó, thì trí-tuệ là thuộc về sự ổn-định; (iii) khi sự thâm-nhập và sự chú-tâm có đi kèm bởi ý-nghĩ (tầm), thì trí-tuệ thuộc về sự khác-biệt (phân biệt). Khi nhận-thức và sự chú-tâm có đi kèm bởi sự không còn mê-lầm (tỉnh ngộ), kết hợp với sự chán-bỏ, thì trí-tuệ là thuộc về sự thâm-nhập” (paṭhamassa jhānassa lābhiṃ kāmasahagatā saññāmanasikārā samudācaranti hānabhāginī paññā; tadanudhammatā sati santiṭṭhati ṭhitibhāginī paññā; avitakkasahagatā saññāmanasikārā samudācaranti visesabhāginī paññā; nibbidāsahagatā saññāmanasikārā samudācaranti

virāgupasaṃhitā nibbedhabhāginī paññā). Cách giải thích tương tự cho các tầng thiền định cao hơn.] (890)

891 [Lời bài kinh này cũng được ghi thành một đoạn kinh trong kinh dài “Đại

kinh Bát-Niết-bàn” (Mahāparinibbāna Sutta), DN 16, mục 4.7.] (891)

892 [Mahāpadese: sự tham chiếu lớn. Mp giải nghĩa chữ này (i) là = mahā-

okāse [rõ ràng nó coi chữ ghép này có thể được phân giải là mahā + padese vậy] và (ii) là = mahā-apadese, chữ sau giải thích là “những lý do lớn được nói ra với sự tham chiếu (đề cập) tới những vĩ nhân như Phật và những vĩ nhân khác” (buddhādayo mahante mahante apadisitvā vuttāni mahākāraṇāni). Sự phân giải thứ hai (ii) này chắc chắn đáng được chọn hơn. Trong số các nghĩa của chữ apadesa, DOP đưa ra các nghĩa là “sự chỉ định, sự chỉ ra, sự tham chiếu, sự chứng thực, sự thẩm quyền”. Cattāro mahāpadesā đôi lúc được dịch là “bốn sự thẩm quyền lớn”, nhưng bài kinh thực ra chỉ mô tả 02 sự thẩm quyền mà thôi: đó là “những bài kinh” (sutta, Kinh tạng) và “giới luật” (Vinaya, Luật tạng). Dịch giả Walshe, trong bản dịch bộ kinh DN, đã dịch nó là

“bốn tiêu chí”. Tôi thì hiểu thuật ngữ này có nghĩa là “bốn sự tham chiếu”, tức là bốn xuất-xứ của một giáo lý.] (892)

893 [Nguyên văn cả câu này: Tāni padabyañjanāni … sutte otāretabbāni vi-

naye sandassetabbāni. Mp đã đưa ra nhiều nghĩa khác nhau của chữ sutte và vinaye ở đây, một số nghĩa không thể phù hợp. Rõ ràng lời hướng-dẫn này của Phật cứ như đã giả định trước đã phần Kinh Tạng đã được kết tập và phần Luật Tạng đã được hệ thống và có thể được dùng để làm cơ sở thẩm quyền để kiểm chứng những lời kinh do người khác nói có đúng là lời của Phật hay không. Ở đây chữ otāretabbāni là thể số nhiều tiến hành cách của chữ otārenti (hạ xuống, đặt xuống, hay đặt vào) và chữ otaranti, ghi kế dưới, có nghĩa là “xuống, đi xuống, đi vào”. Ở đây cách dịch 02 chữ này của tôi là “kiểm tra chúng” và “có nằm trong những” là để cho phù hợp với ngữ cảnh chỗ này. Chữ sandassetabbāni là chữ số nhiều tiến hành cách của chữ san- dassenti (chỉ ra, cho thấy, làm cho được thấy) và chữ sandissanti có nghĩa là “được thấy”.] (893)

- (Nhân tiện, sau khi đọc hết bài kinh, quý vị sẽ thấy: Toàn bộ bài kinh muốn nói, dù ai nói giáo lý được nói bởi Phật, bởi Tăng Đoàn, bởi những cao tăng,

hay bởi một cao tăng nào đó, thì người nghe đừng vội tin chắc cũng không vội bác bỏ những lời đó. Thay vì vậy, người học Phật luôn ghi nhận, và sau đó kiểm tra để thấy những điều đó có được ghi lại trong Kinh Tạng hoặc Luật Tạng hay không. Nếu có thì đúng là lời của Phật, nếu không có hay khác thì không phải là lời của Phật. Ở đây nhấn mạnh Kinh Tạng và Luật Tạng là 02 cơ sở thẩm quyền để đối chứng trong 04 trường hợp được nói trong bài kinh).

894 [Hai phiên bản Hán tạng của kinh này ghi rõ nghĩa hơn là DĀ 2 [ở T I

17b29–18a22]. Ở đây, cụm chữ cattāro mahāpadesā đã được dịch trong tiếng Hán là (bốn giáo lý (dhamma) lớn). Tôi dịch lời tuyên bố thứ nhất (T I 17c2–13) như sau:
“Nếu có một Tỳ kheo nào tuyên bố: ‘Thưa các vị, ở trong làng, phố, xứ đó, tôi đã đích thân nghe được [điều này] từ Đức Phật, tôi đã đích thân nhận được giáo lý này’, thì các thầy không nên không tin điều các thầy nghe được từ người đó, cũng không nên từ chối nó, mà thông qua những bài kinh (Kinh tạng) để quyết định nó là đúng hay sai; dựa vào Giới Luật (Luật tạng), dựa vào Giáo Pháp, để dò xét nó kỹ lưỡng. (i) Nếu điều người đó nói không phải là kinh, không phải là Giới Luật, không phải là Giáo Pháp, thì các thầy nên nói với người đó: ‘Phật không nói điều này. Điều mà thầy nghe nhận được là sai lầm! [Hoặc nói: Thầy đã nghe nhận nó một cách sai lỗi!] Vì lý do gì? Bởi vì dựa vào (căn cứ vào) những bài kinh, dựa vào Giới Luật, dựa vào Giáo Pháp, chúng tôi [thấy] rằng điều thầy đã nói là trật khỏi Giáo Pháp. Thưa thầy, thầy không nên đề bạt điều này, thầy không nên truyền báo điều này cho người khác, mà nên dẹp bỏ nó.’ (ii) Nhưng nếu điều người đó nói (đích thực) là dựa vào những bài kinh, dựa vào Giới Luật, dựa vào Giáo Pháp, thì các thầy nên nói với người đó: ‘Điều thầy đã nói là đích thực được nói bởi Phật. Vì lý do gì? Bởi vì dựa vào (căn cứ vào) những bài kinh, dựa vào Giới Luật, dựa vào Giáo Pháp, chúng tôi [thấy] rằng điều thầy đã nói là đúng hợp với Giáo

Pháp. Thưa thầy, thầy nên đề bạt điều này, thầy nên truyền báo điều này cho người mọi người, không nên bỏ nó.' Đây là giáo lý (dhamma) lớn thứ nhất."] (894)

895 [Chỗ này tôi dịch theo Ce và Be. Be thì ghi khác và được dịch là: "Nhưng

nếu, khi một người nói về điều mình đã thấy, những phẩm chất thiện lành gia giảm và những phẩm chất bất thiện gia tăng, thì ta nói rằng người đó nên nói về điều mình đã thấy." Mỗi điều trong những đoạn sau cũng được nói khác

theo cách như vậy.] (895)

896 [Nguyên văn cả câu này là: Nāhaṃ kvacana, kassaci kiñcanatasmiṃ, na

ca mama kvacana, katthaci kiñcanatātthi. Trong kinh 3:70, đoạn (2), câu công-thức này đã được dùng bởi những Ni-kiền-tử (những Niganṭha của đạo Jain, Kỳ-na giáo) để tu dưỡng 'sự phi sở-hữu'. Tôi đọc theo phiên bản Ce. Be cũng ghi gần giống y vậy, ngoại trừ có chữ kvacani hai lần đặt trước chữ kva- cana. Ee thì mấy chữ cuối ghi là kiñcanaṃ n'atthi thay vì là kiñcanat'atthi hay kiñcanatātthi (như trong 02 phiên bản kia). Cách ghi này của Ee cũng thấy có trong ấn bản chữ Tích Lan tiền cổ (Sinhala), và trong kinh MN 106.8 của phiên bản Be. Cách diễn dịch của tôi giống theo Mp, Mp đã chú giải như vầy: "Đây là sự giảng giải bốn-lần về tính-không (catukkoṭisuññatā). (i) Ta không là bất cứ đâu (nāhaṃ kvacana): (nghĩa là) người đó không thấy cái 'ta' (ngã) [của mình] ở bất cứ đâu. (ii) Là của-ai hay cái thuộc về ai (kassaci kiñcanatasmiṃ): (nghĩa là) người đó không coi cái 'ta' của mình là một thực- thể gì để bất cứ ai có thể lấy nó ra, ví dụ không phải là anh, em, bạn, hay người làm của-ai cả. (iii) Cũng không ở bất cứ đâu có bất cứ gì là của-ta (na ca mama kvacana): Chỗ này, chúng ta tạm bỏ qua một bên chữ 'của-ta' (mama). Thì nghĩa của câu sẽ là: 'Người đó không thấy cái 'ta' của người khác ở bất cứ đâu.' Giờ gắn lại chữ 'của-ta', chúng ta có được câu nghĩa như vầy: [Bất cứ thứ gì] ở bất cứ đâu đó là của-ta (mama kvacana, katthaci kiñcanatātthi): (nghĩa là) người đó không thấy: 'Ở đâu đó có cái 'ta' của người khác có thể trở thành của-ta.' Nghĩa là, người đó không thấy bất kỳ cái 'ta' nào của người khác trong bất kỳ vị trí (quan hệ) nào có thể được lấy ra thành cái 'của-ta' của người đó: ví dụ như một người 'anh' ở vị trí là 'anh trai', một người 'bạn' ở vị trí là 'bạn', một 'người làm' ở vị trí là 'người làm'." (về thực tại không ai là của-ta cả (kể cả anh, em, bạn, người làm ... cũng không phải là của-ta), bởi vì cũng đâu có cái 'ta' nào hay cái 'ta' nào là của-ta hay của-ai khác là một thực-thể hay một cái-gì; tất cả đều là sự trống- không (tính không) và sự vô-ngã.)] (896)

897 [Nguyên văn câu cuối: Ākiñcaññaṃyeva paṭipadaṃ paṭipanno hoti. Mp

diễn dịch rằng: người đó đang thực hành đường-lối (cách, con đường) không có những cản-trở, không có sự nắm-giữ (nippalibodhaṃ niggahaṇameva paṭipadaṃ paṭipanno hoti). Tuy nhiên, kinh MN 106, mục 8, đã đưa ra công- thức này như một công cụ thiền định để chứng đắc vô sở hữu xứ

(ākiñcaññāyatanaṃ samāpajjati), (vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì] là tầng chứng đắc thứ ba trong 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới).] (897)

898 [Những câu hỏi này và sự trả lời của Phật cũng được ghi dưới dạng thi kệ

ở kinh SN 1:62 (Quyển 1).] (898)

899 [“Xuất sắc” ở đây là dịch nghĩa chung cho 02 chữ này. Mp nhận dạng cả

02 chữ ummagga và paṭibhāna này đều có nghĩa = trí-tuệ (paññā): “Sự tinh nhạy là sự trỗi lên, đó là, sự chuyển động của trí-tuệ. Hoặc bản thân trí-tuệ được gọi là ‘sự tinh nhạy’ theo cái nghĩa là sự trỗi lên. Nó [cũng được gọi] là ‘sự nhận biết’ theo cái nghĩa là đang nhận-biết (ummaggo ti ummujjanaṃ, paññāgamanan ti attho. Paññā eva vā ummujjanaṭṭhena ummaggo ti vuccati. Sā va paṭibhānaṭṭhena paṭibhānaṃ).] (899)

900 [Có sự thay đổi về lời kinh từ chữ ceteti trong câu dẫn trước thành chữ

cintamāno cinteti trong câu này. Khó mà quyết định liệu sự thay đổi này có ý nghĩa gì không. Mp không chú giải gì chỗ này, do vậy tôi cũng cho rằng điều này không quan trọng.] (900)

901 [Mp nhận dạng đây là thiền sư Uddaka Rāmaputta, một trong 02 vị thầy

về thiền-định trước kia của Đức Phật, lúc Đức Phật mới xuất gia đi tu. Coi thêm về những vị thầy thiền định này trong kinh MN 26, mục 16.] (901)

902 [Về phần (II), (i) và (ii): Mp giải thích mục đích của phần thảo luận ngoài

lề này như vầy: “Bà-la-môn (Todeyya) này, bản thân là một người tốt, khen ngợi Vua Eḷeyya, những quan thần của Vua, và tu sĩ Uddaka Rāmaputta. Bởi vì một người xấu giống như một người mù, một người tốt giống như người có mắt sáng. Giống như người mù không nhìn thấy ai là đui mù hay có mắt sáng, một người xấu không biết ai là người tốt hay người xấu. Nhưng, giống như một người có mắt sáng có thể nhìn thấy cả người đui mù và người có mắt sáng, người tốt có thể biết cả ai là người tốt và ai là người xấu. Bà-la-môn [Vassakāra] do nghĩ rằng: ‘Ngay cả (bà-la-môn) Todeyya, bản thân là một người tốt, đã biết ai là những người xấu’, nên đã hài lòng về điều đó và nói: “Thật kỳ lạ và kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm!”] (902)

903 [Be và Ee ghi câu này là: sotānugatānaṃ bhikkhave dhammānaṃ. Ce ghi

chữ sotānudhatānaṃ ở đây và chữ sotānudhātā honti kế bên dưới, khác với

Be và Ee đều ghi là sotānugatā honti; tuy nhiên, Ce lại ghi chữ sotānugataṃ trong phần thi kệ tóm tắt (uddāna) ở cuối NHÓM. Mp (của Ce) ghi chữ sotānugatānaṃ. Mp giải nghĩa là: “Sau khi dụng giác quan tai, một người đã quyết định [nghĩa] bằng tai của sự-biết” (pasādasotaṃ odahitvā ñāṇasotena

vavatthapitānaṃ). Điều này có lẽ ủng hộ chữ ghi là sotānudhatānaṃ, nhưng ngay bên dưới thì Mp (của Be) giải nghĩa chữ sotānugatā honti là = sotaṃ anuppattā anupaviṭṭhā

honti, điều này lại ủng hộ chữ ghi là sotānugatānaṃ. Mp (của Ce), mặc dù ghi là sotānugatānaṃ trong bổ đề của câu trước, lại không nhất quán và ghi ở đây là chữ sotānudhatā honti. Như vậy là, một số phiên bản bài kinh đã lộ ra rằng bản thân những người biên tập kinh cũng không chắc-chắn về cách ghi chữ nào là đúng. Chỗ lời kinh này không có trong phiên bản Hán tạng.] (903)

904 [Câu này rất là nan giải về cả chữ và nghĩa. (1) Thứ nhất, về chữ: câu này

tôi đọc theo Ce là: tassa tattha sukhino dhammapadāpilapanti. Tôi phân giải được chữ dhammapadāpilapanti là một chữ-ghép theo âm (sandhi) được tạo thành từ chữ dhammapadā và chữ apilapanti, có nghĩa là "tụng, đọc lại, phát âm". Động từ này có thể là một dạng biến tấu của chữ abhilapanti [coi DOP sv là apilapati). Be thì ghi câu này là: tassa tattha sukhino dhammapadā pla- vanti. Ee thì ghi là: dhammapadāni pi lapanti, với sự cách riêng hai chữ pi và lapanti, trông có vẻ không thể chấp chận được. Trong một bài viết ngắn về đoạn kinh này, học giả Norman (1992: 257–59) có ý kiến rằng động từ api- lapanti = abhi + lapanti. Phiên bản Be ghi chữ plavanti rõ ràng là lấy động từ từ chữ gốc là plu, có nghĩa là "nổi lên", có lẽ thông qua chữ pilavanti.

(2) Vấn đề thứ hai, về nghĩa, khởi sinh từ cụm chữ tassa tattha sukhino. Chữ sukhino có thể là một danh-từ chỉ định phẩm chất số ít hay là một chủ-từ số nhiều, và như vậy cụm chữ có thể được phân giải ra nghĩa là (i) "đối với vị ấy là một người hạnh-phúc ở đó" [với tassa và sukhino là những danh-từ chỉ định số ít đều cùng bổ nghĩa cho một chủ-từ], hoặc ra nghĩa là (ii) "đối với vị ấy, có những bậc hạnh-phúc ở đó" [với tassa bổ nghĩa cho người được tái sinh, và sukhino là một danh-từ chỉ định số nhiều bổ nghĩa cho những người đã có ở đó]. Sự nối kết của các cụm chữ với những chữ nào sau đó thì sẽ cho ra những nghĩa tương ứng khác nhau. Mp (của Be) đã chọn cách thứ nhất, lấy chữ dhammapadā là chủ-từ chỉ danh, plavanti là động từ, và tassa sukhino là

vị-ngữ (đối tượng) chỉ định gián tiếp, cho ra nghĩa là: "Những đoạn lời (kinh) Giáo Pháp nổi lên đối với vị ấy là người hạnh-phúc ở đó". Luận giảng Mp (của Be) đã chú giải về cụm chữ này theo nghĩa (i) này, nói rằng: "Đối với một người tái sinh là người bị mờ-rối trong tâm (thất niệm), thì những giáo lý trong những lời của Phật mà người đó đã từng tụng đọc trước đó, được cắm rễ trong những lần tụng đọc chúng trong quá khứ (khi còn là người), tất cả lại nổi lên và được nhận ra một cách rõ ràng, giống như những hình ảnh trong một cái gương sạch." Mp (của Ce) thì, rất thú vị là, có ghi lại bổ đề là dhammapadāpilapanti, và ghi chú giải như vầy: te sabbe pasanne ādāse chāyā viya apilapanti upaṭṭhahanti. Tôi cho rằng động từ apilapanti được đưa vào ở đây là bởi bản gốc của AN bằng tiếng Tích Lan cổ (Sinhala) đã giữ nguyên động từ nguyên gốc, rồi du nhập nó trở lại trong luận giảng để thay thế chữ plavanti hay pilavanti. Nếu không phải vậy thì khó mà giải thích được cho chữ plavanti trong phiên bản Be. Mp (của Ce) cũng chứa động từ upaṭṭhahanti, có nghĩa là "[chúng] hiện ra đối với …", chữ này bị mất đi trong phiên bản Be, có lẽ do sự vô ý sơ xuất khi kết tập. Động từ này rõ ràng được dùng với chủ ý là một sự giải nghĩa về chữ apilapanti / plavanti.

- Tôi đã bỏ qua Mp và làm theo học giả Norman trong việc lấy chữ tassa và sukhino để chỉ những cá nhân khác nhau: tassa là vị-ngữ chỉ định gián tiếp và sukhino là chủ-từ chỉ danh số nhiều. Tôi lấy động từ là động từ tha cách apilapanti (=abhilapanti) với vị-ngữ (đối tượng) trực tiếp của nó là dhammapadā. Norman [trang 259] khẳng định những danh từ vô tính ở thể số nhiều đối cách thường kết thúc bằng chữ –ā. Do vậy tôi hiểu dòng chữ này có nghĩa là "những bậc hạnh-phúc—chính là những thiên thần ở cõi trờ đó— tụng lại những đoạn lời kinh Giáo Pháp cho người đó"—người đó là người mà bài kinh đang nói tới, là người (qua đời khi còn mờ-rối trong tâm) mới tái sinh trong cõi trời đó.] (904)

905 [Chỗ này và kế dưới, tôi đọc theo cách ghi của Ce và Be là purimavohārā

pacchimavohāraṃ.] (905)

906 [Tôi dịch thoáng chỗ này để cho phù hợp với nghĩa của ngôn ngữ dịch.

Nguyên văn Pāli là: tathābhūto kho ayaṃ lokasannivāso tathābhūto ayaṃ attabhāvapaṭilābho, nghĩa theo chữ là: "Sự sống trong thế gian vốn có một bản chất như vậy, sự đạt được sự hiện-hữu cá thể vốn có một bản chất như

vậy …" Chữ lokasannivāso (sự sống trong thế gian; sự trú ở trong thế gian) ng được ghi trong kinh 3:40, đoạn (2) (?: người dịch không tìm thấy chữ này trong kinh đó).] (906)

907 [Lời đồn đại như vầy cũng có ghi trong kinh SN 42:13 (Quyển 4). Còn

trong kinh MN 56, mục 8, thì lời 'buộc tội' này là xuất phát từ những Ni- kiền-tử (theo đạo Jain; tức Kỳ-na giáo).] (907)

908 [Đoạn kinh mẫu này là giống lời Đức Phật khuyên dạy những người

Kālāma trong kinh 3:65. Phần những câu hỏi-đáp cũng giống như kinh Những Người Kālāma đó, nhưng có thêm phần nói về tính thái-quá. (Về ý nghĩa lời dạy, mời coi lại thêm chú thích 458 của kinh 3:65).] (908)

909 [Về chữ "tính thái-quá" (quá đáng, dữ dội…) là tạm dịch chữ sārambha:

BHSD định nghĩa chữ sārambha là "sự om sòm, cãi cọm tranh cãi" và nối kết nó với chữ tiếng Phạn là saṃrambha, mà SED dịch là "hành vi nắm giữ hay nắm lấy, giữ chặt" và cho ra nghĩa là "sự ghét bỏ, sự giận dữ, sự phẫn nộ đối với (ai, cái gì)". Do trong bài kinh này đang nói về sự sārambha đang xảy ra trong hành động, lời nói, và tâm ý, nên tôi tạm dịch nó là sự thái-quá (quá đáng, quá mức, dữ dội)."] (909)

910 [Ce ghi là lobhaṃ vineyya vineyya viharanto, và như vậy trong liên hệ với

sân, si, tính thái-quá (dosa, moha, sārambha) tôi cố đã 'bắt' nghĩa này là "một cách liên tục, luôn luôn, hằng hữu, thường trực" mặc dù nghĩa "một cách lặp đi lặp lại" cũng đúng. Be và Ee chỉ đơn giản ghi là lobhaṃ vineyya viharanto.] (910)

911 [Đoạn này giống tương tự trong kinh MN 56, mục 26, do gia chủ Upāli

nói với giáo chủ Ni-kiền-tử Nātaputta khi ông từ bỏ đạo Ni-kiền-tử để quy y theo Đức Phật.] (911)

912 [Chữ sace ceteyyuṃ (nếu chúng có thể chọn) có ghi trong phiên bản Ce và

Ee, nhưng không có ghi trong Be.] (912)

913 [Nguyên văn câu này: Pārisuddhipadhāniyaṅgāni. Tôi dịch cụm chữ ghép

này theo cách giải nghĩa của Mp là: pārisuddhiatthāya padhāniyaṅgāni.] (913)

Chú Thích • 367

914 [Nguyên văn cả câu này: Sīlapārisuddhipadhāniyaṅga, cittapārisud- dhipadhāni-yaṅga, diṭṭhipārisuddhipadhāniyaṅga, vimuttipārisuddhi- padhāni-yaṅga. Sīlavisuddhi, cittavisuddhi, và diṭṭhivisuddhi; 04 sự thanh-lọc này nằm trong 07 Sự Thanh-Lọc (satta visuddhi) đã được ghi trong kinh MN 24; 07 sự thanh-lọc này đã được dùng làm cái "khung sườn" cho bộ luận Con-Đường Thanh-Lọc, tức Thanh Tịnh Đạo (Vism). 04 sự thanh-lọc này cũng nằm trong "09 pārisuddhipadhāni-yaṅgāni" theo như kinh DN 34, mục 2.2, trong đó chúng đều nối kết với chữ visuddhi; ví dụ: sīla-visuddhipārisuddhipadhāni-yaṅgaṃ. Điều thú vị là không có kinh nào nói về "07 sự thanh-lọc" được kết tập trong Quyển "Bảy" của bộ kinh AN này cả. Điều này cho thấy khuôn-mẫu (bảy sự thanh-lọc) đó đã ra đời vào hậu kỳ (trễ hơn) sau này, và kinh MN 24 cũng có nguồn gốc hậu kỳ như vậy.] (914)

915 [Nguyên văn câu cuối: Tattha tattha paññāya anuggahessāmi. Mp diễn

dịch nghĩa là: "Về mặt này hay mặt khác tôi sẽ trợ giúp thêm cho nó bằng trí- tuệ của sự minh-sát (vipassanāpaññāya)."] (915)

916 [Theo các bộ Nikāya, trí-biết trực tiếp về Bốn Diệu Đế đánh dấu sự chứng

ngộ quả Nhập-lưu, cho nên "sự thanh lọc cách-nhìn" ở đây có thể được nhận dạng là trí-tuệ của bậc Nhập-lưu. Nhưng điều này vẫn bị trái ngược với khuôn-mẫu của Thanh Tịnh Đạo (Vism), trong đó sự thanh lọc cách-nhìn (diṭṭhivisuddhi) mới chỉ là sự thanh lọc thứ ba trong "bảy sự thanh lọc". Vism giảng giải sự thanh lọc cách-nhìn chỉ là sự hiểu rõ về những hiện- tượng vật chất (sắc) và tâm (danh) (nāmarūpavavatthāna), nó cũng được gọi bằng thuật ngữ là sự phân định những hiện-tượng có điều-kiện (hữu vi) (saṅkhārapariccheda). Theo khuôn-mẫu của Vism, sự chứng đắc Nhập-lưu [và những chặng thánh đạo cao hơn] chỉ xảy ra khi có sự thanh-lọc thứ bảy, đó là sự thanh lọc sự hiểu-biết (tri) và tầm-nhìn (kiến) (ñāṇa-dassana- visuddhi).] (916)

917 [Riêng cái "sự thanh lọc sự giải-thoát" này là không có trong khuôn-mẫu

của Thanh Tịnh Đạo (Vism), nhưng dường như nó có thể được coi là chỗ chung-kết hay đỉnh-điểm của "sự thanh lọc sự-biết và sự-thấy" (trí-biết và tầm-nhìn).] (917)

918 [Câu này dường như là một giáo lý của những người theo đạo Jain (Kỳ-na

368 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

giáo, Ni-kiền-tử), là những người, tu theo kiểu tự hành xác, để tẩy rửa nghiệp quá khứ. Coi thêm giáo lý này được nói bởi ông Ni-kiền-tử (Nātaputta) [tức ông Mahāvīra (Đại Thiên)] là giáo chủ giáo phái này trong kinh 3:74.] (918)

919 [Nguyên văn câu dài này: So navañca kammaṃ na karoti, purāṇañ ca

kammaṃ phussa phussa vyantīkaroti. Coi câu tương tự ở kinh 3:74, đoạn (1) và chú thích 499 của nó. Sự diễn giải của Mp trong chú thích ở đây có khác chút ít so với chú thích đó; như vầy: "Sau khi đã tiếp xúc nghiệp nhiều lần lặp lại bởi sự tiếp-xúc bằng sự-biết (trí biết), người đó tiêu diệt nghiệp vốn được loại bỏ bởi phương tiện là sự-biết. Sau khi đã tiếp xúc quả nhiều lần lặp lại bởi sự tiếp-xúc với hệ quả, người đó tiêu diệt nghiệp vốn được loại bỏ bởi [sự nếm trải] quả."

- (Lưu ý: chữ "chảy vào" là chỉ những ô-nhiễm bên ngoài chảy vào thân. Chữ ô-nhiễm (lậu hoặc) là āsava, nghĩa gốc là những dòng chảy-vào và chảy-ra ở tâm).

- (Nhân tiện, lời đoạn kế tiếp mô tả về sự phai-mòn là lời đoạn mẫu quen thuộc dùng để mô tả về Giáo Pháp của Phật).] (919)

920 [Mp diễn dịch: "Bởi vì vị đó đã đạt được sự buông-xả được bao bọc bởi

sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác), và có sự cân-bằng của tâm là đặc tính của sự buông-xả, cho nên 'vị đó an trú buông-xả', tâm luôn cân bằng trong liên quan với những đối-tượng đó" (satisampajaññapariggahitāya majjhattākāra-lakkhaṇāya upekkhāya tesu ārammaṇesu upekkhako majjhatto hutvā viha-rati).] (920)

921 [(Câu kết này cũng câu mẫu có trong nhiều kinh khác). Câu này cho thấy

thái độ của một A-la-hán đối với sự trải-nghiệm hiện tại. Vị đó biết rằng những cảm-giác của mình chỉ tiếp tục khi thân và sức-sống còn tiếp tục, và rằng với sự hoại-tử của thân và sự tắt-đi của sức-sống, tất cả mọi cảm-giác sẽ đi đến chấm dứt. Mp chú giải thành ngữ "sẽ trở nên nguội mát ngay tại đây" (idh'eva sītībhavissanti) như vầy: "Chúng sẽ trở nên nguội-tắt, là không còn (vắng bặt) sự quấy nhiễu và phiền rối gây ra bởi sự diễn-ra [của tiến trình sự sống]; chúng sẽ không bao giờ tái diễn-ra. [Trạng thái này xảy ra] ngay tại đây, chứ không có sự-đi của người đó tới bất cứ đâu theo cách của sự (còn)

tái-sinh."] (921)

922 [Mp diễn dịch về ví dụ như vầy: "Theo ví dụ đã dùng: Thân được ví như

gốc cây. Những nghiệp thiện và bất thiện ví như cái bóng do có gốc cây mà có. Người tu thiền giống như người muốn loại bỏ cái bóng; trí-tuệ ví như cái xẻng; sự định-tâm giống như cái rổ đựng; sự minh-sát giống như cái cuốc chim [khaṇitti, nhưng không được ghi trong bài kinh]; DOP định nghĩa cái xẻng (kuddāla) và cái cuốc chim (khaṇitti) là công cụ đào bứng. Thời gian đào bứng rễ bằng cuốc chim giống như thời gian cắt bỏ vô-minh ở chặng thánh-đạo A-la-hán vậy. Thời gian chặt gốc cây thành từng miếng nhỏ giống thời gian nhìn thấy năm-uẩn; thời gian bầm nhỏ chúng ra giống thời gian nhìn

thấy những cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ); thời gian bầm nát chúng ra giống như thời gian nhìn thấy những yếu-tố (các giới). Thời gian phơi khô chúng trong nắng và gió giống như thời gian vận dụng sự nỗ-lực của thân và tâm. Thời gian đốt chúng trong lửa giống như thời gian thiêu đốt những ô-nhiễm bằng sự hiểu-biết. Thời gian đốt chúng thành tro vẫn còn giống như thời gian khi năm-uẩn vẫn còn diễn ra [tức năm-uẩn vẫn còn đó sau khi người tu đã thành A-la-hán]. Thời gian quăng tro theo gió mạnh hay rải xuống dòng sống chảy xiết để bị cuốn mất đi giống như sự chấm-dứt năm-uẩn, nó bị cắt bỏ tận gốc gác để không còn khởi sinh trở lại trong tương lai. Giống như tro bị cuốn đi tới một trạng thái nào đó không thể nhận-biết được (không thể nghĩ bàn) (apañ̃ñattibhāvūpagamo), người tu hiểu được trạng thái không thể mô-tả được (appaṇṇattibhāvo) [đã đạt tới] nhờ sự không còn khởi sinh năm-uẩn hệ quả (do nghiệp quả) trong một sự hiện-hữu mới nào nữa.”] (922)

923 [Sự vượt qua dòng-lũ (oghassa nittharaṇa) là chữ ẩn dụ cho sự vượt qua

vòng luân-hồi (saṃsāra), tức là sự tẩy sạch những ô-nhiễm. Hai phương tiện mà ông Sāḷha nói ra là sīlavisuddhi và tapojigucchā. Sự khổ-hạnh là dịch chữ thứ hai; chữ thứ hai này chứa 02 nghĩa là sự sống khổ-hạnh và sự tự hành- xác vốn đã bị phê phán bởi Đức Phật khi Phật khai giảng về con đường trung-đạo (như trong bài kinh đầu tiên, Kinh Chuyển Pháp Luân). Khi trả lời ông Sāḷha chỗ này, Phật chấp nhận phương tiện là sự thanh lọc giới-hạnh là một chi phần của đời sống tu-sĩ (sa-môn hạnh, sāmañña̍ga), nhưng Phật từ chối sự sống khổ-hạnh và sự tự hành-xác.] (923)

924 [Về sự cốt-lõi của đời tu và những sự thực-hành, mời đọc thêm lại kinh

3:78 và chú thích của nó.] (924)

925 [Mp giải thích sự chánh-định được nói ở trên lá sự định-tâm của đạo và

quả. Sự chánh-kiến là chánh-kiến của đạo; sự đề cập tới Bốn Diệu Đế là chỉ 04 thánh đạo và 03 thánh quả. Sự chánh giải-thoát là sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán. Khối ‘vô-minh’ bị phá vỡ bởi thánh đạo A-la-hán, đó là chặng một đệ tử đạt tới trước khi người đó chứng đắc sự giải-thoát của thánh quả A- la-hán. Tôi cho rằng bài kinh này được kết tập trong Quyển “Bốn” do dựa theo 04-sự là: (i) sự thanh-lọc đạo đức [của thân, lời-nói, tâm, và sự mưu- sinh], (ii) sự chánh-định, (iii) sự chánh-kiến, và sự chánh giải-thoát. Tuy nhiên, bản thân bài kinh không nói rõ về điều này và do vậy sự đếm số 04-sự của tôi cũng chỉ là giải thiết mà thôi.] (925)

926 [Hoàng hậu Mallikā là vợ của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala

(Kiều-tất-la).] (926)

927 [Nội dung kinh này cũng có trong kinh MN 51, mục 8–28.] (927)

928 [Các diễn đạt này cũng có trong kinh 3:66. Mời coi lại chú thích 463 của

kinh đó.] (928)

929 [Từ chỗ này liệt kê những kiểu tự hành hạ thân xác y hệt như đoạn (2) của

kinh 3:156; (cũng được ghi trong các DN 8, mục 14; và MN 12, mục 45.] (929)

930 [Chỉ riêng Be có ghi thêm nghề goghatako: người giết mổ trâu bò.] (930)

931 [Y hệt chú thích số 481 ở phần (V), đoạn (vi) của kinh 3:70: [Nguyên văn:

ekabhattika. Chữ này có thể dịch là "ăn trong một phần/thời của ngày". Mp giải thích là: "Có hai bữa [thời, lúc] cơm, bữa [lúc] sáng và bữa [lúc] chiều tối. Bữa [thời] sáng kết thúc lúc giữa trưa (ngọ); bữa [thời] chiều tối kéo dài từ sau giữa trưa cho đến rạng sáng hôm sau. Do vậy ngay cả ai có ăn 10 lần (từ sáng đến) trước giờ trưa (ngọ) thì cũng được cho là ăn một bữa [một lần, một thời] trong một ngày.] (931)

932 [Mp: "Dục-vọng (ái) được gọi là bẫy cám dỗ (jālinī) vì nó giống như bẫy

lưới giăng ra. Vì lưới được dệt thắt và đan chặt với nhau, dục-vọng cũng thắt

chặt và chằng chịt như vậy. Hay dục-vọng được gọi là bẫy bởi nó là một bẫy lưới giăng rộng khắp ba cõi hiện-hữu. Dục-vọng là chảy khắp nơi (saritā) vì nó chảy và chạy tới khắp mọi nơi. Dục-vọng là ở khắp nơi (visaṭā) vì nó giăng rộng và lan tỏa khắp nơi. Và dục-vọng là dính trết (visattikā) vì nó gài dính, làm dính, trói buộc khắp chỗ này chỗ nọ."] (932)

933 [Tôi dịch những cụm chữ này—một số chữ tối nghĩa khó hiểu—với sự trợ

giúp của Mp. "Liên quan với bên-trong" (ajjhattikassa upādāya) có nghĩa liên quan với (thân) năm-uẩn của một mình.] (933)

934 ["Liên quan với bên-ngoài" (bāhirassa upādāya) có nghĩa liên quan với

năm-uẩn ở bên ngoài.] (934)

935 [Mp nói rằng: chữ "vì do cái này" (iminā) nên được hiểu có nghĩa là "vì

thân sắc này … vì cảm-giác này … vì thức này" (iminā rūpena vā … pe … viññāṇena). Đoạn này cũng tối nghĩa khó hiểu và tôi không chắc Mp đã đoán đúng nghĩa gốc của nó như vậy hay không. "Vì do cái này" có thể có nghĩa là "vì do một thượng đế tạo hóa", hoặc "vì do vấn đề ngẫu nhiên bất ngờ, không phải từ nguyên thủy", hoặc "vì do tình cờ, do cần phải vậy…" … vân vân.] (935)

936 [Tôi không nhìn thấy lý do vì sao bài kinh này đã được kết tập trong

Quyển "Bốn" này. Chắc người ta chỉ dựa vào 4 tính từ mô tả về dục-vọng, tức 4 cụm từ nằm giữa hai dấu —(như người dịch đánh dấu (i)-(iv) ở đoạn cuối), nhưng đây cũng chỉ là giả thuyết của tôi.] (936)

937 [DOP định nghĩa động từ usseneti là: tạo thành sự kết nối [với], dính líu

với", nhưng Mp thì giải nghĩa nó là = ukkhipati, chữ này DOP nói có thể có nghĩa là "quăng lên, đưa lên; nâng lên, lấy lên, cầm lên; đề cao, tán dương." Cái theo sau 20

quan-điểm có sự hiện-hữu cá nhân hay danh-tính (thân kiến; sakkāyadiṭṭhi) là quan-điểm về một cái 'ta' (ngã) có thật trong liên hệ với năm-uẩn. Có 04 kiểu trong liên hệ với mỗi năm-uẩn.] (937)

938 [Có những cách ghi khác nhau giữa các phiên bản: Ce ghi: apajjhāyate,

Be: sampajjhāyati, Ee: pajjhāyati. Ee bỏ mất đoạn này nhưng có ghi đoạn theo sau; điều này có thể coi là sự sai sót khi biên tập chứ không phải là nguyên thủy của Ee ghi khác so với các phiên bản kia.] (938)

939 [Về 04 điều này, để hiểu rõ quý vị coi lại chú thích 656 của kinh 4:23,

đoạn (1).] (939)

940 [Nguyên văn 04 loại thi sĩ này trong tiếng Pāli là: cintākavi, sutakavi, at-

thakavi, paṭibhānakavi. Mp nói loại thứ nhất làm ra bài thơ/ thi kệ sau khi suy xét quán chiếu; loại thứ hai viết ra thi kệ dựa trên câu chuyện được kể; loại thứ ba viết ra thi kệ dựa theo thông điệp truyền dạy; và loại thứ tư viết ra thi kệ do tự mình ngẫu hứng viết ra, giống như trưởng lão Vaṅgīsa.] (940)

941 [Coi thêm kinh MN 57.7–11.] (941)

942 [Ở đây, một "sự tạo-tác cố ý của/bằng thân gây khổ" hay thân hành khổ

(sabyāpajjhaṃ kāyasaṅkhāraṃ) có thể hiểu là sự cố-ý (tư, cetana) chịu trách nhiệm cho 03 đường thân-nghiệp bất thiện; "sự tạo-tác cố ý của/bằng lời-nói gây khổ" hay khẩu hành khổ là sự cố-ý chịu trách nhiệm cho 04 đường khẩu- nghiệp bất thiện; và "sự tạo-tác cố ý của/bằng tâm gây khổ" hay tâm hành khổ là sự cố-ý chịu trách nhiệm cho 03 đường ý-nghiệp bất thiện.] (942)

943 [Đây là chỉ: 10 đường nghiệp thiện cùng với sự cố-ý (tư) thuộc những tầng

thiền định sắc-giới (jhāna).] (943)

944 [Đây là chỉ: những cõi thiên thần cao hơn.] (944)

945 [Nguyên văn: devā subhakiṇhā. Đây là những thiên thần sống ở hạng cõi

trời cao nhất tương ứng với tầng thiền định thứ ba (Tam thiền).] (945)

946 [Mp nói đây là: "Sự cố-ý (tư) của thánh đạo dẫn tới sự chấm-dứt cái vòng

(luân hồi) (vivaṭṭagāminī maggacetanā).] (946)

947 [Mp nói rằng "những giáo phái khác" là chỉ những giáo phái có 62 quan-

điểm này nọ (62 tà-kiến) [được ghi trong kinh MN 63, mục 30-64], họ không có 12 loại sa-môn: gồm 04 loại đã chứng thánh quả, 04 đang tu tập những thánh đạo để chứng đắc thánh quả, và 04 đang tu tập sự minh-sát để chứng đắc những chặng thánh đạo đó.] (947)

948 [Adhikaraṇaṃ vūpasantaṃ: những vấn đề thuộc về giới luật. Coi lại chú

thích 231 ở kinh 2:15.] (948)

Chú Thích • 373

949 [Những tội-lớn nhất [tội pārājika, tội ba-la-di] là những tội nghiêm trọng

nhất. Đối với những Tỳ kheo, những tội lớn đó gồm 04 tội dẫn tới bị trục xuất khỏi Tăng Đoàn, đó là: tội dâm-dục, tội gian-cắp [tùy theo mức độ bị xử lý theo giới luật], tội giết-người, và tội cố tình tuyên bố sai về sự chứng đắc của mình. Đối với những Tỳ kheo ni thì có áp dụng thêm 04 tội lớn nữa. Cách duy nhất để một người đã phạm một tội lớn nhất này có thể "tu sửa đúng theo Giáo Pháp" là thú nhận tội và từ bỏ danh phận của mình, tức không còn là một 'Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni đã được đại thụ giới'. Để hiểu rõ hơn về những tội này, mời coi thêm giảng giải của nhà sư Ṭhānissaro, ở Ṭhānissaro 2007a, Chương 4.] (949)

950 [Lời kinh ở đây dùng chữ bhante, nghĩa gốc là "ngài, quý ngài, bậc trên".

Như vậy cho thấy chữ này không phải chỉ được dùng để gọi những Tỳ kheo (các sư phụ, sư huynh, trưởng lão, cao tăng ...) mà cũng để gọi những người thường khác có vị trí cao hơn mình (như ngài, quý ngài, quý vị ...). Do vậy ở đây dịch chung là "quý vị".] (950)

951 [Những tội-lớn nhì [saṅghādisesa, tội tăng tàng] là những tội lớn nhì (sau

những tội pārājika ở trên là những tội lớn nhất). Đối với những Tỳ kheo, những tội này gồm có: tội cố ý xuất tinh, tội đụng chạm phụ nữ với cái tâm nhục dục, tội nói lời tục tĩu gợi dục với một phụ nữ, tội vu khống một Tỳ kheo đức hạnh phạm tội lớn nhất hay lớn nhì hay tội khác ... Sự khôi phục khỏi tội này là một thủ tục phức tạp đòi hỏi phải có những sự cuộc họp-mặt chính- thức của Tăng Đoàn (để phân xử và quyết định). Để hiểu cặn kẽ hơn về những tội này, mời đọc thêm giảng giải của nhà sư Ṭhānissaro, ở Ṭhānissaro 2007a, Chương 5.] (951)

952 [Đây là hình phạt đội bao tro lên đầu. Ce và Ee ghi là assapuṭaṃ; Be ghi

là bhasmapuṭaṃ. Mp giải thích: "[Việc làm của người đó] đáng bị hình phạt bằng một bao tro nhục nhã đáng tội để trên đầu" (garahitabbachārikāpuṭena matthake abhighātārahaṃ).] (952)

953 [Những tội lớn nhẹ [pācittiya, tội ba-dật-đề] là hạng những tội lớn nhẹ có

thể được xóa bỏ thông qua việc thú tội hay xám hối với một tu sĩ đồng đạo. Như những tội nissaggiya-pācittiya, là những tội cũng đòi hỏi thêm sự từ bỏ một thứ (đồ dùng) không phù hợp, cũng thuộc hạng mục những tội nhẹ này.

374 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

Để hiểu cặn kẽ hơn về các tội, đọc giảng giải của nhà sư Ṭhānissaro, ở Ṭhānissaro 2007a, Chương 7 và 8.] (953)

954 [Những tội nhỏ nhẹ hơn [pāṭidesanīya] là hạng những tội nhỏ nhẹ có thể

được xóa bỏ thông qua sự thú thội, xám hối. Để hiểu cặn kẽ hơn về những tội này, mời đọc thêm giảng giải của nhà sư Ṭhānissaro, ở Ṭhānissaro 2007a, chương 9.] (954)

955 [Nguyên văn câu này: Sikkhānisaṃsam idaṃ bhikkhave brahmacariyaṃ

vussati paññuttaraṃ vimuttisāraṃ satādhipateyyaṃ. Trong những kinh AN sau này cũng dùng những ẩn dụ như vầy [kinh 8:83, 9:14, 10:58], nhưng trong các kinh đó sự chánh-niệm được đặt đứng trước trí-tuệ và sự giải-thoát; chỉ riêng ở kinh này thì thứ tự được đảo ngược lại, tức sự chánh-niệm được đặt ở sau cùng như vầy.] (955)

956 [Nguyên văn chữ cuối: ābhisamācārikā sikkhā. Mp nói rằng: "Đây là chữ

dùng để chỉ loại/phần giới-hạnh được quy định theo những bổn-phận mà người tu cần phải làm" (vattavasena paññattisīlass'etaṃ adhivacanaṃ). Những luận giảng đưa ra sự tương phản giữa mảng (i) giới-hạnh tự nhiên (pakatisīla), là những cách của giới-hạnh theo ý nghĩa về mặt đạo đức (như không sát-sinh, không gian-cắp ...), so với mảng (ii) giới-hạnh dựa theo quy định (paññattisīla) bắt nguồn từ những điều giới-luật của Giới Bổn Tỳ Kheo quy định về những hành-vi và cách hành-xử vốn không thuộc về mặt đạo đức lương tâm, ví dụ như những quy định không ăn sau giờ trưa (ngọ), không nhận tiền bạc, không chọt lét Tỳ kheo khác ... Ở đây, chữ ābhisamācārikā sikkhā là chỉ về phần "giới-hạnh dựa theo quy định", cũng thường được gọi là mảng 'hành-vi hợp quy'.] (956)

957 [Mp nói: "Đây là chữ dùng để chỉ 4 loại giới-hạnh chính, là nền tảng của

đời sống tâm linh của đạo" (maggabrahmacariyassa ādibhūtānaṃ catunnaṃ mahāsīlānam etaṃ adhivacanaṃ). Mặc dù dường như Mp chỉ coi loại giới- hạnh này gồm 04 tội lớn nhất (pārājika), nhưng chắc chắn ở đây nghĩa lời kinh là bao gồm thêm nhiều điều giới-luật tu hành khác nằm trong những hạng tội khác.] (957)

958 [Mp không giải thích theo nghĩa nào mà chữ paññā được gọi là uttarā,

nhưng chỉ nói rằng: "Chúng được nhình thấy rõ bởi trí-tuệ của đạo cùng với minh-sát" (sahavipassanāya maggapaññāya sudiṭṭhā honti).] (958)

959 [Mp diễn dịch là: "Họ chứng nghiệm bằng trí-biết mang tính thực chứng

của sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán" (arahattaphalavimuttiyā ñāṇaphassena phuṭṭhā honti).] (959)

960 [Mp nói rằng đoạn này là chỉ trí-tuệ của sự minh-sát (vipassanāpaññā).]

(960)

961 [Coi thêm kinh 2:55 về bảo tháp (và chú thích của nó).] (961)

962 [Giống như kinh SN 55:60 (Quyển 5). Đây còn được gọi là 04 yếu tố dẫn

tới chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu [và những thánh quả cao hơn]. Coi thêm các kinh SN 55–58 (Quyển 5).] (962)

963 [Ee gộp kinh này vào kinh kế trước; Ce và Be thì coi là một kinh riêng

như vầy.] (963)

964 [Sự-biết trực tiếp (hay trí-biết trực tiếp): 04 điều được nói ra là tương ứng

với 04 Diệu Đế, nhưng đảo lộn thứ tự của Diệu Đế 3 và Diệu Đế 4. Theo thứ tự trong kinh là thứ là khổ, nguồn-gốc gây khổ, con-đường tu-tập, và sự chấm-dứt thứ khổ.] (964)

965 [Những sự tìm-kiếm đã được nói trong kinh MN 26, mục 5, nhưng trong

kinh MN có thêm 02 sự tìm-kiếm là [(iv) tự mình phải bị chết đi cứ tìm kiếm thứ cũng phải bị chết; (v) tự mình phải bị buồn sầu cứ đi tìm kiếm thứ cũng phải bị buồn sầu.] Còn những sự tìm-kiếm thánh thiện cũng được nói trong kinh MN 26, mục 12.] (965)

966 [Coi kinh 4:32 ở trên và chú thích của nó. Đối với tôi dường như 02 kinh

này là một.] (966)

967 [Đây là vị Tỳ kheo đã từng thách sẽ rời bỏ Đức Phật nếu Đức Phật không

trả lời những câu hỏi mang tính siêu thể học của thầy ấy. Coi thêm kinh MN 63, cũng như kinh MN 64, mục 2–3; SN 35:95 (Quyển 4).] (967)

968 [Lời đoạn này giống kinh 4:9 ở đầu quyển này, với chú thích trong đó là

376 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 4

như vầy: [Nguyên văn: Itthabhāvaññathābhāvaṃ. Mp chú giải: “sự-sống ở đây” là sự sống này, sự đang hiện-hữu này (ayaṃ attabhāvo); “sự-sống ở nơi khác” là chỉ những sự hiện-hữu trong tương lai (anāgatattabhāvo). (Cả 02 đều thuộc dục-vọng muốn được hiện-hữu hay hữu-ái.)].] (636)

969 [Coi thêm kinh SN 42:09 (Quyển 4), đoạn cuối, nói về 8 nguyên nhân làm

suy sụp những gia đình.] (969)

970 [Kinh này là kinh song hành với kinh 3:96 được mở rộng thêm yếu tố thứ

tư.] (970)

971 [Kinh này là kinh song hành với 3:98 được mở rộng thêm yếu tốt thứ tư.

Đây cũng là kinh song hành với kinh 3:97 trong đó có đoạn (3) nói về bậc thánh Bất-lai, nhưng đoạn (3) này không thấy được kết tập trong kinh nào của Quyển “Bốn”).] (971)

972 [Một cách tương tự như tội “sát sinh” ở kinh 4:264, mỗi bài kinh trong

dãy này, từ kinh 4:265–73, sẽ lần lượt thay bằng mỗi tội kế tiếp.] (972)

973 (Tương tự theo cách của NHÓM 8 cuối cùng của Quyển “Ba”, từ kinh

184352.)

++++

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.